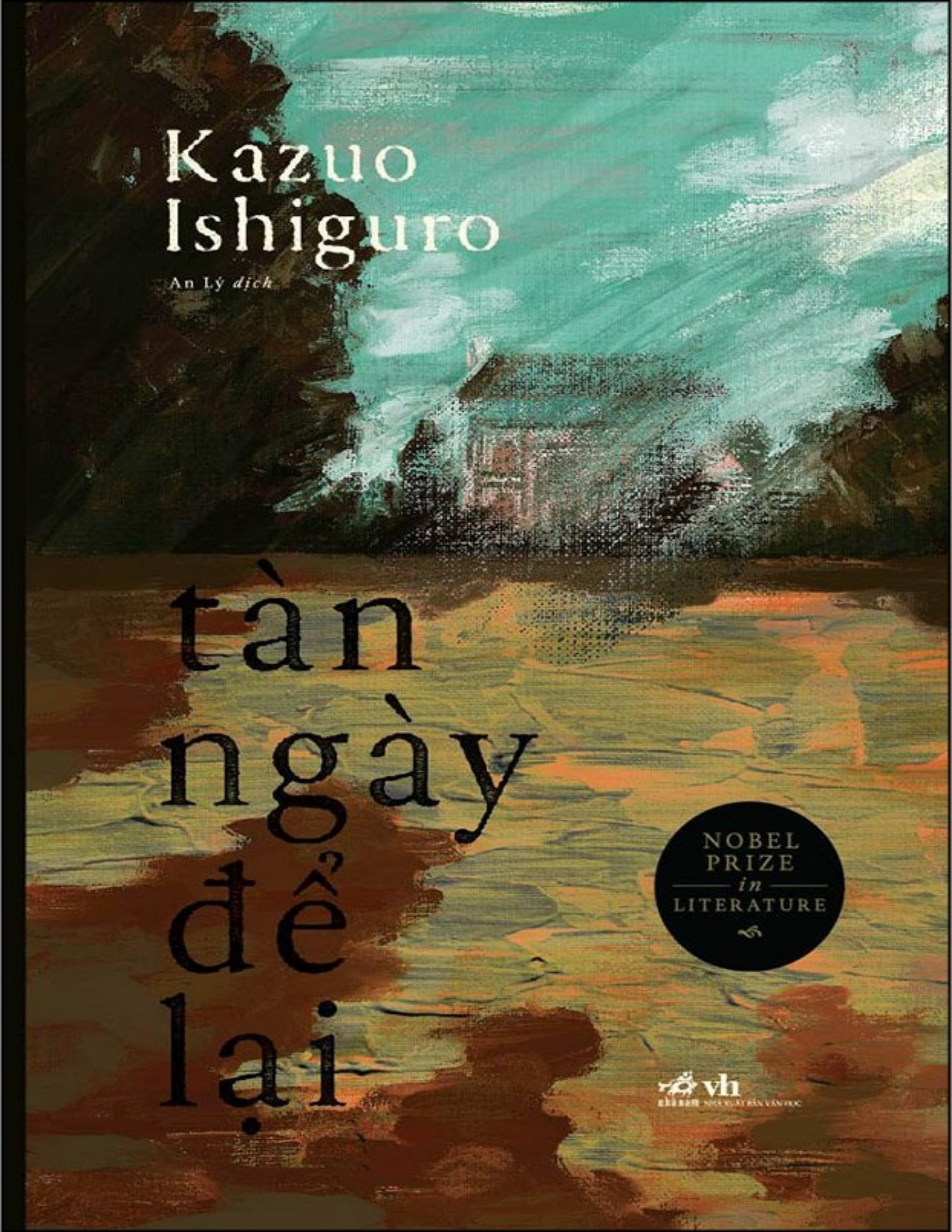




Kazuo
Ishiguro

An Lý dịch

tàn
ngày
để
lại

NOBEL
PRIZE
— in —
LITERATURE



vh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HỌC

Tàn ngày để lại

Tác giả: **Kazuo Ishiguro**

Dịch giả: **An Lý**

Thể loại: **Tiểu thuyết**

Số trang: **342**

Kích thước: **14x20.5 cm**

Loại bìa: **Bìa cứng**

Phát hành: **Nhã Nam**

Năm xuất bản: **02/2021**

Stevens là một quản gia người Anh với tất cả mọi hàm nghĩa của từ này: tận tụy, chín chu, trung thành, và trên hết, luôn luôn có một ý thức mãnh liệt về phẩm giá nghề nghiệp. Mong muốn cải thiện chất lượng phục vụ tại dinh thự và chấm dứt những sa sút hiện tại, Stevens dẫn thân vào một cuộc hành trình đi qua Miền Tây nước Anh. Mỗi chặng trên cuộc hành trình mở ra một cánh cửa nối về quá khứ, và dần dà hành trình ấy làm hé lộ những mất mát và nuối tiếc theo sau những ảo tưởng của một đời người.

Bằng một lối viết bậc thầy, đạt đến một sự cân bằng phi thường giữa lời kể bình thản, điềm tĩnh và nỗi hoang mang dữ dội cùng niềm tiếc nuối mênh mông, Kazuo Ishiguro đã bóc tách một cách hết sức tinh tế cái ảo tưởng tốt vời mà nhân vật chính đã dâng hiến đời mình cho nó, và làm lộ ra trong cốt lõi không phải là một lý tưởng, mà là một sự ngây thơ rất đẹp nhưng cũng rất khờ dại khi đặt trong một thời hiện đại khôn lường, sự ngây thơ thuộc về một quá khứ mà con người vĩnh viễn không thể nào trở lại được nữa.

Tác giả

Kazuo Ishiguro (sinh ngày 8/11/1954) là nhà văn Anh gốc Nhật nổi tiếng thế giới. Sinh ra tại Nagasaki, Nhật Bản, ông theo gia đình sang Anh sinh sống từ năm 1960. Ông tốt nghiệp trường Đại học Kent năm 1978 và nhận bằng Thạc sĩ khóa sáng tác văn chương của trường Đại học East Anglia năm 1980. Hiện ông sinh sống và làm việc tại London cùng vợ và con gái.

Ishiguro được xem là một trong những nhà văn Anh ngữ nổi bật nhất hiện nay. Ông là một trong những nhà văn hiếm hoi cùng lúc sở hữu hai giải thưởng văn chương danh giá: giải Man Booker (1989) và giải Nobel Văn chương (2017).

Tàn ngày để lại xuất bản năm 1989 đã giúp tác giả nhận được giải Man Booker. Cuốn sách được xem là một trong những tác phẩm xuất sắc nhất của Kazuo Ishiguro.

Những tác phẩm của Kazuo Ishiguro đã được Nhã Nam xuất bản:

- *Mãi đừng xa tôi*
 - *Dạ khúc*
 - *Người khổng lồ ngủ quên*
 - *Cảnh đổi mờ xám*
-

E-book này được thực hiện trên tinh thần thiện nguyện, phi lợi nhuận và phục vụ cộng đồng người đọc chưa có điều kiện mua sách giấy.

TVE-4U

CÙNG ĐỌC - CÙNG CHIA SẺ!

Dành tặng hương hồn bà Lenore Marshall

Mở - Tháng Bảy năm 1956
Dinh Darlington

Sự thể càng lúc càng có vẻ đúng là tôi sẽ thực hiện chuyến du hành đã choán lấy trí tưởng tôi từ mấy ngày nay. Chuyến du hành ấy, phải nói thêm, tôi sẽ thực hiện một mình bằng cỗ Ford tiện nghi của ông Farraday; một chuyến du hành, theo tôi dự đoán, sẽ đưa tôi qua gần hết vùng thôn quê đẹp nhất nước Anh về đến tận miền Tây, và có thể khiến tôi vắng mặt khỏi Dinh Darlington đến tận năm, sáu ngày. Ý định làm một hành trình như thế, tôi phải nói cho rõ, bắt nguồn từ một đề nghị rất nhiều thiện ý do chính ông Farraday đưa ra, một buổi chiều cách đây gần hai tuần, khi tôi đương lau những bức chân dung trong thư viện. Thực tế là, theo như tôi nhớ, tôi đang đứng trên thang gấp lau chân dung Tử tước Wetherby thì ông chủ tôi đi vào, mang theo vài cuốn sách có thể đoán là ông có ý cất lại lên kệ. Thấy tôi, ông nhân cơ hội ấy bảo cho tôi biết rằng chính lúc ấy ông vừa hoàn tất kế hoạch trở về Hợp chúng quốc kéo dài năm tuần từ tháng Tám sang tháng Chín. Thông báo như vậy xong, ông chủ tôi đặt mấy cuốn sách xuống bàn, ngả mình xuống tràng kỷ, duỗi cặp chân ra. Chính đó là lúc ông ngẩng nhìn tôi và bảo, “Stevens à, anh hiểu là tôi không tính bắt anh ngồi bó gối ở nhà trong lúc tôi đi vắng chứ. Anh lấy xe đi đâu đó vài ngày đi. Anh coi bộ cần nghỉ ngơi chút đỉnh đó.”

Trước một đề nghị thình lình như vậy, tôi nhất thời không biết cần phải đáp lại thế nào. Tôi nhớ mình có cảm ơn ông đã lo đến tôi, nhưng nhiều phần chắc là tôi đã không nói gì thực dứt khoát, bởi ông chủ tôi nói tiếp, “Tôi nói thiệt đó, Stevens à. Tôi thấy thật sự là anh nên nghỉ chút đi. Xăng dầu tôi bao. Mấy người bọn anh suốt ngày vui mình trong mấy cái dinh thự kiểu này làm chuyện này chuyện nọ, rồi thời giờ đâu ngắm nhìn vùng này vùng nọ trên cái mảnh đất xinh đẹp của mấy anh nữa hở?”

Đây không phải lần đầu ông chủ tôi đặt ra câu hỏi này; thực vậy, ấy hình như là vấn đề khiến ông thực sự bận tâm. Tới lần

này, thực tế là một câu trả lời tạm tạm đã nảy ra trong đầu khi tôi đứng trên thang; một câu trả lời đại loại là trong nghề này, dầu không được thấy nhiều phần đất nước theo nghĩa là đi thăm thú vùng quê hay tới viếng những điểm danh lam thắng cảnh, nhưng thực tế chúng tôi lại “thấy” Anh quốc nhiều hơn hầu hết mọi người khác, bởi chúng tôi làm việc trong các nhà mà các phu nhân và đại nhân cao quý nhất nước vẫn thường họp mặt. Đương nhiên, tôi không thể bày tỏ cách nhìn này với ông Farraday mà không phát biểu ra những lời có thể sẽ tạo ấn tượng rằng mình ngạo mạn. Vì vậy tôi chỉ đành đơn giản đáp lại thế này, “Tôi đã có vinh dự được thấy những gì tốt đẹp nhất của nước Anh qua nhiều năm, thưa ngài, giữa chính những bức tường này.”

Ông Farraday tưởng như không hiểu phát biểu ấy, bởi ông chỉ nói tiếp ý mình, “Tôi nói thiệt đó, Stevens à. Thật không phải khi người ta còn không được đi thăm chính nước mình nữa. Anh nghe lời tôi, đi đâu đó mấy bữa đi.”

Như quý vị chắc cũng hiểu, chiều hôm ấy tôi không hề coi đề nghị của ông Farraday là nghiêm túc, vì nghĩ đấy chỉ là một minh chứng nữa cho sự ít rành rẽ của các vị người Mỹ về những tập quán ở Anh quốc đây. Việc thái độ của tôi trước đề xuất này đã phát sinh thay đổi trong những ngày tiếp theo - thực vậy, việc ý nghĩ làm một chuyến đi tới miền Tây càng lúc càng choán lấy tâm trí tôi - hẳn nhiên phụ thuộc một phần lớn vào - mà sao tôi phải chối điều này? - vào sự xuất hiện của lá thư từ cô Kenton, lá thư đầu tiên sau gần bảy năm nếu không tính các bưu thiếp dịp Giáng sinh. Nhưng tôi xin phép lập tức được làm rõ ý tôi muốn nói gì; ý tôi muốn nói là lá thư của cô Kenton đã khởi đầu cho một chuỗi ý tưởng liên quan đến những vấn đề công việc ở Dinh Darlington đây, và tôi phải nhấn mạnh rằng nỗi băn khoăn về chính những vấn đề công việc này đã khiến tôi xem xét lại đề nghị nhiều thiện ý của ông chủ. Nhưng tôi xin phép giải thích rõ hơn.

Thực tế là, trong vài tháng vừa qua, tôi đã là nguồn cơn cho một loạt lỗi lầm nhỏ trong quá trình thực hiện các bốn phận của

mình. Tôi phải nói rằng bản thân những lỗi lầm ấy, không trừ cái nào, chỉ là những sự vụ rất vặt vãnh. Tuy nhiên, ắt quý vị cũng hiểu rằng khi người ta không có tiền sử phạm phải những sai lầm như vậy, thì diễn biến này rất đáng phiền lòng, và thực tế là trong đầu tôi bắt đầu nảy sinh đủ loại thuyết hoang đường về nguyên do dẫn đến những lỗi lầm đó. Như vẫn thường gặp trong các tình huống loại này, tôi đã nhắm mắt trước nguyên do hiển nhiên nhất - nghĩa là, trước khi nhờ suy ngẫm về các hàm ý từ lá thư của cô Kenton mà rốt cuộc tôi đã mở mắt trước sự thực giản dị này: rằng những sai lỗi vặt vãnh trong mấy tháng vừa qua đều chẳng bắt nguồn từ điều gì hung hiểm hơn là khiếm khuyết trong cơ cấu nhân sự.

Đương nhiên, trách nhiệm của người quản gia là phải dành thực nhiều tâm huyết cho việc hoàn bị cơ cấu nhân sự. Ai mà biết được bao nhiêu cuộc tranh cãi, bao nhiêu kết tội lầm, bao nhiêu vụ thải hồi không đáng, bao nhiêu sự nghiệp nhiều hứa hẹn lại hóa dở dang, có nguyên do là sự cấu thả của quản gia ngay từ bước lên cơ cấu nhân sự? Thực vậy, tôi nghĩ mình thiên về đồng tình với ý kiến cho rằng thiết kế ra một cơ cấu nhân sự tốt là kỹ năng nền tảng của bất kỳ quản gia đáng hoàng nào. Bản thân tôi đã nhiều lần lên cơ cấu nhân sự sau nhiều năm, và tôi nghĩ mình có thể không sợ quá lời mà nhận rằng rất ít trong số đó có bao giờ cần điều chỉnh lại. Và nếu trong trường hợp hiện tại, cơ cấu nhân sự có khuyết điểm, thì người đáng trách chẳng phải ai khác mà chính là tôi. Mặt khác, cũng là phải lẽ nếu nói rằng nhiệm vụ của tôi trong tình huống cụ thể này lại ở vào mức độ khó khăn bất thường.

Sự việc xảy ra là như sau. Một khi giao dịch đã hoàn thành - những giao dịch đã mang ngôi nhà này đi khỏi tay dòng họ Darlington sau hai thế kỷ - ông Farraday cho biết ông sẽ không dọn đến đây cư ngụ ngay lập tức, mà còn dành thêm bốn tháng nữa để giải quyết nốt công chuyện ở Hợp chúng quốc. Tuy nhiên, trong thời gian chờ đợi, ông hết lòng yêu cầu đội ngũ nhân viên của người chủ trước - mà ông đã được nghe nhiều lời khen ngợi - vẫn lưu lại Dinh Darlington. “Đội ngũ nhân viên”

mà ông nói đến, dĩ nhiên, chỉ còn là một nhóm gồm vốn vẹn sáu người được gia quyến Huân tước Darlington giữ lại nhằm chăm sóc ngôi nhà trước và trong khi diễn ra giao dịch; và tôi lấy làm tiếc phải nói rằng một khi giao dịch đã hoàn thành, tôi chẳng thể vì ông Farraday mà giữ cho tất cả khỏi ra đi tìm nơi làm mới, trừ bà Clements. Khi biên thư cho ông chủ mới, bày tỏ nỗi áy náy trước sự tình này, tôi nhận được hồi đáp từ Hoa Kỳ yêu cầu tôi tuyển một đội ngũ nhân viên mới “ngang tầm với một dinh thự cổ nước Anh”. Tôi tức thời bắt tay vào cố gắng đáp ứng ý nguyện của ông Farraday, nhưng như quý vị biết, ngày nay tuyển được những người ở trình độ phù hợp hoàn toàn không phải sự dễ dàng, và đầu rất hài lòng tìm được Rosemary và Agnes theo giới thiệu của bà Clements, tôi vẫn chưa lo được thêm gì trước lần đầu họp mặt bàn việc với ông Farraday trong dịp ngắn ngủi ông viếng thăm bờ bên này chúng ta vào mùa xuân năm ngoái. Chính trong dịp đó - trong thư phòng trơ trọi lạ lùng của Dinh Darlington - mà ông Farraday đã lần đầu bắt tay tôi, nhưng tới lúc ấy chúng tôi đã chẳng còn xa lạ với nhau nữa; ngoại trừ vấn đề nhân sự, ông chủ mới của tôi trong vài việc khác đã có dịp dùng tới những phẩm chất mà tôi may mắn sở hữu, và tôi đánh bạo nói rằng ông cũng thấy những phẩm chất đó trông cậy được. Và vì thế, tôi đoán vậy, ông lập tức cảm thấy có thể nói chuyện công việc với tôi một cách tin cẩn, và đến cuối buổi gặp, ông đã gửi gắm cho tôi việc quản lý một ngân khoản không nhỏ, để trang trải chi phí cho những công tác đa dạng chuẩn bị cho ông tới cư ngụ tại đây. Dầu sao thì, tôi muốn nói rằng chính trong cuộc họp bàn này, tôi đã đề cập đến khó khăn khi tìm người làm phù hợp trong thời buổi này, và ông Farraday, sau một giây suy ngẫm, đã nêu ra yêu cầu cho tôi; rằng tôi hãy cố sức đặt ra một cơ cấu nhân sự - “một kiểu lịch phân ca cho người ở nào đấy” như ông gọi - để ngôi nhà này có thể hoạt động nhờ đội ngũ nhân sự bốn người hiện tại; có nghĩa là, bà Clements, hai cô gái nhỏ, và tôi. Điều này, ông thừa nhận, có thể khiến nhiều phòng trong nhà sẽ phải “trùm mền”, nhưng liệu tôi có thể huy động tất cả kinh nghiệm và tài năng của mình để đảm bảo cho những tổn thất loại đó ở mức tối thiểu được

không? Nhớ lại thời mình tôi quản lý mười bảy người, và biết rằng cách đây ít lâu đã có đội ngũ nhân sự hai mươi tám người ở Dinh Darlington đây, ý tưởng vạch ra cơ cấu nhân sự để liệu việc ở chính ngôi nhà ấy nhờ một đội ngũ bốn người, nói nhẹ nhất cũng là đáng nản. Dầu tôi đã cố hết sức tránh, chắc vẻ nghi ngại vẫn phần nào lộ ra, bởi tiếp đó ông Farraday nói, như để trấn an tôi, rằng nếu tình hình tỏ ra cần thiết, thì có thể bổ sung thêm một người vào nhân số. Nhưng ông sẽ rất biết ơn, ông nhắc lại, nếu tôi có thể “chạy thử bốn người coi sao”.

Điều tự nhiên là, cũng như nhiều người trong chúng tôi, tôi thường ngại ngần phải thay đổi quá nhiều những đường lối cũ. Nhưng cũng không có giá trị gì trong việc bám víu lấy truyền thống chỉ vì đó là truyền thống, như một số người vẫn làm. Trong thời đại dùng điện năng và hệ thống sưởi hiện đại ngày nay, hoàn toàn không cần đến số lượng người mà chỉ vừa thể hệ trước đã là cần thiết. Thực vậy, đã ít lâu nay, tôi nuôi ý nghĩ rằng giữ lại một lượng người không cần thiết chỉ vì đó là truyền thống - khiến cho gia nhân có dư thừa thời gian một cách không lành mạnh - chính là một nhân tố quan trọng dẫn đến tình trạng chuẩn mực công việc mau chóng sụt giảm. Thêm nữa, ông Farraday đã nói rõ rằng chỉ họa hoàn lắm ông mới định tổ chức các dịp tiếp tân quy mô như Dinh Darlington vẫn thường xuyên tổ chức trong quá khứ. Vì thế tôi đã bắt tay vào nhiệm vụ ông Farraday đặt cho một cách tương đối tận tâm; tôi dành nhiều giờ tính toán cơ cấu nhân sự, và ít nhất cũng dành bằng ấy giờ nghĩ về việc đó trong lúc thực hiện những bốn phận khác, hoặc trong lúc nằm thức khi đã về phòng nghỉ cuối ngày. Mỗi khi tin rằng mình đã nghĩ ra cách gì đó, tôi lại dò soát xem có sơ sẩy điểm nào không, kiểm nghiệm từ mọi góc độ. Cuối cùng, tôi cũng đi đến một cách tổ chức, mà dầu có lẽ không nhất nhất hợp với yêu cầu của ông Farraday thì, như tôi đoán chắc, cũng là cách tốt nhất trong phạm vi sức người. Hầu như mọi phần đẹp đẻ nhất của ngôi nhà vẫn sẽ được hoạt động; khu gia nhân to rộng - gồm cả hành lang hậu, hai phòng chung cất và phòng giặt cũ - cùng hành lang dành cho khách trên lầu hai sẽ được trùm

bạt chống bụi, để lại tất cả các phòng chính ở tầng trệt và một lượng thoải mái buồng ngủ dành cho khách. Phải thừa nhận, nhóm bốn người hiện nay sẽ chỉ duy trì được chương trình này nếu có thêm sự hỗ trợ của một số người làm công nhật; vậy là cơ cấu nhân sự của tôi yêu cầu thêm sự có mặt của một người làm vườn, sẽ đến tuần một lần, tới mùa hè thì hai, và hai người quét dọn, mỗi người đến hai lần một tuần. Cơ cấu nhân sự này, thêm nữa, sẽ đòi hỏi mỗi người trong số bốn nhân viên thường trực kia trải qua một sự thay đổi triệt để các nhiệm vụ truyền thống. Hai cô gái nhỏ, theo tôi dự đoán, sẽ không khó khăn gì tiếp nhận những thay đổi ấy, nhưng tôi đã làm hết sức bảo đảm cho bà Clements phải điều chỉnh càng ít càng tốt, đến mức xếp cho chính mình một vài nhiệm vụ mà có lẽ quý vị sẽ thấy chỉ một quản gia tư duy phóng khoáng lắm mới có thể làm.

Đến tận bây giờ, tôi vẫn không cho rằng đây là một cách tổ chức tồi: suy cho cùng, nó đã cho phép một đội ngũ bốn người đảm nhiệm một khối lượng công việc lớn đến bất ngờ. Nhưng hẳn quý vị sẽ đồng tình rằng những phương án nhân sự thực sự tốt phải chứa lại một dung sai cho những ngày có nhân viên bị ốm, hoặc vì nguyên do nào đó mà hiệu quả kém hơn ngày thường. Trong trường hợp cụ thể này, đương nhiên, tôi đã được giao một nhiệm vụ có phần vượt quá sức thường, nhưng dẫu sao đi nữa tôi cũng không quên đưa vào những chỗ “dung sai” ở nơi nào có thể. Tôi đặc biệt ý thức rằng nếu có sự kháng cự nào đó về phần bà Clements, hay hai cô gái, không muốn nhận thêm những nhiệm vụ vượt ra ngoài phạm vi truyền thống, thì nó sẽ càng mạnh thêm nếu họ cảm thấy rằng khối lượng công việc của mình đã tăng bội. Do đó, trong những ngày còn loay hoay với cơ cấu nhân sự, tôi đã dành tâm sức đáng kể để bảo đảm cho bà Clements và hai cô gái, một khi đã vượt qua cảm giác bất ứng vì phải nhận lấy những vai trò “đa năng” như thế, sẽ thấy cách phân chia công việc này đủ mới lạ hứng thú mà lại không quá nặng nhọc.

Tuy vậy, tôi e rằng trong lúc khổ tâm cố giành được sự thuận lòng của bà Clements và hai cô gái, có lẽ tôi đã không sát sao cho

bằng với những hạn chế của chính mình; và mặc dầu kinh nghiệm và sự thận trọng thường lệ trong những vấn đề loại này đã giúp tôi tránh phân cho mình nhiều việc hơn sức mình gánh nổi, thì có lẽ tôi đã lơ là quên chưa cho mình một khoảng dung sai. Bởi thế, cũng không có gì quá lạ lùng là mấy tháng vừa qua, sơ suất này đã bộc lộ ra bằng những biểu hiện nhỏ nhặt nhưng dứt khoát. Rốt cuộc, tôi cho rằng vấn đề chẳng có gì phức tạp hơn là: tôi đã giao cho mình quá nhiều việc.

Quý vị có thể kinh ngạc vì một thiếu sót hiển nhiên như vậy trong cơ cấu nhân sự mà lại mãi hoài vượt ra khỏi tầm chú ý của tôi, nhưng mặt khác, quý vị hẳn đồng tình rằng sự thể thường vẫn như vậy khi người ta dành hết tâm trí suy nghĩ về vấn đề gì đó trong một khoảng thời gian dài; người ta thường không trông thấy được sự thực chừng nào chưa bị nhắc nhở, hoàn toàn tình cờ, nhờ một sự việc bên ngoài nào đó. Sự tình lần này đúng là vậy; nói vậy có nghĩa là, sau khi nhận được lá thư của cô Kenton mà trong đó, ngoài những đoạn dài không nói lên gì mấy, có một nỗi niềm nhung nhớ không thể làm lần được dành cho Dinh Darlington, cộng thêm - điều này tôi khá chắc - những ám chỉ rõ rệt rằng cô mong muốn được trở về đây, tôi đã buộc phải nhìn nhận lại cơ cấu nhân sự của mình bằng con mắt khác. Chỉ tới lúc đó tôi mới sực hiểu rằng quả là có một vị trí cốt yếu rất cần thêm một nhân viên nữa; và thực tế, chính khoảng trống này là nguyên nhân cốt lõi gây nên mọi phiền muộn gần đây của tôi. Và càng suy ngẫm về sự đó, tôi càng thấy hiển nhiên là cô Kenton, người mang tình yêu mến tha thiết với ngôi nhà này, người luôn tận tâm mầu mực trong công việc - đức tính hiếm có ngày nay - chính là yếu tố cần thiết có thể giúp tôi hoàn tất một cơ cấu nhân sự hoàn chỉnh và hoàn hảo cho Dinh Darlington.

Sau khi phân tích tình thế như vậy, thì chẳng bao lâu sau tôi đã bắt đầu cân nhắc lại đề xuất hết sức thiện ý của ông Farraday mấy ngày trước. Bởi tôi chợt nhận ra rằng chuyến du ngoạn bằng xe hơi mà ông đề nghị có thể hữu ích cho công việc; nghĩa là tôi có thể lái xe về miền Tây và ghé thăm cô Kenton trên

đường, bằng cách ấy tận mắt thăm dò nguyện vọng quay về làm việc ở Dinh Darlington nơi cô chắc chắn đến đâu. Phải nói rõ rằng tôi đã đọc lại vài lần lá thư mới đây của cô Kenton, và hoàn toàn không có khả năng những ám chỉ ấy chỉ đơn thuần do tôi tưởng tượng.

Bất chấp mọi dự tính đó, mất mấy ngày tôi chưa đủ tinh thần nêu lại vấn đề này với ông Farraday. Dầu sao đi nữa, vấn đề vẫn còn nhiều khía cạnh mà tôi nghĩ mình phải minh định với bản thân trước khi đi bước tiếp theo. Tỷ dụ như vấn đề phí tổn. Bởi dầu cho ông chủ đã rất hào hiệp đề nghị “xăng dầu ông bao”, nhưng chi phí cho một chuyến đi như thế vẫn có thể lên đến một con số không ngờ nếu tính hết các yếu tố như nghỉ trọ, ăn uống, và ăn nhẹ nếu có phát sinh dọc đường. Rồi còn vấn đề phục trang nào thì thích hợp cho một chuyến đi như vậy, có đáng bỏ công đầu tư một bộ mới hay không. Hiện tại tôi đang sở hữu một vài bộ vét lộng lẫy, do chính Huân tước Darlington đã rộng lòng để lại cho tôi qua nhiều năm, cũng như thừa hưởng từ nhiều vị khách từng lưu lại nhà này và đã có lý do hài lòng với chất lượng phục vụ ở đây. Rất nhiều trong số những bộ vét ấy có lẽ quá trịnh trọng so với mục đích của chuyến đi dự tính, hoặc nếu không thì cũng hơi quá cổ so với thời này. Nhưng trong đó còn có một bộ vét dùng cho ngày thường, mà tôi nhận được vào năm 1931 hay 1932 gì đó, từ chính tay Sir Edward Blair - gần như mới tinh vào lúc ấy và gần như vừa khít người tôi - có lẽ sẽ khá phù hợp cho các buổi tối trong phòng khách hay phòng ăn ở bất kỳ nơi trọ nào tôi nghỉ lại. Tuy nhiên, thứ tôi còn thiếu là phục trang thích hợp để đi đường - nói cách khác, trang phục tôi có thể trình diện trước mắt người ngoài khi lái xe - trừ khi tôi định vận bộ vét được Huân tước Chalmers trẻ tuổi để lại hồi chiến tranh, bộ này mặc dầu hiển nhiên là quá chật so với tôi, thì lại lý tưởng nếu xét về phong cách. Cuối cùng, tôi cũng tính ra rằng khoản dành dụm hiện có là đủ để trang trải mọi chi phí có thể nảy sinh, mà chắc bộp hơn thì biết đâu có thể mua được một bộ cánh mới. Tôi hy vọng quý vị không nghĩ rằng tôi phàm phẩm không phải lẽ ở điểm cuối cùng này; chẳng qua là người

ta không cách nào biết được khi nào mình sẽ buộc phải xưng rằng mình là người của Dinh Darlington, và vào thời điểm ấy quan trọng là người ta phải phục sức sao cho xứng với địa vị của mình.

Trong quãng thời gian này, tôi cũng bỏ nhiều phút xem xét các bản đồ đường sá, cũng như nghiền ngẫm những tập liên quan trong bộ *Kỳ quan Anh quốc* của bà Jane Symons. Nếu quý vị còn chưa biết tới bộ sách của bà Symons - một bộ sách gồm bảy tập, mỗi tập đề cập đến một vùng ở các đảo Anh - thì tôi xin nhiệt liệt giới thiệu. Bộ sách này biên soạn từ thập niên ba mươi, nhưng phần lớn thông tin vẫn còn cập nhật - suy cho cùng, tôi cho rằng bom Đức cũng chưa thay đổi quá nhiều bộ mặt vùng quê nước ta đâu. Bà Symons thực tế là một vị khách thường xuyên lui tới nhà này trước chiến tranh; thực vậy, bà thuộc hàng những người được gia nhân yêu mến nhất, do thái độ quý mến hiền từ mà bà không bao giờ ngại tỏ ra. Vì thế, chính trong những ngày ấy, do lòng ái mộ tự thân với bà khách ấy mà tôi đã lần đầu nghiền ngẫm những tập sách của bà trong thư viện mỗi khi có được chút thời gian trống. Thực vậy, tôi còn nhớ rằng ít lâu sau khi cô Kenton lên đường đi Cornwall năm 1936, vì chính tôi chưa bao giờ đặt chân tới vùng ấy, tôi vẫn thường liếc qua tập ba bộ sách của bà Symons, là tập bày ra cho người đọc những nét đẹp để ở Devon và Cornwall, gồm cả ảnh chụp và rất nhiều phác thảo của các họa sĩ về vùng ấy - tôi thấy số này còn gợi hứng cho tưởng tượng nhiều hơn. Chính nhờ thế mà tôi có chút hình dung về nơi chốn mà cô Kenton đã tới sống cuộc đời của người có gia đình. Nhưng việc này, như tôi nói, đã từ thập niên ba mươi, thời mà như tôi hiểu, bộ sách của bà Symons được ái mộ trong mọi nhà trên khắp đất nước. Tôi không nhìn qua những tập sách này rất nhiều năm rồi, cho đến khi các diễn biến gần đây đã khiến tôi lần nữa lấy xuống từ trên kệ tập nói về Devon và Cornwall. Tôi ngâm ngợi lại lần nữa những dòng mô tả và minh họa tuyệt diệu trong sách, và quý vị có lẽ sẽ thông cảm với nỗi phấn khởi ngày một lớn trong tôi, khi nghĩ rằng có lẽ bây

giờ tôi sẽ thực sự tự mình thực hiện chuyến chạy xe qua chính những vùng đất ấy.

Cuối cùng đến một lúc xem ra không còn việc gì khác ngoài thực sự đặt vấn đề trở lại với ông Farraday. Đương nhiên, vẫn còn một khả năng rằng đề nghị của ông cách đây hai tuần có thể chỉ là ngẫu hứng nhất thời, và tới giờ ông không còn tán đồng một chuyến đi như thế. Nhưng xét trên quá trình quan sát ông Farraday mấy tháng vừa qua, tôi cho rằng ông không thuộc vào số những vị sở hữu cái đặc tính rất đáng bực mình ở một người chủ - ấy là tính tiền hậu bất nhất. Không có cơ gì mà cho rằng ông sẽ không nhiệt thành ủng hộ chuyến đi dự kiến của tôi như lúc trước - thực vậy, rằng ông sẽ không nhắc lại lời đề nghị hết sức thiện ý “xăng dầu ông bao”. Tuy nhiên, tôi vẫn bỏ tâm sức suy tính thận trọng xem đâu là dịp thích đáng nhất để khơi lại vấn đề ấy với ông; vì mặc dầu không phút nào, như đã nói, tôi ngờ ông Farraday có tính tiền hậu bất nhất, nhưng tránh đã động tới đề tài ấy khi ông đương sao nhãng hay bận bịu cũng là hợp lẽ. Một lời khước từ trong hoàn cảnh ấy có lẽ sẽ không phản ánh cảm nhận thực của ông chủ tôi về vấn đề này, nhưng một khi đã phải nghe từ chối một lần rồi, tôi sẽ khó có thể gợi chuyện lần nữa. Vì thế, rõ ràng là tôi sẽ phải lựa chọn thời cơ thực khôn ngoan.

Rốt cuộc, tôi kết luận thời điểm thích đáng nhất trong ngày sẽ là khi đưa trà chiều vào phòng tiếp tân. Lệ thường vào thời điểm ấy ông Farraday vừa trở về sau khi hoàn tất chặng đi dạo ngắn trong khu đồi, nên sẽ ít có khả năng ông đương chìm đắm trong việc đọc hay việc viết như ông thường làm buổi tối. Thực tế là, mỗi lần tôi mang trà chiều tới, ông Farraday thường gấp cuốn sách hay tạp chí đang cầm trên tay, đứng lên vươn vai trước cửa sổ, như để chờ đón một cuộc chuyện trò với tôi.

Xét trên tình hình xảy ra, phán đoán của tôi về vấn đề thời điểm đã tỏ ra là khá chính xác; còn nguyên do mọi điều lại diễn ra như vậy, thì hoàn toàn là do phán đoán sai lầm về một hướng khác hẳn. Nói vậy có nghĩa là, tôi đã không coi trọng đủ sự tình là vào thời điểm ấy trong ngày, điều khiến ông Farraday thích

thú là một cuộc nói chuyện kiểu vui đùa, hài hước. Biết rằng nhiều khả năng tâm trạng của ông đang như vậy khi tôi đưa trà vào chiều hôm qua, và ý thức được xu hướng chung của ông là sẽ nói chuyện với tôi lối bông lơn vào những lúc như vậy, thì hẳn khôn ngoan hơn phải là tuyệt đối không đề cập đến cô Kenton. Nhưng quý vị chắc sẽ hiểu rằng, khi yêu cầu điều xét cho cùng là một sự thi ân hào phóng từ phía ông chủ, tôi sẽ tự nhiên có khuynh hướng hàm chỉ nguyện vọng của mình có một động cơ công việc đáng trọng bên trong. Vậy là khi liệt kê những nguyên do chọn miền Tây làm nơi thực hiện cuộc du ngoạn bằng xe, thay vì chỉ dừng ở việc kể ra một vài chi tiết mê hồn được truyền đạt qua cuốn sách của bà Symons, tôi đã tính lầm mà cho biết rằng một nội quản cũ của Dinh Darlington hiện đang trú trong vùng đó. Tôi đồ rằng ý định của tôi là trình bày cho ông Farraday hiểu đây là dịp giúp tôi khảo sát một lựa chọn có thể sẽ trở thành đáp án tối ưu cho những khó khăn nho nhỏ hiện tại trong nhà này. Mãi đến khi đã nhắc tên cô Kenton rồi, tôi mới thình lình nhận ra rằng nói tiếp thì thực là không phải lối. Không chỉ vì tôi chưa thể xác nhận rằng nguyện vọng của cô Kenton là muốn trở lại làm việc ở đây, mà đương nhiên, tôi còn chưa hề bàn qua vấn đề bổ sung nhân sự với ông Farraday kể từ buổi gặp mặt ban đầu hơn một năm về trước. Tiếp tục phát biểu thành lời những dự tưởng của tôi về tương lai của Dinh Darlington, nói nhẹ nhất thì cũng là ngạo mạn. Tôi đồ rằng lúc đó, tôi bỗng ngừng bật đi và trông có vẻ luống cuống. Dầu sao thì ông Farraday cũng đã chớp lấy cơ hội đó, cười toe toét với tôi và nói đận đà, “Úi chà, Stevens. Một bà bạn hử. Ở tuổi anh nữa chớ.”

Đây thực là một tình huống hết sức khó xử, một tình huống mà Huân tước Darlington sẽ không bao giờ khiến gia nhân lâm vào. Tuy nhiên tôi không muốn tỏ ý khinh khi gì đối với ông Farraday; xét cho cùng, ông là một vị người Mỹ, và phong cách của ông thường rất khác ở đây. Hoàn toàn không có khả năng ông nuôi ác ý nào đó; nhưng chắc chắn quý vị cũng hiểu rằng đây là một tình huống hết sức khó xử với tôi.

“Tôi không ngờ anh đào hoa vậy luôn đó, Stevens,” ông nói tiếp. “Hắn là làm vậy giúp cho tinh thần tươi trẻ rồi. Nhưng mặt khác, tôi không chắc tiếp tay anh trong mấy vụ hện hò mập mờ như vậy là đúng đắn đâu.”

Dĩ nhiên, tôi cảm thấy mong muốn được phủ nhận ngay lập tức và dứt khoát những động cơ mà ông chủ đang gán cho tôi, nhưng kịp thời nhận thấy rằng làm thế nghĩa là cắn câu ông Farraday, và sẽ chỉ càng gây thêm hổ thẹn cho mình. Thế nên tôi cứ đứng đó lóng ngóng, chờ ông chủ nói lời cho phép tôi thực hiện cuộc hành trình bằng xe hơi này.

Dẫu vài phút ấy thực xấu hổ, nhưng tôi không muốn tạo ấn tượng rằng mình có chút nào chê trách ông Farraday, một con người hoàn toàn không có chút ác tâm; tôi tin chắc ông chỉ đang vui vẻ “bông lơn” theo kiểu mà ở Hợp chúng quốc, hẳn nhiên, là dấu hiệu cho thấy sự ăn ý hòa thuận giữa ông chủ và gia nhân, như một trò chơi thân tình mà hai bên cùng tham dự. Thực vậy, để chuyện này được nhìn nhận dưới góc độ thích hợp, tôi phải nói rõ rằng chính những câu bông lơn loại đó từ ông chủ mới của tôi đã làm nên phần lớn mối quan hệ giữa chúng tôi trong những tháng vừa qua - dẫu phải thú thực một điều rằng, tới nay tôi vẫn còn chưa biết đáp lại thế nào cho phải. Thực tế là, trong mấy ngày đầu tiên làm việc cho ông Farraday, đã một hai lần tôi phải sửng sốt vì những điều ông thường nói với tôi. Tỷ dụ như, một dịp tôi hỏi ông rằng một vị khách sắp sửa đến thăm nhà chúng tôi liệu có khả năng đi cùng bà vợ hay không.

“Lạy Chúa cứu vớt nếu bà ta đến,” ông Farraday đáp. “Có khi anh đem bả đi khuất mắt giùm chúng tôi được đó, Stevens à. Mang bà ta ra thết đãi đằng mấy cái chuồng ngựa quanh trang trại nhà ông Morgan. Giải khuây cho bả trên cái đồng cỏ khô đó. Có khi bả thuộc gu anh không chừng.”

Mất một hai giây, tôi tuyệt không hiểu nổi ông chủ đang nói gì. Rồi tôi nhận ra ông đang pha trò cười, và cố gắng trình ra một nụ cười thích hợp, dù tôi đồ rằng một chút hoang mang còn sót, nếu không phải là choáng váng, vẫn hiện rõ trong vẻ mặt tôi.

Tuy thế, trong mấy ngày tiếp theo, tôi đã dần dà học được cách không quá kinh ngạc trước những phát biểu kiểu ấy của ông chủ, và sẽ mỉm cười phù hợp mỗi lần đọc được ý vị bông lơn trong giọng ông. Tuy nhiên, tôi vẫn chưa bao giờ xác định được chính xác thì ông chủ muốn mình phản ứng thế nào trong những trường hợp ấy. Có thể tôi cần cười ngật nghẻo hưởng ứng, hoặc là, thực vậy, cần đối đáp lại bằng nhận định nào đó từ phía mình. Khả năng thứ hai đã khiến tôi khá âu lo trong mấy tháng vừa qua, và là một điều đến nay hẵng còn khiến tôi phân vân. Bởi rất có thể là ở Hoa Kỳ, một phần quan trọng làm nên chất lượng phục vụ chuyên nghiệp là người gia nhân phải biết cách nói những lời bông lơn thú vị. Thực tế là, tôi còn nhớ ông Simpson chủ quán Hiệu Chuông Dân Cày từng nói, rằng nếu đứng quầy ở Hoa Kỳ, ông sẽ không trò chuyện với chúng tôi bằng cái vẻ thân thiện nhưng lúc nào cũng khách khí trịnh trọng mà ông vẫn làm đâu, mà trái lại, sẽ nã vào chúng tôi vô số lời lẽ thô tục ám chỉ đến những thói xấu và khuyết điểm của chúng tôi, gọi chúng tôi là sâu rọu và đủ thứ lời lẽ đại loại, để cố gắng đóng tròn vai mà các khách hàng trông đợi ở ông. Và tôi cũng nhớ lại thêm rằng mấy năm trước, ông Rayne, sau khi đi Hoa Kỳ trong vai trò tùy tùng cho Sir Reginald Mauvis, đã nhận xét rằng tài xế taxi ở New York thường xuyên ăn nói với khách của mình theo lối mà nếu học theo ở London thì thế nào cũng kết thúc bằng to tiếng, nếu không phải bằng việc y sẽ được gô cổ về sở cảm gần nhất.

Như vậy, hoàn toàn có thể là ông chủ trông đợi tôi sẽ đáp lại những câu bông lơn của ông theo cách tương tự, và coi sự tôi không hoàn thành việc đó là một kiểu sao nhãng bốn phận. Điều này, như tôi nói, là một vấn đề đã khiến tôi khá băn khoăn. Nhưng phải nói rằng công việc bông lơn này là một bốn phận mà tôi cảm thấy mình sẽ không bao giờ nhiệt tình thực thi được. Trong những thời đại lăm đổi thay này, người ta hoàn toàn có thể điều chỉnh công việc của mình, nhận thêm những nhiệm vụ vốn không thuộc phần bốn phận truyền thống của mình, nhưng bông lơn lại thuộc về một đẳng cấp hoàn toàn

khác. Tỷ dụ như, làm sao người ta biết chắc được rằng ở một thời điểm bất kỳ nào đó, một câu đối đáp thuộc loại bông lơn lại đúng là điều được trông đợi? Chẳng cần suy nghĩ quá kỹ mới hình dung được cái tai ương khi thốt ra một nhận định kiểu bông lơn để rồi phát hiện ra rằng nó thực sự không phải lỗi.

Dẫu vậy, trong một dịp cách đây chưa lâu tôi đã thu góp can đảm toan đưa ra câu trả lời thuộc loại được yêu cầu. Tôi đang đưa cà phê sáng vào phòng ăn sáng cho ông Farraday thì ông bảo với tôi, “Tôi đoán tiếng quạ kêu hồi sáng này không phải là do anh phát ra đâu, phải không hở Stevens?”

Tôi nhận ra ông chủ đang nói đến một cặp Digan chuyên thu nhặt sắt vụn, sáng nay vừa đi qua vừa thốt lên tiếng rao quen thuộc của họ. Tình cờ, ngay sáng hôm đó tôi vừa suy tư đôi chút về cái nan đề rằng tôi có hay không có trách nhiệm phải đối đáp lại những câu bông lơn của ông, và đang thực sự lo âu không biết ông nhìn nhận thế nào về sự tôi liên tiếp bỏ lỡ không ứng đối với những lời mào đầu loại này. Vì thế tôi định tâm đáp lại bằng một câu pha trò nào đó; một phát biểu vô thưởng vô phạt nếu nhớ đâu tôi đã nhận định sai tình hình. Sau một hai giây, tôi đáp, “Én thì đúng hơn là quạ theo thiển ý của tôi, thưa ngài. Xét thấy đây là giống di trú.” Và tôi đệm thêm một nụ cười khiêm nhường vừa đủ, để cho thấy không nghi ngờ gì rằng tôi vừa phát biểu một câu pha trò, bởi tôi không muốn ông Farraday phải kèm giữ chút vui thích tự phát nào trong ông do một sự tôn trọng không đúng chỗ dành cho tôi.

Tuy nhiên, ông Farraday chỉ ngẩng lên nhìn tôi đáp, “Anh nói sao, Stevens?”

Mãi tới lúc ấy tôi mới ngộ ra rằng, đương nhiên, nếu không biết rằng kẻ mới đi qua là dân Digan thì sẽ không tài nào hiểu được câu pha trò của tôi. Tới đó, tôi không nhìn ra cách nào có thể đẩy cuộc bông lơn đi xa hơn được nữa; thực tế, tôi kết luận tốt nhất là dừng lại ở đây, và vờ như nhớ ra một việc gì đó khẩn cấp cần thực hiện, tôi cáo từ lui ra, để lại ông chủ với vẻ mặt khá bối rối.

Như vậy, đây là một khởi đầu hết sức nản lòng cho việc rất có thể là một bốn phần hoàn toàn mới dành cho tôi; nản lòng đến nỗi phải thú thực rằng tôi hầu như chưa có thêm cố gắng nào về mặt đó. Nhưng mặt khác, tôi không gột bỏ được cảm giác rằng ông Farraday không hài lòng với cách tôi đáp lại những lời bông lơn này khác của ông. Thực tế, việc gần đây ông chủ tôi ngày càng dai dẳng nói chuyện theo hướng này rất có thể còn có ý hối thúc tôi phải đáp lại trong tinh thần tương tự. Dẫu rất có thể là như vậy, nhưng từ sau câu đầu tiên về người Digan ấy, tôi chưa bao giờ kịp thời nghĩ ra thêm một câu pha trò tương tự nào.

Những khó khăn kiểu đó nay càng khiến bận lòng khi người ta không còn có điều kiện thảo luận và kiểm chứng quan điểm với những đồng nghiệp như dạo trước. Chỉ cách đây ít lâu, nếu có một hai điểm bất minh như vậy nảy sinh về cách thức thi hành bốn phần, người ta còn có thể an tâm rằng chẳng mấy nữa sẽ có một đồng liêu vốn được mình tin tưởng lắng nghe ý kiến hộ tống ông chủ viếng thăm nhà, và sẽ có dư dả cơ hội bàn về việc đó. Và đương nhiên, vào thời Huân tước Darlington, khi khách khứa cùng phu nhân thường nghỉ lại hàng nhiều ngày trời, thì người ta còn có thể thắt chặt mối giao tình với những đồng liêu ghé thăm. Thực vậy, trong những ngày rộn rịp ấy, tại phòng gia nhân của chúng tôi thường tập hợp những quản gia thuộc loại lành nghề nhất nước Anh, cùng đàm luận đến đêm khuya bên lò sưởi. Và quý vị hãy biết rằng, nếu ghé thăm phòng gia nhân của chúng tôi vào bất kỳ tối nào thời ấy, quý vị sẽ không nghe thấy những chuyện ngòi lê đôi mách đâu; khả năng cao hơn là quý vị sẽ được chứng kiến chúng tôi tranh luận về chính những vấn đề quốc gia đại sự đương làm bận tâm bận trí các ông chủ ở tầng trên, hoặc nếu không thì cũng là những sự kiện hệ trọng được tường thuật lại trên báo chí; và đương nhiên, như trong mọi cuộc tập hợp của những đồng nghiệp thuộc bất kỳ tầng lớp xã hội nào, quý vị sẽ thấy chúng tôi bàn bạc đến từng khía cạnh thuộc nghề mình. Đôi lúc, dĩ nhiên, sẽ có bất đồng sâu sắc, nhưng bầu không khí chủ đạo thường là tinh thần tôn trọng lẫn nhau. Có lẽ tôi có thể miêu tả dễ hiểu hơn về

không khí những buổi tối ấy bằng cách nói rằng những vị khách thường lui tới là những người như ông Harry Graham, tùy tùng kiêm quản gia của Sir James Chambers, và ông John Donalds, tùy tùng của ông Sydney Dickenson. Còn có những người có lẽ kém lỗi lạc hơn, nhưng lại mang bản tính náo nhiệt khiến mỗi cuộc tối thăm đều đáng nhớ; tỷ dụ như ông Wilkinson, tùy tùng kiêm quản gia của ông John Campbell, nức tiếng với ngón giả dạng các nhà quý tộc danh giá, hay ông Davidson ở Nhà Đông, mà sự hăng hái mỗi khi tranh luận nhiều lúc khiến người không quen biết phải gờm tránh, chẳng kém gì lòng tốt thuận hậu của ông những lúc khác khiến người người mến yêu; ông Herman, tùy tùng của ông John Henry Peters, với những quan điểm cực đoan chẳng người nào có thể im lặng mà nghe, nhưng lại có tiếng cười ha hả phóng khoáng và cái duyên Yorkshire đặc trưng không cách nào không ưa được. Và còn nhiều người nữa. Vào thời ấy, những người trong nghề chúng tôi có tình đồng đội thực sự, dẫu quan điểm về nghề có thể khác nhau đôi chút. Tất cả chúng tôi về cơ bản đều đúc cùng một khuôn, có thể nói vậy. Không phải như lối ngày nay, nếu thi thoảng cũng có lúc vị khách đến thăm đưa theo một gia nhân nào đó, thì đây phần nhiều là một người mới vào nghề, chẳng biết nói chuyện gì ngoài chuyện tức cầu, và ưa dành buổi tối không phải bên lò sưởi trong phòng gia nhân mà bên chén rượu ở quán Hiệu Chương Dân Cày - hoặc là, thực vậy, ở Nhà Trọ Sao như ngày nay càng lúc càng phổ biến.

Vừa lúc trước tôi có đề cập đến ông Graham, tùy tùng kiêm quản gia của Sir James Chambers. Thực tế là, khoảng hai tháng trước, tôi vui mừng hết mực khi biết Sir James sắp tới thăm Dinh Darlington. Tôi mong chờ cuộc viếng thăm ấy không chỉ vì khách từ thời Huân tước Darlington ngày nay vô cùng hiếm gặp - giới giao thiệp của ông Farraday, hiển nhiên, khác xa của huân tước - mà còn vì tôi đồ rằng ông Graham sẽ hộ tống Sir James như xưa kia, và do đó tôi sẽ được tham khảo ý kiến của ông về vấn đề bông lớn này. Vì thế, tôi vừa ngạc nhiên vừa thất vọng khi được biết, một ngày trước khi Sir James đến, rằng ngài sẽ

đến một mình. Thêm nữa, trong những ngày tiếp theo khi Sir James nghỉ lại, tôi được biết rằng ông Graham không còn phục vụ Sir James nữa; thực vậy, rằng Sir James không còn giữ lại gia nhân toàn thời gian nào ở nhà mình. Tôi rất mong tìm hiểu được số phận ông Graham về sau ra sao, bởi mặc dầu chúng tôi không biết nhau thực rõ, tôi có thể nói rằng cả hai đã rất hòa hợp trong những dịp có gặp gỡ. Tuy thế, sự thể hóa ra là, tôi không gặp được dịp nào phù hợp để hỏi thông tin này. Phải nói rằng tôi đã khá thất vọng, vì tôi rất mong được đem vấn đề bông lớn ra thảo luận với ông.

Tuy thế, cho phép tôi trở lại mạch chuyện ban đầu. Như đã nói, tôi buộc phải dành vài phút rất khó xử buổi chiều hôm qua trong phòng tiếp tân, trong khi ông Farraday tiếp tục đà bông lớn của ông. Như thường lệ, tôi đáp lại bằng cách mỉm cười khẽ - ít nhất cũng đủ biểu thị rằng tôi phần nào chia sẻ tâm trạng đùa bỡn mà ông đang duy trì - và chờ xem liệu ông chủ có tán đồng chuyển đi của tôi hay không. Như tôi dự đoán, ông đã rất thiện ý tán đồng mà chỉ trì hoãn không quá lâu, và hơn nữa, ông Farraday rộng lượng vẫn còn nhớ và nhắc lại đề nghị hào hiệp “xăng dầu ông bao”.

Vì đó, xem ra tôi chẳng có mấy lý do không thực hiện chuyến du hành bằng xe về miền Tây. Đương nhiên tôi sẽ phải biên thư cho cô Kenton, báo cô rằng có thể tôi sẽ ghé qua; tôi cũng còn phải lo soạn sửa phục trang nữa. Còn rất nhiều câu hỏi khác cần được giải quyết về điều phối công việc trong nhà trong quãng thời gian tôi vắng mặt. Nhưng về tổng thể, tôi không thấy có lý do đích đáng nào khiến tôi không nên thực hiện chuyến du hành này.

Ngày thứ nhất - Tối Salisbury

Đêm nay tôi nghỉ lại đây, một nhà khách ở thành phố Salisbury. Ngày đầu hành trình đã trọn, xét tổng thể, phải nói rằng tôi khá hài lòng. Giờ xuất phát sáng nay chậm hơn gần một tiếng đồng hồ so với dự kiến, bất kể tôi đã hoàn tất việc đóng đồ và chất mọi tư trang cần thiết lên cổ Ford từ trước tám giờ sáng rất lâu. Bởi bà Clements và hai cô gái cũng nghỉ cả tuần nay, tôi nghĩ mình đã cảm nhận rõ rằng khi nào mình đi, Dinh Darlington sẽ không có lấy một bóng người, hẳn là lần đầu tiên trong thế kỷ này - có lẽ còn là lần đầu tiên từ thuở tòa nhà được cất lên. Một cảm giác quái lạ, và hẳn chính đó là nguyên do tôi nấn ná thực lâu trước khi khởi hành, đi quanh nhà hết vòng này tới vòng khác, kiểm tra lần cuối để biết rằng mọi thứ đều ngăn nắp.

Rất khó giải thích tâm trạng tôi khi cuối cùng cũng khởi hành. Trong khoảng hai mươi phút đầu tiên chạy xe, tôi không thể nói mình đã ngợp trong phấn khích hay ngóng đợi gì hết. Điều này hẳn nhiên là vì dẫu mỗi lúc xe một xa rời ngôi nhà, nhưng tôi vẫn đi giữa những khung cảnh ít nhất cũng từng chạy qua. Thực sự tôi vẫn luôn cho rằng mình đi lại rất ít, vì bị giữ chân bởi những bốn phận trong nhà, nhưng dĩ nhiên qua thời gian, người ta cũng có lý do nọ lý do kia trong công việc để ra ngoài, và xem ra tôi đã quen thuộc với vùng lân cận hơn nhiều so với tôi tưởng. Bởi, như đã nói, trong lúc mãi chạy xe trong nắng về phía ranh giới sang Berkshire, tôi vẫn không ngớt ngạc nhiên vì vẻ thân quen của đồng quê quanh mình.

Nhưng rồi, rốt cuộc, phong cảnh chung quanh cũng hóa ra xa lạ, và tôi biết mình đã vượt qua mọi ranh giới trước đây. Tôi từng nghe mô tả khi lên tàu ra biển, rốt cuộc sẽ đến một thời điểm người ta thấy đất liền khuất khỏi tầm mắt. Tôi hình dung cảm tưởng bất an xen lẫn tội độ hân hoan gắn liền với khoảnh khắc này thường nghe nói, hẳn là rất giống điều tôi cảm thấy khi ngồi trong cổ Ford thấy khung cảnh bỗng hóa ra lạ lẫm. Thời

điểm ấy đến ngay sau khi tôi rẽ vào một khúc cua và nhận ra mình đi trên con đường lượn tròn ôm lấy rìa đồi. Tôi cảm thấy được bờ vực dựng đứng bên trái, tuy không nhìn thấy do những thân cây và tàng cây ken sát bên vệ đường. Trong lòng tôi chợt ập đến cảm giác mình đã thực sự rời khỏi Dinh Darlington, và phải thú nhận còn lơ mơ có nỗi kinh sợ - bởi thêm vào đó là ý nghĩ biết đâu tôi không hề đi đúng đường, mà đã lạc hướng đâu đó phóng vút vào miền hoang dã. Cảm giác ấy chỉ thoáng qua, nhưng cũng khiến tôi đi chậm lại. Và cả khi đã tự trấn an rằng mình đi đúng đường rồi, tôi vẫn không thể không dừng xe một chốc, kiểm điểm lại tình hình.

Tôi quyết định ra khỏi xe đuổi chân cẳng một lát, và khi làm vậy, tôi càng thấm thía hơn bao giờ hết cảm giác mình đang vất vẻo trên sườn đồi. Một bên đường là những bụi rậm và cây nhỏ chạy lên triền dốc đứng, còn bên kia, thấp thoáng qua kẽ lá, là vùng đồng quê xa xa.

Tôi nghĩ mình đã đi dọc bên đường một quãng, ngó qua cành lá toan tìm một khoảng nhìn xuống rõ hơn, thì nghe sau lưng có tiếng nói. Tôi, cho đến lúc này đương nhiên vẫn nghĩ mình có một mình ở đây, bèn kinh ngạc quay lại. Đứng trước một quãng, bên kia đường mở ra một vệt đường mòn nhỏ chạy lên mất hút giữa những bụi cây dốc đứng. Trên hòn đá to đánh dấu đầu đường mòn, một người gầy gò tóc bạc đội mũ bê rê ngồi hút tẩu. Ông ta lại gọi tôi, và dẫu không nghe rõ lời, tôi cũng thấy ông ta đang vẫy mình lại gần. Trong giây lát tôi ngỡ đây là một người vô gia cư, nhưng rồi nhận ra chỉ là một người dân vùng này đương thưởng ngoạn nắng hè và không khí trong lành, tôi chẳng thấy có gì từ chối.

“Thưa ngài, tôi chỉ muốn biết,” ông ta nói khi tôi lại gần, “chân ngài có khỏe hay không.”

“Xin vô phép được hỏi ý anh là gì?”

Người kia khoát tay chỉ đường mòn. “Phải có cặp giò khỏe với lá phổi đồng mới hòng lên đó được. Tôi thì, cả hai đều không có, cho nên tôi ngồi lại đây. Nhưng nếu dẻo dai hơn, tôi đã ngồi trên đó rồi. Trên đó có một điểm dừng chân rất thú vị, có cả ghế ngồi

các kiểu. Mà cảnh ở đó thì toàn nước Anh ngài không kiếm được chỗ nào đẹp hơn đâu.”

“Nếu sự thể đúng như lời ông nói,” tôi đáp, “thì có lẽ tôi ở lại đây là hơn. Số là tôi đang khởi hành một chuyến du ngoạn bằng ô tô, và hy vọng được nhìn ngắm nhiều khung cảnh tuyệt vời trên đường đi. Nhìn thấy cảnh đẹp nhất khi còn chưa thực sự bắt đầu e rằng có hơi quá sớm.”

Người kia có vẻ không hiểu ý tôi, vì ông ta chỉ nhắc lại, “Toàn nước Anh này ngài không kiếm được chỗ nào đẹp hơn đâu. Nhưng tôi bảo rồi đấy, ngài cần cặp giò khỏe và lá phổi đồng.” Rồi nói thêm, “Tôi thấy là ngài khá dẻo dai so với tuổi, thưa ngài. Tôi dám nói ngài có thể lên đó ngon lành. Đến tôi đây, ngày đẹp trời cũng còn đi được.”

Tôi nhìn theo con đường mòn, đúng là dốc và có vẻ hơi hiểm trở.

“Cho ngài biết, thưa ngài, không đi lên đó ngài sẽ hối cho mà xem. Mà ai nói trước được điều gì. Một hai năm nữa, có thể đã quá muộn,” ông ta nói, cười nghe khá thô bỉ. “Tốt nhất giờ lên được thì cứ lên đi.”

Tới giờ tôi đã ngẫm ra rằng có lẽ người ấy chỉ muốn nói một cách khôi hài - nghĩa là, ông ta định làm một nhận xét theo kiểu bông lơn. Nhưng hồi sáng, phải nói rằng tôi thấy câu đó rất xúc phạm, và rất có thể chính vì mong muốn chứng tỏ ra rằng điều ông ta ám chỉ thực ngớ ngẩn mà tôi đã bước lên đường mòn kia.

Dẫu sao thì tôi rất mừng đã đi vào đó. Hẳn nhiên, cuộc đi ấy thuộc loại nhọc - dẫu cũng phải nói nó không đặc biệt gây khó khăn gì cho tôi - đường đi dốc dắc chạy lên sườn đồi chừng trăm thước. Đi hết thì tôi gặp một khoảng nhỏ trống trải, hẳn nhiên là điểm dừng chân mà người kia nói đến. Chào đón người ta ở đây là một băng ghế, cùng, thực vậy, một khung cảnh hàng dặm đồng quê tuyệt đẹp chung quanh.

Trước mắt tôi chủ yếu là đồng nổi tiếp đồng, nhấp nhô chạy xa hút mắt. Mặt đất dâng lên hạ xuống hiền hòa, mỗi cánh đồng lại có bờ cây hay hàng giậu. Trên những đồng xa có những chấm

mà tôi đoán là cừu. Về bên phải, gần như tít chân trời, tôi nghĩ còn nhìn thấy được ngọn tháp vuông của nhà thờ nào đó.

Cảm giác khi đứng trên đó quả thực dễ chịu, khi người ta có thanh âm mùa hè khắp chung quanh và ngọn gió nhẹ vờn trên mặt. Và tôi nghĩ chính vào khi ấy, khi nhìn xuống khung cảnh ấy mà lần đầu tiên tâm thế tôi thay đổi để đón nhận hành trình trước mặt. Vì chính vào khi ấy lần đầu tiên tôi cảm thấy trào lên trong mình niềm mong ngóng lạnh mạnh trước hàng bao nhiêu kinh nghiệm vui thú mà tôi biết đang hứa hẹn cho mình trong những ngày phía trước. Và thực vậy, chính vào khi ấy tôi quyết tâm không nản lòng trước nhiệm vụ duy nhất mang tính công việc tôi đã giao cho mình trong chuyến đi này; tức là nhiệm vụ liên quan tới cô Kenton và các khó khăn về nhân sự hiện thời.

*

Nhưng đây là việc hồi sáng. Tối nay tôi đã ấm chỗ ở đây, trong nhà khách dễ chịu này, trên con phố không xa trung tâm Salisbury. Tôi đoán cơ sở này thuộc dạng khá khiêm tốn, nhưng rất sạch, và hoàn toàn đáp ứng được những nhu cầu của tôi. Bà chủ chừng bốn chục tuổi, có vẻ coi tôi là một vị đại nhân nhờ có cổ Ford của ông Farraday cùng bộ vét hạng sang trên người. Từ buổi chiều nay - tôi tới Salisbury quãng ba rưỡi - khi biên vào sổ khách của bà địa chỉ “Dinh Darlington”, tôi đã thấy bà nhìn tôi có phần run sợ, hẳn nhiên cho rằng tôi là một vị quyền quý vốn chỉ quen với khách sạn Ritz hay Dorchester và sẽ dùng dùng bỏ đi ngay khi được đưa lên phòng. Bà ngỏ lời với tôi rằng có một phòng đôi phía trước còn trống, sẵn sàng cho tôi trọ với giá tiền bằng phòng đơn.

Thế là tôi được đưa tới phòng này, vào cái giờ ấy, ánh nắng đang rọi sáng những họa tiết hình hoa trên giấy dán tường nhìn rất mực ưa mắt. Có hai chiếc giường đơn và hai cửa sổ khá lớn nhìn xuống phố. Khi tôi ướm hỏi phòng phụ nằm đâu, bà rụt rè bảo tôi rằng đấy chính là cánh cửa đối diện phòng tôi, nhưng nước nóng phải đợi tới sau bữa tối mới có. Tôi nhờ bà mang một ấm trà lên phòng, và lúc bà đi, tôi xem xét căn phòng kỹ hơn. Hai chiếc giường sạch sẽ tinh tươm, chăn đệm phẳng phiu. Bồn rửa

trong góc cũng sạch bóng. Nhìn ra ngoài cửa sổ có thể thấy bên kia đường có một hiệu bánh bày đủ chủng loại bánh ngọt đa dạng, một hiệu dược phẩm, một hiệu cắt tóc. Nhìn xa nữa, người ta sẽ thấy con phố chạy qua cây cầu lưng vòng rồi đi tiếp vào những vùng thôn dã. Tôi rửa ráy mặt mũi và hai tay bằng nước lạnh nơi bồn rửa, rồi đặt mình ngồi lên cái ghế lưng cứng đặt gần một bên cửa sổ, đợi lên trà.

Tôi đoán chắc độ quá bốn giờ một chút thì tôi rời nhà khách, dẫn mình vào phố phường Salisbury. Thiết kế đường phố rộng và thoáng khí khiến thành phố cho cảm giác rộng rãi tuyệt vời, khiến tôi thoải mái dành cả vài giờ thả bộ trong nắng ấm dịu dàng. Thêm nữa, tôi nhận ra vô số nét quyến rũ trong thành phố; cứ thi thoảng tôi lại thấy mình đi qua những dãy nhà ván ghép cũ xinh đẹp, hay băng ngang một cây cầu đá nhỏ dành cho khách bộ hành vắt qua một trong rất nhiều con suối chảy qua thành phố. Và đương nhiên, tôi không quên tới viếng thăm nhà thờ chính tòa xinh đẹp mà bà Symons trong những trang sách đã không tiếc lời ngợi khen. Tìm đến tòa kiến trúc đường bệ ấy chẳng có gì khó, bởi dù người ta ở đâu trong Salisbury, đỉnh tháp cũng hiện lên lừng lững phía chân trời. Thực vậy, chiều tối nay, trên đường trở lại nhà khách, tôi đã ngoái lại nhìn cả mấy lần và mỗi lần lại được thấy cảnh mặt trời lặn sau đỉnh tháp lừng lững ấy.

Vậy nhưng đêm nay, giữa cảnh lặng lẽ trong phòng này, tôi nhận ra còn lại trong mình sau ngày du hành đầu tiên lại không phải Nhà thờ chính tòa Salisbury, hay một nét duyên nào khác của thành phố, mà là khung cảnh tuyệt vời những cánh đồng Anh nhấp nhô mà tôi bắt gặp sáng hôm nay. Xin phép được nói rằng tôi hết lòng tin những đất nước khác có thể bày ra những cảnh trí rành rành tráng lệ hơn nhiều. Thực vậy, tôi đã được thấy trong những bách khoa thư, trong tạp chí *National Geographic* những tấm ảnh chụp các cảnh tượng năm châu bốn bể đẹp mê hồn: những hẻm vực hùng vĩ, những thác nước lồng lộng, những vách núi gai góc tuyệt mỹ. Dĩ nhiên, tôi chưa bao giờ có cái hân hạnh được tận mục sở thị những cảnh đó, nhưng

tôi vẫn tương đối tự tin mà đánh bạo đưa ra giả thuyết này: cảnh vật nước Anh ở độ tinh tế nhất - như tôi được thấy sáng hôm nay - sở hữu trong mình một phẩm chất mà cảnh vật ở các đất nước khác, dầu vẽ ngoài có ấn tượng hơn bao nhiêu, thì cũng không cách nào có được. Và tôi tin chính phẩm chất đó sẽ khiến cho bất cứ người quan sát công tâm nào cũng phải thừa nhận phong cảnh nước Anh là thứ phong cảnh mang lại niềm xúc động trọn vẹn nhất thế giới, một phẩm chất có thể tóm gọn bằng từ “vĩ đại”. Bởi đúng là như thế, khi đứng trên rìa đồi cao ngất khung cảnh trải ra trước mặt sáng hôm nay, tôi nhận thấy rõ rệt cái cảm giác hiếm hoi nhưng không thể làm được ấy - cảm giác rằng người ta đang đối mặt với cái vĩ đại. Miền đất quê hương này chúng ta gọi là *Đại Anh quốc*, và có thể có người nghĩ rằng cách gọi ấy có phần huênh hoang. Nhưng tôi mạo muội cho rằng chỉ riêng cảnh sắc quê hương ta thôi cũng đủ cho thấy cái tính ngưỡ cao vời ấy hết sức thỏa đáng.

Vậy nhưng đích xác thì cái “vĩ đại” ấy là gì? Nó nằm ở đâu, hay do bởi điểm nào? Tôi khá hiểu rằng cần một bộ óc thông thái vượt xa tôi mới giải đáp được câu hỏi ấy, nhưng nếu phải mạn phép đưa ra lời đoán, thì tôi cho rằng chính vì *không có* những cảnh trí hoành tráng hay biến ảo đập vào mắt mà vẻ đẹp của xứ ta khác hẳn những nơi còn lại. Điều đáng kể ở đây là chất điềm tĩnh nơi vẻ đẹp ấy, là cảm giác tiết chế nơi nó. Vẻ như mảnh đất này biết rõ cái đẹp của bản thân, sự vĩ đại của bản thân, nên chẳng thấy cần khua chiêng gióng trống làm gì. Dem so với nó, những cảnh trí mờ mịt ta ở những nơi như Phi châu hay Mỹ châu mặc dầu hiển nhiên rất kích thích lòng, nhưng tôi tin chắc, trước mắt người ngắm cảnh công tâm, sẽ tỏ ra là thua kém chính vì sự phô phang thiếu chừng mực.

Câu hỏi ấy rất tương đồng với câu hỏi đã gây nên nhiều bàn cãi trong nghề chúng tôi qua nhiều năm: thế nào là một quản gia “vĩ đại”? Tôi vẫn nhớ đã dành nhiều giờ thú vị bàn luận về đề tài này bên lò sưởi trong phòng gia nhân khi cuối ngày. Chắc hẳn quý vị nhận thấy tôi nói “thế nào là” chứ không nói “ai là”; bởi về phần những ai đã trở nên khuôn vàng thước ngọc trong

thế hệ chúng tôi thì thực sự không có nhiều bàn cãi. Nói vậy có nghĩa là, tôi đang nhắc đến những nhân vật như ông Marshall ở Nhà Charleville, hay ông Lane ở Bridewood. Nếu từng có vinh dự được gặp gỡ những con người như thế, hẳn nhiên quý vị đã biết về cái phẩm chất nơi họ mà tôi đang kể đến đây. Nhưng cũng hẳn nhiên quý vị sẽ hiểu vì sao tôi nói rằng hoàn toàn không dễ định nghĩa cho ra phẩm chất ấy.

Nhân tiện, bởi giờ tôi nghĩ thêm về vấn đề này, xin nói rằng không hẳn hoàn toàn không có bất đồng về việc *ai* là những quản gia vĩ đại thời chúng tôi. Đáng ra tôi phải nói rằng không có bất đồng gì lớn giữa những quản gia có trình độ và có chút hiểu biết về những vấn đề loại này. Đương nhiên, phòng gia nhân tại Dinh Darlington, cũng như phòng gia nhân tại mọi nơi khác, không thể khước từ đón tiếp những gia nhân có trí thông minh và óc quan sát thuộc mọi cấp độ khác nhau, và tôi nhớ đã nhiều lần phải mím miệng làm thinh giữa lúc gia nhân nhà ai đó - và có lúc, tôi buồn phiền mà nói điều này, cả người trong chính nhà tôi - hăng say tán tụng những người như ông Jack Neighbours chẳng hạn.

Tôi không có gì phản đối ông Jack Neighbours, người theo tôi biết, đã không may tử trận trong chiến tranh. Tôi nêu tên ông chỉ đơn giản vì ông là một trường hợp điển hình. Trong chừng hai, ba năm vào quãng giữa thập niên ba mươi, cái tên ông Neighbours dường như đã là chủ đề bàn luận chính ở mọi phòng gia nhân trên cả nước. Cả ở Dinh Darlington, như tôi đã nói, rất nhiều gia nhân ghé chơi sẽ đem theo chuyện về những kỳ tích mới nhất của ông Neighbours, khiến cho tôi hay những người như ông Graham sẽ phải mệt mỏi chịu đựng hàng tràng những giai thoại về ông ấy. Và mệt hơn hết là phải chứng kiến, khi kết thúc mỗi giai thoại ấy, những nhân viên thường ngày vẫn đang hoàng kia lúc lắc đầu sửng sốt và thốt ra những câu đại loại như: “Cái ông Neighbours ấy, ông ta đúng là số một.”

Phải nói rằng tôi không nghi ngờ gì việc ông Neighbours có tài tổ chức rất khá; theo tôi được biết, ông đã dàn dựng nhiều buổi tiếp tân quy mô rất phong cách và hoành tráng. Nhưng chưa

một lúc nào ông có thể tới gần được tư cách một quản gia vĩ đại. Tôi hoàn toàn không ngại nói điều này ngay từ khi danh tiếng của ông đương ở đỉnh cao, cũng như tôi đã từng dự đoán cuộc sa cơ của ông sau vài năm ngắn ngủi được thần tượng đến như vậy.

Quý vị đã bao lần chứng kiến cảnh một quản gia mới ngày nào còn nức tiếng nơi nơi là người vĩ đại nhất trong thế hệ mình, thế mà rồi chỉ mấy năm sau đã lộ diện triệt để rằng hoàn toàn trái lại? Ấy nhưng chính những gia nhân thuở nào từng tâng bốc ông đến mây xanh, nay lại đang mê mải xưng tụng một tên tuổi nào khác, chẳng biết đường bình tâm xem xét lại trí phán đoán của mình. Đối tượng của những chuyện trò kiểu này nơi phòng gia nhân bao giờ cũng là một quản gia nào đó vừa đột ngột nổi lên nhờ được nhận vào một nhà quyền quý nào đấy, và có thể đã đạo diễn hai, ba sự kiện lớn phần nào thành công. Tiếp theo sẽ thấy tin đồn xôn xao khắp các phòng gia nhân trong Nam ngoài Bắc, nào ông ta đã được mời mọc bởi nhân vật chức trọng quyền cao nọ, nào ông ta đương cân nhắc những mức lương cạnh tranh chóng mặt từ vài danh gia vọng tộc kia. Và rồi sau đó chưa được vài năm thì sao? Chính nhân vật vô khuyết ngày nào lại mắc lầm lỗi nặng, hay vì có nào khác mà đánh mất lòng sủng ái của ông bà chủ, rời khỏi ngôi nhà đã đưa lại cho ông ta danh tiếng, và tịnh không bao giờ còn nghe tên. Trong lúc đó thì những kẻ đưa chuyện khi xưa đã kịp tìm ra một người mới nổi nào khác để mà trầm trồ. Các tùy tùng ghé chơi, như tôi nhận thấy, thường mắc lỗi này nặng nhất, bởi họ thường ôm mộng thăng lên vị trí quản gia càng sớm càng hay. Chính họ là những người luôn miệng nói rằng ông nọ ngài kia mới chính là hình mẫu cần học tập, hoặc nhắc đi nhắc lại lời phán bảo của ngôi sao nào đó về các vấn đề chuyên môn.

Nhưng lại cũng đương nhiên, tôi phải nói ngay điều này, có rất nhiều tùy tùng khác chẳng có lấy đâu chỉ là chút ý định dự vào những việc ngốc dại kiểu ấy, mà thực tình còn là những người hành nghề có óc phán xét sành sỏi. Những dịp nào gặp được hai hoặc ba người như vậy cùng tụ họp ở phòng gia nhân nhà chúng tôi - thuộc hàng như ông Graham chẳng hạn, mà

buồn thay, dường như giờ tôi đã mất hẳn liên lạc với ông - là chúng tôi sẽ có một cuộc tranh luận thuộc loại thông minh và khơi gợi suy nghĩ bậc nhất về đủ mọi khía cạnh trong nghề. Thực vậy, cho tới ngày hôm nay, những buổi tối kia vẫn thuộc vào số những kỷ niệm ám áp nhất của tôi về thời ấy.

Nhưng xin hãy cho tôi trở lại câu hỏi thực tình đáng quan tâm ở đây, câu hỏi mà chúng tôi rất ưa thảo luận những buổi tối không vắng đục vì những trò chuyện bông tuồng của những người chẳng có lấy chút hiểu biết căn bản về nghề; ấy là câu hỏi “*thế nào là một quản gia vĩ đại?*”

*

Trong phạm vi hiểu biết của tôi, dầu cho câu hỏi này đã khiến nảy sinh bao đàm luận trong bấy nhiêu năm, nhưng trong nội bộ nghề chưa hề có mấy cố gắng ngõ hầu đưa ra một câu trả lời chính thức. Trường hợp duy nhất mà tôi nhớ được là cái lần Hội Hayes tìm cách thiết kế ra tiêu chí tuyển chọn thành viên. Cũng có thể quý vị chưa từng biết đến Hội Hayes; ngày nay rất ít người còn nhắc nhở đến nó. Nhưng hồi thập niên hai mươi và đầu ba mươi, hội ấy có tầm ảnh hưởng đáng kể hầu khắp London cùng các hạt lân cận. Thực tế là nhiều người cảm thấy hội đã trở nên quá quyền lực, và cũng không tiếc thương gì khi hội buộc phải giải thể, tôi nghĩ là vào năm 1932 hoặc 1933.

Hội Hayes tuyên bố rằng họ chỉ kết nạp những quản gia “thuộc hàng ưu tú nhất”. Thế lực và danh giá mà hội này về sau đạt đến phần lớn là bởi, không giống như các hội tương tự đã tự rỗi tan, họ thực sự giới hạn được số lượng hội viên cực kỳ ít ỏi, nhờ thế tuyên bố kia giữ được ít nhiều uy tín. Nghe đồn rằng trong lịch sử hội, số hội viên chưa bao giờ lên tới quá ba chục, phần lớn chỉ loanh quanh chín hoặc mười. Thêm vào đó, Hội Hayes hoạt động phần nhiều khá bí mật, hai điều ấy khiến quanh hội phủ một màn sương huyền hoặc suốt một thời gian, đủ cho mỗi tuyên bố mà thỉnh thoảng hội ban ra về những vấn đề chuyên môn được đón nhận như điều răn trên bảng đá.

Nhưng có một vấn đề mà suốt hồi lâu hội này nhất định không công bố, đấy là tiêu chí kết nạp hội viên của chính họ. Áp

lực đòi hỏi công bố điều này càng lúc càng tăng, và đáp lại một chuỗi thư độc giả đăng trên *Tam cá nguyệt san của giới thị tòng*, hội này thừa nhận rằng một trong những điều kiện tiên quyết để trở thành hội viên là “ứng viên phải phục vụ trong một gia đình danh giá”. “Dù, đương nhiên,” họ còn nói thêm, “riêng điều này thì chưa thể coi là đủ để đáp ứng yêu cầu kết nạp.” Thêm nữa, hội còn nói rõ rằng họ không coi nhà của giới doanh thương hoặc “người giàu mới” là “danh giá”, và theo thiện ý của tôi thì lối suy nghĩ lỗi thời kiểu này đã làm suy giảm nghiêm trọng chút uy tín nào hội đã giành được trong vai trò cầm cân nảy mực cho nghề này. Sau khi thư hồi đáp tiếp tục đổ đến, Hội Hayes bảo vệ quan điểm của mình, dẫu thừa nhận quan điểm của một số bạn đọc rằng vẫn có một vài quản gia phẩm chất tuyệt hảo hiện đương phục vụ trong nhà các doanh nhân, thì “chúng tôi vẫn buộc phải giả định rằng những con người như vậy chẳng chóng thì chầy sẽ được mời về phục vụ trong gia đình các quý nhân *đích thực*”. Người ta cần nghe theo sự phán định của “các quý nhân *đích thực*”, đấy là lập luận của hội, bằng không “chẳng khác nào chúng ta đi theo mục thước cánh Bolshevik ở Nga về”. Phát biểu này còn thổi bùng tranh cãi rầm rộ hơn nữa, và thư từ gửi về cứ tiếp tục tăng sức ép hối thúc hội phải bạch hóa đầy đủ những tiêu chí chọn hội viên. Cuối cùng thì, một lá thư ngắn gửi cho tập san đã bộc lộ rằng, theo quan điểm của hội - ở đây tôi sẽ cố gắng trích dẫn chính xác theo trí nhớ - “tiêu chí thiết yếu nhất là ứng viên phải sở hữu một phẩm cách xứng hợp với chức vị của mình. Bất kỳ một ứng viên nào, dẫu cho thành tựu dày dạn đến đâu, nếu bị xét thấy thua kém về phương diện này đều không thể được coi là thỏa mãn điều kiện gia nhập hội.”

Dẫu bản thân chẳng mấy mặn mà với Hội Hayes, tôi tin rằng ít nhất riêng phát biểu này cũng đặt trên cơ sở một chân lý hệ trọng. Khi nhìn vào tất cả những ai có thể khiến người ta nhất trí là một quản gia “vĩ đại”, khi nhìn vào ông Marshall hay ông Lane, chẳng hạn, đúng là tôi có cảm giác rằng yếu tố phân biệt

họ với những quản gia chỉ đơn thuần là tài khéo hết mực có thể được diễn tả gần sát nhất bằng chữ “phẩm cách” này.

Đương nhiên, nói như vậy chỉ dẫn ta đến câu hỏi tiếp theo: vậy thì “phẩm cách” chứa đựng những gì? Và chính xoay quanh điểm này mà những người như ông Graham và tôi đã có những cuộc tranh luận vào loại lý thú nhất. Ông Graham thì luôn giữ quan điểm rằng “phẩm cách” này cũng tựa như nhan sắc của người phụ nữ, có tìm cách phân tách rạch ròi cũng uổng công. Còn tôi, ngược lại, cho rằng ví von như vậy sẽ làm giảm giá trị “phẩm cách” của những người như ông Marshall. Thêm nữa, tôi không đồng tình với phép so sánh của ông Graham chủ yếu là vì, nó ám chỉ “phẩm cách” ấy là thứ người ta có được hoặc không là do sự đồng đánh của tự nhiên, và nếu không rành rành là có nó, thì gắng gỏi mấy cũng chỉ hoài công, như một người đàn bà xấu gắng hóa trang cho đẹp. Còn tôi, dầu công nhận rằng đại đa số quản gia hẳn sẽ đến một lúc nhận ra họ căn bản không có cơ đạt được điều ấy, nhưng tôi cũng cực lực tin tưởng rằng “phẩm cách” ấy là thứ người ta có thể vì nó mà khổ luyện phấn đấu suốt sự nghiệp mình. Những quản gia “vĩ đại” sở hữu nó như ông Marshall, tôi tin chắc đây là nhờ trui rèn và tích tụ kỹ lưỡng kinh nghiệm qua nhiều năm mà đạt được. Vậy nên theo thiện ý của tôi, xét về mặt nghề nghiệp mà nói, thái độ của ông Graham chỉ dẫn tới chủ nghĩa thất bại.

Dẫu sao đi nữa, bất chấp quan điểm hoài nghi của ông Graham, trong ký ức tôi còn lưu lại nhiều buổi tối tôi với ông đã cùng nhau tìm cách lý giải những gì làm nên thứ “phẩm cách” này. Chúng tôi chưa bao giờ dừng lại ở một kết luận cuối nào, nhưng riêng về phần mình, tôi có thể nói mình đã hình thành nên những ý tưởng khá kiên định thông qua những buổi đàm luận ấy, và phần lớn đó vẫn là những điều tôi còn tin tưởng ngày nay. Nếu được phép, tôi xin tìm cách trình bày ở đây về “phẩm cách” ấy theo kiến giải của mình.

Tôi đồ rằng quý vị sẽ thấy không cần phải phản đối nhận định rằng xét trong giai đoạn gần đây ông Marshall ở Nhà Charleville và ông Lane ở Bridewood có thể kể làm hai quản gia vĩ đại. Có

thể quý vị còn chịu đồng tình rằng ông Henderson ở Lâu đài Branbury cũng thuộc cái phạm trù hiếm hoi kia. Nhưng có lẽ quý vị sẽ cho rằng tôi chỉ thuần xuất phát từ thiện ái mà bảo rằng chính cha tôi đây, về nhiều mặt có thể xếp ngang hàng với những người như vậy, và sự nghiệp của ông chứ chẳng phải ai khác là điều tôi chiêm nghiệm từ trước đến nay để tìm ra định nghĩa thế nào là “phẩm cách”. Thế nhưng tôi tin tưởng đinh ninh rằng trong thời đỉnh cao sự nghiệp của ông ở Nhà Loughborough, cha tôi chính là hiện thân sống của “phẩm cách” trên đời.

Tôi có hiểu rằng, nếu xem xét vấn đề một cách khách quan, không thể không công nhận cha tôi thiếu rất nhiều yếu tố người ta thường trông đợi nơi một quản gia vĩ đại. Nhưng theo thiện ý của tôi, những chỗ thiếu sót ấy, không trừ cái nào, đều chỉ là những yếu tố bề mặt mang tính trang trí - hấp dẫn thực, như kem trên mặt bánh, nhưng chẳng hề quan hệ tới phần bản chất. Ở đây tôi đang nhắc đến những điều như ngữ điệu hay và lời ăn tiếng nói điêu luyện, hay vốn kiến thức rộng rãi về những đề tài quảng bác từ nghệ thuật huấn luyện chim ưng sẵn cho đến cách phối giống sa giông - cha tôi thì chẳng thể nhận mình biết được chút gì trong số ấy. Thêm nữa, cần phải lưu ý rằng cha tôi thuộc về lớp quản gia thế hệ trước; vào thời điểm ông khởi đầu sự nghiệp, những hiểu biết kiểu ấy ở một quản gia thậm chí còn không được coi là đứng đắn, chứ đừng nói là được đánh giá cao như hiện nay. Nỗi mê cuồng tài ăn nói văn hoa và kiến văn rộng rãi dường như có vẻ mới nảy sinh từ thế hệ tôi, hẳn là từ sau khi ông Marshall thành danh và những kẻ kém cỏi hơn muốn sao chép lại tầm vóc vĩ đại của ông đã làm cái vỏ ngoài là bản chất. Phải nói rằng theo ý tôi, thế hệ hiện tại đã quá mải mê với những rườm rà tiểu tiết; có trời tính được bao nhiêu thời gian công sức đã đổ vào luyện tập ngữ điệu và trau rèn lời ăn tiếng nói, bao nhiêu giờ đồng hồ đã tiêu phí để ngâm ngợi những bộ bách khoa thư hay các tập *Thường thức cho mọi nhà*, trong khi thời gian ấy đáng ra phải dùng để nắm vững những yếu lĩnh căn bản của nghề.

Mặc dầu chúng ta cần thận trọng kéo rơi vào chối bỏ cái trách nhiệm mà xét cho cùng vẫn là của chính mình, nhưng cũng cần phải nói rằng có một số ông chủ nhất định đã có vai trò lớn trong việc khuyến khích những xu hướng kiểu ấy. Tôi lấy làm tiếc phải phát biểu rằng theo quan sát của mình, có một vài gia tộc trong những năm gần đây, trong đó có cả những gia đình cao quý bậc nhất, đã tuồng như có ý cạnh tranh với nhau và không từ cả việc đem “phô” với tân khách những tài năng nhỏ nhặt về hạng ấy của quản gia. Tôi đã nghe kể nhiều lần người quản gia được đem trình ra như một con khỉ làm trò ở một buổi tiệc nhà ai đó. Trong một trường hợp đáng buồn mà tôi đã tận mắt chứng kiến, ở một nhà nọ, có một tiết mục tiêu khiển đã thành thông lệ là quan khách đến nhà sẽ cho triệu người quản gia tới hỏi những câu trên trời rơi xuống, thí dụ như ai là quán quân cuộc đua ngựa Derby trong năm nọ năm kia, như thế người ấy là một diễn viên “nhớ tuốt biết tuốt” ở rạp tạp kỹ.

Như tôi đã nói, thế hệ của cha tôi có cái may mắn là hoàn toàn chưa phát sinh những nhập nhằng về giá trị nghề nghiệp kiểu ấy. Và tôi khẳng định rằng, bất chấp lời ăn tiếng nói thô vụng của ông, cũng như vốn kiến thức phổ thông hạn chế của ông, ông không chỉ nắm vững mọi điều cần thiết để điều hành một ngôi nhà, mà ở đỉnh cao sự nghiệp của mình, ông thực sự đã đạt tới cái “phẩm cách xứng hợp với chức vị của ông”, như Hội Hayes nói. Vậy nếu gắng mô tả lại hầu quý vị điều gì theo tôi thấy đủ khiến cha tôi đứng vào hàng cao quý như vậy, thì tôi có thể nhờ đó mà truyền đạt lại ý niệm của mình về “phẩm cách” chăng.

Có một câu chuyện cha tôi ưa thuật lại qua nhiều năm. Tôi nhớ đã từng nghe ông kể cho khách thăm ngày tôi còn nhỏ, rồi nghe lại sau này, khi mới vào nghề, làm người hầu dưới sự giám sát của ông. Tôi nhớ ông kể chuyện đó lần nữa khi tôi về thăm ông lần đầu sau khi nhậm chức quản gia đầu tiên trong đời - là ở căn nhà có phần thanh bạch của ông bà Muggeridge ở Allshort, Oxfordshire. Hẳn nhiên câu chuyện có nhiều ý nghĩa với ông. Thế hệ cha tôi không có tính ưa phẩm bình phân tích như thế hệ

hiện tại, và theo tôi thấy, việc kể đi nhắc lại câu chuyện này có thể coi là hành động chiêm nghiệm về nghề cao nhất của cha tôi. Như vậy, đây là chìa khóa căn cốt để hiểu lối suy nghĩ của ông.

Đây có vẻ là một câu chuyện thực, về một người quản gia đã theo ông chủ đi Ấn Độ và trong nhiều năm phục vụ ở đó đã huấn luyện đội ngũ nhân viên người bản địa theo những tiêu chuẩn cao không kém gì thuở vẫn ở Anh. Theo lời kể lại, một buổi chiều, người quản gia vào phòng ăn soát lại lần cuối trước bữa tiệc tối thì nhận thấy dưới gầm bàn ăn có một con hổ đang nằm ườn. Lảng lảng rời phòng ăn, không quên đóng cửa khi đi ra, người quản gia điềm tỉnh vào phòng tiếp tân nơi ông chủ đang dùng trà với vài vị khách. Rồi đánh tiếng với ông chủ bằng một tiếng ho lễ độ, ông nói nhỏ vào tai người chủ: “Xin thất lễ, thưa ông chủ, nhưng dường như có một con hổ trong phòng ăn. Ông chủ chấp thuận cho sử dụng cây súng săn chứ?”

Và theo sự tích còn truyền lại, mấy phút sau, ông chủ cùng tân khách nghe thấy ba tiếng súng vang lên. Một hồi sau đó, khi người quản gia trở lại vào phòng tiếp tân châm thêm trà, ông chủ hỏi tình hình có ổn không.

“Hoàn toàn ổn, cảm ơn ông chủ đã hỏi thăm,” người quản gia đáp lời. “Bữa tối sẽ dọn vào giờ thường lệ và tôi vui mừng được báo với ông chủ rằng sẽ không còn lại dấu vết khả kiến nào về sự việc mới đây vào thời điểm đó.”

Câu kết ấy - “không còn lại dấu vết khả kiến nào về sự việc mới đây vào thời điểm đó” - cha tôi thường nhắc lại, bật cười và lắc đầu ngưỡng mộ. Ông không nhận mình có biết tên người này, hay biết ai từng quen người đó, nhưng lần nào cũng đoán chắc rằng sự việc đã diễn ra đúng y như chuyện kể. Dẫu sao đi nữa thì, câu chuyện có thực hay không cũng không phải là điều quan trọng; điều đáng kể ở đây dĩ nhiên là câu chuyện ấy nói lên điều gì về lý tưởng của cha tôi. Bởi sau này nhìn lại sự nghiệp ông, tôi nhận ra rằng suốt những năm tháng hành nghề hán ông đã gắng sức để cách nào đó *trở thành* người quản gia trong câu chuyện ấy. Và theo thiên ý tôi, ở vào đỉnh cao sự nghiệp

mình, ông đã đạt được nguyện vọng này. Bởi dẫu tôi chắc ông chẳng bao giờ có cơ hội giáp mặt một con hổ dưới gầm bàn ăn, nhưng khi điểm lại trong đầu mọi điều từng biết hoặc từng nghe kể về ông, tôi có thể liệt kê ra ít nhất vài trường hợp ông đã thể hiện dư dật cái phẩm chất ông rất đổi ngưỡng mộ ở người quản gia trong câu chuyện ấy.

Một trường hợp như vậy tôi được nghe từ ông David Charles, thuộc công ty Charles và Redding, vẫn thỉnh thoảng lui tới Dinh Darlington thời Huân tước Darlington. Một buổi tối tôi lãnh nhiệm vụ tùy tùng cho ông, ông kể tôi nghe đã gặp cha tôi vài năm trước, đương khi làm khách tại Nhà Loughborough, là tư gia của nhà công nghiệp John Silvers nơi cha tôi đảm nhận chức quản gia suốt mười lăm năm thời đỉnh cao sự nghiệp. Ông chưa bao giờ quên được cha tôi, ông Charles đã kể với tôi như thế, vì một việc xảy ra trong chuyến viếng thăm này.

Một buổi chiều, và ông Charles lấy làm hối tiếc và hổ thẹn rất nhiều vì chuyện này, ông đã tự cho phép mình bị sa đà quá chén cùng hai người khách khác trong nhà, tôi sẽ chỉ gọi là ông Smith và ông Jones vì hẳn trong một vài giới nào đó vẫn có người còn nhớ họ. Sau khoảng một giờ thù tạc, hai vị kia nảy ý muốn làm một cuộc xe chiều quanh các làng lân cận, bởi vào thời đó xe hơi vẫn còn là thứ tương đối mới mẻ hiếm có. Họ thuyết phục ông Charles cùng đi, và bởi tới lúc đó tài xế đã nghỉ, họ chỉ định cha tôi làm người lái xe.

Một khi đã khởi hành, ông Smith và ông Jones, dẫu đều đã quá tuổi trung niên, bắt đầu hành xử như những cậu học trò, hát hổng thô tục và bình phẩm còn thô tục hơn về tất cả những gì nhìn thấy qua cửa sổ. Thêm vào đó, hai vị này đã phát hiện trên bản đồ vùng lân cận có ba ngôi làng tên Morphy, Saltash và Brigoon. Tôi phải chua rõ ở đây là mình không chắc tên đúng là như thế, nhưng vấn đề là ở chỗ, ông Smith và ông Jones nghĩ các tên ấy giống như Murphy, Saltman và mèo Brigid trong vở tạp kỹ mà có thể quý vị từng nghe tới. Nhận thấy điều trùng hợp ngộ nghĩnh này, hai vị kia nảy sinh ao ước được viếng thăm ba ngôi làng có tên đó - vẻ như là nhằm tri ân các anh kép tạp kỹ.

Theo lời ông Charles kể, cha tôi đã tận tình đưa họ đến làng thứ nhất, rồi chuẩn bị rẽ vào làng tiếp theo, thì hoặc ông Smith hoặc ông Jones chợt nhận ra đó là làng Bragoon - tức làng thứ ba chứ không phải làng thứ hai theo danh sách. Hai vị đó giận dữ đòi cha tôi phải lập tức trở đầu xe để họ đến thăm ba ngôi làng “theo đúng trật tự”. Sự thể là muốn vậy phải đi vòng lại một đoạn đường khá xa, nhưng theo như ông Charles cam đoan với tôi, cha tôi đã tiếp nhận như thể đó là một yêu cầu rất mực hợp lẽ, và về tổng thể vẫn cư xử lễ độ không có gì thất thố.

Nhưng giờ thì ông Smith và ông Jones đã chuyển sự chú ý sang cha tôi, và hẳn là đã chán cảnh vật ngoài cửa sổ, họ bèn đổi sang tiêu khiển bằng cách hò hét những nhận định kém thiện ý về “sai sót” của cha tôi. Ông Charles nhớ mình đã kinh ngạc thấy cha tôi không mấy may tỏ ý bất bình hay tức giận, chỉ tiếp tục lái xe với vẻ mặt cân bằng tuyệt đối giữa phẩm cách cá nhân và thái độ sẵn sàng phục vụ. Nhưng sự điềm tĩnh của cha tôi không được phép kéo dài lâu. Bởi khi tới tập xúc phạm cha tôi hiện đang quay lưng về phía họ đã chán, hai vị kia bắt đầu chuyển sang đề tài người chủ ngôi nhà họ đang nghỉ lại, cũng tức là ông chủ của cha tôi, ông John Silvers. Những bình phẩm của họ càng lúc càng đê tiện và vô ơn, đến nỗi ông Charles buộc phải xen vào, hay ít ra là ông nói vậy, góp ý rằng ăn nói như vậy là không phải lễ. Nhưng ý kiến ấy đã gặp phải sự phản kháng hăng tới nỗi ông Charles không chỉ lo sẽ trở thành đối tượng tiếp theo được hai vị kia chiếu cố, mà còn thực sự đã nghĩ rằng mình đang đối diện với nguy cơ bị hành hung. Nhưng tình hình, sau một luận điệu ám chỉ đặc biệt gớm guộc về ông chủ từ phía họ, cha tôi bỗng dừng phắt xe. Việc xảy ra sau đó chính là điều ghi lại dấu ấn không thể phai mờ cho ông Charles.

Cửa sau xe mở, từ trong xe nhìn ra có thể thấy cha tôi đứng đó, cách cổ xe vài bước, mắt không chớp nhìn vào xe. Theo như ông Charles tả lại, cả ba người cùng một lúc dường như choáng váng nhận ra tầm vóc đồ sộ át người của ông. Thực vậy, cha tôi cao tầm mét chín, còn ngoại hình ông, dầu khiến người ta hết sức an tâm khi biết ông sẵn sàng phục vụ mình, lại có thể thành ra

cực kỳ đáng sợ nếu phải đối diện trong một số hoàn cảnh khác. Theo lời ông Charles, cha tôi không tỏ vẻ gì là giận dữ ra mặt cả. Dường như ông chỉ đơn thuần mở cửa xe. Ấy thế mà có một vẻ gì vừa là lời quở trách dữ tợn, lại vừa vững chãi không thể quật ngã trong dáng người lưng lửng trông xuống họ, khiến hai bạn đồng hành say bí tỉ của ông Charles dường co rúm lại như hai cậu nhỏ bị bắt quả tang trộm táo trong vườn.

Cha tôi cứ vậy đứng đó một hồi, không nói một lời, chỉ giữ cho cửa xe mở. Cuối cùng thì hoặc ông Smith hoặc ông Jones phát biểu: “Chúng ta không đi tiếp ư?”

Cha tôi không trả lời, chỉ làm thinh đứng đó, không yêu cầu họ ra khỏi xe cũng không có biểu hiện nào nói lên ý muốn hay dự định của ông. Tôi dễ dàng tưởng tượng được dáng vẻ ông ngày hôm ấy, đứng giữa khung cửa xe, cái hình dung tối đen khắc khổ của ông át cả phong cảnh Herfordshire êm ả sau lưng ông. Những khoảnh khắc e sợ lạ lùng, ông Charles nhớ lại, và cả ông tuy không can dự vào hành vi của họ lúc trước, cũng thấy mình như bị ngợp trong hổ thẹn. Cảnh im lặng dường như định tiếp diễn không hồi kết, trước khi hoặc ông Smith hoặc ông Jones lấy được can đảm lúng búng, “Chắc là hồi nãy chúng tôi đã nói chuyện có phần vô ý. Sẽ không có lần sau nữa đâu.”

Cân nhắc lời này trong giây lát, cha tôi nhẹ tay đóng cửa lại, trở về ghế lái và tiếp tục cuộc du hành qua ba ngôi làng - cuộc du hành mà như ông Charles đảm bảo với tôi, sau đó đã kết thúc hầu như trong im lặng.

Nhớ lại câu chuyện này, tôi lại thấy hiện đến trong đầu một sự việc khác cũng vào quãng ấy trong sự nghiệp của cha tôi, thể hiện có lẽ còn ấn tượng hơn nữa cái phẩm chất đặc biệt mà ông đã rèn nên. Đến đây tôi phải trình bày thêm rằng nhà tôi vốn có hai anh em - anh trai tôi, Leonard, đã tử trận trong chiến tranh Nam Phi từ ngày tôi còn nhỏ. Hiển nhiên, mất mát ấy là một đòn mạnh giáng xuống cha tôi; nhưng sự thể còn tệ hơn nữa, vì mỗi an ủi thông thường cho một người cha trong những hoàn cảnh tương tự, rằng con trai mình đã hy sinh vinh quang cho đức vua và Tổ quốc - lại bị vắn đục bởi sự anh trai tôi chết trận

trong một chiến dịch đặc biệt ô danh. Không chỉ bởi những cáo buộc rằng đây là một đợt tấn công vào những khu định cư dân sự của người Boer, một cử chỉ trái ngược hẳn với tinh thần Anh quốc, mà còn vì những bằng chứng thừa thãi cho thấy ban chỉ huy đã hành xử vô trách nhiệm, xem khinh những phép phòng bị cơ bản trong quân sự, khiến cho những người hy sinh, trong đó có anh trai tôi, đã chết một cái chết vô nghĩa lý. Xét theo những điều sắp tường thuật sau đây, nếu tôi nêu cụ thể hơn nữa về chiến dịch này thì sẽ không được phải phép cho lắm, dầu hẳn quý vị sẽ đoán ra ngay thôi nếu biết rằng chiến dịch này đã gây một cơn phản nộ vào thời đó, khuấy động thêm khá nhiều những tranh cãi vốn đang tích tụ xoay quanh cuộc xung đột này. Đã có nhiều ý kiến yêu cầu viên tướng chỉ huy phải bị triệu về, thậm chí đưa ra tòa án binh, nhưng quân đội đã đứng ra bênh vực và ông ta được cho phép hoàn thành chiến dịch. Điều ít người biết đến là sau khi cuộc xung đột hạ màn, viên tướng ấy đã được thăm lạng cho giải ngũ, rồi sau đó đã chuyển sang kinh doanh, chuyên về vận tải đường thủy từ Nam Phi. Tôi thuật lại chuyện này bởi khoảng mười năm sau cuộc xung đột ấy, tức thời điểm những vết thương tang trở mới chỉ khép miệng hờ, cha tôi được gọi vào thư phòng ông John Silvers và cho biết rằng chính nhân vật ấy - mà tôi sẽ chỉ gọi đơn giản là “viên tướng ấy” - sắp sửa tới nghỉ lại nhà này trong vài ngày nhân một bữa tiệc, vào dịp này ông chủ của cha tôi hy vọng có thể thiết lập cơ sở cho một vụ giao dịch màu mỡ. Tuy vậy, ông Silvers cũng nhớ rằng cuộc viếng thăm này sẽ tác động ra sao đến cha tôi, vì vậy đã gọi ông vào đề nghị ông nếu muốn có thể nghỉ phép vài ngày tương ứng với thời gian đến thăm của viên tướng kia.

Cảm xúc của cha tôi đối với viên tướng, đương nhiên, là căm ghét cực cùng; nhưng ông cũng nhận ra rằng triển vọng kinh doanh của ông chủ phụ thuộc vào việc buổi tiệc này diễn ra xuôi lọt đến đâu, và với chừng mười tám vị khách được mời đến, đây không phải chuyện đơn giản. Vậy là cha tôi trả lời đại ý, dầu hết sức cảm tạ ông chủ vì đã cân nhắc đến cảm xúc của mình,

nhưng ông cam đoan với ông Silvers rằng việc phục vụ vẫn sẽ được đảm bảo theo các tiêu chuẩn thường lệ.

Sự thể thành ra là, thử thách đón đợi cha tôi còn nặng nề hơn cả những gì ông có thể hình dung trước đó. Trước hết, giá thử ông có từng hy vọng rằng giáp mặt viên tướng ở ngoài đời sẽ khiến ông nảy sinh thiện cảm hay kính trọng, ngõ hầu xoa dịu những cảm xúc đối nghịch, thì hy vọng đó cũng hóa ra hoàn toàn vô căn cứ. Viên tướng có bề ngoài phục phịch xấu xí, cử chỉ hành vi thô lậu, kiêu ăn nói lỗ ló một sở thích muốn áp các lối ví von quân đội vào đủ dạng tình huống khác nhau. Tệ hơn nữa là cái tin vị khách không mang theo tùy tùng bởi người của ông ta bị ốm. Việc này đặt ra một tình huống tế nhị, bởi một vị khách khác nghỉ lại nhà cũng không mang theo tùy tùng, như vậy nảy sinh câu hỏi vị khách nào nên được xếp cho người quản gia làm tùy tùng còn vị nào chỉ được phân anh hầu. Hiểu rõ tình thế của ông chủ, cha tôi đã lập tức tình nguyện nhận theo viên tướng, vậy là buộc phải thân cận gần gũi nhân vật mà ông ghét cay ghét đắng suốt bốn ngày. Trong khi đó thì viên tướng kia, không biết gì về cảm xúc của cha tôi, đã không từ một dịp nào thao thao về các chiến tích quân sự của ông ta - như dĩ nhiên rất nhiều vị xuất thân quân đội quen thể hiện với người tùy tùng khi ở chốn riêng tư trong phòng mình. Thế nhưng cha tôi đã giấu cảm nghĩ của ông rất khéo, thực hiện bốn phận của ông rất chuyên nghiệp, tới nỗi khi ra về, viên tướng còn khen ngợi ông John Silvers đã có một quản gia xuất sắc, và để lại một khoản thưởng bất thường tỏ ý hài lòng - mà cha tôi đã không ngần ngại yêu cầu ông chủ quyên cho một hội thiện nguyện.

Tôi mong rằng quý vị sẽ đồng ý, rằng trong hai sự việc tôi dẫn lại từ sự nghiệp quản gia của ông - cả hai tôi đều đã đi xác nhận lại nhiều nơi và tin rằng đều chính xác - cha tôi đã không chỉ thể hiện, mà còn gần như trở thành hiện thân của cái mà Hội Hayes đã gọi là “phẩm cách xứng hợp với chức vị của ông”. Nếu so sánh sự khác nhau giữa cha tôi trong những thời điểm ấy, và một nhân vật như ông Jack Neighbours dẫu tính cả những ngón nghề kỹ thuật tài khéo nhất của ông ta, tôi tin rằng người ta sẽ

bước đầu hiểu được điều gì phân biệt một quản gia “vĩ đại” với một người chỉ đơn giản là thạo việc. Và giờ chúng ta cũng có thể hiểu rõ hơn vì sao cha tôi lại ưa thích câu chuyện về người quản gia đã không hoảng sợ khi bắt gặp con hổ dưới gầm bàn ăn; đây là vì bằng bản năng, ông biết trong câu chuyện này có chứa hạt nhân của “phẩm cách” đích thực. Giờ thì tôi xin được phép phát biểu thế này: “phẩm cách”, xét đến tận cùng, liên quan tới khả năng của người quản gia không từ bỏ con người nghề nghiệp mà ông ta sắm vai. Những quản gia hạng dưới sẽ vứt bỏ con người nghề nghiệp, trở về với con người cá nhân ngay khi gặp phải sự khiêu khích dầu là nhỏ nhất. Với những người ấy, làm quản gia chẳng qua giống như đóng vai kịch trên sân khấu; chỉ cần đẩy nhẹ, chỉ cần vấp khẽ, là mặt nạ sẽ tuột xuống, lộ ra người diễn đằng sau. Những quản gia vĩ đại trở thành vĩ đại nhờ khả năng sắm vai diễn nghề nghiệp của mình và sắm đến tận cùng; không sự việc bên ngoài nào có thể đánh bật họ ra khỏi đó, dù có choáng váng, sợ hãi hay buồn phiền đến mấy. Họ khoác trên người tính chuyên nghiệp như một nhà quý tộc ra quý tộc khoác bộ áo đuôi tôm: ông ta không đời nào để cho bọn lưu manh hay cho hoàn cảnh giật nó khỏi người mình trước mắt thiên hạ, ông ta cởi bỏ nó khi và chỉ khi tự nguyện làm như vậy, và bao giờ cũng là khi ông ta chỉ còn lại duy nhất một mình. Như tôi đã nói, đây là vấn đề “phẩm cách”.

Có câu nói thỉnh thoảng vẫn nghe rằng người quản gia chân chính chỉ có ở nước Anh. Các đất nước khác, dù có dùng danh xưng gì đi nữa, không có quản gia mà chỉ có người hầu. Tôi thiên về đồng ý với ý kiến này. Dân Âu châu lục địa không thể làm quản gia, bởi dòng máu không cho họ khả năng thực hiện sự tiết chế cảm xúc mà chỉ nòi giống Anh làm được. Dân lục địa - và chủ yếu là dân Celt, như quý vị hẳn sẽ đồng ý - nói chung không thể kiềm chế bản thân trong những thời khắc xúc động mạnh, và vì thế không tài nào duy trì tư thái chuyên nghiệp trừ trong những tình huống ít thử thách nhất. Xin cho phép tôi trở lại cách ví von khi nãy - và xin bỏ quá cho cách diễn đạt thô thiển của tôi - rằng họ giống như một người chỉ cần chút khiêu

khích nhỏ nhất là xé toạc cả áo đuôi tôm lẫn sơ mi mà chạy khắp nơi gào thét. Nói ngắn gọn, “phẩm cách” là thứ nằm ngoài khả năng của những người ấy. Người Anh chúng ta có lợi thế quan trọng về mặt này so với người ngoại quốc, và chính vì lẽ đó mà khi kể ra một quân gia vĩ đại nào đó, thì chắc chắn, hầu như tất yếu, ông ta là người Anh.

Đương nhiên, có thể quý vị sẽ phản bác, như ông Graham vẫn đáp mỗi khi tôi trình bày nhận định này trong những lần luận bàn hứng thú bên lò sưởi, rằng nếu đúng như tôi nói thì người ta chỉ có thể nhận ra được ai là một quân gia vĩ đại sau khi đã chứng kiến ông ta thể hiện qua một thử thách thực khắc nghiệt. Thế nhưng sự thực là, chúng ta vẫn thừa nhận những người như ông Marshall hay ông Lane là “vĩ đại”, dẫu hầu hết chúng ta không thể tự nhận mình từng quan sát họ trong những điều kiện ấy. Tôi phải công nhận rằng ông Graham nói vậy rất có lý, nhưng chỉ có thể trả lời rằng một khi đã ở trong nghề lâu như vậy rồi, người ta có thể bằng trực cảm ước lượng tính chuyên nghiệp ở một người nào đó là cao hay thấp mà không phải chứng kiến nó bộc lộ dưới áp lực. Thực vậy, trong những dịp hạnh ngộ với một quân gia vĩ đại nào đó, người ta sẽ chẳng hề có chút nghi hoặc muốn đòi “thử thách” để kiểm tra, trái lại sẽ không cách nào lường tượng ra có tình huống nào mà lại lung lạc được thái độ chuyên nghiệp đường hoàng đến như vậy. Thực tế là, tôi tin chắc rằng chính một cảm nhận kiểu ấy, thấu qua cả bức màn hơi men che mắt họ, đã khiến mấy hành khách của cha tôi phải lặng câm hổ thẹn trong buổi chiều Chủ nhật nhiều năm trước. Những con người ấy cũng giống như phong cảnh nước Anh ở độ rạng rỡ nhất mà tôi đã được tận mục sở thị hồi sáng này: khi giáp mặt họ, người ta đơn giản là *biết* mình đang đối diện với cái vĩ đại.

Tôi hiểu được rằng sẽ không bao giờ vắng những người cho rằng mọi cố gắng phân tích cho ra thế nào là vĩ đại, như tôi vừa làm, đều là vô ích. “Anh biết ai có nó và anh biết ai không có nó,” ông Graham luôn khẳng khẳng như vậy. “Ngoài ra thì anh không thể nói gì hơn nữa.” Nhưng tôi tin rằng bốn phần của

chúng ta là không được giữ thái độ thất bại chủ nghĩa như vậy về vấn đề này. Hiển nhiên, trách nhiệm nghề nghiệp của tất cả chúng ta là phải suy ngẫm kĩ về những điều ấy, để mỗi người trong chúng ta phấn đấu tốt hơn hòng đạt tới “phẩm cách” cho bản thân.

Ngày thứ hai - Sáng Salisbury

Giường lạ hiếm khi làm tôi thoải mái, và sau khi thiếp đi ít lâu trong một giấc ngủ ít nhiều trần trọc, tôi đã tỉnh cách đây chừng một giờ. Trời khi ấy hẵng còn tối, và biết cả một ngày dài chạy xe đương chờ trước mặt, tôi đã gắng tìm cách ngủ lại. Nhưng cũng chẳng ích gì, và khi rốt cuộc tôi quyết định trở dậy, trời vẫn còn tối đến mức tôi buộc phải bật ngọn đèn điện mới có thể cạo râu ở bồn rửa nơi góc phòng. Nhưng xong việc tắt đèn đi, tôi đã thấy ánh ngày buổi sớm lơ mờ nơi rìa rèm cửa sổ.

Khi tôi vén rèm vừa một khắc trước, ánh sáng bên ngoài còn rất nhạt, lại có một lớp sương mù mỏng ngăn tầm nhìn sang lò bánh và hiệu thuốc đối diện. Thực vậy, đưa mắt nhìn theo phố đến nơi có con cầu nhỏ lưng vồng, tôi thấy mù dưới sông đang dâng lên, gần như lấp hẳn một trụ cầu. Không có lấy một bóng người, và ngoại trừ một thứ tiếng động inh tai vọng về từ nơi xa xa đâu đó, cùng tiếng ho thi thoảng cất lên từ phòng nào đó sau nhà, thì không còn một âm thanh nào khác. Dễ thấy bà chủ chưa trở dậy lo việc, nghĩa là rất ít có khả năng bữa sáng được dọn lên trước bảy giờ ba mươi như bà đã thông báo. Vào giờ khắc tĩnh lặng này khi tôi chờ thế giới chung quanh tỉnh giấc, tôi nhận thấy mình đương nhẩm lại trong đầu nhiều đoạn từ lá thư của cô Kenton. Tiện đây xin nói, lẽ ra tôi cần phải sớm giải thích có làm sao tôi vẫn dùng danh xưng “cô Kenton”. “Cô Kenton” theo đúng phép tắc cần gọi là “bà Benn”, và đã là bà Benn từ hai mươi năm nay. Tuy nhiên, bởi tôi chỉ biết cô gần cận thời chưa thành hôn và chưa một lần gặp lại từ ngày cô đi xuống miền Tây để trở thành “bà Benn”, hẳn quý vị sẽ thể tất cho sự thất lễ của tôi vì vẫn gọi cô theo thói quen biết xưa, như đã tiếp tục gọi cô trong trí qua bằng ấy năm tháng. Đương nhiên, lá thư ấy còn đưa lại thêm một cố khác để tiếp tục nghĩ về cô dưới tên “cô Kenton”, vì chuyện đáng buồn là dường như cuộc hôn nhân của cô rốt cuộc cũng sắp đến hồi kết. Lá thư không nói cụ thể chi tiết về sự việc ấy, mà người ta cũng không thể mong đợi điều đó,

nhưng cô Kenton có nói không hề mập mờ rằng sự thực là giờ cô đã đi đến bước dọn ra khỏi nhà ông Benn ở Helston và hiện đương ngụ tại nhà người quen ở làng Compton Nhỏ gần đó.

Dĩ nhiên, cuộc hôn nhân của cô giờ sắp chấm dứt trong thất bại là một điều thực bi đát. Hẳn nhiên vào chính giây phút này, cô đương ân hận mà ngẫm lại những quyết định hình thành trong quá khứ xa xôi đã dẫn đến tình cảnh cô bây giờ, giữa tuổi trung niên, đơn độc và vô vọng. Và có thể dễ dàng hiểu được trong tâm thế ấy, ý nghĩ được quay về Dinh Darlington sẽ là một niềm an ủi lớn đối với cô. Đúng là trong suốt lá thư, cô không một lần trực tiếp bày tỏ nguyện vọng quay lại; nhưng đấy là thông điệp hiển nhiên có thể đọc thấy qua tình điệu chung trong rất nhiều đoạn viết, dăm nỗi hoài nhớ những ngày còn ở Dinh Darlington. Dĩ nhiên cô Kenton không thể nào hy vọng trở lại ở thời điểm này là có thể lấy lại những tháng năm đã mất, phận sự đầu tiên của tôi khi gặp là phải làm rõ với cô điều này. Tôi sẽ phải nói rành rẽ rằng tình hình hiện thời đã rất khác xưa - rằng những ngày làm việc có cả một đội ngũ đông đảo sẵn sàng cho người ta điều động hẳn từ nay đến hết cuộc đời chúng tôi cũng không còn quay lại. Nhưng mặt khác, cô Kenton là một người phụ nữ thông minh, hẳn tự cô cũng đã nhận ra tất cả những điều ấy. Thực vậy, nhìn mọi mặt, tôi không thấy có lý do gì mà triển vọng trở về Dinh Darlington, dành nốt những năm lao động cuối cùng ở đó, lại không phải là một niềm an ủi thực sự cho một cuộc đời đã đi tới bước thẳm đẫm cảm giác phí hoài.

Và dĩ nhiên, xét từ góc độ nghề nghiệp của mình, tôi có thể thấy rõ dầu sau một khoảng gián cách ngần ấy năm, cô Kenton vẫn sẽ là giải pháp tuyệt vời cho vấn đề hiện tại đương làm phiền chúng tôi ở Dinh Darlington. Thực tế là, khi dùng chữ “vấn đề”, có lẽ tôi đã phóng đại tình hình lên một chút. Suy cho cùng, tôi chỉ đang nói đến một chuỗi những lầm lỗi hết sức lặt vặt về phần tôi, và đường hướng tôi đang theo đuổi chỉ thuần túy là biện pháp đi trước đón đầu mọi “vấn đề” còn chưa kịp nảy sinh. Đúng thực là những lầm lỗi lặt vặt ấy ban đầu khiến tôi lo âu chút đỉnh, nhưng khi đã đủ thời gian chẩn đoán ra rằng đấy

chẳng qua là triệu chứng của một căn bệnh đơn giản - thiếu hụt nhân sự - tôi đã ngưng không suy nghĩ quá nhiều về chúng. Có cô Kenton trở lại, như tôi nói, chúng sẽ chấm dứt vĩnh viễn.

Nhưng hãy quay lại với lá thư của cô. Có những đoạn trong lá thư thực sự bộc lộ nỗi tuyệt vọng về tình thế hiện tại của cô - một việc phải nói là đáng lo lắng. Có một câu bắt đầu bằng: “Dù tôi không biết sẽ sử dụng làm sao cho có ích quãng đời còn lại của mình...”. Một chỗ khác, cô lại viết: “Phần đời kể từ đây về sau trải ra trước mắt tôi như một khoảng không hiu quạnh”. Tuy thế, như tôi đã nói, âm điệu chủ yếu là hoài nhớ. Tỷ dụ, ở một chỗ, cô viết:

“Chuyện này khiến tôi nhớ lại Alice White. Ông còn nhớ cô bé ấy không? Mà nói thực là tôi không nghĩ ông lại quên nỗi cô bé. Về phần tôi, tôi vẫn còn ám ảnh những nguyên âm đó và những câu độc đáo bất chấp ngữ pháp mà chỉ mình cô bé nghĩ ra nổi! Ông có may mắn biết chút gì cô ấy sau này thế nào không?”

Tôi không biết, thực sự là vậy, mặc dầu phải nói rằng tôi có phần vui vui khi nhớ lại cô tớ gái thường khiến người ta đến sốt ruột ấy, mà rốt cuộc lại hóa ra là một trong những gia nhân tận tụy nhất. Một chỗ khác trong thư, cô Kenton lại viết:

“Tôi đã yêu biết mấy cái khung cảnh từ các buồng ngủ lầu hai trông xuống thảm cỏ, xa xa là những nếp đồi. Nay có còn như vậy không? Mùa hè, các buổi chiều, khung cảnh ấy có cảm giác hầu như huyền diệu, và giờ tôi thú thực với ông rằng tôi thường bỏ phí nhiều phút quý báu đứng ngây ở cửa sổ trước cảnh tượng mê hồn này.”

Rồi cô viết tiếp rằng:

“Nếu ký ức này gợi lại đau buồn, xin ông tha lỗi. Nhưng tôi chẳng bao giờ quên được cái lần hai ta cùng đứng nhìn cha ông đi tới đi lui trước chòi nghỉ mùa hè, nhìn xuống mặt đất như mong tìm lại viên ngọc quý đã đánh rơi ở đó.”

Thực là một khám phá trọng đại, rằng ký ức này từ hơn ba mươi năm trước vẫn còn lại trong cô Kenton như đã còn lại trong tôi. Thực vậy, việc ấy xảy ra hẳn chính vào một buổi chiều hè như cô đương mô tả, bởi tôi còn nhớ như in đã lên đến chòi nghỉ lầu hai thì hiện ra trước mắt một dãy những cột sáng màu cam lúc hoàng hôn đổ qua từng cánh cửa buồng để ngỏ, làm

hành lang âm u như bị ngắt ra từng đoạn. Và trong lúc đi ngang các cửa buồng ngủ ấy, tôi đã thấy qua một khung cửa đáng người cô Kenton, một bóng đen trên nền cửa sổ, quay lại khẽ gọi, “Ông Stevens, phiền ông một chút.” Khi tôi đi vào, cô Kenton đã lại hướng mắt ra cửa sổ. Bên dưới, bóng những cây dương trên thảm cỏ ngả dài. Mé bên phải quang cảnh trước mắt, thảm cỏ dốc lên thành bờ cỏ thoải dẫn về chân chòi nghỉ mùa hè, và cha tôi hiện ra ở đó, một bóng người nhỏ bước từng bước chậm chạp, dồn hết tâm trí vào việc này - thực vậy, như cô Kenton đã tả rất đích đáng, “như mong tìm lại viên ngọc quý đã đánh rơi ở đó”.

Có một vài nguyên do rất xác đáng khiến ký ức này ở lại với tôi, như tôi mong được giảng rõ dưới đây. Thêm nữa, nghĩ cho kĩ thì có lẽ không có gì lạ rằng cô Kenton cũng lưu lại ấn tượng sâu xa đến thế, xét theo vài khía cạnh trong mối giao thiệp giữa cô với cha tôi trong những ngày đầu cô đến Dinh Darlington.

*

Cô Kenton và cha tôi đã tới nhà này gần như cùng một thời điểm - ấy là mùa xuân năm 1922 - do sự tôi cùng một lúc đánh mất cả người nội quản lẫn phó quản gia trước đó. Nguyên do của việc này là hai đương sự quyết định kết hôn với nhau và rời khỏi nghề phục vụ. Tôi vẫn luôn thấy những chuyện kết ngãi kiểu vậy là mối đe dọa lớn đối với trật tự trong nhà. Kể từ hồi ấy, tôi đã mất thêm không biết bao nhiêu nhân viên trong những hoàn cảnh tương tự. Đương nhiên, người ta phải chấp nhận rằng những chuyện kiểu đó luôn có khả năng xảy ra giữa các cô tớ gái và anh hầu trai, và một quản gia tốt khi lên cơ cấu nhân sự luôn phải tính trước điều đó; nhưng hôn sự kiểu đó giữa những người quản lý có thể khiến công việc bị đảo lộn hoàn toàn. Đương nhiên, nếu hai người nhân viên trong nhà tình cờ bén duyên nhau và quyết định kết hôn mà ta lại đi trách cứ thì thực hồ đồ; nhưng điều làm tôi thấy chướng là những kẻ - nhất là mấy cô nội quản thường xuyên mắc phải tật này - chẳng có chút tâm huyết với nghề mà, về cơ bản, chỉ chuyển từ nhà này qua nhà

khác để theo đòi giảng gió gió giảng. Loại người này thực là một vết nhơ cho tính chuyên nghiệp.

Nhưng xin khẳng định ngay rằng tôi không hề có ý kể cô Kenton vào khi phát biểu như trên. Đương nhiên, sau rốt, cô cũng rời khỏi đội ngũ nhân viên của tôi để kết hôn, nhưng tôi cam đoan rằng trong thời kỳ làm nội quản dưới sự giám sát của tôi, cô làm việc tận tụy hết mực và không bao giờ để bất cứ điều gì làm sao nhãng bốn phần nghề nghiệp.

Nhưng tôi sa đà sang chuyện khác rồi. Tôi đang thuật lại rằng chúng tôi lâm vào hoàn cảnh cần một lúc tìm cả nội quản lẫn phó quản gia, và cô Kenton đã tới - mang theo những thư giới thiệu nồng nhiệt khác thường, như tôi nhớ - để lãnh chân nội quản. Sự thể là cũng vào khoảng thời gian này, cha tôi đã kết thúc quãng sự nghiệp xuất sắc ở Nhà Loughborough khi ông John Silvers, ông chủ ông tạ thế, và có gặp đôi chút trở ngại khi tìm việc làm cũng như nơi ăn ở. Mặc dầu, đương nhiên, ông vẫn có trình độ chuyên môn hiếm thấy, nhưng giờ ông đã ở tuổi cổ lai hy và đương bị bệnh thấp khớp và nhiều chứng bệnh khác hành hạ. Vì thế, thực khó hình dung ông sẽ xoay trở thế nào khi cạnh tranh tìm việc cùng lứa quản gia trẻ hơn, được đào luyện kỹ càng hơn. Xét theo hoàn cảnh đó, có vẻ giải pháp hợp lý là mời cha tôi đem kinh nghiệm và tài năng dày dặn của ông về Dinh Darlington.

Theo tôi nhớ thì một sáng, không mấy lâu sau khi cha tôi và cô Kenton cùng tới nhận chân phục vụ ở đây, tôi đang ngồi trong phòng quản gia xem xét giấy tờ tại bàn thì nghe tiếng gõ cửa. Tôi nhớ đã hơi giật mình khi cô Kenton mở cửa, đi vào mà chưa chờ tôi lên tiếng mời. Cô mang trong tay một bình hoa lớn và mỉm cười nói, "Ông Stevens ạ, tôi cho là mấy bông hoa này sẽ làm phòng ông tươi sáng hơn chút đỉnh."

"Xin vô phép, nhưng ý cô là sao, cô Kenton?"

"Phòng ông tối tăm lạnh lẽo thế này thì buồn quá, ông Stevens ạ, trong khi ngoài trời thì nắng tưng bừng thế kia. Tôi nghĩ có hoa sẽ mang lại chút sức sống."

"Cô thực là chu đáo quá, cô Kenton."

“Thật buồn là trong này không nhận được nhiều nắng hơn. Tường phòng còn hơi ẩm nữa chứ, phải không ông Stevens?”

Tôi quay lại với sổ sách kế toán, miệng nói, “Tôi cho đấy chỉ là hơi nước đọng mà thôi, cô Kenton.”

Cô đặt bình hoa xuống bàn trước mặt tôi, rồi lại đưa mắt nhìn quanh phòng, nhận xét, “Nếu ông muốn, ông Stevens ạ, tôi có thể mang thêm hoa trong vườn vào cho ông.”

“Cô Kenton, tôi rất cảm ơn cô đã chu đáo. Nhưng phòng này không dành để tiêu khiển. Tôi hài lòng giữ cho những thứ gây sao nhãng ở mức tối thiểu.”

“Nhưng ông Stevens ạ, hẳn không việc gì phải ở trong cái phòng trống trọi không màu sắc đến như thế này chứ.”

“Căn phòng này như hiện tại đã phục vụ tôi rất tốt từ trước đến giờ, cô Kenton, dù tôi cũng cảm ơn cô đã có lòng lo cho. Thực tế là, bởi cô đã ở đây rồi, có một việc tôi cần nêu ra với cô.”

“Vâng ạ, ông Stevens.”

“Vâng, cô Kenton, một việc nhỏ thôi. Tình cờ ngày hôm qua tôi đi qua bếp thì nghe cô gọi người nào đó tên William.”

“Vâng ư, ông Stevens?”

“Thực vậy, cô Kenton. Tôi có nghe cô gọi ‘William’ vài lần. Xin được phép hỏi cô gọi ai bằng cái tên ấy?”

“Ồ, ông Stevens ạ, hẳn là tôi đang gọi cụ nhà rồi. Trong nhà này không có ai khác tên William cả, theo tôi hiểu.”

“Đây là một lỗi rất dễ mắc phải,” tôi nói và hơi mỉm cười. “Cho phép tôi đề nghị, cô Kenton, từ nay về sau hãy gọi cha tôi là ‘ông Stevens’. Nếu đang nói về ông với một bên thứ ba, để tránh nhầm với tôi, cô có thể gọi là ‘ông Stevens cha’. Hết sức cảm ơn cô, cô Kenton.”

Nói đến đó, tôi trở lại xem giấy tờ. Nhưng tôi rất ngạc nhiên thấy cô Kenton vẫn chưa lui đi. “Xin thứ lỗi, ông Stevens,” một lát sau cô nói.

“Vâng, cô Kenton.”

“E rằng tôi chưa thật hiểu ý ông muốn nói. Từ trước đến nay tôi đã quen gọi người làm cấp dưới bằng tên riêng, và thấy

không việc gì phải làm khác trong nhà này.”

“Một sai lầm rất dễ thông cảm, cô Kenton. Tuy nhiên, nếu cô bỏ công suy nghĩ về tình huống này, có thể cô sẽ nhận ra một người như cô mà lên giọng bề trên với một người như cha tôi là không phải phép.”

“Tôi vẫn chưa hiểu ý ông là gì, ông Stevens. Ông nói ‘một người như cô’, nhưng cứ theo tôi thấy tôi là nội quản trong nhà này, còn cha ông chỉ là phó quản gia.”

“Đương nhiên, về chức vụ thì ông chỉ là phó quản gia, như cô nói. Nhưng tôi ngạc nhiên là khiếu quan sát của cô lại chưa tỏ cho cô thấy rằng trên thực tế ông còn hơn thế. Hơn thế rất nhiều.”

“Hẳn nhiên khiếu quan sát của tôi còn thiếu sót vô kể, ông Stevens. Tôi mới chỉ quan sát thấy rằng cha ông là một phó quản gia có năng lực, và xưng hô với ông ấy theo cách đó. Quả thật hẳn ông ấy phải thấy phiền muộn lắm khi nghe gọi như thế từ một người như tôi.”

“Cô Kenton, từ ngữ khí của cô có thể thấy rằng đơn giản là cô chưa hề quan sát cha tôi. Nếu có thì hẳn cô đã nhận thấy rành rành rằng một người ở tuổi tác và địa vị như cô gọi ông là ‘William’ thì quả là không phải phép.”

“Ông Stevens, có lẽ tôi làm nội quản chưa được lâu, nhưng tôi dám nói rằng suốt trong thời gian tôi đã làm, thì năng lực của tôi đã nhận được vài lời đánh giá khá ưu ái.”

“Tôi không một khắc nào ngờ vực năng lực của cô, cô Kenton. Nhưng có tới cả trăm điều đáng ra đã phải cho cô thấy rằng cha tôi là một nhân vật tài năng khác thường và cô có thể học được vô số điều từ ông, giả như cô chịu khó quan sát tích cực hơn.”

“Tôi xin cảm tạ lời khuyên chí lý của ông, ông Stevens. Vậy xin ông hãy làm ơn chỉ vẽ cho tôi biết, tôi sẽ học được những điều tuyệt diệu nào nhờ quan sát cha ông?”

“Tôi ngờ rằng điều đó đã quá hiển nhiên trước mắt ai biết nhìn, cô Kenton.”

“Nhưng chúng ta đã xác nhận rằng tôi mắc khiếm khuyết đặc biệt về phương diện ấy, chẳng phải vậy sao?”

“Cô Kenton, nếu cô mang ấn tượng rằng ở tuổi mình cô đã hoàn thiện được mình, thì cô sẽ không bao giờ vươn được tới tầm cao mà hiển nhiên cô có khả năng đạt tới. Tỷ dụ như, tôi có thể nhận thấy cô thường vẫn còn không chắc vật gì nằm ở chỗ nào và món nào dùng ra sao.”

Điều này khiến cô Kenton tuồng như hơi chùng hững. Thực vậy, trong một giây, trông cô còn hơi ưu phiền. Rồi cô đáp, “Lúc mới đến tôi có gặp chút khó khăn, nhưng hẳn đó là chuyện thường.”

“À, cô thấy đó, cô Kenton. Nếu cô có quan sát cha tôi, đến nhà này sau cô một tuần, cô sẽ nhận ra rằng ông am hiểu ngôi nhà tuyệt đối hầu như ngay từ thời điểm bước chân vào Dinh Darlington.”

Cô Kenton tỏ vẻ nghĩ ngợi trước khi đáp lời về hơi ảm ức:

“Tôi tin rằng ông Stevens cha rất thành thạo công việc của ông, nhưng tôi cũng đoan chắc với ông, ông Stevens, rằng tôi rất thành thạo công việc của mình. Tôi sẽ nhớ gọi đầy đủ danh xưng của cha ông từ đây về sau. Còn giờ tôi xin cáo lỗi.”

Sau lần gặp gỡ này, cô Kenton không tìm cách đưa hoa vào phòng quản gia của tôi nữa, và nói chung, tôi rất mừng nhận thấy cô đã nhập vào công việc hết sức ấn tượng. Thêm nữa, có thể thấy rõ cô rất nghiêm túc với vai trò nội quản, và dẫu tuổi còn trẻ, có vẻ cô không hề khó khăn giành được sự kính trọng của người dưới quyền.

Tôi cũng nhận thấy quả thực cô bắt đầu gọi cha tôi là “ông Stevens”. Tuy nhiên một chiều, có lẽ chừng hai tuần sau cuộc đối thoại trong phòng tôi, tôi đang dở tay trong thư viện thì cô Kenton đi vào nói, “Xin thứ lỗi, ông Stevens. Nhưng nếu ông cần tìm xẻng thì nó ở ngoài sảnh đấy.”

“Xin phép cô, cô Kenton?”

“Xẻng của ông, ông Stevens. Ông để nó ở ngoài đó. Ông có cần tôi mang vào cho ông không?”

“Cô Kenton, tôi đâu có dùng đến xẻng.”

“À, vậy thì xin thứ lỗi, ông Stevens. Tôi đương nhiên đã đoán rằng ông dùng xẻng rồi để quên nó ngoài sảnh. Tôi xin lỗi đã

quấy quả ông.”

Cô dợm bước ra ngoài, nhưng đến cửa thì quay lại nói: “À, ông Stevens. Tôi định tự mình đem cất nhưng hiện giờ tôi có việc phải lên tầng trên. Không biết có thể phiền ông nhớ giúp được không?”

“Đương nhiên rồi, cô Kenton. Cám ơn cô đã nhắc nhở.”

“Việc nhỏ thôi mà, ông Stevens.”

Tôi lắng nghe tiếng chân cô đi qua sảnh rồi lên cầu thang lớn, rồi tự mình cũng đi ra cửa. Đứng từ cửa thư viện người ta có thể nhìn trọn sảnh vào, đến tận cửa chính bên kia sảnh. Lồ lộ trước mắt, gần như chính giữa sàn nhà đánh bóng lộn không có một món đồ nào trừ nó, là cây xẻng mà cô Kenton nhắc tới.

Tôi thấy đây là một lỗi vặt nhưng thực đáng bực mình: cây xẻng sẽ đập vào mắt bất cứ ai đứng nhìn không chỉ từ một trong năm cửa mở vào sảnh ở tầng trệt, mà cả từ cầu thang và cả trên ban công lầu một nữa. Tôi đi qua sảnh, đã nhặt hẳn món đồ chướng mắt lên thì mới hiểu hết hàm ý của việc này: như tôi nhớ, cha tôi vừa quét dọn sảnh vào, quăng nửa tiếng trước. Ban đầu tôi thấy khó mà kết luận một lỗi lầm như thế lại là của cha tôi được. Nhưng ngay sau đó tôi tự nhủ rằng những lỗi làng vặt vãnh như vậy có thể rơi xuống đầu bất cứ ai lúc này hay lúc khác, và rồi mau chóng chuyển sang bực bội cô Kenton vì đã toan làm rộn lên về một chuyện không đáng như vậy.

Rồi chưa đầy một tuần sau, tôi vừa rời bếp đi trên hành lang hậu thì cô Kenton từ buồng nội quản đi ra, thốt ra một nhận xét hẳn là đã nhảm lại nhiều lần: đại ý là mặc dầu cô hết sức áy náy phải đề cập với tôi những sai lỗi của người dưới quyền tôi, thì hai chúng tôi cũng phải phối hợp với nhau, và cô mong rằng tôi sẽ không ngần ngại làm điều tương tự nếu có phát hiện thấy thiếu sót nào trong công việc của giới phụ nữ trong nhà. Tiếp đó cô nhận xét rằng trong số đồ bạc đã bày lên phòng ăn, có vài món còn vương rõ vết xi đánh bóng. Có một cây nĩa đuôi hươu như đen kịt. Tôi cảm ơn cô, và cô lại lui về buồng mình. Hiển nhiên, cô không cần phải nói thêm rằng bộ đồ ăn bạc là một

trong những nhiệm vụ chính của cha tôi và ông hết sức hãnh diện về việc đó.

Rất có thể vẫn còn vài sự việc đại loại mà giờ tôi đã quên. Dầu sao thì, theo tôi nhớ, tình hình lên tới đỉnh điểm vào một buổi chiều mưa phùn xám xịt, tôi đang trong phòng bị a chăm sóc cho dây cúp thể thao của Huân tước Darlington. Cô Kenton vừa bước vào, đứng bên cửa nói, “Ông Stevens, tôi vừa nhận thấy ngoài này có một điều làm tôi băn khoăn quá.”

“Là gì vậy, cô Kenton?”

“Có phải đức ngài có ý rằng bức tượng sứ kiểu Trung Quốc trên chiếu nghỉ tầng trên cần đổi chỗ với bức ở ngoài cửa này không?”

“Tượng sứ ư, cô Kenton?”

“Vâng, ông Stevens. Ông sẽ thấy bức tượng sứ mọi khi ở trên chiếu nghỉ giờ lại đang đứng ngoài cửa này.”

“Cô Kenton, tôi e rằng cô đang có chút nhầm lẫn.”

“Tôi không cho rằng tôi có chút nhầm lẫn nào, ông Stevens. Tôi đã dụng công để ý xem vật nào ở đâu là đúng chỗ trong nhà. Tôi đoán rằng đã có ai đó đem mấy bức tượng sứ ra đánh bóng rồi trả về nhầm chỗ. Nếu ông còn nghi ngờ, ông Stevens, có lẽ ông sẽ dành chút thời gian bước ra ngoài này tự mình quan sát xem.”

“Cô Kenton, hiện thời tôi đang bận.”

“Nhưng ông Stevens, ông có vẻ không tin điều tôi đang nói với ông. Vì thế tôi phải yêu cầu ông bước ra ngoài cửa này và tận mắt nhìn xem.”

“Cô Kenton, hiện thời tôi đang bận và sẽ xem đến ngay sau đây. Việc đó hoàn toàn không có gì khẩn cấp.”

“Ông Stevens, vậy ông đồng ý rằng tôi không nhầm lẫn về điểm này.”

“Tôi không đồng ý điều gì như vậy cả, cô Kenton, cho tới khi tôi đã có dịp xem đến. Tuy nhiên hiện thời thì tôi đang bận.”

Tôi quay lại lo việc của mình, nhưng cô Kenton vẫn đứng ở khung cửa nhìn tôi. Cuối cùng cô nói:

“Tôi thấy rằng ông sắp xong việc ngay thôi, ông Stevens. Tôi đợi ông bên ngoài, để vấn đề có thể có kết luận khi ông ra khỏi phòng.”

“Cô Kenton, tôi thấy rằng cô đang khiến việc này có một vẻ cấp thiết hoàn toàn không xứng đáng với nó.”

Nhưng cô Kenton đã ra ngoài, và quả vậy, trong lúc tôi tiếp tục công việc, thì thoảng lại có một tiếng chân đưa hay âm thanh nào khác nhắc tôi rằng cô vẫn còn đó ngoài cửa kia. Vì thế tôi quyết định sẽ bắt tay làm thêm một vài công việc khác trong phòng bi a, đồ rằng sau ít lâu cô sẽ nhận ra việc làm của mình nực cười đến mức nào và đi khỏi đó. Nhưng kha khá thời gian đã trôi qua, những công việc có thể hoàn thành bằng những đồ lau rửa hiện có trong tay tôi đã cạn, mà rành rành là cô Kenton vẫn ngoài kia. Quyết không phí hoài thêm thời gian vì sự tình ngớ ngẩn này, tôi xem xét khả năng rời khỏi phòng qua lối cửa sổ lớn. Điểm trừ của kế hoạch này là tình hình thời tiết hiện tại - nói cách khác là sự hiện hữu của vài vũng nước và mảng bùn lớn ngoài cửa sổ - và người ta sẽ cần quay lại phòng bi a lúc nào đó để cài chốt cửa sổ từ bên trong. Sau rốt tôi cũng kết luận phương án tốt nhất là chỉ đơn giản đi ra khỏi phòng thực đột ngột, bằng một nhịp độ thực quả quyết. Thế là tôi rất khế khàng vào một vị trí thích hợp làm xuất phát điểm cho cuộc hành quân ấy, và ôm chặt các đồ lau rửa vào người, đã đưa được mình ra khỏi cửa và vượt ra hành lang vài bước trước khi cô Kenton, có phần sửng sốt, kịp lấy lại bình tĩnh. Tuy thế cô cũng lấy lại bình tĩnh khá nhanh, và một khắc sau tôi thấy cô đã vượt lên đứng trước mặt tôi, mà thực tế là chắn đường tôi.

“Ông Stevens, bức tượng kia ở đây là không đúng, ông có đồng ý không?”

“Cô Kenton, tôi rất bận. Tôi ngạc nhiên là cô không còn việc gì khác cần làm mà chỉ đứng ngoài hành lang cả ngày.”

“Ông Stevens, bức tượng ở đây đúng hay không đúng?”

“Cô Kenton, tôi cần phải yêu cầu cô hạ giọng xuống.”

“Còn tôi cần phải yêu cầu ông, ông Stevens, quay lại nhìn bức tượng kia.”

“Cô Kenton, xin hãy hạ giọng xuống. Nhân viên dưới kia sẽ nghĩ gì khi nghe chúng ta gào thét võ cả họng về việc bức tượng nào là đúng hay không đúng?”

“Thực tế là, ông Stevens, mọi bức tượng sứ trong nhà này đã bản từ khá lâu rồi! Và giờ chúng lại còn không ở đúng vị trí nữa!”

“Cô Kenton, cô đang hành xử rất nực cười đấy. Giờ thì xin cô vui lòng tránh ra cho tôi đi giúp.”

“Ông Stevens, ông làm phước nhìn bức tượng đằng sau ông có được không?”

“Nếu cô thấy chuyện này quan trọng đến như vậy, cô Kenton, tôi sẽ chấp nhận rằng bức tượng sứ sau lưng tôi rất có thể đã được đặt vào vị trí không dành cho nó. Nhưng tôi phải nói rằng tôi có phần không hiểu vì sao cô phải lo lắng đến vậy về những lỗi lầm thuộc loại rất nhỏ nhặt này.”

“Bản thân những lỗi lầm ấy có thể nhỏ nhặt, ông Stevens, nhưng chính ông cũng phải nhận thấy ý nghĩa lớn hơn của chúng chứ.”

“Cô Kenton, tôi không hiểu ý cô. Giờ thì xin phép cô làm ơn cho tôi đi qua.”

“Thực tế là, ông Stevens, cha ông được giao cho những nhiệm vụ vượt quá sức một người ở độ tuổi ông ấy có thể gánh vác được.”

“Cô Kenton, thực tình cô không hiểu mình đang nói gì.”

“Cho dù xưa kia cha ông có là người thế nào, ông Stevens, thì sức lực của ông ấy giờ cũng đã hao mòn rất nhiều rồi. Ý nghĩa thực sự của những ‘lỗi lầm nhỏ nhặt’ như ông nói là thế đấy, và nếu ông không thêm để tâm, thì chẳng mấy nổi sẽ đến lúc cha ông phạm phải một lỗi lầm ở mức độ nghiêm trọng mà xem.”

“Cô Kenton, cô đang biến mình thành trò đùa đấy.”

“Tôi xin lỗi, ông Stevens, nhưng tôi không thể không nói tiếp. Tôi tin rằng có rất nhiều nhiệm vụ giờ cần được cất bớt cho cha ông. Chẳng hạn, không nên bắt ông tiếp tục bưng các khay đồ chất nặng nữa. Nhìn tay ông run run mỗi bữa ăn tối khi bưng khay vào thật không thể không lấy làm e ngại. Không sớm thì muộn sẽ tới lúc khay đồ trên tay ông đổ vào lòng vị khách nào

đó. Và hơn nữa, ông Stevens, thực tình tôi vô cùng áy náy phải nói điều này, nhưng tôi đã để ý thấy mũi của cha ông.”

“Thực vậy ư, cô Kenton?”

“Tôi rất tiếc phải nói đúng là vậy, ông Stevens. Tối hôm trước nữa tôi nhìn cha ông bưng khay bước rất chậm về phía phòng ăn, và tôi e rằng đã quan sát thấy rất rõ một giọt nước lớn ở chót mũi ông lũng lảng trên mấy bát xúp. Tôi cho rằng phong cách phục vụ bàn như vậy khó có thể coi là giúp ngon miệng được.”

Nhưng giờ nghĩ lại cho kỹ, tôi không dám chắc rằng cô Kenton đã nói năng bạo dạn đến như vậy ngày hôm đó. Đương nhiên, trải qua nhiều năm làm việc bên nhau, chúng tôi dần dà đã có những cuộc trao đổi rất thẳng thắn, nhưng buổi chiều tôi đang nhớ lại đây vẫn còn là hồi kỳ đầu mỗi quen biết và tôi nghĩ đến cả cô Kenton cũng khó có thể bạo đến như vậy. Tôi không rõ liệu cô có thể thực sự đi tới chỗ nói một điều như “bản thân những lỗi lầm ấy có thể nhỏ nhặt, nhưng chính ông cũng phải nhận thấy ý nghĩa lớn hơn của chúng”. Thực tế là, giờ nghĩ lại, tôi có cảm giác rằng có thể chính Huân tước Darlington đã nói câu ấy với tôi cái lần ngài cho gọi tôi vào thư phòng, khoảng hai tháng sau cuộc đối đáp với cô Kenton ngoài phòng bi a. Tới lúc đó thì tình hình cha tôi đã thay đổi rõ rệt sau ngày ông bị ngã.

*

Cửa thư phòng ở vị trí xuất hiện ngay trước mắt khi người ta đi xuống cầu thang lớn. Ngày nay, ngoài cửa phòng đặt một tủ kính bày đủ thứ đồ trang trí của ông Farraday, nhưng thời Huân tước Darlington, từ đầu chí cuối, tại vị trí đó là một tủ sách chứa rất nhiều những bộ bách khoa thư, có cả trọn bộ *Britannica*. Huân tước ưa đứng trước tủ sách này ngắm nghía các gáy sách đúng vào thời điểm tôi đi xuống cầu thang, và đôi khi để tôi đậm thêm ấn tượng đây là cuộc gặp tình cờ, ngài còn rút hẳn một tập ra, giả như đương mãi mê với nó chờ tôi đi xuống hẳn. Rồi tới lúc tôi đi ngang, ngài sẽ bảo, “À, Stevens này, có một điều tôi vẫn định bụng nói với anh.” Đến đó, ngài sẽ tiện chân trở lại vào thư phòng, vẫn tỏ vẻ đắm đuối vào cuốn sách đương mở trong tay. Chọn cách tiếp cận này, Huân tước trăm lần như một điều vì

ngượng ngùng trước điều cần truyền đạt, và ngay cả khi cánh cửa thư phòng đã khép chặt sau lưng, ngài vẫn thường ra đứng bên cửa sổ, làm bộ giả xem cuốn từ điển suốt trong khi trao đổi với tôi.

Tiện đây xin nói thêm, việc mà giờ đây tôi thuật lại cũng là một trong rất nhiều sự kiện tôi có thể kể hầu quý vị nhằm chứng nhận cho bản chất rút rắt khiêm cung của Huân tước Darlington. Những năm gần đây đã có vô khối điều tầm bậy nói ra hay viết ra về huân tước cùng vai trò quan trọng dần dà ngài đã mang lấy trong những việc quốc gia đại sự, và có vài kẻ, ếch ngồi đáy giếng, còn khẳng định rằng động cơ của huân tước là lòng vị kỷ hay ngạo mạn. Tôi xin nói rõ ở đây rằng chẳng điều gì sai lầm hơn thế. Việc sau này ngài ra mặt công khai đến như vậy là hoàn toàn trái ngược với bản tính thông thường của Huân tước Darlington, và tôi có thể đoán chắc rằng huân tước chịu lời thuyết phục mà vượt ra ngoài thói quen ẩn dật của ngài chỉ là vì ý thức sâu sắc về bốn phận đạo đức. Ngày nay người khác có nói gì về huân tước đi nữa - mà tôi đã nói, phần đa là hoàn toàn tầm bậy - thì tôi cũng cam đoan rằng ngài từ sâu thẳm là một con người đầy tính thiện, một người cao quý theo đúng nghĩa của từ này, và ngày nay tôi vẫn tự hào đã dành những năm tháng đẹp nhất trong đời phục vụ cho một con người như thế.

Trong cái buổi chiều cụ thể tôi đang kể đến đây, huân tước hẳn vẫn còn ở độ ngũ tuần, nhưng theo tôi nhớ mái đầu ngài đã bạc cả, vóc người cao mảnh khảnh đã thấp thoáng nét không mà những năm cuối đời sẽ thực rõ nét ở ngài. Hầu như không rời mắt khỏi cuốn sách trên tay, ngài hỏi, “Cha anh đã khá hơn chưa, Stevens?”

“Tôi lấy làm mừng được nói rằng ông đã bình phục hoàn toàn, thưa ngài.”

“Thực là tin rất tốt, Stevens ạ. Tin rất tốt.”

“Đa tạ ngài.”

“Stevens này, liệu đã từng có... ờ... có bất kể *dấu hiệu* gì không? Tôi muốn nói là, dấu hiệu cho thấy cụ nhà biết đâu có

thể đã mong gánh nặng của mình được giảm bớt đi chút ít? Ý tôi là ngoài việc cụ bị ngã kia.”

“Thưa ngài, như tôi đã nói, có vẻ cha tôi đã bình phục hoàn toàn và tôi tin rằng ông vẫn là người tương đối đáng tin cậy. Đúng thực là gần đây có một hai lỗi nhỏ xuất hiện trong sự thi hành bốn phận của ông, nhưng lần nào cũng chỉ là những sự việc có tính chất rất vặt vãnh.”

“Nhưng chúng ta không ai muốn thấy một việc thuộc loại ấy xảy ra lần nữa, phải không? Ý tôi là việc cha anh bị quy hay những chuyện tương tự.”

“Thực vậy, thưa ngài.”

“Và đương nhiên, nếu việc đó có thể xảy ra ngoài tầm cở, thì cũng có thể xảy ra bất cứ đâu. Bất cứ khi nào.”

“Đúng vậy, thưa ngài.”

“Có thể xảy ra trong bữa tối, khi cha anh đang đứng phục vụ bàn, chẳng hạn.”

“Điều đó là có thể, thưa ngài.”

“Stevens này, đoàn đại biểu đầu tiên sẽ đến đây sau chưa đầy hai tuần nữa.”

“Chúng ta đã sẵn sàng mọi mặt, thưa ngài.”

“Những điều xảy ra trong ngôi nhà này từ thời điểm đó trở đi có thể sẽ để lại những hệ quả đáng kể.”

“Đúng vậy, thưa ngài.”

“Những hệ quả *rất đáng kể*, tôi phải nói vậy. Đối với toàn bộ tiến trình Âu châu đang đi theo. Xét theo thân phận những người sẽ hiện diện ở đây, tôi không nghĩ nói thế là cường điệu.”

“Không hề, thưa ngài.”

“Đây hoàn toàn không phải lúc chấp nhận những nguy cơ có thể phòng tránh được.”

“Thực vậy, thưa ngài.”

“Stevens này, vấn đề cha anh rời khỏi đây hoàn toàn không được đặt ra. Chỉ đơn giản là anh được yêu cầu tính toán lại những nhiệm vụ của ông mà thôi.” Và đó là lúc, tôi nghĩ vậy, huân tước nói khi lại hạ mắt xuống tập sách và lúng túng di tay

trên một mục từ, “Bản thân những lỗi lầm ấy có thể nhỏ nhất, Stevens ạ, nhưng chính anh cũng phải nhận thấy ý nghĩa lớn hơn của chúng. Thời kỳ đáng tin cậy của cha anh đã qua rồi. Không được giao cho ông nhiệm vụ trong bất kỳ phạm vi nào mà một sai lỗi có thể đe dọa tới thành công của cả cuộc hội đàm sắp tới.”

“Thực vậy, thưa ngài. Tôi rất hiểu điều đó.”

“Vậy thì tốt. Vậy tôi sẽ để anh suy nghĩ về việc đó, Stevens.”

Phải nói thêm rằng Huân tước Darlington đã tận mắt chứng kiến cú ngã của cha tôi, khoảng một tuần trước đó. Huân tước đương thù tiếp hai vị khách, một thiếu phụ và một khách nam, trong chòi nghỉ mùa hè, và đã chứng kiến cha tôi tiến lại qua thảm cỏ, bưng theo một khay đồ giải khát rất được trông đợi. Thảm cỏ dốc thoải lên vài thước dẫn đến chòi nghỉ, và thời đó, cũng như bây giờ, có bốn phiến đá lớn chôn vào nền cỏ làm bậc thang để qua đoạn dốc này. Chính khu vực những bậc thang đó là nơi cha tôi đã ngã, khiến vật dụng trên khay rơi vãi khắp nơi - ấm chén, đĩa lót, bánh kẹp, bánh ngọt - quanh mặt cỏ nơi bậc thang trên cùng. Tới lúc tôi nhận được tin cấp báo và tới nơi, huân tước cùng hai vị khách đã đặt cha tôi nằm nghiêng, dùng gối ngồi và thảm trải trong chòi nghỉ mùa hè làm gối đầu và chặn đắp cho ông. Cha tôi đã bất tỉnh, mặt ông mang sắc xám bất thường. Đã có người đi gọi bác sĩ Meredith, nhưng huân tước nhận định rằng cần đưa cha tôi ra khỏi nơi nắng chiếu trước khi bác sĩ đến nơi; do đó một chiếc ghế có bánh xe đã được đưa đến, và sau rất nhiều khó nhọc, cha tôi được chuyển vào trong nhà. Tới khi bác sĩ đến nơi, ông đã hỏi lại đáng kể, và vị bác sĩ chẳng mấy đã lại ra về, chỉ phát biểu mơ hồ rằng cha tôi có vẻ đã hơi “lao lực”.

Sự vụ đó hẳn nhiên là một nỗi hổ thẹn lớn đối với cha tôi, và tới khoảng thời gian có cuộc đối thoại trong thư phòng huân tước, thì ông đã từ lâu quay lại bận rộn làm việc như từ trước đến giờ. Do vậy, làm thế nào đề cập đến chủ đề cắt giảm công việc cho ông không phải là một câu hỏi người ta dễ giải quyết. Khó khăn của tôi còn phức tạp thêm bởi vài năm nay cha con tôi

- vì nguyên do nào đó tôi chưa bao giờ thực sự dò ra được - càng lúc càng bớt trò chuyện với nhau. Tới nỗi sau khi ông tới ở Dinh Darlington, cả những trao đổi ngắn ngủi cần có khi truyền đạt thông tin công việc cũng đều diễn ra trong cảm giác ngại ngùng của đôi bên.

Sau cùng, tôi quyết định phương án khả thi nhất là trao đổi riêng tư trong phòng ông, như vậy ông sẽ có cơ hội được một mình suy ngẫm tình hình mới khi tôi đã lui về. Muốn gặp cha tôi trong phòng riêng thì chỉ có hai thời điểm, hoặc sáng sớm trước mọi việc khác, hoặc đêm muộn khi mọi việc đã xong. Tôi chọn cách đầu, và một buổi sáng sớm, tôi trèo lên căn phòng gác mái nhỏ trên cùng khu nhà ở của gia nhân và gõ nhẹ.

*

Trước dịp này tôi hiếm khi có lý do vào phòng cha, và tôi lại một lần nữa sửng sốt nhận ra nó nhỏ hẹp trơ trọi nhường nào. Thực tế, tôi còn nhớ đã có cảm tưởng mình vừa bước vào một căn xà lim, nhưng hẳn cảm giác này đem lại là do ánh sáng nhạt nhạt đầu ngày không kém gì do không gian chật chội hay bốn bức tường trơ trọi. Bởi cha tôi đã mở rèm và đương ngồi nơi mép giường, râu ria đã cạo, đồng phục đầy đủ, thấy rõ ông đã ngồi đó hồi lâu nhìn bầu trời sáng dần. Ít nhất người ta cũng phải giả định rằng ông nhìn bầu trời, bởi qua ô cửa sổ nhỏ chẳng thấy gì mấy ngoại trừ ngói và máng xối mái nhà. Đèn dầu bên bàn đã tắt lửa, và khi thấy ông đưa cặp mắt chê trách nhìn cây đèn tôi cầm theo để dẫn đường lên cầu thang khắp khếnh, tôi vội vịn thấp bấc. Khi làm thế, tôi càng nhận rõ hiệu ứng của ánh sáng yếu ớt lọt vào phòng, tô viền các đường nét khắc khổ, hằn vết và hăng còn đáng kính sợ trên mặt cha tôi.

“À,” tôi nói và cười khục một tiếng, “lẽ ra tôi phải biết cha đã trở dậy sẵn sàng cho công việc trong ngày.”

“Ta đã dậy cách đây ba tiếng đồng hồ rồi,” ông nói, nhìn tôi từ đầu đến chân khá lạnh lùng.

“Tôi hy vọng chúng viêm khớp không làm cha mất giấc.”

“Ta đã ngủ đủ.”

Cha tôi vươn tay tới chiếc ghế duy nhất trong phòng, một chiếc ghế gỗ nhỏ, vịn cả hai tay vào lưng ghế bẩy người đứng lên. Nhìn ông đứng thẳng trước mặt mình, tôi không còn biết chắc đáng người còng gập xuống mọi khi có bao nhiêu phần là do yếu nhược, còn bao nhiêu phần là thói quen nương theo cái trần phòng dốc gắt.

“Thưa cha, tôi tới đây để truyền đạt lại một điều với cha.”

“Vậy truyền đạt lại ngắn gọn, súc tích thôi. Ta không bỏ cả sáng nghe cậu nói chuyện phiếm được đâu.”

“Nếu vậy, thưa cha, tôi sẽ đi thẳng vào vấn đề.”

“Vậy đi thẳng vào vấn đề cho xong đi. Có người còn phải bắt tay vào việc ở đây.”

“Được thôi. Bởi cha muốn tôi ngắn gọn, tôi sẽ cố hết sức làm theo ý cha. Thực tế là, cha đã ngày càng trở nên suy yếu. Đến mức ngay cả các bốn phận phó quản gia giờ cũng đã quá sức cha. Huân tước có nhận định, và thực sự là bản thân tôi cũng vậy, rằng chừng nào cha còn được phép tiếp tục thực hiện những bốn phận hiện giờ, chừng đó cha còn là một mối đe dọa thường trực đối với việc điều hành trơn tru căn nhà này, và đặc biệt là với cuộc gặp mặt quốc tế quan trọng vào tuần tới.”

Gương mặt cha tôi trong ánh sáng mờ mờ không thể hiện bất cứ cảm xúc nào.

“Cảm nghĩ chung chủ yếu là,” tôi nói tiếp, “cha không nên đảm trách việc phục vụ bên bàn nữa, dù trong trường hợp có mặt tân khách hay không.”

“Ta đã phục vụ bên bàn từng ngày một trong suốt năm mươi tư năm vừa qua,” cha tôi nhận xét, giọng ông vẫn tuyệt đối thông thả.

“Thêm nữa, quyết định đưa ra là cha sẽ không bưng khay chất nặng dù là loại đồ gì, dù chỉ đi một quãng ngắn. Xét theo những hạn chế đó, và biết rằng cha rất trân trọng sự súc tích, tôi đã liệt kê ở đây danh sách đã điều chỉnh các bốn phận giao cho cha từ nay trở đi.”

Tôi thực không có ý muốn đưa vào tay ông tờ giấy đang cầm, nên đặt xuống cuối giường ông. Cha tôi chỉ liếc nhìn, rồi đưa

mắt trở lại nhìn tôi. Mặt ông vẫn không gợn chút cảm xúc nào, đôi bàn tay đặt trên lưng ghế trông vẫn hoàn toàn ung dung. Dù ông đứng thẳng hay còng xuống, vẫn không thể không cảm thấy sức áp đảo từ vóc người đồ sộ của ông - sức áp đảo đã từng khiến hai vị khách say mềm phải tỉnh hẳn sau băng ghế. Cuối cùng, ông nói:

“Lần đó ta chỉ ngã vì mấy bậc thang. Bậc thang bị vênh. Phải nói Seamus sửa lại trước khi có người khác ngã.”

“Thực vậy. Dầu thế nào, tôi có thể có lời đảm bảo rằng cha sẽ nghiên cứu danh sách kia được không?”

“Phải nói Seamus sửa lại mấy bậc thang. Chắc chắn phải làm xong trước khi khách mời từ châu Âu đến.”

“Thực vậy. Giờ thì chúc buổi sáng tốt lành, thưa cha.”

Buổi chiều hè mà cô Kenton nhắc đến trong thư diễn ra chỉ ít lâu sau cuộc gặp gỡ ấy - thực vậy, có thể còn chính là chiều tối ngày hôm ấy. Tôi không nhớ nổi mục đích gì đã đưa tôi lên tầng cao nhất trong nhà, nơi có các buồng ngủ dành cho khách sắp hàng bên hành lang. Nhưng có lẽ tôi đã nói, hãy còn sống động trong trí tôi luồng nắng cuối ngày đổ vào qua từng khung cửa mở, vắt ngang hành lang thành những cột sáng màu cam. Và giữa lúc tôi tiếp tục đi qua những buồng ngủ không người ấy, dáng người cô Kenton, chỉ là một bóng đen trên nền ô cửa sổ một buồng trong số đó, đã lên tiếng gọi tôi.

Khi người ta nghĩ về việc này, về thái độ thường trực của cô Kenton mỗi khi nói với tôi về cha tôi trong thời kỳ đầu cô ở Dinh Darlington, thì chẳng có gì lạ là ký ức về chiều hôm đó lại còn trong cô suốt bao nhiêu năm như vậy. Hẳn nhiên cô đã cảm thấy chút ăn năn khi đứng bên tôi qua cửa sổ theo dõi dáng hình cha tôi bên dưới. Bóng những cây dương đã đổ qua phần lớn thảm cỏ, nhưng mặt trời còn soi sáng đầu bên kia nơi thảm cỏ dốc lên về phía chòi nghỉ mùa hè. Có thể thấy rõ cha tôi đương đứng bên bốn bậc thang đá ấy, chìm trong nghĩ ngợi. Cơn gió nhẹ khẽ lùa mái tóc ông. Rồi trước mắt chúng tôi, ông bước thực chậm lên từng bậc. Tới bậc trên cùng, ông quay người đi trở xuống, nhanh chân hơn một chút. Lại quay người, ông đứng yên thêm vài giây,

suỵ tính nhữg bậc thang trước mặt. Cuối cùng, ông lại đi lên lần hai, thận trọng dò từng bước. Lần này ông đi tiếp qua thảm cỏ cho tới khi đến gần sát chòi nghỉ, rồi quay lưng chậm chạp bước vòng lại, mắt không rời mặt đất. Thực tế là, tôi cũng không có cách nào diễn tả dáng bộ ông vào thời điểm đó hay hơn câu cô Kenton viết; quá đúng là “như muốn tìm một viên ngọc quý đã đánh rơi ở đó”.

*

Nhưng tôi thấy là mình đương bị cuốn vào nhữg kỷ niệm này, như thế có lẽ hơi dớ dẩn. Suy cho cùng, chuyến đi hiện tại là một dịp hiếm hoi giúp tôi thưởng thức cho đầy đặn phong cảnh huy hoàng của vùng thôn quê nước Anh, và tôi biết về sau sẽ hối tiếc không tả xiết nếu lúc này để cho mình sao nhãng không phải lối. Thực tế là tôi nhận ra mình còn chưa hề chép lại chút gì về chặng du hành tới thành phố này - ngoại trừ nhắc qua lúc nghỉ trên khúc đường ven đồi ngay khi vừa khởi hành. Đây quả là một thiếu sót, xét theo cuộc xe ngày hôm qua đã để lại niềm thích thú đến mức nào trong tôi.

Tôi đã lên lịch trình rất kĩ càng cho chặng đi đến Salisbury, hầu như tránh hết nhữg đường cái; có lẽ sẽ có người thấy tuyến đường này vòng vèo không đáng, nhưng đấy lại là tuyến đường cho phép tôi nếm trải khá nhiều nhữg cảnh đẹp theo lời khuyên của bà J. Symons trong bộ sách tuyệt diệu của bà, và phải nói rằng chuyến đi làm tôi rất vui lòng. Tuyến đường đưa tôi qua chủ yếu là nhữg vùng nông trại, giữa mùi hương đồng cỏ dễ chịu, và thường thường tôi thấy mình đang hăm cho cỗ Ford chạy chậm rì rì để được ngắm trọn vẹn hơn một dòng suối hay thung lũng đang chạy ngang. Nhưng theo tôi nhớ, tôi không xuống xe lần nữa mãi cho đến khi đã đến rất gần Salisbury.

Lúc đó, tôi đang chạy xe trên một khúc đường thẳng rất dài, hai bên là nhữg đồng cỏ rộng. Thực tế, đến khúc đó mặt đất đã trải ra bằng phẳng rộng rãi, cho phép người ta nhìn khá xa theo mọi hướng, và đỉnh tháp Nhà thờ chính tòa Salisbury đã hiện ra trên đường chân trời trước mặt. Cảm giác thanh bình đã đến

choán lấy tôi, và vì thế tôi tin rằng mình đã lại ghìm xe chạy rất chậm - hẳn là không quá mười lăm dặm một giờ. Như vậy cũng hay, vì đến phút cuối tôi mới nhận ra trước mặt có con gà mái đương qua đường thực đứng đĩnh. Tôi hãm xe lại chỉ cách con vật chừng một hai bước, đến lượt mình nó cũng nghỉ chân, đứng lại ngay giữa đường trước mặt tôi. Sau chừng một khắc nó vẫn không di dịch, tôi đành viện đến còi xe, nhưng cũng chẳng có tác dụng gì hơn ngoài khiến con vật khởi sự mổ mổ vật gì trên mặt đất. Hết chịu nổi, tôi ra khỏi xe nhưng còn chưa nhắc chân khỏi thềm cửa xe thì đã nghe giọng nữ gọi với, “Ồi, xin ngài bỏ lỗi cho.”

Liếc nhìn quanh, tôi nhận ra mình vừa chạy qua một ngôi nhà dân nhỏ bên đường, từ trong nhà đó một phụ nữ trẻ mặc tạp dề vừa hồi hả chạy ra, hẳn nhiên vì bị tiếng còi xe đánh động. Chạy qua tôi, chị ta bế bổng con gà lên ẵm trên tay trong lúc lại xin lỗi tôi lần nữa. Sau khi nghe tôi cam đoan rằng chẳng có gì phương hại, chị nói, “Thật ơn ngài quá vì đã dừng xe không cán vào Nellie bé bỏng. Cô ả ngoan lắm, toàn cho nhà cháu những quả trứng to thật là to. Ngài dừng xe thật là tốt quá. Mà chắc ngài cũng đang vội vàng đi đâu.”

“Ồ không, có vội vàng gì đâu,” tôi mỉm cười đáp. “Lần đầu tiên sau nhiều năm, tôi được phép cho mình thông thả, và tôi phải nói rằng đây đúng là một điều thích thú. Tôi chỉ đang hưởng thú chạy xe thôi, cô thấy đấy.”

“Ồ thật là hay quá, thưa ngài. Và cháu đoán là ngài đang trên đường đi Salisbury, phải không?”

“Thực vậy, tôi đang đến đó. Thực tế là đằng kia là nhà thờ chính tòa phải không? Tôi nghe nói đấy là một tòa kiến trúc rất lộng lẫy.”

“Vâng, đẹp lắm, thưa ngài, đẹp lắm. À, nói thật với ngài nhá, cháu cũng chả có mấy dịp đi Salisbury cả, nên cháu cũng chả biết rõ nhìn gần thì nó thế nào đâu. Nhưng nói ngài nghe, chúng cháu ở đây hôm nào cũng thấy tháp cả. Nhiều hôm thì mù đến nỗi cứ như là nó biến mất tăm rồi í. Nhưng ngài cũng thấy đấy, ngày đẹp trời như hôm nay thì thực là đẹp.”

“Dễ thương thực.”

“Cháu thật biết ơn ngài đã không cán vào Nellie nhà cháu, thưa ngài. Ba năm trước con rùa nhà cháu bị cán chết, đúng là quanh chỗ này luôn. Cả nhà cháu ai cũng buồn rĩ cả ra.”

“Thực bi thảm,” tôi nghiêm giọng đáp.

“Bi thảm thật đấy, thưa ngài. Nhiều người cứ nghĩ dân làm nông chúng cháu thấy thú vật bị thương, bị chết quen đi rồi/nhưng nào phải thế đâu. Thằng bé nhà cháu khóc mấy ngày trời. Ngài dừng xe vì Nellie thật là tốt quá, thưa ngài. Nếu ngài có lòng ghé nhà xơi hộp trà, bởi đằng nào ngài cũng đã ra khỏi xe, thì nhà cháu sẽ rất mừng. Có chút trà giúp ấm bụng khi đi đường.”

“Cô mời tôi thực là tử tế, nhưng thực tình là tôi phải đi tiếp thôi. Tôi muốn tới Salisbury sớm để nhìn ngắm những cảnh đẹp của thành phố.”

“Quả là thế, thưa ngài. Vậy thôi, lần nữa cảm ơn ngài.”

Tôi lại lên đường, và vì có lẽ nào đó - có lẽ vì trông chờ sẽ có thêm nhiều gia súc gia cầm đi ngang - vẫn giữ nguyên tốc độ chậm rì khi này. Phải nói rằng cuộc gặp nho nhỏ này đã có gì đó khiến tôi rất phấn khởi; lòng tốt giản đơn mà vì nó tôi được cảm ơn, cũng như lòng tốt giản đơn đáp lại tôi, cách nào đó đã khiến tôi vô cùng hân hoan khi nghĩ tới công trình đang chờ đợi tôi trong mấy ngày sắp tới. Vậy là chính trong tâm trạng đó mà tôi đến đây, Salisbury.

Nhưng có lẽ tôi nên quay lại đầu chỉ một chốc câu chuyện về cha tôi; bởi tôi nhận ra có thể khi này đã tạo ấn tượng mình cư xử có phần thô vụng khi nói đến năng lực giảm sút của ông. Thực tế là, tôi không có mấy lựa chọn khác ngoài tiếp cận vấn đề theo cách đó - mà hẳn quý vị cũng cho là vậy một khi đã nghe tôi giải bày rõ hoàn cảnh mấy ngày hôm đó. Nói vậy có nghĩa là, cuộc hội đàm quốc tế quan trọng sắp diễn ra ở Dinh Darlington tới khi ấy đã sừng sững trước mặt, chẳng còn mấy thời giờ để mà vỗ về hay “nói gần nói xa” nữa. Thêm vào đó, cần lưu ý một điều là tuy Dinh Darlington rồi sẽ chứng kiến nhiều sự kiện khác không kém phần quan trọng trong khoảng mười lăm năm

tiếp sau đó, thì cuộc hội đàm tháng Ba năm 1923 ấy là lần đầu tiên, khi người ta còn tương đối thiếu kinh nghiệm, hẳn là vậy, và không muốn đùa với may rủi. Thực tế là tôi vẫn thường ngẫm lại cuộc hội thảo ấy, và cho rằng đấy là bước ngoặt trong đời tôi, không chỉ vì một nhẽ. Thứ nhất, chắc là tôi cũng thực sự coi đó là thời điểm mình thực sự thành nhân trong sự nghiệp quản gia. Nói vậy không có nghĩa là tôi coi mình đã trở thành một quản gia “vĩ đại”; dẫu sao đi nữa, tôi cũng không ở vị thế có thể đưa ra những phán xét kiểu này. Nhưng nếu giả thử có bao giờ ai đó muốn đặt giả thiết rằng tôi đã đạt tới dù chỉ một phần nhỏ bé cái điều kiện “phẩm cách” tối quan trọng đó trong quá trình hành nghề, thì người đó có lẽ sẽ muốn được biết về cuộc hội thảo tháng Ba năm 1923 ấy như mốc đánh dấu thời điểm tôi lần đầu thể hiện mình có lẽ mang trong mình năng lực đạt tới một phẩm chất như vậy. Đấy thuộc hàng những sự kiện xuất hiện đúng vào một giai đoạn cốt tử trong quá trình trưởng thành của một người, nhằm thách thức và buộc người ta cố sức đến tận cùng giới hạn năng lực bản thân và hơn nữa, khiến cho từ đó về sau, người ta có những tiêu chuẩn mới để xét đoán chính mình. Kỳ hội thảo ấy, đương nhiên, còn đáng nhớ vì vài nhẽ khác không liên quan, như giờ tôi muốn giảng rõ.

*

Hội thảo năm 1923 là đỉnh điểm của một kế hoạch mà Huân tước Darlington đã xây đắp lâu dài; thực tế là giờ nhìn lại, có thể thấy rõ huân tước đã bắt đầu tiến tới điểm này từ quãng ba năm trước đó. Theo tôi nhớ, ban đầu ngài chưa bận trí với hòa ước như vậy khi nó mới được thảo ra hồi kết thúc Đại Chiến, và tôi nghĩ sẽ hoàn toàn xác đáng khi nói rằng mối quan tâm của ngài được khơi gợi không phải do nghiên cứu kỹ các điều khoản hiệp ước, mà là do tình bằng hữu với Herr⁽¹⁾ Karl-Heinz Bremann.

Herr Bremann tới thăm Dinh Darlington lần đầu tiên là ngay sau khi kết thúc chiến tranh, vẫn còn mặc nguyên quân phục sĩ quan, và bất cứ ai nhìn vào cũng thấy rõ giữa ông và Huân tước Darlington đã hình thành mối giao tình khăng khít. Điều này không làm tôi ngạc nhiên, bởi chỉ nhìn qua cũng nhận thấy

Herr Bremann là một vị rất mực đàng hoàng, về sau, khi đã xuất ngũ, ông lại lui tới khá đều đặn trong khoảng hai năm tiếp theo, và khó mà không nhận thấy và quan ngại trước sự suy sụp trông thấy của ông giữa mỗi lần xuất hiện. Trang phục ông ngày càng lộ vẻ túng thiếu, vóc người ông rạc đi, mắt ông xuất hiện vẻ đau đầu, và những lần gặp cuối, ông thường dờ dẩn hồi lâu, không nhận ra có huân tước bên cạnh, và đôi lúc, không cả nhận ra người khác đang nói với mình. Tôi hẳn đã đoán rằng Herr Bremann đương chịu thứ bệnh tình gì nghiêm trọng, nếu không phải vì vài câu huân tước buông ra vào quãng đó.

Hẳn chính vào quãng cuối năm 1920, Huân tước Darlington đã tự mình tới Berlin, lần đầu trong nhiều chuyến đi sau này, và tôi vẫn nhớ ngài đã bị chấn động ra sao. Một vẻ trầm mặc nặng nề bao trùm lấy ngài suốt nhiều ngày sau khi trở lại, và một lần, tôi nhớ, đáp lại lời tôi thăm hỏi chuyến đi có được vui vẻ hay chẳng, ngài đáp lời, “Rất đáng phiền muộn, Stevens ạ. Thực sự rất đáng phiền muộn. Chúng ta thực mất mặt khi đối xử với đối thủ bại trận theo cách ấy. Thực là hoàn toàn trái ngược với truyền thống của đất nước này.”

Nhưng vẫn còn một ký ức khác ở lại sống động trong tôi liên quan đến vấn đề này. Ngày nay, sảnh tiệc lớn khi xưa không còn đặt bàn nữa, và căn phòng rộng rãi có trần cao hoành tráng ấy trở thành một phòng trưng bày đặc dụng cho ông Farraday. Nhưng vào thời huân tước, phòng ấy cùng cái bàn dài giữa phòng thường xuyên được đòi tới để xếp chỗ dùng bữa tối cho ba chục thực khách hoặc hơn; thực tế là sảnh tiệc rộng tới mức, khi có yêu cầu, ngoài bàn chính còn có thể bổ sung nhiều bàn nữa để tiếp nhận đến gần năm chục khách. Đương nhiên, cũng như ông Farraday hiện thời, vào những ngày thường Huân tước Darlington chỉ dùng bữa trong phòng ăn, một không gian thân mật hơn, lý tưởng cho số người từ một tá trở xuống. Nhưng vào cái đêm mùa đông tôi đương nhớ lại đây, vì nguyên do nào đó mà phòng ăn không được dùng đến, và Huân tước Darlington dùng bữa tối với một vị khách duy nhất - tôi nghĩ hẳn là Sir Richard Fox, một đồng sự cũ thời huân tước làm ở Bộ Ngoại giao

- giữa không gian mênh mông của sảnh tiệc. Hẳn quý vị sẽ đồng tình rằng về phục vụ tiệc mà nói, tình huống khó khăn nhất là khi chỉ có hai thực khách. Bản thân tôi cũng thấy dễ xử hơn nếu chỉ có một người, dẫu là người lạ mặt. Có hai thực khách, dù một trong hai là chính chủ nhân mình, là thử thách khó nhất khi cần đạt đến điểm cân bằng giữa chu đáo tận tình và duy trì cảm tưởng người hầu bàn không có mặt, điều cốt yếu của nghệ thuật phục vụ bàn; chính trong tình huống này mà người ta ít khi rũ bỏ được nỗi ngờ rằng sự hiện diện của mình đang ngáng trở chuyện trò của thực khách.

Lần đó, phần lớn căn phòng chìm trong bóng tối, hai nhà quý tộc đương ngồi bên nhau ở lưng chừng bàn ăn - bàn quá rộng, họ không ngồi đối diện nhau được - trong vùng ánh sáng từ chúc đài trên bàn và lò sưởi nổ lách tách đối diện. Tôi quyết định giảm thiểu sự có mặt của mình bằng cách đứng trong vùng chập choạng, cách xa bàn hơn nhiều so với lệ thường. Cố nhiên, phương án này có mặt không hay thấy rõ, đây là mỗi lần tôi tiến về phía sáng để phục vụ hai vị quý nhân, tiếng bước chân tôi sẽ vang tới tai họ rất to và rất lâu trước khi tôi tới nơi, lôi kéo sự chú ý của họ một cách khoa trương nhất có thể; nhưng lại có điểm rất quý là giúp cho thân người tôi chỉ hiện ra lơ mờ những lúc đứng bất động. Và chính trong lúc đương đứng như vậy, trong vùng chập choạng, cách một quãng hai vị quý nhân ngồi giữa hai hàng ghế trống, tôi nghe Huân tước Darlington nói về Herr Bremann, giọng điềm đạm và nhỏ nhẹ như thường, nhưng không hiểu sao vẫn âm vang mãnh liệt khắp những bức tường lớn ấy.

“Ông ấy là kẻ thù của tôi,” ngài nói vậy, “nhưng lúc nào cũng cư xử đúng điệu người quý tộc. Chúng tôi đã hành xử đúng đắn với nhau trong suốt sáu tháng nã pháo vào đầu nhau. Ông ấy là một nhà quý tộc, đang thực hiện nhiệm vụ của mình, và tôi không ôm bụng thù hằn gì với riêng ông ấy cả. Tôi nói với ông ấy: ‘Nghe này, giờ chúng ta là kẻ thù và tôi sẽ quyết tử với anh. Nhưng chừng nào cái công việc chết giẫm này qua đi, chúng ta sẽ không phải đóng vai kẻ thù nữa, và chúng ta sẽ chạm cốc

cùng nhau.' Chết giẫm một điều là, cái hòa ước này khiến tôi thành ra nói dối. Ý tôi là, tôi đã bảo ông ấy, chúng ta sẽ không còn là kẻ thù nữa một khi tất cả qua đi. Nhưng làm sao tôi có thể nhìn vào mắt ông ấy mà nói rằng hóa ra lại đúng là như vậy?"

Và cùng đêm ấy, một hồi sau đó, huân tước đã lắc đầu, nói về nghiêm nghị, "Tôi đã ra trận để gìn giữ công lý trên thế giới. Cứ theo tôi hiểu, tôi không tham gia cuộc trả hận nhằm vào nòi giống Đức."

Và khi ngày nay người ta nghe phải những gì thiên hạ nói về huân tước, nghe những đồn đoán dớ dẩn về động cơ của ngài một cách quá thường xuyên, tôi ấm lòng nhớ lại ký ức về khoảnh khắc ấy, khi ngài nói những lời tâm can ấy trong sảnh tiệc gần như trống không. Dù những năm sau đó con đường của huân tước có nảy sinh những rắc rối gì, thì riêng tôi đây sẽ không bao giờ ngờ vực rằng chính khao khát được thấy "công lý trên thế giới" là nguồn cơn cho mọi hành động của ngài.

Không lâu sau buổi tối đó, tin buồn đưa đến rằng Herr Bremann đã tự tử bằng súng trên chuyến tàu đi từ Hamburg đến Berlin. Hiển nhiên, huân tước vô cùng phiền muộn, ngài lập tức lên kế hoạch gửi ngân khoản và lời phân ưu đến bà Bremann. Tuy nhiên, sau vài ngày gặng gỏi, mà bản thân tôi cũng cố hết sức trợ giúp ngài, huân tước vẫn chưa phát hiện ra tung tích bất kỳ ai trong số thân nhân của Herr Bremann. Xem chừng là ông đã sống vô gia cư một thời gian, người thân đã tản mát cả.

Tôi hằng tin rằng dù không có sự kiện đau buồn ấy, Huân tước Darlington vẫn sẽ đi con đường của ngài sau này, bởi khát khao đã hằn sâu vào bản chất ngài mong chấm dứt bất công và khổ nạn trên thế giới không cho phép ngài làm khác. Sự tình là, suốt mấy tuần sau cái chết của Herr Bremann, huân tước ngày một chuyên tâm vào cuộc khủng hoảng ở Đức. Đã có những bậc quyền lực và danh tiếng thường xuyên lui tới viếng thăm, theo tôi còn nhớ, có cả Huân tước Daniels, Giáo sư Maynard Keynes, cả tác giả lừng danh H. G. Wells nữa, cũng như những người tới thăm trên nguyên tắc "kín" nên tôi không tiện nêu tên - và huân

tước cùng với họ thường đắm đuối tranh luận hàng tiếng đồng hồ không nghỉ.

Thực tế là trong số họ, có những vị khách “kín” tới mức tôi được dặn không để cho đội ngũ nhân viên biết được danh tính họ, thậm chí trong vài trường hợp không cả được bắt gặp họ. Tuy nhiên, và nói ra điều này tôi có chút vừa hãnh diện, vừa biết ơn - Huân tước Darlington không bao giờ tìm cách giấu điều gì cho tôi khỏi thấy hoặc nghe; ký ức tôi còn lưu lại vô số dịp một nhân vật nào đó bỗng bỏ lửng câu nói, dè chừng nhìn về phía tôi, nhưng rồi huân tước cắt lời, “Không có vấn đề gì hết. Ngài có thể nói bất cứ điều gì trước mặt Stevens, tôi cam đoan với ngài.”

Thế là, đều đặn, trong khoảng hai năm tiếp sau cái chết của Herr Bremann, huân tước cùng Sir David Cardinal - người đã trở thành đồng minh thân cận nhất của ngài giai đoạn đó - đã tập hợp được một liên minh đa dạng những nhân vật cùng chung niềm tin rằng tình cảnh ở Đức không được phép kéo dài thêm. Trong số họ không chỉ có người Anh và Đức, mà còn người Bỉ, Pháp, Ý, Thụy Sĩ; có các nhà ngoại giao hay chính khách quyền thế, có những giáo chức đức cao vọng trọng, có những bậc tài mât quân đội đã về hưu, có nhà văn và nhà tư tưởng. Có nhiều vị chỉ đơn thuần chia sẻ niềm tin mạnh mẽ của huân tước, rằng lễ công bằng đã không được thực thi ở Versailles, và duy trì trừng phạt cả một dân tộc vì một cuộc chiến tranh đã kết thúc là hành động phi luân. Hiển nhiên một số người khác thì ít ưu tư cho Đức quốc cùng chúng dân ở đó hơn, nhưng họ cho rằng nếu không được cầm chân, cảnh diên đảo kinh tế ở Đức có thể lây lan chóng mặt ra toàn thế giới.

Tới đầu năm 1922, huân tước đã hoạt động vì một mục tiêu cụ thể. Đây là tập hợp lại ở chính Dinh Darlington đây những tên tuổi có sức ảnh hưởng nhất trong số những người đã được thuyết phục mà ủng hộ ý định mở ra một hội đàm quốc tế “phi chính thức”, một cuộc hội đàm ngỗ hầu tìm ra các giải pháp để lật lại những điều khoản hà khắc nhất trong hòa ước Versailles. Một cuộc hội đàm như vậy sẽ chỉ có giá trị nếu mang sức nặng

đủ để có tác động quyết định đối với những hội nghị quốc tế “chính thức”, mà tới giờ đã được tổ chức vài lần, tiếng là để xét lại hòa ước, nhưng kết quả đến giờ chỉ là nảy ra thêm rối loạn và thù hằn. Ông Lloyd George, thủ tướng đương thời nước ta khi ấy vừa đề xuất triệu tập một hội thảo lớn nữa, định diễn ra ở Ý mùa xuân 1922, và ban đầu huân tước nhắm tới việc tổ chức ở Dinh Darlington một cuộc họp bàn nhằm đảm bảo hội thảo ấy sẽ đem lại kết quả mong muốn. Tuy nhiên, dẫu ngài cùng Sir David đã hết sức nỗ lực, thì thời hạn ấy vẫn quá gần không thể thực hiện được; nhưng khi cả hội thảo Ý cũng kết thúc mà không đưa lại quyết định nào, thì huân tước chuyển sang nhắm vào một hội thảo đình đám khác, được dự định tổ chức ở Thụy Sĩ vào năm sau.

Tôi vẫn nhớ một buổi sáng vào khoảng thời gian này đã đưa cà phê tới cho Huân tước Darlington trong phòng ăn sáng, và nhớ ngài đã nói với tôi, vẻ chán ghét, gấp lại tờ *Thời báo* trên tay, “Mấy người Pháp ấy. Thực tình, cứ nghĩ mà xem, Stevens. Mấy người Pháp ấy.”

“Vâng, thưa ngài.”

“Trong khi chúng ta thì cần để thế giới thấy mình kẻ vai sát cánh với mấy người đấy. Nghĩ đến thôi là đã thấy cần đi tắm rửa cho kỹ rồi.”

“Vâng, thưa ngài.”

“Lần rồi tôi ở Berlin, Stevens ạ, Nam tước Overath, bạn già của ông cụ nhà tôi, đã tới gặp tôi hỏi: ‘Sao các anh lại đối xử với chúng tôi như thế? Các anh không thấy chúng tôi không thể tiếp tục mãi như vậy sao?’ Tôi đã ngập ngừng muốn nói luôn với ông rằng đây là mấy người Pháp chết giẫm kia. Người Anh không có lỗi hành xử như vậy, tôi chỉ muốn nói thế. Nhưng tôi đồ là người ta không nên làm vậy. Không được chê bôi những đồng minh thân mến của chúng ta.”

Nhưng chính vì người Pháp là phe cứng rắn nhất trước nguyện vọng giải phóng nước Đức khỏi những điều khoản nhần tâm trong hiệp ước Versailles, mà yêu cầu phải có trong cuộc họp mặt ở Dinh Darlington ít nhất một vị khách Pháp mang ảnh

hưởng không thể chối cãi đối với chính sách ngoại giao nước họ lại càng trở nên tối cần thiết. Thực sự là đã vài lần, tôi nghe huân tước nhận định rằng thiếu đi một nhân vật như thế tham dự vào thì có bàn thảo gì về tình hình nước Đức cũng chỉ là trò tiêu khiển. Vì thế, huân tước và Sir David đã dồn tâm sức vào chặng cuối cùng, cốt tử nhất này của quá trình chuẩn bị, và sự bền chí không mấy may dao động của họ trước những chướng ngại cứ theo nhau dồn đến quả khiến người ta phải kính phục; thư từ, điện tín bay đi không ngừng nghỉ, và huân tước đích thân thực hiện ba chuyến đi đến Paris chỉ trong thời gian hai tháng. Cuối cùng, sau khi giành được lời hứa của một vị người Pháp đặc biệt nổi danh, mà tôi sẽ chỉ gọi ở đây bằng cái tên “ông Dupont”, chấp thuận đến tham dự trên nguyên tắc “kín” rất ngặt, ngày hội thảo đã được ấn định. Nghĩa là vào cái tháng Ba đáng nhớ ấy, năm 1923.

*

Ngày hội thảo đến gần, những áp lực đặt lên tôi dù thuộc loại hèn mọn hơn nhiều những công việc chất chồng lên huân tước, nhưng cũng không phải là không nặng nề. Tôi ý thức quá rõ rằng nếu có vị khách nào thấy có chút gì chưa thoải mái trong thời gian lưu lại Dinh Darlington, thì điều ấy có thể gây ra những hậu họa mang tầm vóc khôn lường. Hơn nữa, khâu soạn cho sự kiện của tôi còn phức tạp thêm bởi vẫn chưa chắc chắn về lượng khách mời. Với cuộc hội thảo cấp cao đến như vậy, số người tham dự đã được giới hạn xuống còn mười tám vị khách hết sức danh giá, cùng hai khách nữ - một nữ bá tước người Đức, và bà Eleanor Austin đáng kính sợ, thời điểm đó vẫn còn cư trú ở Berlin; nhưng mỗi người trong số họ hẳn sẽ đưa theo cả thư ký, tùy tùng và thông dịch viên, và không thể tìm ra cách nào đoán định chuẩn xác số người đi kèm như vậy. Hơn nữa, chúng tôi dần dà nhận ra một số đoàn sẽ đến vào một thời điểm nào đó trước khi diễn ra ba ngày hội đàm, để có thời gian trừ bị cũng như cân đong tâm trạng của những vị khách khác, dù họ tới đích xác ngày nào cũng lại chưa được biết. Có thể thấy rõ đội ngũ nhân viên sẽ không chỉ cần nỗ lực hết sức có thể cũng

như phản xạ cực kỳ nhanh nhạy, mà còn phải linh hoạt hơn xa lẽ thường. Thực tế, trong một thời gian, tôi đã có ý nghĩ rằng thử thách lớn lao chờ đợi chúng tôi đây sẽ không thể vượt qua nếu không đưa thêm về người làm mới. Tuy nhiên lựa chọn này, chưa kể đến những mối lo hằn sẽ quấy rầy huân tước về chuyện tai vách mạch rừng, sẽ đòi hỏi tôi phải dựa vào những yếu tố bất định chính vào lúc mỗi sai lầm đều có thể phải trả giá đắt. Vì thế, tôi bắt tay vào chuẩn bị cho những ngày sắp đến với tâm thế mà tôi mừng tượng giống như vị tướng chuẩn bị cho trận đánh: tôi thiết lập một cơ cấu nhân sự đặc biệt một cách vô cùng tỉ mỉ, dự trù cho tất cả mọi tình huống có thể xảy ra; tôi phân tích để tìm ra những yếu huyệt của chúng tôi, và chuẩn bị các kế hoạch dự phòng để huy động nếu có huyệt nào trong số đó bị điểm trúng; tôi thậm chí còn làm một bài “hịch” động viên, để găm sâu vào đầu các nhân viên cái suy nghĩ rằng, bất kể phải dốc cạn sức mình ra mà làm, họ cũng có quyền tự hào hết mực khi thực hiện bốn phận của mình trong những ngày tới. “Rất có thể lịch sử sẽ được viết ra dưới mái nhà này,” tôi đã bảo họ như vậy. Và vì biết tôi không phải kẻ thường huênh hoang phách lối, nên họ hiểu rõ rằng một điều gì đó hết sức phi thường đang đến gần.

Vậy quý vị sẽ hiểu phần nào bầu không khí choán lấy toàn Dinh Darlington vào cái thời điểm cha tôi ngã trước cửa chòi nghỉ mùa hè - và sự kiện ấy lại xảy ra chỉ hai tuần trước khi đồ chừng những vị khách đầu tiên sẽ tới - và hiểu vì sao tôi lại nói rằng chẳng có mấy thời giờ mà “nói gần nói xa”. Dầu sao đi nữa, cha tôi cũng nhanh chóng tìm ra đường lách cái quy định ông không được bung khay nặng hòng hạn chế sự hữu dụng của ông. Và bóng dáng ông đẩy xe mắc đầy những dụng cụ vệ sinh, chổi và cây lau sắp xếp rất vô nguyên tắc dù lúc nào cũng gọn gàng chung quanh ẩm chén tách trà khiến đôi lúc cỗ xe trông như xe bán hàng rong, đã trở thành thường trực trong nhà. Hẳn nhiên, ông không tránh khỏi phải từ bỏ bốn phận phục vụ bàn trong phòng ăn, nhưng ngoài chuyện đó, chiếc xe đẩy giúp ông hoàn thành một khối lượng công việc đáng kinh ngạc. Thực tế

là, khi buổi hội đàm chứa đầy thách thức ngày một tới gần, cha tôi dường như trải qua một sự lột xác đáng kinh ngạc. Cứ như thể một thể lực siêu nhiên nào đó đã chiếm hữu ông, giúp ông trút bỏ hai chục tuổi; khuôn mặt ông với hân bộ dạng hốc hác gần đây, và ông làm việc một cách sung sức trẻ trung đến nỗi người lạ đến nhà hẳn phải tin rằng có không chỉ một, mà là vài nhân vật đương đẩy xe khắp các hành lang Dinh Darlington.

Còn về cô Kenton, tôi mang máng nhớ rằng sức ép ngày một tăng của những ngày đó đã để lại dấu ấn rõ rệt nơi cô. Tỷ dụ như, tôi nhớ cái lần vào đợt đó, tôi tình cờ gặp mặt cô ở hành lang hậu sau nhà. Hành lang hậu, một thứ huyết mạch của khu người làm tại Dinh Darlington, vốn lúc nào trông cũng khá ảm đạm bởi chẳng có mấy ánh nắng rơi vào trên dãy hành lang hun hút. Cả trong những ngày đẹp trời, hành lang có lúc vẫn tối đến mức tưởng chừng đương đi qua một đường hầm. Vào dịp tôi đương nhắc tới ở đây, giả như không nhận ra tiếng chân bước trên sàn ván tiến lại phía tôi, hẳn tôi chỉ có thể biết cô là ai qua dáng người. Tôi dừng chân khi đến một trong mấy khúc ít ỏi có dải nắng sáng vắt qua sàn gỗ, và khi cô đến gần, tôi nói, “À, cô Kenton này.”

“Vâng, ông Stevens?”

“Cô Kenton, không rõ tôi có thể lưu ý cô rằng chần chệm tăng trên cần phải sẵn sàng đầy đủ vào ngày kia hay chẳng?”

“Việc này hoàn toàn nằm trong kiểm soát, ông Stevens.”

“Thế ư, nghe vậy tôi rất mừng. Chẳng là tôi tình cờ nghĩ tới chuyện đó thôi.”

Tôi toan đi tiếp việc mình, nhưng cô Kenton không nhúc nhích. Rồi cô tiến thêm một bước về phía tôi, làm một vạch nắng rơi lên mặt, và tôi nhìn thấy vẻ mặt cô đang giận dữ.

“Tiếc thay, ông Stevens ạ, hiện giờ tôi đang bận bù đầu và hầu như không có lấy một giây rảnh rỗi. Giá mà tôi có được nhiều thời gian rỗi như ông hiển nhiên đang có đây, thì chắc hẳn tôi sẽ vui lòng báo đáp ông bằng cách đi rong khắp ngôi nhà này mà nhắc nhở ông về những nhiệm vụ hoàn toàn trong tầm kiểm soát của ông.”

“Cô Kenton này, cô không cần phải nóng nảy như vậy. Tôi chỉ đơn thuần cảm thấy cần thiết phải xác nhận rằng việc đó không lọt khỏi mắt cô...”

“Ông Stevens, đây là lần thứ bốn hoặc năm trong hai ngày vừa rồi ông đã cảm thấy cần thiết phải xác nhận như vậy. Thật là lòng là ông lại có nhiều thời gian trống đến mức có thể đi rong quanh nhà mà quấy quả người khác bằng những nhận xét không mời.”

“Cô Kenton, nếu dù trong một khắc cô tin rằng tôi có thời gian trống, thì điều đó càng thể hiện rõ hơn bao giờ hết sự non nớt đáng kể của cô. Tôi tin rằng trong những năm tới đây, cô sẽ nhận thức tốt hơn về những điều diễn ra trong một ngôi nhà như thế này.”

“Ông không bao giờ ngưng nói về ‘sự non nớt đáng kể’ của tôi, ông Stevens ạ, thế nhưng dường như ông hoàn toàn không thể nêu ra dù chỉ một khuyết điểm trong công việc tôi làm. Nếu có, tôi tin chắc rằng ông đã nêu ra từ lâu, và nêu rất tận tình là khác. Giờ thì tôi có rất nhiều việc phải lo liệu, nên tôi rất mong ông sẽ không theo tôi khắp nhà mà cản trở tôi như thế này. Nếu ông có lắm thời gian rỗi như vậy, tôi xin gợi ý cho ông rằng đi hít thở không khí trong lành có lợi cho ông hơn nhiều đấy.”

Cô dùng dùng bước qua tôi và đi tiếp trên hành lang. Kết luận rằng tốt nhất không nên để tình hình đi xa hơn, tôi cũng tiếp tục đường mình. Tôi đã gần đến cửa vào bếp thì nghe tiếng bước chân đầy nộ khí quay ngược lại chỗ mình lần nữa.

“Thực tế là, ông Stevens,” cô lớn giọng, “tôi cần yêu cầu ông từ rày trở đi đừng trực tiếp nói chuyện với tôi nữa.”

“Cô Kenton, cô đang nói cái gì vậy?”

“Nếu cần thiết phải đưa tin, tôi cần yêu cầu ông hãy dùng một người trung gian. Hoặc cũng có thể ông thích viết vào giấy và đưa người chuyển đến tôi. Tôi chắc chắn làm thế sẽ khiến mối quan hệ công việc của chúng ta dễ chịu hơn rất nhiều.”

“Cô Kenton...”

“Tôi bận bù đầu lên, ông Stevens ạ. Hãy viết vào giấy nếu có thông tin phức tạp. Nếu không ông có thể nói với Martha hay

Dorothy, hay bất kỳ ai trong số nhân viên nam mà ông coi là xứng đáng có được lòng tin của ông. Giờ tôi xin kiếu về với công việc của tôi, để ông tiếp tục cuộc đi rong của ông.”

Bất chấp lối hành xử hết sức đáng bực của cô Kenton, tôi không thể dành quá nhiều suy nghĩ cho chuyện đó, bởi đến lúc này những vị khách đầu tiên đã tới. Các đại biểu nước ngoài còn phải chờ hai hay ba ngày nữa, nhưng ba vị khách mà huân tước gọi bằng chữ “đội nhà” - hai vị quan chức Bộ Ngoại giao đến dự trên nguyên tắc tuyệt đối “kín” cùng Sir David Cardinal - đã đến sớm để trừ bị kỹ lưỡng hết mức có thể. Cũng như mọi lần, chẳng ai tìm cách giấu giếm gì với tôi trong lúc tôi ra ra vào vào các phòng nơi các vị đương mê mải tranh luận, và vì thế tôi không khỏi có một ấn tượng nhất định về bầu không khí chung giai đoạn tiền hội đàm này. Đương nhiên, huân tước cùng đồng sự nỗ lực thông tin cho nhau càng chính xác càng hay về từng người trong số khách mời dự kiến, nhưng trên hết, những lo âu của họ tập trung vào một nhân vật duy nhất, đoán chừng thiện cảm và ác cảm của ông ta: chính là ông Dupont, vị khách người Pháp. Thực vậy, vào một lúc, tôi tin mình đã bước vào phòng hút thuốc và nghe một vị phát biểu, “Số phận của châu Âu có thể thực sự được quyết định nhờ chúng ta có thuyết phục được Dupont về điểm này hay không.”

Chính vào giữa những bàn thảo tiền kỳ ấy mà huân tước trao cho tôi một sứ mạng khá bất thường đến nỗi nó còn lưu lại trong ký ức tôi đến ngày nay, bên cạnh nhiều sự kiện khác hiển nhiên là khó quên hơn sắp diễn ra trong cái tuần đáng nhớ ấy. Huân tước Darlington gọi tôi vào thư phòng, và lập tức tôi đã nhận ra huân tước đang ở tình trạng có phần kích động. Ngài ngồi vào bàn, và như mọi khi, lại kiểm cách cầm một cuốn sách mở - lần này là cuốn *Niên giám nhân vật* - và lật đi lật lại một trang sách.

“À, Stevens,” ngài bắt đầu vờ ung dung, nhưng rồi có vẻ không biết phải nói tiếp thế nào. Tôi vẫn đứng nguyên đó, sẵn sàng xoa dịu nỗi lúng túng của ngài ngay khi có dịp. Huân tước tiếp tục mân mê trang giấy thêm một lúc, cúi người tới sẫm soi một mục

tên, rồi nói, “Stevens, tôi nhận ra yêu cầu anh việc này có phần hơi lạ thường.”

“Thưa ngài?”

“Chỉ có điều hiện nay người ta thực phải suy tính quá nhiều việc quan trọng.”

“Tôi rất vui mừng nếu như có thể giúp gì được, thưa ngài.”

“Tôi rất tiếc phải nêu ra một việc như vậy, Stevens ạ. Tôi biết hẳn anh hiện thời cũng đang bận kinh khủng khiếp. Nhưng tôi chịu không nhìn ra được cách nào để gạt việc đó đi.”

Tôi đợi một phút trong lúc Huân tước Darlington lại chú mục vào cuốn *Niên giám nhân vật*. Rồi ngài nói, mà không ngẩng lên, “Tôi đoán là anh có hiểu biết các sự thực ở đời.”

“Thưa ngài?”

“Sự thực ở đời, Stevens ạ. Chuyện bướm ong các thứ. Anh có biết những việc đó, phải không?”

“Tôi e rằng mình chưa lĩnh hội được ý ngài, thưa ngài.”

“Để tôi ngửa bài luôn nhé, Stevens. Sir David là bạn rất lâu năm của tôi. Và ngài đã đóng vai trò vô giá trong việc tổ chức hội đàm này. Tôi dám nói nếu không có ngài, chúng ta đã không thể có được sự chấp thuận tham dự của ông Dupont.”

“Thực vậy, thưa ngài.”

“Có điều, Stevens ạ, Sir David cũng có mặt kỳ khôi. Có thể chính anh cũng đã để ý thấy rồi. Ngài có đưa theo cậu con trai Reginald cùng đến đây. Làm thư ký cho ngài. Đã đính hôn, sắp cưới, vấn đề là ở đó. Ý tôi là cậu Reginald ấy.”

“Vâng, thưa ngài.”

“Sir David đã tìm cách dạy cho con trai hiểu sự đời suốt năm năm vừa qua. Bây giờ cậu thanh niên đã hai mươi ba tuổi.”

“Thực vậy, thưa ngài.”

“Tôi sẽ đi vào vấn đề luôn nhé, Stevens. Sự thể là, tôi là cha đỡ đầu của cậu ấy. Vì thế, Sir David đã có lời yêu cầu *tôi* truyền đạt cho cậu các sự thực ở đời.”

“Thực vậy, thưa ngài.”

“Bản thân Sir David thấy đó là một nhiệm vụ đáng ngại, và ngờ rằng ngài sẽ không thể hoàn thành trước hôn lễ của cậu Reginald.”

“Thực vậy, thưa ngài.”

“Vấn đề là, Stevens ạ, tôi bận kinh khủng. Sir David hẳn phải biết vậy, nhưng ngài vẫn yêu cầu tôi.” Huân tước dừng lời, tiếp tục ngắm kĩ trang sách.

“Có phải, thưa ngài, như tôi hiểu,” tôi tiếp lời, “đức ngài muốn tôi truyền đạt thông tin cần thiết cho ngài Cardinal trẻ?”

“Nếu anh không ngại, Stevens ạ. Sẽ cất cho tôi một gánh nặng kinh khủng. Sir David cứ hai giờ một lần lại hỏi tôi đã xong việc chưa.”

“Tôi hiểu, thưa ngài. Hẳn là rất gian nan trong tình cảnh áp lực hiện thời.”

“Dĩ nhiên, việc này hoàn toàn nằm ngoài bốn phận của anh, Stevens ạ.”

“Tôi sẽ cố hết sức, thưa ngài. Tuy nhiên, có thể tôi sẽ gặp khó khăn trong việc tìm một thời điểm thích hợp để truyền đạt thông tin loại này.”

“Chỉ cần anh tìm cách là tôi đã biết ơn lắm rồi, Stevens ạ. Anh thực là một con người đàng hoàng rất mực. Nghe này, không cần phải trống giong cờ mở gì đâu. Chỉ cần truyền đạt những dữ kiện cơ bản rồi chấm dứt ở đó thôi. Cách tiếp cận đơn giản là tốt nhất, tôi khuyên anh vậy đó, Stevens ạ.”

“Vâng, thưa ngài. Tôi sẽ cố gắng hết sức.”

“Thực biết ơn anh quá, Stevens ạ. Được thế nào hãy thông báo cho tôi biết.”

*

Quý vị chắc cũng hình dung được yêu cầu này khiến tôi hơi bất ngờ - và ở tình cảnh thông thường, có thể đây đã là một vấn đề khiến tôi dành chút thời gian suy xét. Nhưng khi rơi vào đầu tôi đột ngột như vậy, giữa một giai đoạn bận bịu như thế, tôi không thể dành cho nó sự chú ý quá mức cần thiết được, và vì thế tôi quyết định sẽ giải quyết việc này ngay khi tìm được cơ hội. Thế là, theo tôi nhớ, chỉ đâu chừng một tiếng đồng hồ sau

khi được giao phó sứ mệnh ấy, tôi đã nhận thấy anh Cardinal trẻ tuổi ngồi một mình trong thư viện, bên một chiếc bàn viết, vùi đầu vào tài liệu nào đó. Quan sát kĩ chàng thanh niên, thực thế, người ta có thể hiểu được khó khăn đặt ra cho huân tước - và thực vậy, cả cho cha chàng ta nữa. Người con đỡ đầu của ông chủ tôi có dáng vẻ một chàng trai nghiêm túc, yêu chuộng học hành, và những đường nét của anh nói lên rất nhiều phẩm chất tài hoa; nhưng xét theo đề tài đương cần đề cập đến đây, một mẫu người vui vẻ trẻ trung hơn, thậm chí là nông nổi, sẽ thuận tiện cho người ta hơn rất nhiều. Dầu sao đi nữa, đã quyết tâm đưa vấn đề này đến một kết cuộc thỏa đáng càng sớm càng tốt, tôi tiến sâu hơn vào thư viện, và dừng lại một quãng trước bàn anh Cardinal, tôi hắng giọng.

“Xin thứ lỗi, thưa ngài, nhưng tôi có một thông điệp cần truyền đạt tới ngài.”

“Ồ thật ư?” anh Cardinal sôi nổi đáp, rời mắt khỏi chồng giấy tờ. “Của cha tôi ư?”

“Vâng thưa ngài, về cơ bản thì là vậy.”

“Đợi một phút.”

Chàng trai trẻ với tay vào trong cặp táp dưới chân, lấy ra cuốn sổ và cây bút. “Mời chú, Stevens.”

Tôi lại hắng giọng, rồi điều chỉnh cho giọng mình trở nên trung tính hết mức có thể.

“Sir David muốn thông báo với ngài, thưa ngài, rằng nữ giới và nam giới có những sai biệt về một vài khía cạnh căn bản.”

Chắc là tôi có ngưng lại một giây để hình dung câu nói tiếp theo, bởi anh Cardinal đã thở dài một tiếng và đáp lại, “Tôi biết quá rõ điều đó, Stevens ạ. Chú có thể đi luôn vào việc được không?”

“Ngài biết ư, thưa ngài?”

“Cha mãi đòi chỉ đánh giá thấp tôi. Tôi đã đào sâu trong tài liệu và nghiên cứu rộng xung quanh toàn bộ lĩnh vực này.”

“Vậy ư, thưa ngài?”

“Tôi hầu như không nghĩ về điều gì khác suốt một tháng vừa qua.”

“Thực thế ư, thưa ngài? Trong trường hợp đó, có lẽ thông điệp của tôi có hơi thừa thãi.”

“Chú có thể đảm bảo với cha rằng tôi thực sự đã nắm thông tin rất đầy đủ. Cái cặp táp này,” anh ta lấy chân huých cái cặp, “đầy nhóc những ghi chú về mọi góc độ người ta có thể hình dung ra.”

“Vậy ư, thưa ngài?”

“Tôi thành thực cho rằng mình đã truy cứu đủ tất cả mọi biến thể mà đầu óc con người cho phép. Tôi mong rằng chú sẽ cam đoan với cha như vậy.”

“Tôi sẽ làm đúng thế, thưa ngài.”

Anh Cardinal có vẻ thư giãn hơn một chút. Lần nữa, anh ta lại huých vào cái cặp - mà tôi cảm thấy mình cần phải tránh nhìn vào nó - và nói thêm: “Hẳn là chú đã băn khoăn vì sao tôi không bao giờ rời cái cặp này. À, giờ thì chú biết rồi đấy. Thử tưởng tượng nó rơi vào tay một người không nên mở ra.”

“Đấy sẽ là một tình thế vô cùng khó xử, thưa ngài.”

“Đương nhiên,” anh đột ngột ngồi dựng dậy, “trừ phi cha đã tìm ra một khía cạnh mới hoàn toàn mà ông muốn tôi suy ngẫm.”

“Tôi nghĩ là khó có chuyện đó, thưa ngài.”

“Không có ư? Không cần nói gì thêm về cái tay Dupont này à?”

“Tôi sợ là không, thưa ngài.”

Tôi đã cố hết sức không để lộ chút nào nổi phiền lòng khi phát hiện ra rằng một nhiệm vụ tôi ngỡ đã sắp vượt qua, thì té ra hẵng còn nguyên không suy suyển trước mặt mình. Tôi nghĩ mình đương sắp xếp ý nghĩ trong đầu để bắt đầu đợt tấn công mới thì chàng trai trẻ đột nhiên đứng dậy, áp chặt chiếc cặp táp vào người mà nói, “À, tôi nghĩ tôi nên đi hít thở không khí trong lành một chút. Cảm ơn chú đã giúp đỡ, Stevens.”

Tôi đã dự tính sẽ tìm dịp tiến hành cuộc luận đàm tiếp theo với anh Cardinal trẻ tuổi càng ít chậm trễ càng hay, nhưng điều này hóa ra là bất khả, phần lớn bởi sự có mặt ngay chiều hôm đó - sớm khoảng hai ngày so với dự định - của ông Lewis, vị thượng nghị sĩ người Mỹ. Tôi đang ở dưới phòng quản gia đọc danh mục

các mặt hàng mua về, thì nghe đâu đó trên đầu thứ âm thanh không lẫn vào đâu được, tiếng động cơ xe đánh vào sân. Khi vội vã đi lên, tôi tình cờ gặp mặt cô Kenton ở hành lang hậu - dĩ nhiên, chính là nơi diễn ra cuộc bất hòa mới nhất giữa hai bên - và có lẽ chính sự trùng hợp không mấy vui vẻ này đã xui khiến cô giữ nguyên lối hành xử trẻ người non dạ như dịp trước. Bởi khi tôi nêu câu hỏi ai là người vừa tới, cô Kenton vẫn đi tiếp qua mặt tôi mà chỉ nói một câu, “Việc khẩn thì gửi tin, ông Stevens.” Thực là bực mình không để đâu cho hết, nhưng đương nhiên, tôi không còn cách nào khác, chỉ có thể vội vàng đi tiếp lên tầng.

Ông Lewis trong ký ức tôi là một vị vóc người phương phi, nụ cười hiền hòa bất tuyệt trên khuôn mặt. Ông đến sớm như vậy hiển nhiên có phần bất tiện cho huân tước cùng các đồng sự, vốn tin rằng mình còn được một hai ngày riêng tư để trù bị phần mình. Tuy nhiên, phong thái bình dân đáng ưa của ông Lewis, cùng phát biểu của ông trong bữa tối rằng Hoa Kỳ “sẽ luôn luôn đứng về lẽ công bằng và không ngại thừa nhận đã có những sai lầm ở điện Versailles” xem ra đã tương đối giành được lòng tin cậy của “đội nhà” huân tước; theo đà bữa ăn, câu chuyện bên bàn đã dần dà nhưng vững chắc chuyển từ đề tài như những điểm đáng mến nơi quê hương Pennsylvania của ông Lewis quay trở về cuộc hội đàm sắp tới, và tới khi các thực khách chuyển qua hút thuốc, thì những dự đoán họ đem bàn thảo đã gồm cả những điều tâm phúc không kém gì các trao đổi trước khi ông Lewis đến. Tại một thời điểm, ông Lewis còn nói với cả bàn, “Các quý ông, tôi đồng ý với mấy ông ở đây là ông Dupont của chúng ta có thể cực kỳ khó lường. Nhưng nói các ông nghe, riêng có điều này các ông cứ tin chắc đi thì hơn. Có điều này tôi dám cuộc với các ông đó.” Ông ta cúi người tới trước, vung vẩy điệu xì gà để thêm phần nhấn mạnh. “Dupont ghét dân Đức. Trước chiến tranh ông ta đã ghét rồi, giờ đây thì ông ta ghét thậm ghét tột mức các quý ông đây khó mà hiểu nổi đâu.” Nói đoạn, ông Lewis lại ngả người ra ghế, nụ cười hiền hòa trở lại nguyên vẹn trên mặt. “Nhưng, các ông thử nói coi,” ông ta tiếp, “làm sao có thể chê trách một người Pháp đi ghét người Đức

được chớ? Suy cho cùng thì người Pháp ghét vậy là có lý do quá chính đáng, hở?”

Ông Lewis liếc quanh một vòng cử tọa đang có chút gượng gạo. Rồi Huân tước Darlington nói, “Hiển nhiên, chút cay đắng là điều không thể tránh khỏi. Nhưng dĩ nhiên, người Anh chúng tôi cũng đã chiến đấu với người Đức lâu dài và khó nhọc.”

“Nhưng người Anh các ngài khác ở chỗ là,” ông Lewis đáp, “dường như các ngài không còn ghét người Đức mấy nữa. Nhưng cứ như người Pháp thấy, dân Đức đã hủy diệt thế giới văn minh ở châu Âu này, và không hình phạt nào dành cho họ lại là quá nặng cả. Đương nhiên, đây là một lập trường khá thiếu thực tế trong mắt nước Mỹ chúng tôi, nhưng điều vẫn luôn khiến tôi khó hiểu là người Anh các ngài dường như không chung quan điểm với người Pháp. Suy cho cùng, giống như ngài vừa nói, nước Anh cũng mất mát rất nhiều trong cuộc chiến đó mà.”

Lại một khoảng im lặng gượng gạo nữa, rồi Sir David nói có phần lưỡng lự, “Người Anh chúng tôi thông thường vẫn có cách nhìn khác với người Pháp trong những vấn đề như vậy, thưa ông Lewis.”

“À. Cái tạng các ngài kiểu khác, tạm gọi là vậy.” Nụ cười dường như nở rộng hơn khi ông Lewis nói câu này. Ông gật gù một mình, như thể đến lúc này bỗng thấy vỡ ra nhiều việc, và rít điệu xì gà. Rất có thể cái nhìn hồi cố đã mang lại cảm giác đó cho ký ức, nhưng tôi cảm giác rõ mồn một rằng chính ấy là lần đầu tôi cảm nhận có điều gì là lạ, điều gì có lẽ là hai mặt nơi vị khách người Mỹ có vẻ ngoài dễ mến này. Nhưng nếu bản thân tôi có nảy sinh những mối nghi ngờ vào lúc ấy, thì hiển nhiên Huân tước Darlington không cùng chung cảm nhận này. Bởi sau khoảng một hai giây im lặng gượng gạo nữa, huân tước dường như đã đi tới quyết định.

“Ông Lewis,” ngài nói, “tôi xin phép được nói thẳng thắn. Phần lớn chúng tôi ở Anh đây nghĩ rằng thái độ hiện thời ở Pháp thực sự đáng khinh. Quả ông có thể gọi đó là do tạng khác, nhưng tôi dám nói rằng chúng ta đang bàn đến một vấn đề còn

sâu xa hơn. Tiếp tục ghét kẻ thù như vậy cả sau khi xung đột đã qua, là cách làm không quân tử. Một khi đã cho ai đó đo đài rồi, thì mọi sự nên kết thúc ở đấy. Không phải sau đó còn tiếp tục đá người đó nữa. Theo cách nhìn của chúng tôi, lối hành xử của người Pháp càng lúc càng thêm man rợ.”

Phát biểu này có vẻ khiến ông Lewis hài lòng đôi chút. Ông ta rì rầm tỏ vẻ tán đồng, và mỉm cười mãn nguyện với mấy người khách cùng bàn qua khói thuốc lá giờ đã cô lại từng bùm dày đặc quanh bàn.

Sáng hôm sau có thêm nhiều vị khách tới trước giờ; đây là hai bà khách từ Đức - cả hai đi cùng nhau, bất chấp những gì người ta có thể lường tượng về thân thế quá chênh lệch của họ - dẫn theo một đoàn đông đảo những thị nữ cùng hầu trai, cũng như vô số hòm xiểng. Rồi đến chiều, một vị khách người Ý tới, mang theo một tùy tùng, một thư ký, một “chuyên gia” và hai vệ sĩ. Tôi không hình dung nổi vị này nghĩ mình sẽ tới một nơi như thế nào mà đưa theo hai người đó, nhưng phải nói rằng ấn tượng có phần lạc lõng khi thấy giữa Dinh Darlington hai người to con lăm lăm, đưa con mắt nghi hoặc khắp các hướng, đứng cách vị người Ý vài bước bất kể ông ta đương ở đâu. Tiện thể nói thêm rằng lịch làm việc của hai người vệ sĩ này, như dần thấy những ngày sau đó, đòi hỏi một trong hai người lên tầng đi ngủ vào những giờ khác thường nhằm đảm bảo lúc nào cũng có ít nhất một người túc trực suốt đêm. Nhưng khi tôi lần đầu được thông báo về cách cắt đặt này và tìm cách thông tin lại cho cô Kenton, thì lần nữa, cô lại từ chối trao đổi miệng với tôi, và để hoàn tất nhiệm vụ càng nhanh càng tốt, tôi quả thực đã phải viết giấy đưa qua khe cửa buồng nội quản.

Ngày hôm sau đó lại có thêm vài vị khách nữa, và ở thời điểm còn hai ngày là khai mạc hội đàm, Dinh Darlington đã đầy kín quan khách thuộc đủ quốc tịch, người đàm luận trong phòng, người đứng vãn vơ trong sảnh, trong các hành lang và chiếu nghỉ, ngắm nghía tranh hay các vật trưng bày. Mỗi vị khách đều xử sự với nhau lịch thiệp vô bờ, nhưng bất chấp điều đó, bầu không khí vẫn có phần căng thẳng và thái độ nghi kỵ vẫn có vẻ

là nét chủ đạo ở giai đoạn này. Và như vậy theo sự bất an ấy, những tùy tùng và người hầu đi theo khách cũng nhìn nhau vẻ lạnh lùng trông thấy, khiến nhân viên của tôi thành ra lại mừng lòng vì quá bận không thể dành nhiều thời gian bên họ.

Chính vào khoảng này, giữa lúc đang phải giải quyết rất nhiều vấn đề cùng một lúc đòi hỏi sự chú ý của tôi, tôi tình cờ nhìn ra cửa sổ thấy bóng dáng anh Cardinal trẻ tuổi đang hít thở không khí trong lành trong khuôn viên dinh. Anh đương ôm chặt cái cặp táp như thường lệ, và tôi thấy anh chậm chậm thả bước trên lối đi chạy vòng bao quanh thảm cỏ, chìm đắm trong suy tư. Đương nhiên, tôi nhớ lại sứ mệnh truyền tin cho chàng trai trẻ, và chợt nảy ý rằng khung cảnh ngoài trời gần gũi với thiên nhiên, đặc biệt lại có bầy ngỗng ngay gần đó làm thí dụ, thực không phải là không thích hợp để truyền đạt thông tin mà tôi được giao phó. Thêm nữa, tôi nhận thấy nếu ra đó thực nhanh, giấu mình sau bụi đỗ quyên lớn cạnh lối đi, thì chỉ ít lâu sau anh Cardinal sẽ đi qua. Tới lúc đó tôi có thể lộ diện, truyền đạt lại thông điệp của mình. Tôi thừa nhận đây không phải một chiến lược thuộc loại tinh tế gì, nhưng chắc quý vị cũng công nhận rằng nhiệm vụ này, dù hẳn nhiên quan trọng theo một cách riêng, thì vào lúc ấy khó có thể coi là ưu tiên cho được.

Ngày hôm ấy, dù có lớp sương muối mỏng phủ trên mặt đất và gần hết bờ bụi, thời tiết vẫn còn tương đối êm dịu so với tháng Ba. Tôi đi nhanh qua thảm cỏ, giấu mình sau bụi đỗ quyên, và chẳng mấy chốc đã nghe tiếng chân anh Cardinal đến gần. Không may thay, tôi đã tính toán hơi chệch thời điểm lộ diện. Tôi đã định lộ diện trong lúc anh Cardinal vẫn còn cách một khoảng thích đáng, để anh rồi sẽ nhìn thấy và cho rằng tôi đương trên đường tới chòi nghỉ mùa hè, hay là có khi đến căn nhà của người làm vườn. Tới đó tôi có thể vờ như mới nhận thấy anh, rồi bắt chuyện với anh một cách tự nhiên. Nhưng sự thật là tôi lộ diện hơi chậm trễ, nên e rằng tôi đã làm chàng trai trẻ khá hoảng hốt, anh ta lập tức giật cái cặp táp ra xa tôi và dùng cả hai tay áp chặt nó vào ngực.

“Ngàn lần xin lỗi, thưa ngài.”

“trời ơi, Stevens. Chú làm tôi hết hồn. Tôi nghĩ tình hình trong đó đang nóng lên.”

“Ngàn lần xin lỗi, thưa ngài. Nhưng sự thể là, tôi có điều cần truyền đạt đến ngài.”

“Trời ơi, vâng, chú thật làm tôi sợ mất mật.”

“Thưa ngài, tôi xin phép được đi thẳng vào vấn đề luôn. Hẳn ngài nhận thấy bầu ngỗng cách không xa chúng ta lắm.”

“Ngỗng hả?” Anh ta hơi ngơ ngác nhìn quanh. “À phải. Đúng là ngỗng thật.”

“Và hẳn ngài nhận thấy những luống hoa và lùm cây. Thực tế là, đây không phải thời điểm thích hợp nhất trong năm để chúng kiến chúng đương độ huy hoàng rạng rỡ, nhưng thưa ngài, chắc ngài cũng hiểu rằng khi xuân đến, chúng ta sẽ được chứng kiến một sự đổi thay, một loại đổi thay hết sức đặc biệt, trong khung cảnh nơi đây.”

“Phải, tôi đoán như hiện giờ chưa phải lúc đẹp nhất của khuôn viên. Nhưng chân thành mà nói với chú, Stevens ạ, tôi đang không chú ý tới sự huy hoàng của tự nhiên cho lắm. Tình hình khá là đáng ngại. Cái ông Dupont đó đã đến, trong tâm trạng khó có thể cáu bẳn hơn. Quả là điều bất lợi nhất cho chúng ta lúc này.”

“Ông Dupont đã tới nhà này ư, thưa ngài?”

“Khoảng nửa tiếng trước. Thái độ cáu bẳn kinh dị.”

“Xin phép ngài. Tôi phải tới hầu ông ta ngay lập tức.”

“Đương nhiên rồi, Stevens ạ. Ờ, chú ra đây nói chuyện với tôi thật tử tế quá.”

“Xin ngài cho phép, thưa ngài. Thực tình là tôi còn dăm ba điều cần nói về đề tài, như chính ngài đã diễn đạt, sự huy hoàng của tự nhiên. Nếu ngài chịu bỏ công lắng nghe thì tôi sẽ lấy làm hân hạnh lắm. Nhưng tôi e rằng sẽ phải chờ tới dịp khác thôi.”

“Tôi rất trông chờ dịp ấy, Stevens ạ. Dù tôi thì rành cá hơn. Tôi biết tất tât mọi điều về cá, cả nước ngọt lẫn nước mặn.”

“Mọi sinh vật sống đều sẽ liên quan tới cuộc đàm luận tới đây giữa chúng ta, thưa ngài. Tuy nhiên, lúc này tôi phải xin cáo lui.

Tôi không hề biết ông Dupont đã đến.”

Tôi vội vã trở lại nhà, và lập tức thấy anh hầu nhất ra đón, miệng nói, “Chúng tôi tìm ngài khắp nơi, thưa ngài. Vị khách người Pháp vừa tới.”

Ông Dupont vóc người cao, phong cách thanh lịch, chòm râu bạc, đeo kính một mắt. Ông ta tới trong lối ăn mặc người ta thường thấy ở các vị khách đại lục khi đi nghỉ mát, và thực vậy, suốt thời gian lưu lại, ông ta sẽ cất công duy trì bộ dạng mình đến Dinh Darlington chỉ đơn thuần để tiêu khiển và hưởng tình bằng hữu. Như anh Cardinal đã cho biết, ông Dupont tới nơi trong tâm trạng không mấy dễ chịu; đến giờ tôi không còn nhớ hết rất nhiều chuyện khác nhau đã khiến ông bực mình kể từ khi vừa đặt chân đến Anh mấy ngày trước, nhưng trên hết, chân ông đã mọc lên mấy vết loét rất đau trong quá trình ngoạn cảnh London, và ông sợ đã bị nhiễm trùng. Tôi chỉ dẫn tùy tùng của ông tới chỗ cô Kenton, nhưng vẫn không tránh được việc ông Dupont cứ đôi tiếng lại bập ngón tay vào mặt tôi mà bảo, “Quản gia! Ta cần thêm băng gạc.”

Tâm trạng ông có vẻ khá lên nhiều khi gặp được ông Lewis. Ông khách mới và viên thượng nghị sĩ Mỹ chào hỏi nhau như những đồng sự cũ, và hầu như từ đó đến hết ngày họ đều ở bên nhau, cười đùa ôn chuyện xưa. Thực tế là, có thể thấy rõ sự hiện diện gần như thường trực của ông Lewis quanh ông Dupont dường như trở nên một điều bất tiện nghiêm trọng với Huân tước Darlington, vì ngài, đương nhiên, đang rất mong mỗi được thiết lập quan hệ gần gũi với vị khách danh giá này trước khi hội đàm bắt đầu. Trong vài dịp tôi được chứng kiến cảnh huân tước tìm cách kéo riêng ông Dupont ra một góc để trò chuyện tay đôi, nhưng rồi ông Lewis với nụ cười trên môi chen vào cùng câu nhận xét đại loại, “*Pardon*⁽²⁾, thưa hai ngài, nhưng có chuyện này làm tôi băn khoăn quá,” thế là trong chốc lát huân tước đã thấy mình phải làm thính giả cho những chuyện tiểu lâm thường lệ của ông Lewis. Tuy nhiên, ngoài ông ta, những vị khách khác đều vì kinh sợ hay vì cảm giác đối địch mà đề phòng giữ khoảng cách với ông Dupont, và dù không khí chung là dè

dặt thì thái độ ấy vẫn nổi bật hẳn lên, dường như càng khẳng định cảm giác rằng chính ông Dupont là người cách nào đó nắm giữ kết quả những ngày sắp tới.

*

Cuộc hội đàm bắt đầu vào một sáng có mưa tuần cuối cùng tháng Ba năm 1923, trong bối cảnh có phần khó ngờ đến là phòng tiếp tân - lựa chọn này là để đáp ứng điều kiện “kín” của rất nhiều người tham dự. Thực tế là, theo như tôi thấy, cố gắng duy trì cảm giác không chính thức đã bị đẩy tới mức hơi nực cười. Nhìn căn phòng khá nữ tính ấy ngồi chật bao nhiêu vị quan khách áo vét đen, khuôn mặt nghiêm khắc, ngồi kể vai có khi ba bốn người trên xô pha, đã đủ bất thường; nhưng một số người quyết tâm tạo vẻ rằng đây chẳng qua là một buổi gặp xã giao tới mức họ còn thực sự bỏ tờ báo ra mở trong lòng.

Suốt trong buổi sáng đầu tiên ấy, bốn phạm quản gia đòi hỏi tôi phải liên tục ra ra vào vào phòng tiếp tân, không thể theo dõi đầy đủ diễn biến hội đàm. Nhưng tôi nhớ Huân tước Darlington đã khai mạc bằng lời chào chính thức tới mọi quan khách, trước khi chuyển sang trình bày khái quát về mệnh lệnh đạo đức cấp thiết phải nói lỏng rất nhiều điều khoản của hòa ước Versailles, và nhấn mạnh cảnh ngộ lầm than mà ngài đã tận mắt chứng kiến ở Đức. Dĩ nhiên tôi đã nhiều dịp được nghe huân tước bộc lộ những tình cảm ấy, nhưng trong khung cảnh long trọng này, huân tước phát biểu với một niềm tin sâu đậm tới mức tôi không thể không cảm động như mới lần đầu. Tiếp theo tới lượt Sir David Cardinal phát biểu, và đầu cho tôi đã bỏ mất không nghe được phần lớn bài nói của ông, thì bài nói ấy có vẻ nặng tính chuyên môn, và nói thành thực là hơi quá tầm của tôi. Nhưng ý hướng chung của ngài có vẻ cũng sát với huân tước, và ngài kết luận bằng cách kêu gọi đóng băng những khoản bồi thường chiến tranh của Đức, cũng như cho rút lui quân Pháp đương đóng ở vùng Ruhr. Sau đó đến lượt nữ bá tước người Đức lên tiếng, nhưng chính đến lúc này, vì nguyên do nào đó giờ tôi không còn nhớ, tôi buộc phải rời khỏi phòng trong một khoảng thời gian khá lâu. Tới khi tôi quay trở vào, cử tọa đã chuyển sang

tranh luận công khai, và cuộc thảo luận của họ - đề cập rất nhiều đến thương mại cùng lãi suất - vượt xa ngoài tầm hiểu biết của tôi.

Ông Dupont, theo chừng mực tôi quan sát được, không đóng góp gì vào cuộc tranh luận, và xét về mặt lăm lăm của ông cũng khó đoán được ông có để tâm lắng nghe những điều họ nói hay là đương chìm đắm vào những ý nghĩ riêng nào khác. Tới một lúc, khi tôi có việc rời khỏi phòng giữa chừng bài phát biểu của một vị khách Đức, ông Dupont bỗng đứng lên theo tôi ra ngoài.

“Quản gia,” ông ta nói khi chúng tôi đã ra sảnh, “anh tìm người thay băng chân cho ta được không. Chân đau làm ta khó chịu quá, khó mà lắng nghe mấy vị kia được.”

Theo như tôi nhớ, tôi vừa chuyển lời cầu viện đến cô Kenton - đương nhiên là qua một người đưa tin - và để ông Dupont ngồi lại trong phòng bị a chờ người đến chăm sóc, thì người hầu nhất hối hả chạy xuống cầu thang, vẻ rất phiền não, báo rằng cha tôi vừa đổ ốm trên tầng.

Tôi vội vàng đi lên tầng một, vừa quay người ở chiếu nghỉ thì bắt gặp một cảnh tượng lạ lùng. Ở đầu kia hành lang, gần như ngay trước cửa sổ lớn lúc này đương ngập tràn mưa và ánh sáng xám, là cha tôi, trong một tư thế cứng đờ như thể vừa thực hiện một nghi lễ long trọng nào đấy. Ông đã quỳ sụp trên một đầu gối, đầu cúi xuống, trông như đương đẩy cỗ xe đăng trước mà tuồng như vì nguyên do nào đó bỗng ương bướng không chịu nhúc nhích. Hai cô hầu buồng giữ ý đứng xa một quãng, có phần kính sợ theo dõi nỗ lực của ông. Tôi đến bên cha, gỡ hai bàn tay đương bám chắc vào mép xe đẩy, từ từ dìu ông nằm xuống thảm. Mắt ông nhắm lại, khuôn mặt xám đi, trán lấm tấm mồ hôi. Có thêm người được gọi đến giúp, một chiếc ghế có bánh xe kịp thời được đưa tới, cha tôi được đưa lên phòng.

Sau khi ông đã được đặt nằm xuống giường, tôi nhất thời không biết nên xử trí tiếp ra sao; bởi mặc dầu bỏ lại cha trong tình trạng ấy có vẻ là điều không nên, thì tôi cũng không thể nấn ná thêm giây nào nữa. Trong lúc tôi đứng lưỡng lự ở ngưỡng cửa như vậy, cô Kenton xuất hiện bên tôi nói, “Ông

Stevens, hiện tại tôi đang nhiều thời gian hơn ông một chút. Nếu ông muốn, tôi sẽ trông nom cụ nhà. Tôi sẽ đưa bác sĩ Meredith lên đây và báo với ông nếu bác sĩ có điều gì cần dặn dò.”

“Cảm ơn cô, cô Kenton,” tôi nói và cáo từ.

Khi tôi quay lại phòng tiếp tân, một vị giáo chức đương nói về cảnh ngộ của đám trẻ con ở Berlin. Ngay lập tức tôi đã luôn tay luôn chân tiếp trà và cà phê cho khách khứa. Tôi để ý thấy một vài vị đương uống rượu mạnh, và một hai người khác, bất chấp hai vị khách nữ có mặt, còn bắt đầu châm thuốc. Như tôi nhớ, tôi vừa rời khỏi phòng tiếp tân, cầm theo ấm trà đã cạn, thì cô Kenton dừng tôi lại bảo, “Ông Stevens, bác sĩ Meredith chuẩn bị ra về.”

Cô vừa nói thế, tôi cũng nhìn thấy vị bác sĩ khoác áo đi mưa và đội mũ trong sảnh, bèn ra chỗ ông, vẫn cầm ấm trà trong tay. Người bác sĩ hầm hừ nhìn tôi. “Cha ông không ổn lắm đâu,” ông nói. “Nếu ông ấy trở nặng hơn thì gọi tôi lập tức.”

“Vâng, thưa ngài. Cảm ơn ngài rất nhiều.”

“Cha ông bao nhiêu tuổi rồi, Stevens?”

“Bảy mươi hai, thưa ngài.”

Bác sĩ Meredith ngẫm nghĩ về thông tin đó, rồi nhắc lại, “Nếu ông ấy trở nặng hơn thì gọi tôi lập tức.”

Tôi cảm ơn vị bác sĩ lần nữa rồi đưa ông ra ngoài.

*

Chính vào chiều hôm ấy, gần như ngay trước bữa tối, tôi nghe lọt cuộc trò chuyện giữa ông Lewis và ông Dupont. Tôi có việc gì đó phải đi lên phòng ông Dupont, chuẩn bị gõ cửa, nhưng theo thói quen, trước khi gõ tôi ngưng lại một giây bên cửa lắng nghe. Có thể bản thân quý vị không quen thực hiện sự đề phòng nhỏ như vậy nhằm tránh gõ cửa vào một lúc đặc biệt không thích hợp, nhưng tôi vẫn luôn làm vậy và có thể khẳng định đây là thói quen phổ biến trong nghề. Nói vậy có nghĩa là, tự thân hành động như vậy không mang ý đồ vụng trộm, và nhất là tôi lại càng không có ý muốn nghe lỏm đến mức độ như chiều tối hôm ấy. Tuy nhiên, run rủi thế nào mà khi áp tai lên cửa phòng

ông Dupont, giọng nói tôi nghe thấy lại là ông Lewis, và đầu cho nay không còn nhớ đích xác những từ đầu tiên thực sự lọt tai, thì chính âm điệu tiếng ông mới đánh thức nghi ngờ trong tôi. Trong tai tôi vẫn là cái giọng hiền hòa, lễ rề đã gây cảm tình cho rất nhiều vị khách từ khi ông tới, vậy nhưng giờ giọng nói đó lại có chút gì lẫn lút thấy rõ. Chính cảm giác này, cùng với việc ông ta đương ở trong phòng ông Dupont, nhiều khả năng đương chèo kéo nhân vật tối quan trọng ấy, đã khiến tôi chùn tay không gõ cửa mà tiếp tục lắng nghe.

Độ dày cửa buồng ngủ ở Dinh Darlington khiến tôi không cách nào nghe được trọn vẹn từng đoạn đối thoại; vì thế mà tôi khó nhớ được chính xác mình đã nghe thấy những gì ở thời điểm bây giờ, cũng như, thực vậy, chiều hôm đó khi tôi tường thuật lại sự việc với huân tước. Tuy thế, nói vậy không có nghĩa là tôi không có được ấn tượng khá rành mạch về những gì đương diễn ra trong phòng. Về cơ bản, vị khách người Mỹ trình bày quan điểm rằng huân tước cùng những thành viên khác trong hội đàm đương lèo lái ông Dupont; rằng ông Dupont đã bị cố tình mời đến muộn hơn để người khác có thể bàn bạc những đề tài quan trọng trong khi ông ta vắng mặt; rằng ngay cả khi ông ta đã tới nơi, vẫn phải nhận thấy là huân tước liên tục thảo luận riêng với những đại biểu quan trọng nhất mà không mời ông Dupont. Sau đó ông Lewis chuyển sang tường thuật lại một vài nhận xét của huân tước cùng những người khác vào bữa tối ngày đầu tiên ông ta tới.

“Nói thẳng thắn ra thì, ông ạ,” tôi nghe ông Lewis nói, “tôi thấy ghê sợ cái thái độ của họ đối với đồng bào ông. Họ còn dùng hằn những chữ như là ‘man rợ’ với lại ‘đáng khinh’. Thực tế là tôi đã chép lại mấy chữ ấy vào nhật ký chỉ sau đó có vài giờ.”

Ông Dupont đáp lại ngắn gọn nhưng tôi không nghe được, rồi ông Lewis nhắc lại, “Nói ông nghe, tôi thấy ghê sợ. Nói về một đồng minh kẻ vai sát cánh mới vài năm trước mà lại đi dùng những từ như vậy ư?”

Đến giờ thì tôi không còn nhớ rõ rốt cuộc mình có gõ cửa không; rất có thể, do những điều đáng cảnh giác vừa nghe được,

tôi đã kết luận khôn ngoan nhất là rút lui. Dẫu sao đi nữa, tôi cũng không ở lại lâu - như tôi buộc phải giải thích với huân tước một chốc sau - đủ để có được bất cứ thông tin gì về phản ứng của ông Dupont trước những nhận định của ông Lewis.

Ngày hôm sau đó, cuộc bàn luận trong phòng tiếp tân có vẻ căng thẳng hơn hẳn một bậc, và tới giờ ăn trưa lời lẽ đã trở nên khá gay gắt. Cảm giác của tôi là rất nhiều phát ngôn, với giọng điệu buộc tội và sự táo bạo ngày càng tăng, được nhằm về phía ghế bành nơi ông Dupont ngồi vờ về bộ râu, không nói gì mấy. Cứ mỗi khi đến giờ giải lao, như tôi nhận thấy, và hẳn nhiên huân tước cũng nhận thấy với chút lo lắng, là ông Lewis lại nhanh chóng kéo ông Dupont ra góc này hay góc khác, nơi họ có thể kín đáo hội ý với nhau. Thực vậy, còn có một lần ngay sau bữa trưa, tôi nhớ mình đã bắt gặp hai vị đó nói chuyện khá lén lút ngay phía sau cửa thư viện, và có ấn tượng rành rành rằng họ đã cắt đứt câu chuyện khi thấy tôi đến gần.

Suốt thời gian đó, tình trạng cha tôi không thuyên giảm mà cũng không trầm trọng hơn. Cứ như tôi hiểu thì ông hầu như chỉ ngủ, và thực vậy, trong một vài dịp rảnh rỗi hiếm hoi tôi lên đến phòng gác mái, ông đều đang ngủ. Vậy nên tôi không có dịp thực sự chuyện trò với ông mãi cho đến buổi tối hai hôm sau khi ông ngã bệnh trở lại.

Dịp này nữa, cha tôi cũng đương ngủ khi tôi vào phòng. Nhưng cô hầu buồng được cô Kenton cắt ở lại trông nom ông thấy tôi bèn đứng dậy ra lay vai cha tôi.

“Cô ngốc này!” tôi kêu lên. “Cô làm cái gì vậy chứ?”

“Ông Stevens nói hãy đánh thức ông ấy nếu ngài quay lại, thưa ngài.”

“Cứ để cha tôi ngủ tiếp. Ông ốm là vì kiệt sức thôi.”

“Ông ấy buộc tôi làm thế, thưa ngài,” cô ta đáp và lại lay vai cha tôi.

Cha tôi mở mắt, hơi xoay đầu trên gối nhìn tôi.

“Tôi hy vọng giờ cha đã cảm thấy khá hơn rồi,” tôi nói.

Ông cứ chăm chăm nhìn tôi một lát, rồi hỏi, “Mọi thứ dưới nhà vẫn trong tầm kiểm soát chứ?”

“Tình hình có phần náo loạn. Giờ vừa qua sáu giờ chiều, nên hẳn cha có thể tưởng tượng được không khí trong nhà bếp vào lúc này.”

Về bực dọc thoáng qua mặt cha tôi. “Nhưng mọi thứ vẫn trong tầm kiểm soát chứ?” ông nhắc lại.

“Vâng, tôi dám chắc cha có thể yên tâm về phần đó. Tôi rất mừng khi thấy cha khá hơn.”

Có phần cẩn trọng, ông rút hai tay ra khỏi chăn và đưa cặp mắt mệt mỏi nhìn hai mu bàn tay. Ông cứ nhìn như thế hồi lâu.

“Tôi rất mừng thấy cha khá hơn nhiều như vậy,” cuối cùng tôi nhắc lại. “Giờ thì tôi thực sự cần quay trở xuống rồi. Như tôi đã nói, tình hình có phần náo loạn.”

Ông tiếp tục nhìn hai tay một lúc. Rồi ông chậm chạp nói, “Cha hy vọng cha đã là một người cha tốt.”

Tôi cười khẽ và đáp, “Con rất mừng thấy cha đã khá hơn.”

“Cha rất tự hào về con. Con là một đứa con trai ngoan. Cha hy vọng cha đã là một người cha tốt. Nhưng chắc là không.”

“Hiện giờ e rằng chúng con đang bận khủng khiếp, nhưng sáng mai chúng ta có thể nói chuyện thêm.”

Cha tôi vẫn tiếp tục nhìn hai bàn tay như thể chúng làm ông hơi bực bội.

“Con rất mừng thấy cha đã khá hơn,” tôi nhắc lại và cáo từ.

*

Khi trở xuống, tôi thấy nhà bếp đã mấp mé náo loạn, và xét chung, đội ngũ nhân viên từ dưới lên trên đều chìm trong không khí căng thẳng tột đỉnh. Tuy nhiên tôi cũng vui mừng nhớ lại rằng tới khi bữa tối được dọn ra chừng một tiếng sau, nhìn nhân viên của tôi chỉ thấy có sự miễn cấn và điềm tĩnh một cách chuyên nghiệp.

Sảnh tiệc lộng lẫy ấy khi được khai thác hết khả năng của nó bao giờ cũng là một cảnh tượng đáng nhớ, và tối hôm ấy cũng không ngoại lệ. Dĩ nhiên hàng dãy san sát những quý ông lên dạ phục, áp đảo hẳn những đại diện của phái đẹp, có đưa lại ấn tượng tương đối khắc khổ; nhưng mặt khác vào thời ấy, hai cây

đèn chùm lớn treo bên trên bàn vẫn còn thấp bằng khí ga, tỏa ánh sáng êm ả dịu nhẹ bàng bạc khắp phòng, chứ không phải lói sáng chói gắt gần đây kể từ hồi đổi sang bóng đèn điện. Vào bữa tối thứ hai và cũng là cuối cùng trong chuỗi hội đàm - hầu hết khách đã lên lịch cáo biệt sau bữa trưa ngày hôm sau - cử tọa đã mất đi phần lớn vẻ dè dặt thấy rõ suốt những ngày trước đó. Không chỉ câu chuyện bên bàn tuôn chảy thoải mái và ồn ã hơn, mà cả lượng rượu vang chúng tôi phải phục vụ cũng tăng vọt. Khi kết thúc bữa tối, mà xét từ quan điểm quản gia có thể thấy đã diễn ra trơn tru không mấy trở ngại, huân tước đứng dậy phát biểu trước tân khách.

Mở đầu, huân tước bày tỏ lòng biết ơn với tất cả mọi người tham dự, vì những đàm luận suốt hai ngày trước đó, “dù có nhiều lúc thẳng thắn tới mức hăng hái”, đã diễn ra trong tinh thần hữu ái và ước nguyện muốn xiển dương cái thiện. Sự đoàn kết mà ngài được chứng kiến hai ngày vừa qua còn lớn hơn nhiều ngài từng dám mong muốn, và buổi thảo luận cuối cùng để “chốt lại” sáng ngày mai, ngài tin sẽ đầy những lời cam kết của mỗi người tham dự sẽ thực hiện những hành động thích hợp với mỗi người trước khi bắt đầu cuộc hội thảo quốc tế quan trọng ở Thụy Sĩ. Tới khúc này - và tôi không biết có phải huân tước đã định tâm làm vậy từ trước không - ngài chuyển sang những kỷ niệm về ông bạn quá cố, Herr Karl-Heinz Bremann. Điều này có hơi tai hại, bởi đây là một đề tài mà huân tước hết sức tâm huyết, và ngài có thói quen diễn giải hết sức tỉ mỉ chi tiết. Có lẽ cần phải nói thêm rằng Huân tước Darlington không phải loại người có thể gọi là diễn giả bẩm sinh, và chẳng mấy chốc những âm thanh trở mình khe khẽ cho thấy cử tọa đã mất hứng thú dần dà nổi lên khắp phòng. Thực tế là tới thời điểm Huân tước Darlington cuối cùng cũng mời tất cả quan khách đứng lên nâng cốc vì “hòa bình và công lý ở Âu châu”, những âm thanh loại ấy - có lẽ cũng vì lượng vang dồi dào đã tiêu thụ - đã lên tới mức khiến tôi thấy mấp mé bờ vô lễ.

Các thực khách vừa ngồi xuống, chuyện trò vừa mới lại bắt đầu, thì bỗng đâu nổi lên tiếng gõ tay vào gỗ rất quyền thế, ông

Dupont đứng dậy. Ngay lập tức, khắp phòng lặng đi. Vị khách đặc biệt nhìn một vòng quanh bàn, ánh mắt gần như khắc nghiệt. Rồi ông nói: “Tôi hy vọng mình không ngáng trở một bốn phần đã trao cho người khác đang có mặt ở đây, nhưng tôi chưa hề nghe thấy ai lên tiếng đề nghị nâng cốc cảm tạ chủ nhà của chúng ta, Huân tước Darlington hết sức nhân hậu và đáng kính.” Chung quanh lầm rầm tán đồng. Ông Dupont nói tiếp, “Rất nhiều điều đáng chú ý đã được nói ra ở nhà này trong những ngày vừa qua. Rất nhiều điều hệ trọng.” Ông ta ngừng, và giờ đây sự im lặng tuyệt đối ngự trị khắp phòng.

“Đã có nhiều điều,” ông nói tiếp, “nói ra hàm ý hoặc không, nhằm *chỉ trích* - từ đó cũng không nặng quá - *chỉ trích* chính sách ngoại giao của nước tôi.” Ông ta lại ngừng, vẻ mặt khá nghiêm khắc. Thậm chí người ta có thể cho là ông đương tức giận. “Trong hai ngày vừa qua chúng ta đã được nghe một số phân tích hết sức thấu đáo và thông minh về tình hình hết sức phức tạp hiện tại ở châu Âu. Nhưng không phân tích nào, tôi xin phép nói vậy, tỏ ra hiểu đầy đủ những lý do khiến nước Pháp giữ thái độ như vậy đối với quốc gia lân bang của mình. Tuy nhiên,” ông giơ một ngón tay, “đây không phải lúc đi vào những tranh luận kiểu đó. Thực tế, tôi đã chủ động tránh tham gia những tranh luận kiểu đó trong mấy ngày vừa qua, bởi tôi đến đây chủ yếu để lắng nghe. Và giờ thì xin phép nói rằng tôi đã rất ấn tượng với một vài lập luận được nghe trong dịp này. Nhưng ấn tượng tới mức nào, các ông có thể hỏi như vậy.” Ông Dupont lại ngừng, và lặn này đưa ánh mắt gần như thông thả lướt khắp mọi khuôn mặt đương chú mục vào ông. Rồi cuối cùng ông cũng nói, “Thưa các ông - và các bà nữa, *pardon* - tôi đã suy nghĩ rất nhiều về những chuyện này, và nay tôi muốn nói trên nguyên tắc mật với các vị, rằng mặc dù giữa tôi cùng rất nhiều người có mặt tại đây hằng còn rất nhiều bất đồng về cách diễn giải những gì đang thực sự diễn ra ở châu Âu ngay lúc này, thì bất chấp điều đó, về các điểm chính đã được nêu lên trong căn nhà này, tôi đã tin, thưa các ngài, *tin* vào cả tính công bằng và tính khả thi của chúng.” Tiếng rì rầm nổi lên quanh bàn dường

như chứa cả nhẹ nhõm lẫn đắc thắng, nhưng lần này ông Dupont hơi rướn giọng lên tuyên bố át đi, “Tôi rất vui được cam đoan với tất cả các vị ở đây rằng với chút ảnh hưởng nhỏ nhoi mà tôi có, tôi sẽ khuyến khích một vài thay đổi về trọng tâm của chính sách đối ngoại Pháp trên tinh thần hầu hết những gì được nói đến ở đây. Và tôi sẽ cố gắng làm sao cho kịp thời gian diễn ra hội thảo Thụy Sĩ.”

Một tràng vỗ tay ran lên quanh bàn, và tôi thấy huân tước cùng Sir David đưa mắt nhìn nhau. Ông Dupont giơ một tay lên, để cảm ơn hay ngăn lại tràng vỗ tay thì không rõ.

“Nhưng trước khi chuyển qua cảm ơn người chủ nhà của chúng ta, Huân tước Darlington, tôi có một bầu tâm sự nhỏ cần trút bỏ. Có thể một vài người trong các ngài sẽ nói rằng đi trút những tâm sự như vậy giữa bàn tiệc là không phải phép.” Câu nói được đón nhận bằng tràng cười ồn ã. “Tuy nhiên, về những chuyện như vậy, tôi nghĩ thẳng thắn là hơn. Cũng như ta nhất thiết phải bày tỏ một cách chính thức và công khai lòng cảm ơn với Huân tước Darlington, người đã đưa chúng ta lại đây, đã tạo điều kiện cho tinh thần đoàn kết và thiện ý như ta đang chứng kiến, thì tôi tin rằng ta cũng nhất thiết phải công khai khiển trách bất kỳ ai đến đây chỉ để lạm dụng lòng hiếu khách của chủ nhà, và dành công sức vào việc thuần gieo rắc bất mãn và nghi hoặc. Những người như vậy không chỉ đáng khinh miệt trong giao tiếp thông thường, mà trong bầu không khí chính trị hiện thời họ là những kẻ đặc biệt nguy hiểm.” Ông ta lại ngừng, và lần nữa cả phòng im lặng tuyệt đối. Ông Dupont nói tiếp, giọng điềm đạm cố ý, “Câu hỏi duy nhất của tôi về phần ông Lewis là, Lối cư xử khả ố của ông ta đặc trưng cho thái độ của chính quyền Hoa Kỳ đương thời tới mức nào? Thưa các bà các ông, cho phép tôi mạo muội đưa ra phỏng đoán, bởi một người đã có khả năng dối hoặc tới mức độ như ông ta thể hiện mấy ngày vừa qua thì khó có thể mong đợi đưa ra một đáp án thành thực được. Vậy nên tôi mạo muội đoán thế này. Đương nhiên, Hoa Kỳ lo ngại chúng ta sẽ không trả nợ được cho họ trong trường hợp những khoản bồi thường chiến tranh của Đức bị đóng băng. Nhưng

trong sáu tháng vừa qua tôi đã có nhiều dịp thảo luận về chính vấn đề này với một số người Mỹ ở các vị trí rất cao cấp, và tôi cảm thấy rằng tư duy chung ở nước đó có tầm nhìn xa hơn nhiều những gì người đồng hương của họ thể hiện tại đây. Tất cả những ai trong chúng ta ưu tư về sự hưng vượng tương lai của châu Âu sẽ yên lòng khi biết rằng ông Lewis giờ đây - chúng ta nên nói thế nào nhỉ? - chẳng còn giữ lại mấy tầm ảnh hưởng của ông ta lúc trước. Có thể các ngài sẽ nghĩ rằng tôi nói công khai ra những chuyện như vậy là nghiệt ngã không phải lỗi. Nhưng sự thực, thưa các bà các ông, tôi đang tỏ ra nhân đạo. Các ngài biết đấy, tôi đang kìm lại không kể ra những gì vị khách này đã nói với tôi - *về tất cả các ngài*. Bằng một phương cách hết sức vụng về, với độ táo tợn và thô thiển khiến tôi phải sửng sốt. Nhưng khiến trách đến đó là đủ rồi. Giờ là lúc chúng ta nói lời cảm ơn. Vậy thưa các bà các ông, xin hãy cùng tôi nâng ly cảm tạ Huân tước Darlington."

Ông Dupont không nhìn lấy một lần về phía ông Lewis suốt trong bài nói ấy, và thực vậy, sau khi cả bàn đã uống mừng huân tước rồi lại ngồi xuống, tất cả mọi người bên bàn dường như đều gắng sức tránh nhìn về phía vị khách người Mỹ. Sự im lặng kém dễ chịu kéo dài một lúc, rồi cuối cùng ông Lewis cũng đứng lên. Ông ta vẫn mỉm cười hòa nhã như thường lệ.

"À, vì hôm nay ai nấy đều muốn phát biểu, có lẽ tôi cũng nên làm một bài," ông ta nói, và nghe giọng thì thấy ngay ông đã uống không phải là ít. "Tôi chẳng có gì đáp lại những điều tâm bày mà ông bạn Pháp của chúng ta vừa thốt ra. Ăn nói kiểu đó tôi đơn giản là mặc kệ. Tôi đã gặp khối người thử tìm cách bịp tôi rồi, và nói các vị nghe, thưa các vị, rất ít người làm được. Rất ít người làm được." Ông Lewis ngừng lại, và trong một chốc, tuồng như ngắc ngứ không biết nói gì tiếp theo. Cuối cùng ông ta lại mỉm cười và nói, "Như tôi vừa nói, tôi sẽ không phí thời gian cho ông bạn Pháp ngồi đằng kia. Nhưng sự thực là tôi đúng là có điều cần nói. Vì giờ ai nấy đều thích thẳng thắn, tôi cũng sẽ thẳng thắn luôn. Các quý ông ngồi đây, nói bỏ quá cho, các vị chỉ là một bầy mơ mộng ngây ngô. Và nếu không nằng nặc đòi

nhúng tay vào những việc lớn lao khuấy động cả địa cầu thì các vị cũng dễ thương ra phết. Đơn cử ông chủ nhà tốt bụng của chúng ta ở đây nào. Ông ấy là ai? Ông ấy là một người quân tử. Tôi tin là ở đây sẽ không ai có bụng phản đối điều đó. Một nhà quý tộc Anh quốc điển hình. Đàng hoàng, thành thực, giàu thiện ý. Nhưng huân tước của chúng ta là một tay *nghiệp dư*.” Ông ta dừng lại sau chữ đó và nhìn quanh bàn. “Ông ấy là một tay nghiệp dư và đối ngoại quốc tế ngày nay không còn dành cho những nhà quý tộc nghiệp dư. Các ông ở châu Âu đây càng nhận ra sớm sẽ càng tốt. Tất cả các nhà quý tộc đàng hoàng và thiện ý các ông, cho phép tôi hỏi, các ông có ai biết thế giới xung quanh các ông đang trên đường trở thành cái giống gì không? Cái thời các ông có thể cư xử theo tiếng gọi của lương tâm cao quý của các ông đã hết rồi. Chỉ có điều, đương nhiên, các ông ở châu Âu đây hình như vẫn còn chưa biết vậy. Những người quý tộc như vị chủ nhà tốt bụng của chúng ta vẫn còn nghĩ việc của mình là nhúng tay vào những thứ mình không hiểu. Quá nhiều điều bá láp đã được nói ra ở đây trong hai ngày vừa qua. Thiện ý và ngây ngô bá láp. Các ông ở châu Âu đây cần có những tay chuyên nghiệp để điều hành đất nước của các ông. Nếu không sớm nhận ra thì các ông đang đi thẳng tới thảm họa đấy. Nào các quý ông, xin mời nâng cốc. Xin phép cho tôi nâng cốc. Mừng tính chuyên nghiệp.”

Cả phòng chìm trong im lặng điếng người, không ai cử động. Ông Lewis nhún vai, nâng ly chào toàn cử tọa, đưa lên miệng uống rồi ngồi lại xuống. Gần như ngay lập tức, Huân tước Darlington đứng lên.

“Tôi không hề muốn sa vào tranh cãi,” huân tước nói, “vào buổi tối cuối cùng chúng ta ở bên nhau, mà chúng ta xứng đáng được tận hưởng như một dịp vui vẻ và đặc ý. Nhưng chính vì tôn trọng quan điểm của ông, thưa ông Lewis, mà tôi cảm thấy không nên đơn thuần bỏ qua như lời lẽ từ miệng một tay lập dị cướp diễn đàn. Cho phép tôi nói câu này. Điều mà ông miêu tả bằng từ ‘nghiệp dư’, thưa ông, thì tôi nghĩ hầu hết chúng tôi ở đây vẫn còn muốn gọi bằng từ ‘danh dư’.”

Chung quanh râm rạn hưởng ứng, có mấy người thốt lên “hay, hay lắm” hoặc vỗ tay.

“Thêm nữa, thưa ông,” huân tước vẫn nói tiếp, “tôi nghĩ mình khá hiểu về thứ mà ông gọi bằng hai chữ ‘chuyên nghiệp’. Có vẻ hai chữ đó có nghĩa là đạt được mục đích của mình nhờ thủ đoạn và lừa dối. Có vẻ nghĩa là tuân theo sự chỉ đạo của lòng tham và hãnh tiến thay vì nghe theo lòng thiện và ước muốn được thấy công lý ưu thắng trên mặt đất này. Nếu đây là ‘tính chuyên nghiệp’ mà ông nói đến, thưa ông, thì tôi đánh giá rất thấp và chẳng hề có ý muốn đạt được thứ chuyên nghiệp đó.”

Đến đây nổ ra tràng hưởng ứng ồn ã nhất từ đầu đến giờ, tiếp đó là tiếng vỗ tay nồng nhiệt kéo dài hồi lâu. Tôi nhìn thấy ông Lewis mỉm cười với ly vang và lắc đầu chán ngán. Chính vào khoảng lúc này, tôi nhận ra anh hầu nhất đương đứng cạnh tôi thì thào: “Thưa ngài, cô Kenton có lời muốn nói với ngài. Cô ấy đứng ngay ngoài cửa.”

Tôi lui ra hết sức kín đáo đúng lúc huân tước, vẫn chưa ngồi xuống, đương bắt qua một luận điểm mới.

Cô Kenton trông khá buồn bực. “Cha ông đã nặng đi thấy rõ, ông Stevens ạ,” cô nói. “Tôi đã cho gọi bác sĩ Meredith rồi, nhưng theo tôi hiểu ông ấy có thể bị chậm trễ một chút.”

Chắc trông tôi có vẻ hơi rối trí, vì lúc đó cô Kenton nói tiếp, “Ông Stevens, tình trạng cha ông thực sự đang rất tệ. Ông nên lên đó gặp ông ấy thì hơn.”

“Tôi chỉ rảnh được một giây thôi. Các vị trong kia có thể qua phòng hút thuốc nghỉ ngơi bất kỳ lúc nào.”

“Phải rồi. Nhưng ông phải đi ngay bây giờ, ông Stevens, nếu không sau này ông có thể hối tiếc vô cùng đấy.”

Cô Kenton đã bắt đầu dẫn đường, và chúng tôi hối hả đi suốt căn nhà lên tới căn phòng áp mái nhỏ của cha tôi. Bà đầu bếp Mortimer đang đứng bên đầu giường cha tôi, vẫn còn để tạp dề.

“Ôi ông Stevens ơi,” bà ta kêu lên khi thấy chúng tôi vào, “ông cụ nặng đi nhanh quá.”

Thực vậy, khuôn mặt cha tôi đã chuyển màu đỏ ửng khá xỉn, tôi chưa từng thấy sắc đỏ trên mặt bất kỳ sinh vật nào còn sống. Tôi

nghe tiếng cô Kenton khe khẽ sau lưng, “Mạch ông ấy yếu lắm rồi.” Tôi nhìn chăm chăm vào cha tôi một lúc, sờ nhẹ lên trán ông, rồi rút tay lại.

“Theo ý tôi,” bà Mortimer nói, “ông cụ vừa bị đột quy. Đời tôi đã thấy cảnh đó hai lần rồi và tôi nghĩ ông cụ vừa bị đột quy.” Đến đó, bà ta khóc. Tôi nghe mùi mỡ và thịt nướng tỏa ra nồng nặc từ bà ta. Tôi ngoảnh đi, nói với cô Kenton, “Đây thực là một điều đáng buồn. Tuy nhiên, tôi đã đến lúc phải xuống nhà rồi.”

“Đương nhiên rồi, ông Stevens. Tôi sẽ báo với ông chừng nào bác sĩ tới. Hoặc nếu có gì thay đổi.”

“Cảm ơn cô, cô Kenton.”

Tôi vội vã xuống nhà, vừa kịp thấy quan khách tiến vào phòng hút thuốc. Mấy anh hầu có vẻ nhẹ nhõm khi thấy tôi, và tôi lập tức ra hiệu cho họ vào vị trí.

Dầu có điều gì xảy ra trong sảnh tiệc sau khi tôi rời khỏi đó thì giờ đây, không khí giữa các vị khách cũng mang vẻ vui mừng thành thực. Khắp quanh phòng hút thuốc chỉ thấy từng tốp khách cười lớn và vỗ vai nhau. Ông Lewis, trong chừng mực tôi có thể đoán biết, đã lui về phòng mình. Tôi thấy mình đang qua lại giữa các vị khách, bưng khay đựng chai port. Tôi vừa rót đầy ly cho một vị khách thì nghe có tiếng nói sau lưng mình, “A, Stevens, chú bảo chú thích cá thì phải.”

Quay lại, tôi nhận thấy anh Cardinal trẻ tuổi đang cười tươi rói với mình. Tôi cũng mỉm cười đáp, “Cá ư, thưa ngài?”

“Hồi nhỏ tôi thường nuôi đủ thứ cá nhiệt đới trong bể. Phải nói là một cung hải dương tí hon đích thực. Mà này, Stevens, chú có sao không?”

Tôi lại mỉm cười. “Tôi rất ổn, cảm ơn ngài đã quan tâm.”

“Rõ là đúng như chú nói, tôi thật tình nên trở lại đây vào mùa xuân. Hẳn là lúc ấy Dinh Darlington phải xinh đẹp lắm. Hình như lần gần nhất tôi tới đây cũng là mùa đông thì phải. Mà này, Stevens, chú có chắc là chú không sao không đấy?”

“Tôi hoàn toàn ổn, cảm ơn ngài đã quan tâm.”

“Chú không khó ở đấy chứ?”

“Không một chút nào, thưa ngài. Tôi xin thất lễ.”

Tôi tiếp tục phục vụ rượu cho vài vị khách khác. Bỗng có một tràng cười lớn sau lưng, tôi nghe tiếng vị giáo chức Bỉ kêu lớn: “Thật là tà đạo! Tà đạo thực sự!” rồi bản thân cũng cười lớn theo. Cảm thấy có gì chạm vào khuỷu tay, tôi ngoảnh lại, nhận ra Huân tước Darlington.

“Stevens, anh có sao không?”

“Không sao, thưa ngài. Tôi hoàn toàn ổn.”

“Trông anh như đang khóc ấy.”

Tôi bật cười, lấy khăn tay lau nhanh mặt. “Xin thứ lỗi, thưa ngài. Một ngày vất vả và căng thẳng.”

“Phải, hôm nay thực vất vả quá.”

Có người gọi huân tước, ngài quay đi đáp lại. Tôi sắp sửa bước thêm vài bước quanh phòng thì chợt thấy cô Kenton đứng bên kia cánh cửa mở, ra hiệu với tôi. Tôi bắt đầu đi về phía cửa, nhưng chưa đến nơi thì ông Dupont đã chạm vào cánh tay tôi.

“Quản gia,” ông ta nói, “không biết anh có tìm được cho ta ít băng gạc mới không. Chân ta lại chịu hết nổi rồi.”

“Vâng, thưa ngài.”

Khi đi tiếp ra cửa, tôi nhận ra ông Dupont dường như đi theo mình. Tôi quay lại nói, “Tôi sẽ đến tìm ngài lập tức sau khi lấy đủ những đồ cần thiết, thưa ngài.”

“Quản gia, anh hãy nhanh lên cho. Ta đang bị đau đấy.”

“Vâng, thưa ngài. Vô cùng xin lỗi ngài.”

Cô Kenton vẫn còn đứng nguyên ngoài sảnh, nơi tôi vừa nhìn thấy cô. Khi tôi bước ra, cô lặng lẽ đi lại phía cầu thang, điệu bộ lạ thay không còn vẻ gấp gáp. Rồi cô quay lại nói, “Ông Stevens, tôi thật sự rất tiếc. Cha ông đã qua đời khoảng bốn phút trước.”

“Tôi hiểu rồi.”

Cô nhìn xuống hai bàn tay mình, rồi nhìn lên mặt tôi. “Ông Stevens, tôi thật sự rất tiếc,” cô nói. Rồi cô nói thêm, “Tôi ước gì mình có thể nói gì đó.”

“Không cần đâu, cô Kenton.”

“Bác sĩ Meredith vẫn chưa đến.” Rồi trong một khắc cô cúi đầu và một tiếng nấc buột khỏi miệng cô. Nhưng gần như lập tức, cô

đã lấy lại vẻ nghiêm chỉnh và hỏi bằng giọng điềm đạm, “Ông sẽ lên với ông cụ chứ?”

“Ngay lúc này thì tôi đang rất bận, cô Kenton. Có lẽ thêm một lát nữa.”

“Trong trường hợp đó, ông Stevens, ông sẽ cho phép tôi vượt mặt cho ông cụ chứ?”

“Nếu cô làm thế được thì tôi vô cùng biết ơn, cô Kenton.”

Cô bắt đầu đi lên cầu thang, nhưng tôi đã ngăn cô lại nói, “Cô Kenton, xin đừng nghĩ tôi cư xử sai trái không phải lỗi vì đã không lên chứng kiến trạng thái lâm chung của cha tôi vào thời điểm này. Cô hiểu không, tôi biết cha tôi sẽ muốn tôi tiếp tục như lúc này đây.”

“Đương nhiên rồi, ông Stevens.”

“Tôi cảm thấy nếu làm khác đi sẽ khiến ông thất vọng.”

“Đương nhiên rồi, ông Stevens.”

Tôi quay đi, chai port vẫn còn trên khay, trở lại phòng hút thuốc. Căn phòng tương đối nhỏ giờ đã thành một rừng áo dự tiệc màu đen, những mái đầu xám và khói xì gà. Tôi vòng vèo qua tân khách, tìm xem ly nào cần tiếp rượu. Ông Dupont vỗ vai tôi và nói, “Quản gia, anh đã thu xếp được cho ta chưa?”

“Vô cùng xin lỗi, thưa ngài, nhưng ngay vào thời điểm này thì chưa thể sắp xếp được người trợ giúp.”

“Anh nói thế nghĩa là sao, quản gia? Anh đã hết trang bị y tế cơ bản hả?”

“Tình hình là có một vị bác sĩ đang đến, thưa ngài.”

“À, tốt quá! Anh đã gọi bác sĩ.”

“Vâng, thưa ngài.”

“Tốt, tốt.”

Ông Dupont tiếp tục cuộc chuyện trò còn tôi tiếp tục đi quanh phòng thêm một lát. Đến một lúc, nữ bá tước Đức hiện ra từ giữa các vị khách nam, và khi tôi còn chưa kịp phục vụ bà, bà đã tự mình rót ít port từ khay của tôi.

“Nhờ anh chuyển lời khen của tôi đến đầu bếp, Stevens ạ,” bà nói.

“Đương nhiên rồi, thưa bà. Xin cảm ơn bà.”

“Cả anh cùng đội ngũ nhân viên cũng xuất sắc lắm.”

“Cảm ơn bà rất đổi, thưa bà.”

“Trong bữa ăn, Stevens ạ, có lúc tôi dám thề nhìn anh phải bằng ít nhất ba người một lúc,” bà nói và cười to.

Tôi cũng vội cười theo và nói, “Tôi rất mừng đã có ích cho bà, thưa bà.”

Một giây sau, tôi nhận thấy anh Cardinal trẻ tuổi ở cách mình không xa lắm, vẫn đứng một mình, và tôi chợt nghĩ rằng chàng trai trẻ có thể có phần hơi bị át vía giữa đám đông hiện tại. Dầu sao ly của anh cũng đã cạn, nên tôi liền tiến về phía anh. Anh trông như tươi tỉnh hẳn lên khi thấy tôi lại gần, bèn chìa ly ra.

“Tôi nghĩ chú yêu thiên nhiên như vậy thì thật tuyệt vời, Stevens ạ,” anh nói khi tôi rót rượu. “Và tôi dám nói Huân tước Darlington được lợi rất nhiều khi có một cặp mắt lão luyện theo dõi công việc của người làm vườn.”

“Xin thứ lỗi, thưa ngài?”

“Thiên nhiên ấy, Stevens ạ. Mới hôm nọ chúng ta vừa nói chuyện về sự kỳ diệu của thế giới tự nhiên. Và tôi rất đồng ý với chú, chúng ta đều đã quá bàng quan với những điều kỳ diệu lớn lao tỏa khắp chung quanh ta.”

“Vâng, thưa ngài.”

“Thử nghĩ xem, chúng ta cứ nói về những thứ chuyện gì. Hòa ước, rồi thì biên giới, rồi thì bồi thường và chiếm đóng các kiểu. Nhưng Mẹ thiên nhiên thì vẫn cứ tự mình yêu kiều thôi. Nghĩ mà buồn cười, chú thấy vậy không?”

“Vâng, quả là có vậy, thưa ngài.”

“Tôi không biết liệu có tốt hơn chẳng nếu như Đấng tối cao đã tạo ra tất cả chúng ta như là... ờ... như là các loại cây cỏ. Cắm chắc vào đất ấy, chú hiểu không. Thế thì ba cái chuyện nhố nhăng chiến tranh với chả biên giới này thậm chí còn chẳng tồn tại trên đời nữa là.”

Chàng trai trẻ có vẻ thấy đây là một ý nghĩ thú vị. Anh ta cười lên một tiếng, rồi nghĩ thêm một chút và lại cười thêm nữa. Tôi cũng cười góp cùng. Rồi anh huých tôi và bảo, “Chú tưởng tượng được không, Stevens?” và lại cười to.

“Vâng, thưa ngài,” tôi cũng cười theo, “nếu được như thế thì quả là rất thú vị.”

“Nhưng chúng ta vẫn có thể có những vai như chú, đưa tin qua lại, bưng trà tới và vâng vâng. Nếu không thì làm sao chúng ta làm xong việc gì được? Chú tưởng tượng được không, Stevens? Ai cũng cảm rở trong đất như vậy? Cứ tưởng tượng xem!”

Đúng lúc ấy một người hầu trai xuất hiện sau lưng tôi. “Cô Kenton có lời muốn nói với ngài, thưa ngài,” anh ta nói.

Tôi cáo từ anh Cardinal và đi về phía cửa. Tôi nhận thấy ông Dupont vẻ như đang đứng canh cửa, và thấy tôi đến gần, ông ta nói, “Quản gia, bác sĩ đã đến chưa?”

“Tôi chính là đang tìm hiểu việc đó, thưa ngài. Tôi sẽ trở lại ngay.”

“Ta đang rất đau.”

“Vô cùng xin lỗi, thưa ngài. Bác sĩ hẳn sắp đến rồi.”

Lần này thì ông Dupont theo tôi ra khỏi cửa. Cô Kenton giống như lần trước đang đứng ngoài sảnh chờ.

“Ông Stevens,” cô nói, “bác sĩ Meredith đã tới và lên tầng trên rồi.”

Cô nói rất khẽ, nhưng ông Dupont sau lưng tôi liền kêu lên, “A, tốt rồi!”

Tôi quay sang ông ta nói, “Xin ngài quá bộ theo tôi, thưa ngài.”

Tôi dẫn ông vào phòng bí a, cời lửa trong lúc ông ngồi xuống một chiếc ghế bành da và tháo giày.

“Xin thứ lỗi căn phòng hơi lạnh, thưa ngài. Bác sĩ sẽ đến ngay.”

“Cảm ơn anh, quản gia. Anh làm tốt lắm.”

Cô Kenton vẫn đứng chờ tôi ngoài hành lang sảnh và chúng tôi đi lên trong im lặng, qua suốt căn nhà. Trên phòng cha tôi, bác sĩ Meredith đang ghi chép gì đó, còn bà Mortimer đang khóc mùi. Bà vẫn còn mặc tạp dề, và có thể thấy đã dùng nó lau

nước mắt; kết quả là trên mặt bà đầy những vết mờ, khiến bà trông như diễn viên tạp kỹ giả trang làm da đen. Tôi đã ngỡ căn phòng sẽ đầy mùi tử khí, nhưng nhờ có bà Mortimer - hay đúng hơn nhờ cái tạp dề - mà mùi thịt nướng áp đảo căn phòng.

Bác sĩ Meredith đứng lên và nói, “Xin gửi anh lời phân ưu sâu sắc, Stevens. Ông ấy trúng một cơn đột quy nghiêm trọng. Nếu điều này có xoa dịu được anh phần nào, thì hẳn ông ấy không phải chịu nhiều đau đớn. Anh chẳng thể làm gì cho ông ấy được đâu.”

“Cám ơn ngài, thưa bác sĩ.”

“Giờ tôi phải đi đây. Anh sẽ thu xếp mọi việc chứ?”

“Vâng thưa bác sĩ. Tuy nhiên, xin phép bác sĩ, có một vị khách rất danh giá dưới nhà đang cần sự trợ giúp của bác sĩ.”

“Có gấp không?”

“Ông ấy tỏ lòng sốt sắng muốn được gặp ngài, thưa bác sĩ.”

Tôi dẫn bác sĩ Meredith xuống nhà, đưa ông vào phòng bí a, rồi nhanh chóng trở lại phòng hút thuốc nơi bầu không khí đã trở nên thậm chí còn hoạt náo hơn cả lúc trước.

*

Đương nhiên, tôi không ở vị thế có thể nhận định rằng mình xứng đáng có bao giờ được xếp ngang hàng cùng những quản gia “vĩ đại” của thế hệ mình, như ông Marshall hay ông Lane - dù cũng cần phải nói rằng có những người, có lẽ do rộng lượng không đúng chỗ, vẫn thường cho rằng như thế. Cho phép tôi nói rõ rằng khi nhận định cuộc hội đàm năm 1923, và đặc biệt là cái đêm ấy, đã trở thành bước ngoặt trong quá trình phát triển sự nghiệp của tôi, thì tôi chủ yếu xét trên cơ sở những chuẩn mực hèn mọn hơn của bản thân tôi. Cho dù thế, nếu cân nhắc tới những áp lực dồn lên tôi đêm hôm ấy, quý vị có lẽ sẽ không nghĩ tôi đã tự lừa mị mình quá đáng nếu dám nói rằng có lẽ tôi đã chứng tỏ được chút nào, bất chấp tất cả mọi điều, dẫu chỉ ở một mức độ khiêm nhường, cái “phẩm cách” ngang với một người như ông Marshall - hay thậm chí cả cha tôi. Thực vậy, sao tôi phải chối từ điều đó? Dẫu gắn với bao nhiêu kỷ niệm buồn bã,

thì ngày nay, mỗi lần nhớ lại đêm hôm ấy, tôi nhận ra mình đang nhớ lại với cảm giác đặc thảng lớn lao.

Ngày thứ hai - Chiều
HỒ Mortimer, Dorset

Xem ra, có hẳn một phương diện trong câu hỏi “thế nào là một quản gia vĩ đại?” mà đến giờ tôi vẫn chưa xem xét thấu đáo. Tôi phải nói rằng mình khá rung động khi phát hiện ra điều này, về một vấn đề vốn định ninh trong lòng tôi như vậy, lại là vấn đề tôi thường xuyên trăn trở trong những năm qua. Nhưng tôi chợt nhận ra có lẽ mình đã có phần hấp tấp lúc trước, khi phủ nhận một vài khía cạnh trong tiêu chí tuyển thành viên của Hội Hayes. Xin nói cho rõ, tôi không hề có ý định rút lại bất cứ nhận định nào về “phẩm cách” và mối liên kết trọng yếu của nó với “vĩ đại”. Nhưng tôi đã suy nghĩ thêm chút ít về lời phát biểu kia của Hội Hayes - tức là thừa nhận rằng muốn gia nhập Hội, điều kiện tiên quyết là “ứng viên phải phục vụ một gia đình danh giá”, vẫn nguyên như trước, cảm giác của tôi là phát biểu ấy nói lên một thái độ trịch thượng và nông cạn về phần Hội. Tuy nhiên, tôi nhận ra có lẽ điều cụ thể gây cho người ta phản cảm là lối hiểu lỗi thời thế nào là một “gia đình danh giá”, chứ không phải là nguyên tắc chung thể hiện qua mấy chữ ấy. Thực vậy, giờ nghĩ sâu hơn, tôi tin rằng rất có thể nói một trong những điều kiện tiên quyết để trở nên vĩ đại *đúng là* phải “gắn với một gia đình danh giá” - miễn rằng “danh giá” phải được hiểu một cách sâu sắc hơn, chứ không chỉ như cách hiểu của Hội Hayes.

Thực tế, theo tôi nghĩ, chỉ cần so sánh cách tôi hiểu “gia đình danh giá” như thế nào, với ý nghĩa của chữ đó theo cách hiểu của Hội Hayes, là đã sáng tỏ hoàn toàn sai biệt cơ bản giữa hệ giá trị của quản gia thế hệ chúng tôi với những quản gia thế hệ trước đó. Nói điều này, tôi không chỉ muốn nhắc nhở rằng thế hệ chúng tôi thường có thái độ bớt trịch thượng hơn, không đặt nặng chủ nhân nào là quý tộc địa chủ, còn ai là “doanh thương”. Điều tôi muốn nói - và tôi nghĩ đây không phải là một nhận xét bất công - đây là thế hệ chúng tôi sở hữu lòng chuộng lý tưởng hơn nhiều. Trái với lớp trước thường chú trọng rằng chủ nhân phải tước vị, hay nếu không thì cũng xuất phát từ dòng họ

“xưa”, chúng tôi chủ yếu bận tâm về vị thế *đạo đức* của người chủ. Ở đây, tôi không có ý nói chúng tôi để tâm tới cách cư xử của chủ nhân trong những chuyện riêng tư. Điều tôi muốn nói là, chúng tôi có tham vọng, một tham vọng hẳn sẽ bị coi là bất thường trong thế hệ vừa trước đó, là được phụng sự những con người tạm gọi là có công thúc đẩy sự tiến bộ của nhân loại. Tỷ dụ như, chúng tôi sẽ thấy vinh dự khi được phục vụ một vị như ông George Ketteridge, mặc dù xuất thân hèn kém, nhưng đã có những đóng góp không gì phủ nhận được cho sự hưng vượng tương lai của đế quốc, nhiều hơn bất cứ vị nào dù dòng dõi quý tộc cao sang đến đâu, mà chỉ dành cả ngày phơ phất trong câu lạc bộ hay trên sân gôn.

Đương nhiên, trong thực tế, rất nhiều nhà quý tộc từ những gia tộc sang cả nhất vẫn thường dành trọn thời gian cho việc tháo gỡ những vấn nạn lớn lao của thời đại, và vì thế, thoạt nhìn qua, có thể tưởng rằng mỗi tham vọng của thế hệ chúng tôi chẳng qua cũng chỉ đồng dạng với thế hệ tiền bối. Nhưng tôi có thể khẳng định rằng có một sự phân biệt cốt tử trong thái độ, phản ánh vào không chỉ nội dung trao đổi tâm tình giữa những người trong nghề, mà cả mỗi lần những nhân vật giỏi giang nhất thế hệ chúng tôi quyết định rời khỏi nơi cũ, đến một nơi mới. Những quyết định như vậy không còn đơn giản dựa trên lương bổng, quy mô đội ngũ nhân viên dưới quyền, hay hào quang lung linh quanh một cái tên gia tộc; với thế hệ chúng tôi, tôi nghĩ có thể công tâm mà nói, vinh dự nghề nghiệp được nhìn thấy nhiều nhất ở giá trị đạo đức của người chủ.

Tôi nghĩ mình có thể tô rõ sự khác nhau giữa các thế hệ bằng một cách diễn đạt hình ảnh. Có thể nói rằng, các quản gia thuộc về thế hệ cha tôi có xu hướng nhìn thế giới như một chiếc thang - trên cùng là hoàng gia cùng vương tôn công tử thuộc những gia đình trâm anh thế phiệt xa xưa nhất, dưới đó là các “nhà giàu mới”, và cứ thế xuống tiếp tới một điểm mà từ đó, thứ bậc chỉ còn đơn thuần được sắp xếp dựa theo mức độ giàu có - hay túng thiếu. Mỗi quản gia giàu tham vọng chỉ cần đơn giản gắng hết sức trèo thực cao trên chiếc thang này, và nói tổng quát, anh

ta càng leo cao đến đâu, vinh dự nghề nghiệp của anh ta càng lớn đến đó. Đương nhiên, đó đích xác là những giá trị cố hữu trong cụm từ “gia đình danh giá” của Hội Hayes, và sự thể rằng hội đó vẫn còn nghiêm nhiên phát biểu như vậy vào năm 1929 đã là minh chứng rõ ràng cho thấy ngày tàn của họ là không tránh khỏi, hay đúng hơn đáng lẽ phải đến từ lâu rồi. Bởi, tới thời điểm đó, lối tư duy như vậy đã lạc xa khỏi suy nghĩ của những người tài ba nhất đương nổi lên đầu trong hàng ngũ quản gia chúng tôi. Bởi thế hệ chúng tôi nhìn thế giới, tôi nghĩ cách miêu tả đúng đắn là không phải như một chiếc thang mà như một *bánh xe*. Có lẽ tôi cần giảng rõ thêm một chút.

Tôi có cảm giác rằng thế hệ mình là thế hệ đầu tiên nhận thức được điều mà mọi thế hệ trước đó bỏ sót: rằng những quyết định lớn lao của thế giới, trong thực tế, không được đơn giản đi đến trong những cơ quan công quyền, hoặc giả trong đám ba ngày dành riêng cho một hội thảo quốc tế được công chúng lẫn giới báo chí chú mục vào. Ngược lại, những cuộc tranh luận lớn diễn ra, những quyết định căn cốt được đạt tới trong khung cảnh riêng tư thanh tĩnh của những tư gia lớn khắp Anh quốc. Những cảnh tượng diễn ra dưới con mắt công chúng hào nhoáng và long trọng đến thế thường chỉ là cái kết, hoặc động tác phê chuẩn đơn thuần cho những gì đã hình thành trong nhiều tuần, nhiều tháng giữa những bức tường các ngôi nhà đó. Vì thế, với chúng tôi, thế giới là một bánh xe quay tròn mà trục là những ngôi nhà lớn ấy, những quyết định trọng đại từ đó tỏa ra tới khắp mọi người còn lại, dù giàu hay nghèo, đang châu tuần quanh họ. Tất cả những ai trong chúng tôi có hoài bão về nghề nghiệp đều ôm mộng phấn đấu tới thực gần cái trục này phù hợp theo khả năng của từng người. Bởi, như đã nói, chúng tôi là một thế hệ chuộng lý tưởng, vấn đề đặt ra không chỉ là người ta sử dụng năng lực của mình tài khéo đến đâu, mà là sử dụng nhằm *mục đích* gì; mỗi người chúng tôi đều nuôi mong ước *được góp phần bé nhỏ của mình* ngõ hầu kiến tạo một thế giới tốt đẹp hơn, và nhận thấy đứng từ vị thế nghề nghiệp mình, phương cách chắc chắn nhất sẽ là phục vụ cho những nhân vật vĩ đại

của thời đại, những người đã được gửi gắm vào tay số phận của cả nền văn minh.

Đương nhiên, tôi đang nói có phần vơ đũa cả nắm, và tôi sẵn sàng thừa nhận rằng có rất nhiều người thế hệ chúng tôi chẳng bỏ công suy xét đến những điểm tế vi như thế. Ngược lại, tôi cũng đoán chắc có rất nhiều người thuộc thế hệ cha tôi, bằng bản năng đã nhận ra yếu tố “đạo đức” này trong công việc của mình. Nhưng xét chung, tôi tin rằng khái quát này là chính xác, và thực vậy, chính những động cơ “lý tưởng” như vậy đã chiếm một vai trò lớn trong sự nghiệp của chính tôi. Bản thân tôi cũng đổi chủ thường xuyên nhanh chóng trong giai đoạn đầu sự nghiệp, bởi biết những nơi như vậy khó có thể đưa lại cho mình niềm thỏa mãn lâu dài, trước khi cuối cùng cũng gặp được duyên may phục vụ Huân tước Darlington.

Thực lạ lùng là cho đến hôm nay tôi mới lần đầu nghĩ về vấn đề đó từ góc độ này; thực vậy, lạ lùng là qua bao nhiêu giờ đồng hồ bàn bạc thế nào là “vĩ đại” bên lò sưởi trong phòng gia nhân, nguyên một chiều kích này của vấn đề đã thoát khỏi mắt những người như ông Graham hay tôi. Và cho dù không định rút lại bất cứ phát biểu nào đã có về “phẩm cách”, tôi vẫn phải thừa nhận cái lập luận sau đây là ít nhiều xác đáng: dù đã đạt đến phẩm chất đó ở mức độ nào, nếu người quản gia vẫn không tìm được đầu ra thích hợp cho tài năng của mình thì cũng khó có thể mong chờ đồng bạn coi mình là “vĩ đại”. Hiển nhiên, điều dễ nhận thấy là những người như ông Marshall và ông Lane chỉ luôn phục vụ những chủ nhân có tầm vóc đạo đức không có gì phải bàn cãi, như Huân tước Wakeling, Huân tước Camberley, Sir Leonard Gray, và người ta không thể không có cảm giác rằng họ đơn giản là sẽ không bao giờ đem tài năng của mình đến chỗ những vị ở tầm cỡ kém cỏi hơn. Thực tế, càng suy nghĩ, người ta càng thấy điều đó là hiển nhiên: phụng sự cho một gia đình *thực sự* danh giá *đúng là* một điều kiện tiên quyết để có thể coi là “vĩ đại”. Một quản gia “vĩ đại”, đương nhiên, chỉ có thể là một người có thể trở vào những năm tháng phục vụ của mình mà nói rằng

ông ta đã đem tài năng của mình phụng sự cho một nhà quý tộc vĩ đại - và qua đó, phụng sự toàn nhân loại.

Như đã nói, trong bằng ấy năm tôi chưa hề suy nghĩ về đề tài đó theo hướng này; nhưng mặt khác, có thể chính là nhờ một chuyến du hành như hiện tại mà người ta được gọi ra những góc nhìn mới mẻ lạ thường về những đề tài cứ ngỡ mình đã từ lâu suy xét thấu đáo. Lại thêm, không nghi ngờ gì nữa, tôi đã được khơi gợi nghĩ theo chiều hướng ấy bởi cái sự việc nhỏ xảy ra cách đây chừng đâu một giờ, một việc mà, tôi phải thừa nhận, đã có phần làm tôi rúng động.

Sau khi trải qua một buổi sáng chạy xe dễ chịu trong thời tiết tuyệt vời, rồi dùng bữa trưa ngon lành tại một quán ăn nông thôn, tôi vừa đi qua ranh giới vào hạt Dorset. Chính lúc này, tôi nhận ra có mùi khét xông lên từ động cơ xe. Dĩ nhiên, ý nghĩ mình đã gây hỏng hóc cho cỗ Ford của ông chủ quả là một ý nghĩ đáng sợ, và tôi nhanh chóng cho xe dừng lại.

Tôi nhận thấy mình đang dừng giữa một dải đường hẹp, chắn sát hai bên là cây lá khiến tôi khó nhận ra khung cảnh chung quanh. Tôi cũng không nhìn được quá xa phía trước, bởi cách khoảng hai chục mét khúc đường bỗng quanh đi rất ngặt. Tôi chợt nhận ra mình không thể dừng lại ở đây quá lâu mà không phải hứng chịu nguy cơ có một cỗ xe ngược chiều ngoặt qua chính góc quanh kia, sẽ va chạm với cỗ Ford của ông chủ. Thế là tôi khởi động xe lần nữa, và nhẹ nhõm phần nào khi thấy cái mùi có vẻ không nặng như lúc trước.

Như tôi thấy, lựa chọn tốt nhất có lẽ là đi tìm một xưởng sửa xe, không thì một ngôi nhà lớn của một nhà quý tộc mà ở đó, nhiều khả năng tôi sẽ tìm được một người tài xế tìm ra được vấn đề. Nhưng con đường cứ ngoằn ngoèo thêm một chập nữa mà những hàng giậu cao ở cả hai bên vẫn kéo dài không dứt, chắn tầm nhìn đến nỗi dù đã đi qua vài cánh cổng, thấy rõ một số có mở vào những đường cho ô tô chạy lên nhà, nhưng tôi vẫn không tài nào nhìn thấy các ngôi nhà đó. Tôi tiếp tục đi chừng nửa dặm, cái mùi khó chịu mỗi lúc một nặng hơn, cho tới khi rốt cuộc cũng ra tới một khúc đường cái rộng rãi. Giờ thì tôi đã

nhìn được xa hơn trước mắt, và thực vậy, phía trước bên trái đứng lừng lững một ngôi nhà cao kiểu thời Victoria, trước mặt là một thảm cỏ ấn tượng, cùng một thứ rõ ràng là đường cho ô tô chạy cải tạo từ đường xe ngựa ngày xưa. Cho xe đến gần, tôi càng tự tin hơn khi thấy thấp thoáng một cỗ Bentley đằng sau cánh cửa mở của nhà để xe liền với tòa nhà chính.

Cả cổng nhà cũng đang để ngỏ, nên tôi cho cỗ Ford tiến vào đường lái xe một đoạn, ra khỏi xe rồi đi bộ đến cửa sau nhà. Mở cửa là một người đàn ông mặc áo sơ mi mỏng, không cà vạt, nhưng khi tôi hỏi thăm tài xế của nhà, anh ta đã vui vẻ trả lời rằng tôi “mới mở miệng đã trúng mánh”. Khi được biết về vấn đề tôi gặp phải, anh ta không do dự đi thẳng ra xe, mở nắp ca pô và chỉ cần xem xét vài giây đã thông báo cho tôi, “Nước, bố ạ. Bố cần ít nước cho bộ làm mát này này.” Anh ta có vẻ thấy tình huống này khá ngộ nghĩnh, nhưng cũng cư xử khá ân cần; anh ta trở lại vào nhà và ít lâu sau trở ra, mang theo can nước và cái phễu. Vừa đổ nước vào bộ làm mát, đầu cúi xuống động cơ, anh ta vừa vui vẻ chuyện gẫu, và sau khi được thông tin rằng tôi đang tiến hành chuyến chu du bằng xe qua vùng này, anh ta khuyên tôi đi thăm một thắng cảnh trong vùng, là một con hồ cách đó không đầy nửa dặm.

Trong thời gian đó tôi đã có dịp quan sát ngôi nhà; ngôi nhà không rộng mà cao, tất cả bốn tầng, thường xuyên phủ kín gần hết mặt tiền lên đến tận đầu hồi. Tuy nhiên, qua các cửa sổ, tôi cũng thấy ít nhất một nửa nhà đã bị phủ bạt. Tôi có nhận xét như vậy sau khi người kia đã xong việc với bộ làm mát và đóng nắp xe.

“Thật là buồn quá,” anh ta đáp. “Đây là một căn nhà cổ xinh đẹp. Nói thật với bố, ông Đại tá đang kiếm người để đẩy nó đi. Giờ thì ông cần căn nhà to oạch như này làm gì nữa.”

Tôi không khỏi cất tiếng hỏi rằng ở đây còn bao nhiêu nhân viên, và hẳn tôi cũng không ngạc nhiên mấy khi nghe đáp, chỉ còn anh ta với một đầu bếp đến vào buổi tối. Anh ta có vẻ như đóng cả vai quản gia, tùy tùng, tài xế và người quét dọn chung. Anh ta là lính hầu của Đại tá trong chiến tranh, anh ta kể vậy; họ

đã bên nhau ở Bỉ khi quân Đức đánh vào, và họ lại ở bên nhau khi Đồng minh đổ bộ. Rồi anh ta nhìn tôi thực kỹ và nói, “Giờ tôi hiểu rồi. Mất một lúc tôi không nhìn ra bố là người thế nào, nhưng giờ tôi hiểu rồi. Bố thuộc đám quân gia số dách đó. Ở một trong mấy cái nhà to bảnh chọe đó.”

Khi nghe tôi đáp anh ta đoán cũng không chệch quá nhiều đâu, anh ta tiếp lời, “Giờ tôi hiểu rồi. Mất một lúc không nhìn ra bố là thế nào, hiểu không, vì bố ăn nói gần như là một ông quý tộc vậy. Lại còn cầm lái người đẹp cũ kĩ kia nữa” - anh ta làm hiệu chỉ cổ Ford - “nên ban đầu tôi nghĩ, ả dâ, thật là một cụ già bảnh chọe. Mà bố đúng là bảnh thật. Bảnh chọe ra trò ấy. Tôi thì chưa bao giờ học được mấy trò đó, bố hiểu không. Tôi chỉ là thằng lính hầu xoàng bỏ áo lính thôi.”

Rồi anh ta hỏi tôi làm ở đâu, và khi nghe câu trả lời, anh ta nghiêng nghiêng đầu, vẻ thắc mắc hiện lên mặt.

“Dinh Darlington à,” anh ta lẩm nhẩm. “Dinh Darlington. Hẳn là một chỗ bảnh chọe lắm, ngay cả cậu tằm này cũng nghe ngợ ở đâu rồi ấy. Dinh Darlington à. Mà khoan hẵng, đừng nói là Dinh *Darlington*, nhà của cái ông Huân tước Darlington ấy chứ?”

“Đấy là nơi Huân tước Darlington cư trú cho đến khi ngài tạ thế ba năm về trước,” tôi cho biết. “Còn nay đấy là nơi cư ngụ của ông John Farraday, một vị người Mỹ.”

“Làm ở đấy thì quả bố là số dách đứt đuôi rồi. Cỡ bố chắc chẳng còn sót lại mấy nả, hử?” Rồi anh ta hỏi tiếp, giọng điệu thay đổi hẳn, “Vậy là bố thực sự từng làm việc cho cái ông huân tước ấy hử?”

Lần nữa anh ta lại sẫm soi tôi thực kỹ. Tôi nói, “Ồ không, tôi phục vụ cho ông John Farraday, là vị người Mỹ mua lại căn nhà của gia đình Darlington.”

“Ồ, vậy là bố không biết ông Darlington ấy rồi. Chỉ là tôi tò mò ông huân tước ấy ra sao. Là cái thể loại người như thế nào.”

Tôi bảo rằng đã đến lúc tôi phải lên đường đi thôi, và nồng nhiệt cảm ơn anh ta đã giúp đỡ. Xét cho cùng, anh ta vẫn là một anh chàng dễ mến, anh ta còn bỏ công chỉ dẫn cho tôi lùi xe ra

qua cổng chính, và trước khi đôi bên từ biệt, anh ta còn cúi người, nhấn mạnh tôi cần phải đi thăm con hồ trong vùng ấy, và nhắc lại hướng dẫn đường đi.

“Nhỏ nhắn xinh xắn lắm nhá,” anh ta nói thêm. “Không đến thăm là bỏ phí nửa cuộc đời đấy. Nói thật là ngay lúc này ông Đại tá nhà tôi đang câu cá đằng ấy đấy.”

Cỗ Ford có vẻ đã lại chạy tốt, và bởi con hồ kia chỉ chệch khỏi lộ trình của tôi một khúc ngắn, tôi quyết định nghe theo lời khuyên của anh lính hầu. Anh ta chỉ dẫn nghe thì rất rành mạch, nhưng khi đã rời đường cái hòng đi theo lời anh, tôi thấy mình ngày càng lạc lối trong những lối hẹp ngoằn ngoèo giống như khi tôi vừa nhận ra cái mùi báo động. Đôi lúc tàng cây hai bên đường mọc rậm rịt đến mức gần như khuất hẳn mặt trời, khiến người ta gặp khó khăn khi mắt phải chịu đựng cảnh nắng chói và tối mịt liên tục tương phản nhau. Nhưng rốt cuộc, sau khi tìm kiếm, tôi cũng nhìn ra biển chỉ đường tới “Hồ Mortimer”, và chính nhờ vậy mà tôi đến được vị trí này, hơn nửa giờ trước.

Tôi cần phải biết ơn người lính hầu lắm, bởi ngoài việc giúp đỡ tôi sửa cỗ Ford, anh đã cho tôi cơ hội khám phá ra một địa điểm xinh đẹp tuyệt vời mà nếu không có anh hẳn tôi không thể nào bắt gặp. Con hồ không lớn, chu vi ước chừng một phần tư dặm, nên chỉ cần bước lên mũi đất nào cũng đều có thể bao quát toàn thể cảnh sắc hồ. Một bầu không khí tĩnh lặng tuyệt vời xâm chiếm nơi đây. Khắp quanh vòng hồ, cây trồng vừa đủ sát khiến bờ hồ chìm trong bóng râm êm ái, và đây đó, những khóm lau hay cỏi cao làm xáo động mặt gương phản chiếu bầu không im lìm. Đôi giày dưới chân không cho phép tôi dễ dàng đi dạo quanh hồ - ngồi tại đây tôi cũng thấy lối đi chạy khuất giữa những khu vực bùn sâu - nhưng tôi không ngại nói rằng vẻ yêu kiều của chốn này đủ khiến khi vừa đặt chân đến đây, tôi đã động tâm muốn đi một vòng như thế. Chỉ có ý nghĩ về những tai vạ chực chờ nếu tôi tiến hành cuộc du ngoạn đó, cùng những tổn hại lâu dài có thể xảy đến với bộ vét đi đường của mình, mới thuyết phục được tôi hăng bằng lòng ngồi lại đây, trên băng ghế

này. Và tôi đã ngồi như thế suốt nửa giờ qua, lặng ngẫm những bóng người khác nhau lặng lẽ ngồi bên cần câu rải rác xung quanh hồ nước. Từ điểm này tôi nhìn thấy chừng một chục bóng người như vậy, nhưng những vùng sáng tối gắt do cành cây sà thấp khiến tôi không nhận rõ được ai, và buộc phải từ bỏ trò chơi nho nhỏ mà tôi đã trông đợi là đoán xem trong những cần thủ kia ai là vị Đại tá ở ngôi nhà nơi tôi vừa được nhận sự trợ giúp thực quý báu.

Hiển nhiên, chính vẻ lặng lẽ giữa khung cảnh này đã giúp tôi suy ngẫm thấu đáo hơn những vấn đề đã xâm chiếm trí óc tôi khoảng nửa giờ qua. Thực vậy, nếu không vì khung cảnh thanh bình hiện tại, hẳn tôi đã chẳng nghĩ nhiều hơn về cách cư xử của mình khi đối mặt với người lính hầu. Nói cách khác, có lẽ tôi đã chẳng suy nghĩ sâu xa vì sao tôi cố tình tạo ra ấn tượng rõ ràng là bản thân tôi chưa bao giờ phục vụ Huân tước Darlington. Bởi tôi đã làm như vậy, điều đó thì không nghi ngờ gì nữa. Anh ta đã hỏi: “Vậy là bố thực sự từng làm việc cho cái ông huân tước ấy hử?” và đáp lại, câu trả lời của tôi không thể hiểu theo cách nào khác ngoài nghĩa phủ định. Có thể đấy đơn giản chỉ là một ý thích tầm phào chợt đến với tôi vào khoảnh khắc đó - nhưng giải thích như vậy chẳng thể coi là thuyết phục trước một lối hành xử bất thường đến thế này. Dù sao đi nữa, giờ thì tôi đã đi đến chấp nhận rằng việc xảy ra với người lính hầu chẳng phải là lần đầu tiên; không nghi ngờ gì nữa, nó có liên hệ thế nào đó - dù thế nào thì tôi còn chưa rõ - với sự kiện đã xảy ra vài tháng trước, khi nhà Wakefield viếng thăm.

Ông bà Wakefield là một cặp vợ chồng người Mỹ đã tới định cư ở Anh quốc - theo tôi hiểu là đầu đó ở Kent - được tầm hai mươi năm rồi. Họ có một số người quen chung với ông Farraday trong giới giao tế Boston, nên một ngày họ đã ghé thăm Dinh Darlington, tới dùng bữa trưa rồi cáo từ trước giờ trà chiều. Thời điểm đó mới chỉ độ vài tuần sau khi ông Farraday tới sống ở đây, còn đương rất phấn chấn vì đã tậu được ngôi nhà; kết quả là, phần lớn chuyến thăm của vợ chồng Wakefield được dành để đi theo ông chủ của tôi trong một chuyến tham quan phòng ốc có

lẽ ai đó có thể coi là kĩ lưỡng quá đáng, không bỏ qua cả những khu vực còn phủ bạt. Tuy thế, ông bà Wakefield có vẻ cũng nhiệt tình thăm thú không kém gì ông Farraday, và trong khi lo liệu các việc phần mình, tôi vẫn chốc chốc nghe thấy vọng lại những tiếng reo thích thú kiểu người Mỹ từ một phòng nào đó họ vừa đặt chân tới. Ông Farraday bắt đầu chuyến tham quan từ tầng trên cùng trở xuống, và tới khi chủ cùng khách xuống chiêm ngưỡng vẻ lộng lẫy của những phòng tầng trệt, có vẻ ông đã rơi vào một trạng thái hết sức hoan hỉ, lưu ý họ tới từng chi tiết trên phào chỉ hay khung cửa sổ, và mô tả - có chút cường điệu - những gì “các vương tôn công tử Anh vẫn làm” trong mỗi phòng. Dù đương nhiên tôi không định tâm nghe trộm, nhưng cũng không tránh được để lọt vào tai những nét chính của câu chuyện, và tôi không khỏi ngạc nhiên khi thấy vốn hiểu biết của ông chủ tôi cận kề dường nào, và bất chấp đôi ba câu có phần bất nhã, vẫn mách cho thấy niềm mê say nồng nhiệt của ông với tập quán ở Anh. Ngoài ra, cũng có thể nhận thấy rằng chính hai vợ chồng nhà Wakefield - đặc biệt là bà vợ - cũng không xa lạ gì với những lễ thói của đất nước ta, và người ta có thể dựa trên những nhận xét liên hồi của họ mà kết luận được rằng cả họ cũng đương làm chủ một ngôi nhà Anh ít nhiều lộng lẫy.

Đến một lúc giữa cuộc tham quan ấy - tôi đang đi qua sảnh bởi định ninh rằng chủ và khách đã ra ngoài khám phá khuôn viên - tôi nhận ra bà Wakefield ở lại trong nhà, đương ngắm nghía cẩn thận vòm cửa đá dẫn vào phòng ăn. Khi tôi vừa thấp giọng cáo lỗi vừa đi qua, bà quay lại nói, “Ô, Stevens à, hẳn anh sẽ có thể cho tôi biết chuyện này. Vòm cửa này *trông* thì như thuộc về thế kỷ mười bảy, nhưng chẳng phải nó mới được làm khá gần đây sao? Vào thời Huân tước Darlington chẳng hạn?”

“Rất có thể là như vậy, thưa bà.”

“Nó đẹp quá. Nhưng chắc hẳn nó là một món đồ nhái mới làm mấy năm trước thôi. Không phải sao?”

“Tôi không biết rõ, thưa bà, nhưng chuyện đó tất nhiên là có thể.”

Khi ấy, hạ giọng, bà Wakefield đã bảo, “Nhưng mà, Stevens à, anh cho tôi biết cái ông Huân tước Darlington này là kiểu người thế nào với? Bởi hẳn là anh từng làm việc cho ông.”

“Không có, thưa bà, không phải tôi.”

“Ồ, vậy mà tôi cứ tưởng là có chứ. Sao tôi lại nghĩ như vậy ta.”

Bà Wakefield quay lại đặt tay lên vòm đá, bảo: “Vậy là chúng ta không biết chắc được rồi. Nhưng tôi vẫn thấy giống như đồ nhái ấy. Làm khéo lắm, nhưng vẫn là hàng nhái.”

Rất có thể đáng ra tôi đã nhanh chóng quên đi cuộc đối thoại này; nhưng sau khi nhà Wakefield cáo từ, tôi đưa trà chiều vào phòng tiếp tân cho ông Farraday thì nhận thấy ông mang dáng điệu khá trầm ngâm. Thoạt đầu ông im lặng, rồi ông nói, “Stevens à, anh biết không, bà Wakefield không tán phục ngôi nhà này như tôi trông đợi.”

“Thế ư, thưa ngài?”

“Thực tế là bà ấy nghĩ tôi đã thổi phồng dòng dõi của chốn này. Nghĩ tôi nói tất cả những món đồ đã có từ nhiều thế kỷ toàn là nói láo hết.”

“Thực vậy ư, thưa ngài?”

“Bà ấy cứ liên tục quả quyết cái này là ‘nhái’, cái kia cũng ‘nhái’. Thậm chí bà ấy nghĩ cả anh, Stevens à, anh cũng ‘nhái’ luôn.”

“Thực vậy ư, thưa ngài?”

“Thực vậy, Stevens à. Tôi đã bảo bà ấy rằng anh là hàng xịn đấy. Một ông quản gia Anh quốc xịn. Rằng anh đã ở trong nhà này hơn ba chục năm, phục vụ một ông huân tước Anh quốc xịn. Nhưng điểm này bà Wakefield không đồng ý với tôi. Thậm chí là không đồng ý một cách rất tự tin nữa chứ.”

“Thế ư, thưa ngài?”

“Stevens à, bà Wakefield tin chắc rằng anh chưa hề làm việc ở đây trước khi tôi thuê anh. Thực tế, có vẻ bà ấy mang cảm tưởng rằng thông tin đó là do chính miệng anh nói ra cơ. Khiến tôi thành trò đùa, anh hình dung được đó.”

“Thực là một điều vô cùng đáng tiếc, thưa ngài.”

“Tôi muốn nói là, Stevens à, đây là một đại biệt thự Anh cổ *đích thực*, phải không? Tôi đã chi tiền để có cái đó mà. Và anh là một quản gia Anh kiểu xưa *đích thực*, chứ không phải một thằng bồi bàn đội lốt quản gia. Anh là hàng xịn mà, phải không? Đó là cái tôi muốn, giờ tôi lại không có sao?”

“Tôi dám mạo muội nói rằng có, thưa ngài.”

“Vậy anh có thể giải thích cho tôi bà Wakefield nói vậy nghĩa là sao không? Tôi thấy thật không thể nào hiểu được.”

“Cũng có thể rằng tôi đã trót khiến cho bà có một hình dung hơi sai lạc về quá trình làm việc của tôi, thưa ngài. Tôi thực tâm xin lỗi nếu điều ấy khiến ngài khó xử.”

“Tôi dám nói là khó xử lắm đó. Giờ thì mấy người đó đã xếp tôi vào hạng xạo láo rồi. Mà, anh nói có thể đã khiến bà có ‘một hình dung hơi sai lạc’ là sao?”

“Vô cùng xin lỗi, thưa ngài. Tôi hoàn toàn không nghĩ ra có thể khiến ngài khó xử như vậy.”

“Nhưng mà mẹ kiếp, Stevens à, sao anh lại đi kể bậy với bà ấy như vậy?”

Tôi cân nhắc tình hình trong một lát, rồi đáp, “Vô cùng xin lỗi, thưa ngài. Nhưng đây là tập quán của đất nước này.”

“Mẹ khi, anh đang nói cái gì vậy?”

“Tôi muốn nói là, thưa ngài, nước Anh không có lệ người làm bàn luận về những người chủ trước của mình.”

“Thôi được, Stevens à, thì ra anh không muốn phải tiết lộ những chuyện riêng thời trước. Nhưng chẳng lẽ tới độ chối luôn là đã từng làm việc cho ai khác ngoài tôi sao?”

“Quả thực nhìn nhận theo cách đó sẽ thấy hơi cực đoan, thưa ngài. Nhưng ở đây cách hành xử được coi là đúng đắn ở một người làm là tạo cho người khác có cảm tưởng như vậy. Nếu cho phép tôi ví von theo cách này, thưa ngài, cái đó cũng hơi giống với phong tục chung quanh việc hôn nhân. Khi một quý bà đã một lần dò xuất hiện cùng người chồng mới, xử sự được coi là đúng đắn là đừng nên nhắc nhở chút gì đến cuộc hôn phối trước. Trong nghề nghiệp của chúng tôi cũng có lệ tương tự, thưa ngài.”

“Chào ôi, thiệt ước gì tôi đã biết trước về cái lệ của các anh, Stevens à,” ông chủ tôi nói và ngả người vào ghế. “Cái phong tục ấy hẳn là đã biến tôi thành thằng thộn rồi.”

Tôi nghĩ rằng ngay từ lúc ấy tôi đã nhận ra lời giải thích của mình, dù đương nhiên không hoàn toàn giả dối, nhưng thiếu thỏa đáng một cách đáng buồn. Nhưng khi người ta vốn đã có quá nhiều điều cần nghĩ, thì cũng dễ bỏ qua không quá chú ý đến những vấn đề như vậy, và thực vậy, tôi đã gạt đi toàn bộ câu chuyện này trong một thời gian. Nhưng giờ đây nhớ lại nó trong cảnh tĩnh lặng quanh hồ này, dường như rõ ràng là cách cư xử của tôi với bà Wakefield hôm đó có liên hệ hiển nhiên với điều vừa diễn ra buổi chiều nay.

Đương nhiên, ngày nay có rất nhiều người nói rất nhiều điều xuẩn ngốc về Huân tước Darlington, và rất có thể quý vị sẽ có cảm tưởng rằng tôi ngưng ngưng hay hồ thẹn thế nào đó vì mối liên hệ với huân tước, chính điều đó đã khiến tôi hành xử như vậy. Xin được phép nói rõ rằng chẳng có gì trái với sự thực hơn thế. Dù thế nào thì, phần lớn những điều người ta nghe nói về huân tước ngày nay là hoàn toàn tầm bậy, bắt nguồn từ có họ hầu như không biết chút gì về những gì đã xảy ra. Thực vậy, tôi có cảm giác cách hành xử lạ lùng của tôi có thể lý giải rất thích đáng bằng mong muốn tránh khỏi mọi nguy cơ phải nghe thêm những lời tầm bậy về huân tước; nghĩa là, trong cả hai lần, tôi đã chọn nói dối vô hại như là cách thức đơn giản nhất để tránh những chuyện khó chịu. Cách giải thích này càng suy nghĩ tôi càng cảm thấy thực sự rất thích đáng, vì đúng là thời nay, không gì khiến tôi phiền lòng hơn là phải nghe nhắc lại những điều tầm bậy này. Tôi xin được nói rằng Huân tước Darlington là một bậc quân tử đạo đức cao trọng, đến mức phần lớn chính những người thường hay nói những điều tầm bậy đó đặt bên ngài sẽ có vẻ thực sự thấp hèn - và tôi sẵn sàng khẳng định rằng cho đến phút cuối ngài vẫn là như vậy. Nói rằng tôi hối tiếc từng liên hệ với một nhà quý tộc như thế, là không gì sai lạc bằng. Thực vậy, quý vị cần hiểu rằng được phục vụ huân tước tại Dinh Darlington trong những năm ấy là được tới gần trực bánh xe thế

giới ở mức cao nhất mà một người như tôi có thể mơ tới. Tôi đã dành ba mươi lăm năm phục vụ Huân tước Darlington; người ta hẳn sẽ không lầm nếu nhận rằng trong những năm ấy, mình đã được “gắn với một gia đình danh giá” theo nghĩa đúng đắn nhất của điều này. Nhìn lại quá trình sự nghiệp của tôi cho đến ngày nay, niềm thỏa mãn chính yếu của tôi là ở những thành tựu đạt được trong những năm tháng ấy, và hôm nay tôi chỉ biết hãnh diện và cảm tạ vì đã được dành cho một vinh dự như vậy.

Ngày thứ ba - Sáng
Taunton, Somerset

Đêm qua tôi nghỉ lại một quán trọ tên Xe & Ngựa, một quãng ngắn gần thị trấn Taunton, Somerset. Ngôi nhà mái tranh ven đường cái ấy, nhìn từ xa đã hiện ra nổi bật và quyến rũ khi tôi điều cỗ Ford lại gần trong ánh sáng cuối ngày. Ông chủ quán dẫn tôi theo cầu thang gỗ lên một căn phòng nhỏ, bài trí sơ sài, nhưng tuyệt đối đáng hoàng. Khi ông hỏi tôi đã dùng bữa tối hay chưa, tôi nhờ ông đưa lên phòng một cặp xăng uých, và bữa tối này đã tuyệt đối thỏa mãn những nhu cầu của tôi. Nhưng khi buổi tối đang dang trôi qua, ngồi trong phòng tôi cảm thấy có phần tù túng, và cuối cùng quyết định viếng thăm quầy bar dưới nhà để nếm thử chút ít món rượu táo trong vùng.

Có chừng năm sáu người khách, hợp thành một nhóm quanh quầy bar - người ta có thể nhìn bộ dạng mà đoán họ đều làm nghề nông gì đó - nhưng trừ họ ra thì phòng không có ai khác. Sau khi nhận vai rượu táo từ ông chủ quán, tôi chọn chỗ cho mình ở bàn cách quầy hơi xa, định tâm thư giãn chút ít và xếp sắp lại những suy nghĩ về một ngày vừa qua. Tuy nhiên chỉ lát sau đã có thể nhận thấy rằng sự có mặt của tôi làm nhóm người địa phương bối rối, cảm thấy có lẽ cần làm gì đó tỏ lòng mến khách. Mỗi khi câu chuyện lặng đi, lại có ai đó trong số họ đánh trộm mắt về phía tôi, vẻ như đang cố cố võ chính mình tiếp cận tôi. Rốt cuộc một người trỗi giọng nói với tôi, “Xem ra là ngài đã quyết định ngủ lại trên lầu đêm nay.”

Khi tôi xác nhận rằng đúng vậy, người kia lắc đầu nghi ngại và nhận định, “Lên đó ngài chẳng ngủ được mấy tí đâu, thưa ngài. Trừ khi ngài khoái nghe Bob nhà ta” - anh ta chỉ qua ông chủ quán - “khua rầm rầm dưới này đến tận đêm thâu. Rồi thì ngài sẽ tỉnh giấc vì tiếng bà chủ quát tháo ông ta từ lúc mới mờ mắt.”

Bất chấp ông chủ nhà phản đối, chung quanh cười rộ lên hưởng ứng.

“Quả thực vậy ư?” tôi đáp. Và ngay lúc ấy, tôi chợt nảy ra ý nghĩ - cũng là ý nghĩ đã nảy ra trong tôi vô số dịp gần đây khi đối diện cùng ông Farraday - rằng tình thế này đòi hỏi một câu pha trò đáp lại từ phía tôi. Thực vậy, nhóm người địa phương giờ đang giữ im lặng một cách lịch thiệp, chờ nhận xét tiếp theo của tôi. Tôi bèn huy động trí tưởng tượng và cuối cùng phát biểu, “Đây chắc là tiếng gà gáy sáng kiểu riêng của vùng này, hẳn nhiên.”

Ban đầu sự im lặng vẫn tiếp tục, như thể nhóm người địa phương cho rằng tôi còn muốn triển khai thêm nữa. Nhưng rồi nhận thấy vẻ mặt cười đùa của tôi, họ phá lên cười, dù tiếng cười có phần hoang mang. Đến đó, họ quay lại câu chuyện đang dở, còn tôi không trao đổi gì thêm với họ cho tới khi chúc nhau ngủ ngon một lúc sau.

Tôi đã cảm thấy khá hài lòng khi câu pha trò ấy vừa hiện lên trong đầu, và phải thú nhận rằng tôi có đôi chút thất vọng vì nó không được tiếp nhận hào hứng hơn. Tôi đoán còn một nguyên do khiến mình đặc biệt thất vọng, là bởi trong những tháng vừa rồi tôi đã dành khá thời gian và tâm sức để rèn luyện trong chính lĩnh vực này. Nói vậy có nghĩa là, tôi đã dốc sức gắng bổ sung kỹ năng ấy vào kho tàng nghiệp vụ của mình để có thể tự tin đáp ứng mọi kỳ vọng của ông Farraday trong lĩnh vực bông lơn.

Tỷ dụ như, gần đây tôi đã có thói quen nghe đài vô tuyến trong phòng mỗi khi có chút thời gian rảnh rỗi - thí dụ trong những dịp ông Farraday rời nhà vào buổi tối. Trong đó có một chương trình tên là *Tuần hai lần trở lên*, thực tế là phát ba lần mỗi tuần, về cơ bản gồm hai phát thanh viên nói những câu bình luận pha trò về các đề tài đa dạng do thính giả gửi thư đề nghị. Tôi bắt tay nghiên cứu chương trình này bởi những câu pha trò được trình diễn trên đó luôn thuộc loại tao nhã bậc nhất, và theo như tôi thấy, sở hữu một giọng điệu hoàn toàn không lệch với kiểu bông lơn mà ông Farraday có lẽ chờ đợi ở tôi. Lấy cảm hứng từ chương trình này, tôi đã thiết kế một bài tập đơn giản mà tôi cố thực hiện ít nhất ngày một lần; mỗi khi có

được một khắc rồi rãi, tôi cố sức đặt ra ba câu pha trò dựa trên khung cảnh ngay chung quanh mình thời điểm ấy. Hoặc trong một biến thể khác, có khi tôi cố gắng nghĩ ra ba câu pha trò dựa trên những sự kiện diễn ra trong một giờ đồng hồ vừa qua.

Như vậy có lẽ quý vị sẽ hiểu được cảm giác thất vọng nơi tôi về câu pha trò tối qua. Ban đầu, tôi đã cho rằng rất có thể thành công ít ỏi ấy là vì tôi phát âm không được rõ ràng. Nhưng rồi, sau khi lui về phòng, tôi chợt nhận ra khả năng rất có thể tôi đã thực sự làm họ méch lòng. Suy cho cùng, câu ấy rất dễ bị hiểu thành tôi ngụ ý bà vợ ông chủ quán có bộ dạng giống một con gà trống - tuy ý tưởng ấy hoàn toàn xa lạ với dòng suy nghĩ của tôi lúc bấy giờ. Ý nghĩ ấy cứ dằn vặt mãi trong khi tôi cố ngủ, và tôi mơ hồ có ý muốn tạ lỗi với ông chủ quán sáng nay. Nhưng thái độ ông trong lúc đưa bữa sáng lên cho tôi có vẻ rất mực vui tươi, nên rốt cuộc tôi quyết định bỏ qua chuyện đó.

Nhưng vụ việc nhỏ này cũng là một thí dụ rất tốt cho những nguy hiểm tiềm tàng khi phát biểu những câu pha trò. Về bản chất, những câu pha trò lại càng khiến cho người ta chỉ có rất ít thời gian cân nhắc mọi hệ quả khả dĩ trước khi bị đặt vào tình thế phải phát ngôn, và nguy cơ thốt ra đủ loại phát ngôn không phải lỗi là rất cao nếu trước đó người ta chưa kịp tích lũy những kinh nghiệm và kỹ năng cần thiết. Không có lý nào mà cho rằng tôi sẽ không thông thạo lĩnh vực này, chỉ cần đủ thời gian và luyện tập, nhưng xét những nguy hiểm ấy, tôi đã quyết định tốt hơn hết, ít nhất là trước mắt, tôi sẽ không tìm cách thực hiện bốn phần này với ông Farraday cho tới khi đã thành thạo hơn.

Dù sao thì tôi phải ghi nhận một điều đáng buồn là những gì nhóm người địa phương đã đưa ra như một câu pha trò tối hôm qua - cái dự báo rằng tôi sẽ không có một đêm ngon giấc do những xáo động dưới nhà - lại thành ra rất đúng. Bà vợ ông chủ quán không hẳn là quát tháo, nhưng người ta nghe thấy bà nói không ngừng nghỉ, cả vào tối khuya khi bà cùng ông chồng lo việc trong quán, lẫn từ sáng sớm ngày hôm nay. Tuy nhiên, tôi sẵn lòng tha thứ cho hai vợ chồng, bởi có thể thấy rõ họ sở hữu một tinh thần làm việc hết sức chuyên cần, và tôi tin chắc tiếng

ồn kia là bởi nguyên cớ ấy mà ra. Thêm nữa, đương nhiên, lại còn vấn đề là câu nhận định hết sức không hay của tôi. Do đó tôi không hề tỏ ý mình đã có một đêm bất an khi cảm ơn ông chủ quán và cáo từ để ra đường khám phá thị trấn chợ Taunton.

*

Có lẽ tôi đã có một đêm yên ả hơn nếu trú lại cơ sở này, nơi tôi đang ngồi thưởng thức tách trà dễ chịu giữa giờ sáng đây. Bởi thực vậy, tám bảng ngoài cửa hứa hẹn không chỉ “trà, bánh, thức dùng nhẹ” mà cả “phòng nghỉ sạch sẽ, yên tĩnh, thoải mái”. Nơi này nằm ở phố chính của Taunton, rất gần quảng trường chợ, một tòa nhà hơi lún xuống, mặt tiền nổi bật nhờ những thanh rầm gỗ nặng tối màu. Tôi hiện đang ngồi trong phòng trà rất rộng rãi, tường ốp gỗ sồi, lượng bàn có lẽ đủ để nhận hai tá khách mà không gây cảm giác chật chội. Có hai cô bé tươi tắn đứng sau quầy bày bánh ngọt và bánh nướng đa dạng ngon mắt. Xét về tổng thể, đây là một địa điểm hết sức tuyệt vời cho việc dùng bữa trà sáng, nhưng lạ thay, dân Taunton dường như rất ít người muốn tận dụng chốn này. Hiện thời, bạn đồng phòng với tôi chỉ có hai bà cụ ngồi sánh vai nhau bên bàn kê sát tường đối diện, cùng một ông - có lẽ là một nông gia về hưu - ở bàn kê bên một trong mấy cửa sổ lớn. Tôi không nhận rõ được ông ta, bởi ánh nắng chói chang buổi sáng trong phút này khiến ông ta chỉ là một mảng bóng đen. Nhưng tôi có thấy ông ta sẫm soi tờ báo, đều đặn ngưng để nhìn lên những người qua lại trên vệ đường bên ngoài. Xét theo cách ông ta làm vậy, ban đầu tôi ngỡ ông chờ một người có hẹn, nhưng xem ra ông ta đơn giản chỉ muốn ngỏ lời chào những người quen đi qua.

Bản thân tôi thì an tọa gần như sát tường trong cùng, nhưng cách một chiều dài căn phòng tôi vẫn thấy rõ con phố ngập nắng bên ngoài, và nhìn được trên vệ đường đối diện một cột chỉ đường cho biết vài thắng cảnh lân cận. Một trong mấy điểm ấy là làng Mursden. Có lẽ cái tên “Mursden” sẽ đánh thức ký ức trong quý vị, như đã đánh thức trong tôi khi tôi đọc thấy trên tập bản đồ đường đi ngày hôm qua. Thực vậy, phải nói là thậm chí tôi còn có ý đi chệch khỏi tuyến đường dự định chỉ để tới

thăm ngôi làng ấy. Mursden, Somerset là nơi một thời từng có trụ sở hãng Giffen & Co., và chính Mursden là nơi người ta phải gửi đơn đặt hàng khi cần bổ sung xi nén đen hiệu Giffen, “cần gọt ra, trộn chung với sáp rồi quét bằng tay”. Có một thời gian hàng Giffen, không hồ nghi gì nữa, là loại xi đánh đồ bạc tốt nhất có thể tìm được, và chỉ vì sự xuất hiện của những hóa chất mới trên thị trường ngay trước khi chiến tranh nổ ra mà nhu cầu với mặt hàng đáng khâm phục này mới suy giảm.

Cứ theo tôi nhớ, hàng Giffen đã xuất hiện hồi đầu thập niên hai mươi, và hẳn không chỉ mình tôi đã gắn liền sự ra mắt của nhãn hiệu này với sự thay đổi về thái độ trong nghề mình - sự thay đổi đã khiến cho việc đánh bóng đồ bạc trở thành trọng tâm hàng đầu và đến ngày nay hầu như vẫn còn như vậy. Tôi tin rằng giống như rất nhiều chuyển dịch lớn khác xảy ra chung quanh giai đoạn này, ấy là một sự chuyển dịch có tính thể hệ; chính vào những năm đó mà thể hệ quản gia chúng tôi đã “trưởng thành”, và những nhân vật thí dụ như và đặc biệt là ông Marshall đã đóng vai trò cốt yếu trong việc biến đánh bóng đồ bạc thành trọng tâm của nghề quản gia. Đương nhiên, nói vậy không có ý chối rằng việc đánh bóng đồ bạc - nhất là những món sẽ dọn lên bàn tiệc - vẫn luôn được coi là một công việc quan yếu. Nhưng hẳn cũng không sai nếu nhận định rằng rất nhiều quản gia thuộc thế hệ cha tôi, chẳng hạn, không coi đó là điều thực quan hệ, và bằng chứng là thời đó, vị quản gia trong nhà rất ít khi đích thân coi sóc việc đánh bóng đồ bạc mà bằng lòng chừa lại cho sự hứng chí của người phó quản gia, chẳng hạn, chỉ thi thoảng mới thăm tra kết quả. Hầu hết đều đồng tình rằng chính ông Marshall là người đầu tiên nhận thức hết tầm quan trọng của đồ bạc - nghĩa là, không một món đồ nào khác trong nhà có nhiều khả năng bị người ngoài soi xét kỹ lưỡng đến cho bằng đồ bạc dọn lên trên mâm, và vì thế đồ bạc là thước đo trước công chúng về tiêu chuẩn khắt khe ở mỗi nhà. Và cũng chính ông Marshall là người đầu tiên đã khiến tất cả các vị khách cùng phu nhân tới thăm Nhà Charleville phải sửng sốt khi trưng bày những món đồ bạc được đánh bóng tới những tiêu

chuẩn chưa có ai từng tưởng tượng ra nổi. Điều tự nhiên là chẳng mấy chốc, các quán gia khắp từ Nam chí Bắc, dưới sức ép của chủ nhân, đều dồn hết tâm sức vào vấn đề đánh bóng đồ bạc. Như tôi nhớ, chẳng mấy chốc đã nảy ra một loạt quán gia, mỗi người đều tự nhận đã tìm ra những phương pháp có thể vượt qua ông Marshall - những phương pháp mà họ làm rùm beng lên với thiên hạ là được giữ gìn bảo mật, sánh ngang với những công thức nấu ăn của các đầu bếp Pháp. Nhưng tôi tin tưởng - ngày nay cũng như lúc đó - rằng những quy trình cầu kỳ bí hiểm của những người như ông Jack Neighbours chẳng hạn, chỉ có tác động rất ít hoặc không đáng kể đối với sản phẩm của quy trình. Cứ như tôi thấy, vấn đề rất đơn giản: người ta dùng xi tốt, người ta giám sát kĩ. Xi Giffen là loại xi chọn dùng của mọi quán gia khôn ngoan thời bấy giờ, và nếu sử dụng đúng cách thì người ta không việc gì phải lo đồ bạc của mình thua kém ai cả.

Tôi vui lòng nhớ lại rất nhiều dịp đồ bạc ở Dinh Darlington đã gây ấn tượng đẹp cho những người xem xét. Tỷ dụ, Phu nhân Astor có lần nhận xét, không phải không có đôi chút cay đắng, rằng đồ bạc nhà này “hẳn là không có đối thủ”. Và tôi nhớ mình từng theo dõi ông George Bernard Shaw, kịch tác gia danh tiếng, một tối dùng bữa ở đây đã sẫm soi cẩn thận chiếc thìa ăn đồ ngọt trước mặt mình, giơ lên trước đèn, so bề mặt nó với bề mặt đĩa bày bên cạnh, chẳng màng đến những người cùng bàn. Nhưng ngày hôm nay, có lẽ lần tôi nhớ lại với cảm giác vừa lòng nhất, là buổi tối mà một bậc danh giá nọ - một thành viên nội các mà chỉ ít lâu sau đó sẽ trở thành ngoại trưởng - đã tới nhà trong một chuyến thăm rất “kín”. Thực tế là, bởi bây giờ những thành quả của các chuyến thăm ấy đã để lại nhiều bàn luận trong sách sử, có lẽ chẳng còn có gì mà không nên tiết lộ tôi đang nhắc đến Tử tước, nay là Bá tước, Halifax.

Như sau này thấy, chuyến thăm ngày hôm đó chỉ để bắt đầu một chuỗi hợp mặt “phi chính thức” tương tự giữa Tử tước Halifax và ngài Đại sứ Đức đương thời, Herr Ribbentrop. Nhưng tối đầu tiên ấy Tử tước Halifax tới nơi trong một tâm trạng đề phòng vô kể; những lời gần như đầu tiên khi ngài được đưa vào

là, “Nói thực, Darlington ạ, tôi không biết anh đã đẩy tôi vào việc gì đây nữa. Tôi biết là mình rồi sẽ hối hận mà.”

Herr Ribbentrop phải khoảng một giờ đồng hồ nữa mới tới, vì vậy huân tước đề nghị đưa vị khách đi một vòng thăm Dinh Darlington - chiến thuật ấy đã nhiều lần giúp thư giãn những vị khách đương căng thẳng. Tuy nhiên, trong lúc qua lại làm việc mình, một hồi lâu tôi chỉ nghe thấy duy nhất tiếng Tủ tước Halifax, ở phòng này hay phòng khác trong nhà, vẫn không ngừng ngờ vực về buổi tối đương chờ trước mắt, còn Huân tước Darlington hoài công trấn an ông. Nhưng rồi đến một lúc tôi nghe Tủ tước Halifax thốt lên, “Chao ơi, Darlington, đồ bạc của nhà anh thực là thú quá.” Đương nhiên vào lúc đó tôi đã rất vui lòng được nghe câu ấy, nhưng với tôi hệ quả thực sự ám lòng cho buổi ấy phải đợi tới hai ba ngày sau đó, khi Huân tước Darlington nhận xét, “Nhân thể, Stevens này, Tủ tước Halifax thực sự rất ấn tượng với đồ bạc nhà mình hôm trước đấy. Khiến ngài chuyển hẳn sang tâm thế khác.” Đây thực sự là những lời thốt ra từ miệng ngài - tôi vẫn nhớ như đinh đóng cột - vậy nên không chỉ là tôi mơ hão, rằng tình trạng các món đồ bạc đã đóng góp phần nhỏ nhưng đáng kể giúp cho mối quan hệ giữa Tủ tước Halifax và Herr Ribbentrop tối hôm ấy thêm phần êm thấm.

Đến đây có lẽ đã tới lúc nên nói vài lời về phần Herr Ribbentrop. Đương nhiên, thời nay, ý kiến chung là Herr Ribbentrop là kẻ bịp bợm: rằng kế hoạch của Hitler suốt những năm ấy từ đầu vẫn là che mắt Anh quốc về tâm địa thực của mình càng lâu càng tốt, và sứ mạng duy nhất của Herr Ribbentrop ở nước ta là đạo diễn sự lừa mị này. Như tôi đã nói, đây là quan điểm phổ biến và hiện thời tôi không có ý định phản đối điều này. Tuy nhiên, thực khá ghê tai khi ngày nay phải nghe mọi người nói năng như thể họ không một phút nào mắc bẫy Herr Ribbentrop - như thể riêng mình Huân tước Darlington tin vào bộ mặt quý tộc trọng danh dự mà Herr Ribbentrop phô ra và hình thành mối giao thiệp công việc với ông ta. Sự thực là suốt trong thập niên ba mươi, Herr

Ribbentrop là một nhân vật được trọng vọng trong những nhà danh giá nhất, thậm chí lừng lẫy nữa là khác. Đặc biệt vào quãng 1936, 1937, tôi nhớ tất cả chuyện trò của nhân viên từ xa tới trong phòng gia nhân đều chỉ xoay quanh “ông Đại sứ Đức”, và từ lời họ có thể thấy rõ rằng rất nhiều ông lớn và phu nhân quyền quý nhất trong nước đều mê đắm ông ta. Như tôi đã nói, thực ghê tởm khi giờ đây phải nghe chính những người ấy nói năng về thời kỳ đó, và nhất là nghe một số người nói về huân tước. Thói đạo đức giả của mấy người ấy lên tới mức nào thì sẽ nhân tiện nếu quý vị được thấy dù chỉ vài danh sách khách mời của họ thời kỳ đó; quý vị sẽ được thấy Herr Ribbentrop không chỉ dùng bữa tối bên bàn chính những con người ấy đều đặn ra sao, mà thường xuyên, còn là thượng khách trong buổi tiệc.

Và rồi quý vị sẽ nghe chính những con người ấy nói năng như thể Huân tước Darlington đã hành xử bất thường khi nhận lời mời khoản đãi của mấy người Quốc xã trong vài chuyến ngài viếng thăm Đức thời gian ấy. Tôi cho rằng họ sẽ chẳng nói năng tùy tiện đến như vậy giả như *Thời báo* chẳng hạn có đăng tải dù chỉ một danh sách khách mời trong những yến tiệc của người Đức mỗi dịp mít tinh Nuremberg hằng năm. Thực tế là, ngay cả những ông lớn và phu nhân cao trọng, tôn kính nhất ở Anh cũng không chê lòng hiếu khách của các lãnh đạo Đức, và tôi có thể khẳng định qua kinh nghiệm trực tiếp rằng đại đa số những con người ấy trở về chỉ thuần là ca tụng và thán phục những người thù tiếp mình. Bất kỳ ai ám chỉ rằng Huân tước Darlington đã lén lút qua lại với kẻ thù chung, kẻ đó chẳng qua đang quên đi không khí thực của thời kỳ ấy một cách thực tiễn cho họ.

Cũng cần nói thêm rằng thực tâm bậy và bừa bãi đến chừng nào khi gán cho Huân tước Darlington là bài Do Thái, hoặc là nói ngài có liên hệ sâu đậm với những tổ chức như Liên minh Phát xít Anh. Những lời gán ghép ấy chỉ có thể nảy sinh ở những ai hoàn toàn không biết đến bản tính chính nhân quân tử của huân tước. Huân tước Darlington đã đi đến chỗ căm ghét thói bài Do Thái; tôi đã nghe ngài bày tỏ sự gớm ghê trong vài dịp

khác nhau khi phải giáp mặt với thái độ kỳ thị Do Thái. Và cáo buộc rằng huân tước không bao giờ cho phép người Do Thái bước vào nhà, không bao giờ cho nhận một người làm Do Thái, là tuyệt đối vô căn cứ - có lẽ chỉ trừ một vụ việc vô cùng nhỏ vào thập niên ba mươi đã bị thổi phồng lên. Còn về Liên minh Phát xít Anh, tôi chỉ có thể nói là bất cứ đồn đại nào ghép chung huân tước với đám người ấy thì đều rất nực cười. Sir Oswald Mosley, cái vị lãnh đạo đám “áo đen” đó, tới dùng bữa ở Dinh Darlington tính ra được ba lần là cùng, mà tất cả ba lần ấy đều vào hội tổ chức đó mới thành lập, chưa lộ ra bản chất thực. Một khi bộ mặt xấu xí của phong trào áo đen đã bộc lộ - và hãy biết rằng huân tước còn chóng nhận thấy điều này hơn hầu hết mọi người - Huân tước Darlington đã tuyệt giao với đám người ấy.

Dù sao đi nữa thì những tổ chức kiểu ấy cũng hoàn toàn chỉ đứng bên rìa, rất xa trung tâm đời sống chính trị nước ta. Quý vị cần hiểu rằng Huân tước Darlington chỉ bận tâm với những gì thực sự ở tâm điểm mọi sự, và những nhân vật ngài đã gắng sức đưa về họp mặt trong những năm ấy là một trời một vực với những nhóm bên lề khó ưa như vậy. Họ không chỉ đáng trọng hết mức, mà là những nhân vật nắm giữ ảnh hưởng thực sự trong đời sống ở Anh: những chính khách, nhà ngoại giao, tướng tá hay giáo chức. Thực vậy, nhiều người trong các vị ấy là người Do Thái, và chỉ nội điều này đã đủ chứng tỏ phần lớn những điều từng nói về huân tước nhắm nhí đến mức nào.

Nhưng tôi nói lạc đề rồi. Thực tế là tôi đang bàn về vấn đề đồ bạc, và về Tử tước Halifax đã có ấn tượng thích đáng vào buổi tối ngài gặp Herr Ribbentrop tại Dinh Darlington. Xin nói cho rõ, tôi không hề mảy may có ý rằng buổi tối đã khởi đầu trong nguy cơ đổ vỡ với ông chủ tôi lại biến thành thắng lợi chỉ thuần vì mấy món đồ bạc đó. Nhưng như tôi đã trình bày, chính bản thân Huân tước Darlington cũng tỏ ý rằng số đồ bạc ít nhất chắc cũng đã đóng một vai trò nhỏ góp phần thay đổi đôi chút tâm trạng của vị khách tối hôm ấy, và có lẽ ngấm lại những lần như vậy với niềm mãn nguyện trong lòng có thể cũng không phải việc làm quá sức viển vông.

Trong số thành viên nghề chúng tôi có những người một mực cho rằng xét cho cùng người ta phục vụ cho vị chủ nào cũng không quan trọng; họ tin rằng tinh thần lý tưởng phổ biến trong thế hệ chúng tôi - nghĩa là ý niệm rằng quản gia chúng tôi nên có tâm nguyện được làm việc cho những nhân vật cao quý phụng sự cho toàn nhân loại - chỉ là những lời văn hoa chải chuốt mà không có cơ sở gì trong hiện thực. Đương nhiên điều dễ nhận thấy là số bày tỏ thái độ hoài nghi như vậy không trừ một ai đều hóa ra là những kẻ tầm thường nhất trong nghề - họ biết rằng mình không có khả năng đạt đến vị trí nào đáng kể, nên chỉ có tâm nguyện kéo càng nhiều người càng tốt xuống ngang tầm mình - và người ta khó có thể coi trọng những ý kiến kiểu ấy. Nhưng dù nói gì đi chăng nữa, vẫn thực hài lòng khi có thể kể ra trong sự nghiệp của chính mình những trường hợp minh họa rõ ràng những người ấy đã sai lầm. Đương nhiên, ai cũng cố gắng phục vụ chủ mình trước sau như một, giá trị của quá trình như vậy không thể chỉ quy về một vài trường hợp đặc biệt - như việc đã xảy ra với Tử tước Halifax. Nhưng tôi đang muốn nói rằng chính những trường hợp kiểu ấy dần dà đã biểu thị cho một sự thực không thể chối cãi: rằng người ta đã có vinh dự được thực hành nghề nghiệp của mình ở ngay nền móng của những việc đại sự. Và có lẽ người ta có quyền cảm thấy một niềm mãn nguyện mà những ai bằng lòng làm việc cho những chủ nhân tầm thường sẽ không bao giờ được biết - niềm mãn nguyện khi được nói ít nhiều chính đáng rằng công sức của mình, dù là theo một cách khiêm nhường nhất, đã đóng góp chút ít vào tiến trình lịch sử.

Nhưng có lẽ không nên hoài vọng lại quá khứ nhiều như vậy. Suy cho cùng thì tôi hẵng còn rất nhiều năm phục vụ cần cống hiến. Và ông Farraday không chỉ là một chủ nhân rất tuyệt diệu, mà còn là một vị người Mỹ, và đương nhiên bốn phần của người ta là càng phải trình cho ông biết những điều tốt đẹp nhất về cung cách phục vụ ở nước Anh. Vì thế, cốt yếu, người ta cần tập trung chú ý vào hiện tại; cần đề phòng mọi sự tự đắc xâm lấn ngấm ngấm vì những thành tựu nào đó trong quá khứ. Bởi phải

thừa nhận rằng, trong mấy tháng vừa qua, tình hình ở Dinh Darlington không đạt được như kỳ vọng. Đạo gần đây một loạt những lỗi lầm nhỏ đã nảy ra, gồm cả vụ việc hồi tháng Tư cũng về đồ bạc ấy. May mắn thay, đây không phải là dịp ông Farraday đãi khách, nhưng dù thế vẫn là một thời khắc hổ thẹn thực lòng đối với tôi.

Việc xảy ra vào bữa sáng, và về phần mình, ông Farraday - hoặc do lòng nhân từ, hoặc do ông là người Mỹ và không nhìn nhận hết tầm mức nghiêm trọng của thiếu sót ấy - không hề thốt lấy một lời quở trách tôi trong suốt toàn bộ vụ việc. Ông ngồi vào bàn, chỉ cầm cây nĩa lên, nhìn qua một giây, đưa đầu ngón tay chạm vào đầu nĩa, rồi lại quay sang tờ báo sáng. Cử chỉ ấy diễn ra có phần lơ đãng, nhưng dĩ nhiên tôi đã phát hiện ra và đã nhanh chóng tiến lại để dời chỗ món đồ bất như ý. Thực tế có lẽ mỗi phiên lòng đã khiến tôi thực hiện hơi nhanh chóng quá, bởi ông Farraday có khế giật mình và lẩm bẩm, “A, Stevens.”

Tôi đã nhanh chóng bước tiếp ra khỏi phòng, và quay lại không quá chậm trễ với một cây nĩa đạt yêu cầu. Khi tôi lại tiến tới chỗ bàn - nơi ông Farraday có vẻ đã vùi đầu vào tờ báo - tôi chợt nghĩ ra mình có thể lẳng lẳng luồn cây nĩa vào trên khăn bàn mà không quấy nhiễu việc đọc của ông chủ. Tuy nhiên, tôi đã kịp nghĩ ra rằng có khả năng ông Farraday chỉ giả bộ thờ ơ để xoa dịu nỗi hổ thẹn của tôi, và việc đưa nĩa lên lút như vậy có thể bị hiểu là trơ tráo trước sơ suất của mình - hoặc xấu hơn nữa, tìm cách che đậy nó. Chính vì thế mà tới đó, tôi quyết định rằng điều đúng đắn là đặt cây nĩa xuống bàn mạnh tay một chút, khiến ông chủ tôi lại giật mình lần nữa, ngẩng lên và lại lẩm bẩm, “A, Stevens.”

Những sơ suất kiểu như vậy đã xuất hiện trong vài tháng vừa qua, và hiển nhiên gây tổn thương đến lòng tự trọng, nhưng mặt khác người ta cũng không cần phải cho đó là dấu hiệu của điều gì tai ác hơn một khiếm khuyết về nhân sự. Không phải vì khiếm khuyết nhân sự tự nó không có gì nghiêm trọng; nhưng nếu quả là cô Kenton sẽ trở về Dinh Darlington, tôi đoán chắc những sơ sẩy kiểu ấy sẽ chỉ còn là quá khứ. Đương nhiên, người

ta cần phải nhớ rằng trong lá thư cô Kenton không nói một lời nào cụ thể - tiện đây xin nói, tôi đã đọc lại thư đêm qua trên phòng trước khi tắt đèn - để thể hiện thật minh xác nguyện vọng được trở lại công việc cũ của mình. Thực tế, người ta cần phải chấp nhận có một khả năng rõ ràng là biết đâu trước đây - có lẽ do lòng mong ước xuất phát từ lý do nghề nghiệp - mình đã thổi phồng những bằng cứ nếu có về một nguyện vọng nào như vậy. Bởi tôi phải nói rằng đêm qua tôi đã hơi ngạc nhiên nhận thấy khó mà chỉ ra một đoạn viết nào trong thư nói rành mạch ý nguyện của cô muốn trở về.

Nhưng ngược lại, cũng thực không cần thiết mà phỏng đoán quá nhiều về những vấn đề như vậy khi người ta biết rằng, hầu như chắc chắn, mình sẽ nói chuyện trực tiếp với cô Kenton chỉ trong bốn mươi tám giờ nữa. Tuy vậy, tôi vẫn phải nói rằng tôi đã dành nhiều phút dài lật đi lật lại những đoạn viết ấy trong đầu khi nằm trong bóng tối, lắng nghe từ dưới nhà tiếng ông chủ quán và bà vợ xếp dọn đồ ban đêm.

Ngày thứ ba - Tối
Moscombe, gần Tavistock, Devon

Tôi thấy mình có lẽ nên trở lại đôi chút vấn đề thái độ của huân tước với người Do Thái, bởi toàn bộ cái sự vụ bài Do Thái này đã trở thành khá nhạy cảm gần đây, như tôi đã nhận ra. Đặc biệt, tôi xin làm rõ cho dứt điểm cái lệnh cấm tuyển nhân viên người Do Thái vào Dinh Darlington mà người ta đồn đại. Bởi cáo buộc này nằm trực tiếp trong lĩnh vực tôi quản lý, nên tôi có thẩm quyền tuyệt đối đưa ra lời phản bác. Có rất nhiều người Do Thái trong đội ngũ nhân viên của tôi trong suốt những năm tôi làm việc cho huân tước, và tôi cũng xin nói thêm họ không bao giờ bị đối xử khác với mọi người vì nguyên do chủng tộc. Thực sự người ta không thể hiểu nổi nguyên do nào dẫn đến những cáo buộc phi lý như vậy - trừ khi, thực ngớ ngẩn lắm thay, chúng bắt nguồn từ khoảng thời gian vài tuần thực ngắn ngủi và cực kỳ vô nghĩa hồi đầu thập niên ba mươi, khi bà Carolyn Barnet có một sức ảnh hưởng kỳ dị tới huân tước.

Bà Barnet, góa phụ của ông Charles Barnet, khi ấy đương vào độ tứ tuần - rất bảnh bao, nhiều người có thể gọi là sang cả. Bà nổi danh là có trí thông tuệ sắc sảo đáng gờm, và độ ấy người ta thường nghe lan truyền chuyện bà đã đánh bại quý ông mẫn tiệp này hoặc nhân vật sắc sảo kia trong bữa tối vì một vấn đề đương thời nổi cộm nào đó. Gần suốt mùa hè năm 1932 bà là vị khách thường xuyên tại Dinh Darlington, thường cùng huân tước chìm đắm trong những cuộc trò chuyện kéo dài hàng giờ, chủ yếu là về tình hình xã hội chính trị. Và theo như tôi nhớ, chính bà Barnet đã đưa huân tước theo trong những chuyến “khảo sát có hướng dẫn” tới những vùng nghèo nhất khu Đông London, để huân tước được thực sự tới tận nhà thăm rất nhiều gia đình cực khổ trong những năm thê thảm ấy. Nói vậy có nghĩa là, nhiều phần chắc chắn bà Barnet đã góp phần nào đấy vào mối ưu tư ngày một lớn của Huân tước Darlington dành cho dân nghèo ở xứ ta, và như vậy không thể nói ảnh hưởng của bà hoàn toàn tiêu cực. Nhưng đương nhiên, bà cũng là thành viên

tổ chức “áo đen” của Sir Oswald Mosley, và những giao tiếp ít ỏi của huân tước với Sir Oswald chính là diễn ra vào vài tuần ấy trong mùa hè năm đó. Và cũng chính trong vài tuần ấy mà những vụ việc hết sức trái ngược với bản chất ngài kia đã xảy ra tại Dinh Darlington, mà người ta buộc phải nghĩ đó chính là cái cơ sở nòng cốt cho những cáo buộc phi lý nọ.

Tôi nói “vụ việc”, nhưng một số trong đó quả thực rất vặt vãnh. Tỷ dụ như tôi có nghe lọt tai một tối, trong bữa ăn, khi nghe nhắc đến một tờ báo nọ, huân tước nhận xét, “À, cái loa tuyên truyền của bọn Do Thái đấy hả.” Và một dịp khác cũng vào quãng đó, tôi nhớ ngài chỉ thị cho tôi hãy dừng đóng góp cho một hội thiện nguyện địa phương hay ghé đến quyên, với lý do ủy ban điều hành “gần như rặt Do Thái”. Rồi có nhớ rõ mấy nhận xét ấy chính vì lúc ấy tôi đã thực sự kinh ngạc, bởi trước đó huân tước chưa bao giờ tỏ ý có chút nào bài bác chủng tộc Do Thái.

Rồi thì, đương nhiên, còn có cái buổi chiều ấy, huân tước gọi tôi vào thư phòng. Ban đầu ngài chỉ trao đổi chung chung, hỏi han tình hình trong nhà có được ổn hết không vân vân. Rồi ngài nói, “Tôi đã suy nghĩ rất nhiều, Stevens ạ. Suy nghĩ rất nhiều. Và tôi đã đi đến kết luận. Chúng ta không thể có người làm Do Thái ở Dinh Darlington.”

“Thưa ngài?”

“Chỉ là vì muốn tốt cho nhà này thôi, Stevens ạ. Vì lợi ích của các vị khách thường đến nghỉ lại nhà này. Tôi đã nghiên cứu việc này rất kỹ, Stevens ạ, và giờ tôi cho anh biết kết luận của mình.”

“VẬY Đấy, thưa ngài.”

“Stevens ạ, cho tôi biết, hiện tại chúng ta có vài người như vậy trong số người làm, phải không? Nghĩa là, vài người Do Thái.”

“Tôi nghĩ là có hai người trong đội ngũ nhân viên hiện tại có thể xếp vào loại đó, thưa ngài.”

“À.” Huân tước ngưng một lát, nhìn ra ngoài cửa sổ. “Dĩ nhiên là anh sẽ phải cho họ thôi.”

“Xin thứ lỗi, thưa ngài?”

“Đây là một điều đáng tiếc, Stevens ạ, nhưng chúng ta không còn cách nào khác. Bốn phận của ta là phải lo cho khách được an toàn và thoải mái. Xin cam đoan với anh là tôi đã nghiên cứu rất kĩ và cân nhắc rất tường tận. Làm thế là tốt nhất cho chúng ta.”

Hai người trong đội ngũ nhân viên tôi nhắc đến, thực tế đều là hai cô tớ gái. Vì vậy, sẽ là rất không đúng mực nếu thực hiện bất cứ hành động nào mà không thông báo tình hình tới cô Kenton trước, và tôi quyết tâm sẽ làm việc đó ngay chiều tối hôm ấy khi gặp cô dùng ca cao trong buồng nội quản. Tối đây có lẽ tôi cần nói vài lời về những cuộc gặp trong buồng nội quản khi kết thúc mỗi ngày này. Xin được nói rằng những cuộc gặp như vậy mang sắc thái áp đảo là vì công việc - dù đương nhiên là lúc này lúc khác chúng tôi cũng nhắc qua những đề tài có tính ngày thường hơn. Nguyên do triển khai chuỗi cuộc gặp này rất đơn giản: chúng tôi đã nhận ra rằng cuộc sống riêng của mỗi người đều quá bận rộn, tới nỗi có khi vài ngày trôi qua mà không có dịp trao đổi dù là những thông tin cơ bản nhất. Chúng tôi nhận ra tình trạng như vậy đã gây tổn hại nghiêm trọng tới yêu cầu điều hành công việc trong nhà sao cho êm thấm, vì thế ngồi lại riêng với nhau quãng mười lăm phút cuối mỗi ngày trong buồng nội quản của cô Kenton là cách đơn giản nhất để khắc phục thiếu sót ấy. Tôi cần phải nhấn mạnh lại, những cuộc gặp ấy về bản chất chủ yếu là mang tính công việc; nói vậy có nghĩa là, tỷ dụ như, chúng tôi bàn kế hoạch cho một sự kiện sắp tới, hoặc trao đổi xem một nhân viên mới đã quen việc hay chưa.

Dù sao thì, quay lại câu chuyện đang dở, quý vị hẳn sẽ hiểu rằng tôi không hoàn toàn thoải mái khi nghĩ đến việc phải nói với cô Kenton rằng tôi sắp sa thải hai cô tớ gái dưới quyền cô. Thực vậy, cả hai người đều là những nhân viên mẫn cán và - tôi cũng nên nói luôn, vì vấn đề Do Thái gần đây đã trở thành hết sức nhạy cảm - từ tận đáy lòng tôi chống lại ý tưởng sa thải họ. Tuy vậy trong trường hợp này, bốn phận của tôi đã quá rõ ràng, và cứ như tôi thấy, phơi bày những nghi hoặc cá nhân một cách vô trách nhiệm sẽ chẳng đem lại gì cả. Đây là một nhiệm vụ khó khăn, nhưng vì vậy lại càng cần được thực hiện có phẩm cách.

Và vì thế khi cuối cùng cũng đề cập đến vấn đề này vào quãng cuối cuộc nói chuyện tối hôm ấy, tôi đã nói thực ngắn gọn và thực tế, kết lại như thế này, “Tôi sẽ nói chuyện với hai nhân viên này trong phòng quản gia lúc mười rưỡi sáng ngày mai. Vì thế, cô Kenton, tôi rất cảm ơn nếu cô có thể cho họ đến vào giờ đó. Tôi để cô toàn quyền quyết định có báo trước cho họ về nội dung những gì tôi sắp nói với họ hay không.”

Cho tới đây, cô Kenton vẫn có vẻ không định đáp lại lời nào cả. Vậy nên tôi nói tiếp, “VẬY ĐẤY, cô Kenton, cảm ơn cô đã thết đãi món ca cao. Đã đến lúc tôi phải về phòng rồi. Mai lại là một ngày bận rộn.”

Tối lúc này cô Kenton nói, “Ông Stevens này, tôi thật không tin nổi vào tai mình nữa. Ruth và Sarah đã làm việc dưới quyền tôi hơn sáu năm trời. Tôi tuyệt đối tin cậy hai cô bé ấy, và quả thật chúng nó cũng tin cậy tôi. Hai đứa nó đã phục vụ cho nhà này đặc lực hết sức.”

“Tôi tin chắc là như vậy, cô Kenton. Tuy nhiên, chúng ta không được để cảm tính làm nhiều loạn phán đoán của mình. Giờ thì tôi phải cáo từ thực rồi...”

“Ông Stevens, tôi thấy thực sự phẫn nộ vì ông lại có thể ngồi đây nói những lời này như thế đây chỉ là việc mua bổ sung cho hầm chứa thịt. Tôi thật không thể tin được. Ông muốn nói rằng cần phải cho Ruth và Sarah nghỉ việc chỉ dựa trên nguyên cớ họ là người Do Thái?”

“Cô Kenton, tôi vừa giải thích cặn kẽ tình hình cho cô tức thì. Ngài huân tước đã quyết định và tôi với cô không còn gì để bàn cãi cả.”

“Ông không nhận ra sao, ông Stevens, rằng đuổi Ruth và Sarah vì cớ đó thì rành rành là... *sai trái*? Tôi sẽ không ủng hộ chuyện này. Tôi sẽ không làm việc trong một cái nhà để những chuyện như vậy xảy ra.”

“Cô Kenton, tôi xin yêu cầu cô đừng kích động và cư xử một cách phù hợp với địa vị mình. Đây là một vấn đề rất đơn giản. Nếu đức ngài cho rằng cần chấm dứt hợp đồng của nhân viên nào đó, thì không còn gì để nói thêm nữa.”

“Tôi cảnh cáo ông, ông Stevens, tôi sẽ không tiếp tục làm việc ở một cái nhà như thế. Nếu máy đưa của tôi bị đuổi, tôi sẽ đi.”

“Cô Kenton, tôi ngạc nhiên vì cô lại phản ứng như thế này. Đương nhiên tôi không phải nhắc lại với cô rằng bốn phận nghề nghiệp của chúng ta không phải là nghe theo những yếu đuối và cảm tính của ta, mà theo ý nguyện của ông chủ ta.”

“Tôi nói với ông, ông Stevens, nếu ngày mai ông sa thải hai cô bé ấy, thì việc làm đó là sai trái, là một tội lỗi không hơn không kém, và tôi sẽ không tiếp tục làm việc trong một cái nhà như thế.”

“Cô Kenton, tôi xin khuyên cô cân nhắc rằng cô không ở vị trí có thể đưa ra phán xét về những vấn đề cao siêu trọng đại như thế. Thực tế là, thế giới ngày nay là một nơi chốn rất phức tạp khó lường. Có rất nhiều điều mà cô và tôi thực sự không có điều kiện hiểu được liên quan đến bản chất của nòi Do Thái, chẳng hạn. Trong khi đó, tôi mạo muội cho rằng ngài huân tước ở vào vị trí có lẽ thuận lợi hơn một chút để biết điều gì là tốt nhất. Giờ thì, cô Kenton, tôi thực sự phải về nghỉ rồi. Lần nữa cảm ơn cô đã đãi ca cao. Mười rưỡi sáng ngày mai. Xin cô đừng quên thông báo cho hai nhân viên đó.”

Ngay từ giây phút hai cô tớ gái bước vào phòng quản gia sáng hôm sau, có thể thấy rõ cô Kenton đã nói chuyện với họ, bởi cả hai đều khóc lóc. Tôi cố gắng giảng giải tình hình cho họ thực văn tắt, nhấn mạnh rằng họ đã thực hiện công việc xuất sắc và do đó, họ sẽ được khen ngợi rất mực trong thư giới thiệu để đi tìm việc làm nơi khác. Theo như tôi nhớ, cả hai đều không nói gì đặc biệt suốt thời gian gặp, tức là khoảng ba bốn phút, và lúc đi họ cũng khóc lóc như lúc đến.

Cô Kenton đối xử với tôi vô cùng lạnh lùng suốt mấy ngày sau khi sa thải hai nhân viên. Thực vậy, vài lúc cô còn xẵng giọng với tôi, ngay cả trước mặt những nhân viên khác. Và mặc dù chúng tôi vẫn duy trì thói quen gặp nhau uống ca cao mỗi tối, những buổi gặp đó thường ngắn và lạnh nhạt. Khi sau chừng nửa tháng lối cư xử của cô vẫn không có dấu hiệu cải thiện, tôi nghĩ chắc quý vị cũng hiểu rằng tôi trở nên hơi sốt ruột. Vậy nên

trong một bữa ca cao tôi nói với cô, giọng cọt giễu, “Cô Kenton, tôi cứ nghĩ rằng đến giờ cô phải nộp đơn rồi chứ,” và đem thêm một tiếng cười xòa. Có lẽ đúng là tôi có hy vọng rất cuộc cô sẽ nhượng bộ chút ít, đáp lại bằng một câu hòa giải nào đấy, cho phép chúng tôi bỏ qua chuyện này một lần vĩnh viễn. Tuy nhiên, cô Kenton chỉ nghiêm mặt nhìn tôi mà bảo, “Tôi vẫn giữ nguyên ý định nộp đơn, ông Stevens. Chẳng qua là tôi quá bận chưa có thời gian lo đến việc đó.”

Tôi phải thừa nhận, câu đó đã làm tôi hơi lo lắng trong một thời gian, sợ rằng lời đe dọa của cô là nghiêm túc. Nhưng rồi tuần nối tuần trôi qua, có thể thấy rõ là vấn đề cô rời Dinh Darlington hoàn toàn không đặt ra, và khi băng giá giữa đôi bên dần tan, chắc là thỉnh thoảng tôi cũng ưa nhắc lại lời đe dọa nghỉ việc để ghẹo cô. Tỷ dụ như khi bàn bạc về dự định tổ chức một dịp long trọng nào đó, tôi sẽ chêm vào, “À, đấy là nếu cô vẫn còn ở đây với chúng tôi vào thời điểm đó, cô Kenton ạ.” Cả sau khi sự việc đã trôi qua nhiều tháng, những nhận xét kiểu ấy vẫn còn khiến cô Kenton lặng thinh - dù đến lúc này, tôi đoán là vì xấu hổ hơn là tức giận.

Sau cùng, đương nhiên, chuyện ấy hầu như bị lãng quên. Nhưng tôi có nhớ nó trở lại lần cuối vào hơn một năm sau khi hai cô tớ gái đã bị sa thải.

Chính huân tước là người chủ động nhắc lại vấn đề ấy vào một chiều khi tôi đưa trà vào phòng tiếp tân. Tới lúc đó, thời kỳ ảnh hưởng của bà Carolyn Barnet đã chấm dứt từ lâu - thực tế là bà đã dừng hẳn không còn lui tới Dinh Darlington nữa. Thêm nữa cần phải chỉ ra rằng tới lúc này huân tước đã cắt đứt liên hệ với đám “áo đen”, sau khi chứng kiến bản chất thực xấu xí của tổ chức này.

“Ồ, Stevens này,” ngài nói với tôi như vậy. “Tôi định nói anh chuyện này lâu rồi. Cái việc năm ngoái ấy. Hai cô hầu Do Thái ấy. Anh có nhớ chuyện đó không?”

“Thực là có nhớ, thưa ngài.”

“Tôi cho là bây giờ không còn cách nào tìm lại họ nữa, phải không? Việc đã xảy ra là sai trái và có lẽ người ta nên đền bù cho

họ theo cách nào đó.”

“Chắc chắn tôi sẽ tìm hiểu việc này, thưa ngài. Nhưng tôi không dám cam đoan sẽ xác định được nơi ở của họ vào thời điểm này nữa.”

“Anh cứ xem làm được gì. Đúng là sai trái, cái việc đấy ấy.”

Tôi đoán rằng cuộc đối thoại này với huân tước sẽ gây được chút chú ý cho cô Kenton, và kết luận rằng đem kể lại với cô sẽ là đúng đắn - bất kể nguy cơ sẽ khiến cô nổi giận lần nữa. Sự thể thành ra là, việc tôi làm thế vào cái buổi chiều mù sương gặp cô trong chòi nghỉ mùa hè đã đem lại những hệ quả kỳ khôi.

*

Tôi nhớ chiều đó mù đã bắt đầu đổ xuống khi tôi băng qua thảm cỏ. Tôi đang trên đường đi tới chòi nghỉ mùa hè nhằm mục đích dọn dẹp những gì sót lại sau bữa trà của huân tước với vài vị khách trong chòi trước đó một hồi. Tôi còn nhớ mình đã thấy cách một quãng - rất xa trước khi đến chỗ bậc thang nơi cha tôi ngã - dáng hình cô Kenton đi đi lại lại trong chòi nghỉ. Khi tôi vào chòi, cô đã ngồi xuống một trong mấy chiếc ghế mây rải rác trong chòi, vẻ như đương mải mê với công việc khâu vá nào đó. Quan sát kĩ hơn, tôi nhận ra cô đang thực hiện việc sửa chữa một chiếc gối ngồi. Tôi đi quanh nhà nhặt lại các món đồ trà giữa số cây cối và bàn ghế mây, và trong lúc làm như vậy, chắc là tôi và cô đã trao đổi vài lời hỏi han, có thể còn bàn một hai vấn đề công việc nữa. Bởi sự thực là, suốt nhiều ngày liên tục ở trong nhà chính, được ra chòi nghỉ mùa hè khiến tâm trạng phấn chấn hẳn lên và cả tôi với cô đều không có ý vội vàng làm công việc của mình. Thực vậy, dù hôm đó mù đang đặc lại khiến người ta không thể nhìn ra xa lắm, và tới lúc này ánh ngày cũng đang tắt đi rất nhanh, buộc cô Kenton phải giơ món đồ khâu lên đón chút ánh sáng sót lại, tôi nhớ mỗi người cũng thường ngưng tay chỉ để ngóng ra ngoài khung cảnh chung quanh. Thực tế là, chính vào khi nhìn qua thảm cỏ ngấm mù đặc lại dần quanh những cây dương trồng dọc đường xe bò mà tôi cuối cùng cũng nêu lại đề tài vụ sa thải năm trước. Bằng một phương cách có lẽ hơi dễ đoán, tôi nêu lại thế này, “Cô Kenton ạ, tôi vừa

mới nghĩ lúc này. Giờ nhớ lại thì khá buồn cười, nhưng cô biết đấy, mới chỉ giờ này năm ngoái, cô còn đang nhất quyết sẽ nghỉ việc. Nghĩ lại tôi thấy chuyện quả là ngộ.” Tôi bật cười, nhưng sau lưng tôi cô Kenton vẫn lặng thinh. Khi cuối cùng cũng quay lại nhìn cô, tôi thấy cô đang nhìn qua cửa kính tới biển mù mênh mông bên ngoài.

“Hắn ông không thể tưởng tượng được đâu, ông Stevens,” cuối cùng cô cất lời, “tôi đã cân nhắc nghiêm túc tới mức nào ý định rời khỏi nhà này. Chuyện xảy ra đã tác động đến tôi rất lớn. Giá tôi là loại người dù chỉ có chút danh dự, tôi dám nói mình đã rời Dinh Darlington từ lâu rồi.” Cô dừng lời một lúc, và tôi lại quay nhìn cây dương đằng xa. Rồi cô nói tiếp, giọng mệt mỏi, “Là do hèn nhát, ông Stevens ạ. Chỉ là hèn nhát thôi. Tôi còn biết đi đâu? Tôi chẳng có người thân nào. Chỉ có bà dì. Tôi yêu bà, nhưng không thể sống với bà dù chỉ một ngày mà không cảm thấy cả cuộc đời mình đang mòn mỏi. Đương nhiên, tôi có tự nhủ rồi mình sẽ sớm tìm được một chỗ làm mới. Nhưng tôi sợ, ông Stevens ạ. Cứ mỗi lần nghĩ chuyện ra đi tôi lại thấy mình bước ra ngoài và chẳng có lấy một ai quen biết hay quan tâm đến mình. Đấy, tất cả mấy nguyên tắc cao đạo của tôi chỉ có đến đấy. Tôi hổ thẹn về mình làm sao. Nhưng tôi không đi được, ông Stevens ạ. Tôi không thể quyết lòng ra đi được.”

Cô Kenton lại ngưng, có vẻ đang chìm vào suy nghĩ. Thế nên tôi nghĩ đây là cơ hội tốt để thuật lại, càng chính xác càng hay, cuộc đối thoại trước đó giữa tôi và Huân tước Darlington. Tôi bèn thuật lại và để kết luận, tôi nói, “Điều đã qua thì khó có thể lấy lại. Nhưng ít nhất cũng là niềm an ủi lớn được nghe đức ngài tuyên bố rành rẽ như vậy, rằng tất cả chỉ là một hiểu lầm kinh khủng. Tôi nghĩ là cô sẽ muốn được nghe chuyện này, cô Kenton ạ, bởi như tôi nhớ cô cũng muộn phiền vì chuyện lần đó giống như tôi vậy.”

“Xin thứ lỗi, ông Stevens,” cô Kenton sau lưng tôi đổi hẳn giọng, như vừa sức tỉnh cơn mơ. “Tôi không hiểu ý ông nói.” Rồi khi tôi quay lại nhìn, cô nói tiếp, “Cứ theo tôi nhớ thì ông nghĩ

chuyện Ruth và Sarah bị tổng cổ đi là hết sức đúng đắn phải đạo. Ông còn vui mừng vì chuyện đó là khác.”

“Nào, cô Kenton, nói thế thì thực là không đúng và không công bằng. Vụ việc lần đó khiến tôi rất lo buồn, thực sự là rất lo buồn. Đây hoàn toàn không phải những gì tôi muốn chứng kiến ở ngôi nhà này.”

“Vậy thì, ông Stevens, vì sao lúc ấy ông không nói với tôi như vậy?”

Tôi bật cười, nhưng nhất thời không biết phải trả lời ra sao. Trước khi tôi soạn được câu trả lời, cô Kenton đã đặt đồ khâu xuống nói, “Ông Stevens, ông có nhận ra không, rằng nếu năm ngoái ông đã có lòng bày tỏ cảm nghĩ thực của ông thì sẽ có ý nghĩa với tôi đến mức nào? Ông biết tôi buồn bực đến thế nào khi hai cô bé bị cho nghỉ việc mà. Ông có hiểu được giá làm thế ông đã giúp tôi đến mức nào không? Vì sao, hử ông Stevens, vì sao cơ chứ, vì sao mà ông lúc nào cũng phải *giả bộ*?”

Tôi lại bật cười trước diễn tiến mới bất ngờ và ngớ ngẩn của câu chuyện. “Thực tình, cô Kenton ạ,” tôi nói, “tôi không chắc là mình hiểu cô muốn nói gì. Giả bộ à? Thực tình...”

“Tôi đã đau khổ biết bao vì Ruth và Sarah phải rời nhà chúng ta. Và còn đau khổ hơn nữa vì tôi nghĩ chỉ có mình tôi cảm thấy như vậy.”

“Thực tình, cô Kenton ạ...” Tôi nhặt cái khay trên xếp đủ các món đồ cốc chén đã dùng rồi. “Dĩ nhiên người ta không thể tán đồng việc sa thải ấy rồi. Người ta sẽ nghĩ đây là điều hiển nhiên chứ.”

Cô không nói gì, và trên đường ra tôi liếc lại sau lưng về phía cô. Cô đã lại nhìn ra ngoài cửa sổ, nhưng tới lúc này trong chòi nghỉ đã tối đến mức tôi chỉ nhìn thấy đường viền khuôn mặt bán diện của cô trên hậu cảnh mờ nhòe trống rỗng. Tôi cáo từ và bước ra ngoài.

*

Giờ đã nhớ lại vụ cho thôi việc hai nhân viên Do Thái, tôi lại nhớ thêm tới việc có lẽ có thể gọi là một hệ quả kỳ khôi của toàn bộ câu chuyện kia: tức là việc cô tớ gái tên Lisa xuất hiện trong

nhà. Nói thế có nghĩa là, chúng tôi buộc phải tìm người thay thế vào chỗ hai cô tớ Do Thái đã bị thôi việc, và cô Lisa này nằm trong số đó.

Cô gái trẻ này đã xin ứng tuyển với những lời giới thiệu hết sức lập lờ, do vậy mỗi quản gia giàu kinh nghiệm đều thấy rành rành rằng cô đã rời nơi cũ trong tình trạng có phần muối mặt. Thêm nữa, khi cô Kenton và tôi hỏi chuyện cô ta, có thể thấy rõ rằng cô chưa hề ở lại nơi nào quá một vài tuần. Nói chung, toàn bộ thái độ của cô gái khiến tôi cảm thấy cô ta hoàn toàn không thích hợp với điều kiện công việc ở Dinh Darlington. Thế nhưng tôi đã rất ngạc nhiên khi, sau buổi phỏng vấn, cô Kenton bắt đầu khẳng khẳng muốn nhận cô ta. “Tôi thấy cô gái này rất có triển vọng,” cô cứ nhắc đi nhắc lại bất chấp tôi phản đối. “Cô ta sẽ được đích thân tôi giám sát và tôi sẽ lo sao cho cô gái này làm việc tốt.”

Tôi nhớ hai chúng tôi đã bị vướng mắc bất đồng một thời gian, và có lẽ chỉ vì chuyện hai cô tớ gái bị nghỉ việc hăng còn quá mới trong ký ức mà tôi không cương quyết đúng mức với cô Kenton. Dù sao thì kết quả vẫn là cuối cùng tôi nhượng bộ, dù có nói thêm, “Cô Kenton, tôi hy vọng cô nhận ra rằng trách nhiệm nhận cô gái này hoàn toàn nằm ở cô. Về phần tôi, tôi hoàn toàn tin chắc rằng ở thời điểm hiện tại cô ấy còn xa mới gọi là phù hợp trở thành một nhân viên trong nhà. Tôi cho phép cô ta vào đây chỉ với điều kiện đích thân cô sẽ coi sóc quá trình rèn luyện của cô ta.”

“Cô gái rồi sẽ ổn thôi, ông Stevens ạ. Ông sẽ thấy.”

Và trước sự sung sướng của tôi, trong mấy tuần tiếp đó, cô gái trẻ quả đã tiến bộ với một tốc độ không ngờ. Thái độ cô ta dường như khá lên từng ngày, ngay cả tư thế đi đứng làm việc của cô ta - ngày đầu tiên trông luộm thuộm đến mức người ta phải nhìn đi chỗ khác - cũng tiến bộ ngoạn mục.

Nhiều tuần trôi qua, cô gái dường như đã đổi lột kỳ diệu thành một nhân viên đặc lực, và chiến thắng của cô Kenton đã quá hiển nhiên. Dường như cô có một niềm hứng thú đặc biệt với việc phân cho Lisa một nhiệm vụ nào đó đòi hỏi nỗ lực hơn

mức bình thường, và nếu tôi đang quan sát, có thể tin rằng cô sẽ cố tìm cách giao mắt với tôi với vẻ mặt có hơi nhạo báng. Và cuộc đối thoại tối đó trong buồng nội quản bên cốc ca cao là khá điển hình cho những gì chúng tôi thường nói về cô Lisa này.

“Hẳn nhiên, ông Stevens ạ,” cô nói với tôi, “ông sẽ vô cùng thất vọng được biết tin Lisa vẫn chưa phạm phải lỗi lầm nào đáng kể.”

“Tôi hoàn toàn không thất vọng, cô Kenton ạ. Tôi rất vui mừng cho cô và cho tất cả chúng ta. Tôi phải thừa nhận là cho đến giờ cô đã có chút thành công khiêm tốn về phần cô gái đó.”

“Thành công khiêm tốn! Mà nhìn cái kiểu mồm mím cười của ông kia, ông Stevens. Lúc nào ông cũng cười kiểu đó khi tôi nói đến Lisa. Bản thân nụ cười đó đã chứa cả một câu chuyện thú vị. Một câu chuyện cực kỳ thú vị, thực vậy.”

“Ồ thế ư, cô Kenton. Và tôi có thể hỏi đích xác là chuyện gì được không?”

“Cực kỳ thú vị, ông Stevens ạ. Thú vị là ông đã từng bị quan đến mức ấy về cô gái. Bởi Lisa là một cô gái xinh xắn, hẳn nhiên rồi. Và tôi đã nhận thấy ông có lối ngại rất kỳ khôi không muốn nhận các cô gái ưa nhìn làm nhân viên trong nhà.”

“Cô biết rõ là cô đang nói chuyện tầm bậy, cô Kenton ạ.”

“A, nhưng tôi có nhận thấy mà, ông Stevens ạ. Ông không thích có các cô gái xinh xắn làm việc trong nhà. Liệu có thể nào là ông Stevens nhà ta lo lắng sẽ bị phân tâm không? Có phải chẳng là ông Stevens nhà ta suy cho cùng cũng là xương là thịt và không dám tin cậy bản thân hoàn toàn?”

“Thực tình, cô Kenton ạ. Nếu tôi mà nghĩ lời cô có một mẩu nghĩa lý nào thì tôi có thể đã bỏ công tiếp chuyện cô về chủ đề này rồi đấy. Còn giờ thì có lẽ tôi cứ nên nghĩ ngợi chuyện khác trong khi cô luyện thuyên vậy thôi.”

“A, vậy thì làm sao mà cái nụ cười tội lỗi kia vẫn còn trên mặt ông vậy?”

“Đấy hoàn toàn không phải là nụ cười tội lỗi, cô Kenton. Tôi có thấy hơi ngộ nghĩnh cái khả năng nói chuyện tầm bậy đáng ngạc nhiên của cô mà thôi.”

“Trên mặt ông *đúng* là một nụ cười tội lỗi hân hoan mà, ông Stevens ạ. Và tôi đã nhận ra là ông gần như không dám nhìn vào Lisa. Giờ thì đã dần dà hiểu ra tại sao ông lại phản đối quyết liệt khi nhận cô ấy rồi.”

“Tôi phản đối dựa trên những nguyên cơ hết sức vững chắc, cô Kenton ạ, và cô biết rõ điều đó mà. Khi mới đến gặp chúng ta cô gái ấy hoàn toàn không phù hợp.”

Giờ, đương nhiên, quý vị cần hiểu chúng tôi không bao giờ nói chuyện trên tinh thần đó khi có mặt các nhân viên khác. Nhưng đúng vào khoảng thời gian đó, những bữa cao bồi tối của chúng tôi, trong khi về bản chất vẫn duy trì nội dung công việc, thường lại đủ thời gian cho phép có một hai câu chuyện vô hại kiểu này - phải nói là rất có ích khi người ta cần thư giãn sau một ngày vất vả căng thẳng.

Lisa đã ở nhà chúng tôi khoảng tám chín tháng - và tới lúc đó tôi hầu như đã quên bằng sự tồn tại của cô ta - thì thành linh biến mất cùng người hầu nhì. Đương nhiên, những chuyện này là một phần tất yếu của đời quản gia ở mỗi ngôi nhà lớn. Hết sức phiền toái, nhưng người ta cũng học được cách chấp nhận. Thực tế thì, so với những cuộc “tẩu thoát dưới trăng” kiểu đó, lần này còn thuộc loại văn minh. Ngoại trừ chút ít thức ăn thì đôi tình nhân không lấy đi thứ gì trong nhà, chưa hết, cả hai bên đều để lại thư. Người hầu nhì, mà giờ tôi không còn nhớ tên, viết cho tôi một bức thư ngắn, đại loại là: “Xin đừng trách tội chúng tôi quá nghiêm. Chúng tôi yêu nhau và sẽ lấy nhau.” Lisa thì viết thư dài hơn nhiều để gửi cho “bà Nội quản”, và chính đây là lá thư cô Kenton mang vào phòng quản gia buổi sáng sau đêm họ bỏ đi. Như tôi nhớ, thư có rất nhiều chữ sai chính tả, nhiều câu cụt quãng kể ra hai người đó yêu nhau đến đâu, anh chàng hầu nhì là người tuyệt vời thế nào, và tương lai chờ đón bọn họ rạng rỡ ra sao. Có một câu, như tôi nhớ, nội dung đại khái là: “Chúng em không có tiền nhưng đã sao chúng em có tình yêu rồi thì cần gì nữa chúng em có nhau thế là đủ cho bất kỳ ai rồi.” Thư dài ba trang, nhưng không có lấy một dòng bày tỏ biết ơn cô Kenton đã

chăm sóc hết mực cho cô gái, hay một câu hối tiếc đã gây phiền hà cho tất cả chúng tôi.

Cô Kenton buồn bực thấy rõ. Suốt trong lúc tôi đọc nhanh lá thư của cô gái, cô ngồi bên bàn trước mặt tôi và cup mắt nhìn hai bàn tay. Thực tế là - và người ta phải thấy điều này khá ngạc nhiên - tôi không thực nhớ có bao giờ trông cô thê lương hơn buổi sáng hôm ấy. Khi tôi đặt lại thư xuống bàn, cô nói, “VẬY ĐÂY, ông Stevens ạ, xem ra là ông đúng còn tôi sai rồi.”

“Cô Kenton, không có gì đáng cho cô phải buồn bực đâu,” tôi nói. “Những chuyện thế này vẫn xảy ra mà. Thực sự là những người như chúng ta chẳng làm được gì nhiều để ngăn những chuyện này đâu.”

“Là lỗi của tôi, ông Stevens ạ. Tôi xin nhận lỗi. Ông đã nghĩ đúng từ đầu, giống như mọi lần khác, còn tôi sai.”

“Cô Kenton, thực sự tôi không thể đồng tình với cô được. Cô đã thay đổi cô gái như một phép màu. Những gì cô đã làm được với cô ta chứng minh chắc nịch rằng thực tế chính tôi mới là người nghĩ lầm. Thực tình, cô Kenton ạ, chuyện vừa rồi có thể xảy ra với bất cứ nhân viên nào mà. Cô đã thành công tuyệt vời với cô ta. Cô cảm thấy thất vọng về cô ta là rất có lý, nhưng hoàn toàn không có lý chút nào nếu cảm thấy mình có chút trách nhiệm gì về chuyện đó.”

Cô Kenton trông vẫn thực buồn thảm. Cô lặng lẽ nói, “Ông nói vậy thật là tử tế quá, ông Stevens ạ. Tôi biết ơn ông nhiều.” Rồi cô thở dài mệt mỏi, và nói: “Con bé ngốc ghê. Con bé có thể đã có một sự nghiệp thực sự phía trước. Con bé có khả năng mà. Bao nhiêu cô gái trẻ đã vứt bỏ cơ hội của mình như vậy, mà để đổi lấy gì chứ?”

Cả hai chúng tôi đều nhìn tờ thư trên bàn giữa chúng tôi, và rồi cô Kenton ngoảnh đi, dáng điệu cáu kỉnh.

“Thực vậy,” tôi nói. “Phí phạm quá, đúng như cô nói.”

“Ngốc quá. Và con bé thế nào cũng sẽ thất vọng mà xem. Và con bé đang có một tương lai tươi sáng chờ đợi, chỉ cần nó kiên nhẫn. Chỉ một hai năm nữa thôi tôi đã có thể huấn luyện nó đủ sức nhận vị trí nội quản trong một dinh cơ nhỏ nào đó rồi. Có

thể ông nghĩ tôi mong muốn xa vời, ông Stevens ạ, nhưng hãy xem chỉ vài tháng tôi đã dạy dỗ nó được đến thế nào. Mà giờ thì nó vút bỏ tất cả. Tất cả chẳng vì cái gì.”

“Đúng thật là cô ta ngốc quá.”

Tôi đã bắt đầu gom mấy tờ thư trước mặt, nghĩ có lẽ nên lưu lại trong hồ sơ. Nhưng trong lúc làm thế, tôi lại bắt đầu nghi ngại không biết cô Kenton có định mang tới cho tôi giữ, hay muốn tự mình giữ lá thư, nên tôi lại đặt mấy tờ giấy xuống bàn giữa cả hai. Dù thế nào, ánh mắt cô Kenton cũng có vẻ xa vắng.

“Con bé thế nào cũng sẽ thất vọng thôi,” cô nhắc lại. “Ngốc quá.”

*

Nhưng tôi nhận ra mình đã hơi chìm đắm trong những kỷ niệm cũ này. Đấy vốn không phải là ý định từ đầu của tôi, nhưng mặt khác có lẽ cũng không tồi nếu nhờ vậy mà ít nhất tôi cũng tránh không để tâm quá mức vào những sự kiện tối hôm nay - mà tôi tin rằng đến giờ này rốt cuộc đã đi đến hồi kết rồi. Bởi mấy tiếng đồng hồ vừa qua phải nói là một khoảng thời gian khá cam go.

Hiện tại tôi đang ở trong gian phòng áp mái trong căn nhà nhỏ này, thuộc về ông bà Taylor. Nghĩa là, đây là một chốn tư gia; căn phòng này, mà tối nay ông bà Taylor đã rộng lòng mở cửa cho tôi, ngày xưa dành cho người con cả của họ, đã trưởng thành và đến sống tại Exeter từ lâu. Trong phòng sừng sững những rui kèo lớn, và chẳng có lấy một tấm thảm hay vài trải che ván sàn, vậy mà lại ấm cúng đến ngạc nhiên. Và thấy rõ rằng bà Taylor không chỉ trải giường cho tôi, mà còn dọn dẹp lau chùi cả căn phòng; bởi ngoại trừ một vài mạng nhện nhỏ gần xà nhà, có rất ít dấu hiệu cho thấy phòng này đã nhiều năm vô chủ. Còn về phần ông bà Taylor, tôi đã được cho biết họ mở cửa hàng rau củ quả trong làng tại nhà này từ thập niên hai mươi cho tới khi về hưu cách đây ba năm. Cả hai là những con người tốt bụng, và dù cho đêm nay đã hơn một lần tôi đề nghị được đền đáp cho lòng hiếu khách của họ, nhưng họ nhất quyết không đồng ý.

Sự thể rằng giờ tôi đang ở đây, sự thể rằng tôi về cơ bản đã giao phó mình cho lòng quảng đại của ông bà Taylor đêm nay, có nguyên do là bởi một sơ suất ngốc nghếch và xoàng xĩnh đến bậc mình: đây là tôi đã để cỗ Ford bị hết xăng. Từ sự việc này cũng như mỗi phiền toái ngày hôm qua xuất phát từ việc không đủ nước trong bộ làm mát, hẳn một người quan sát bên ngoài nếu coi rằng sự thiếu quán xuyến kiểu ấy là cố hữu trong bản tính tôi thì cũng không phải không có lý. Đương nhiên, cũng có thể chỉ ra rằng riêng về lĩnh vực chạy xe đường dài, tôi cũng chỉ thuộc loại mới tập tành, và những sơ suất đơn giản kiểu ấy thực sự là quá tất yếu. Thế nhưng, khi nhớ lại rằng khéo quán xuyến và nhìn xa trông rộng là những phẩm chất căn bản trong nghề nghiệp của mình, người ta thực khó mà không cảm thấy cách nào đó, mình đã lại phụ lòng trông đợi của bản thân.

Nhưng quả đúng là tôi đã bị phân tâm đáng kể trong chừng một giờ chạy xe liền trước khi hết xăng. Tôi đã dự định trọ lại đêm nay trong thị trấn Tavistock, và đã tới đó ngay trước tám giờ tối. Tuy nhiên, khi tới nhà trọ chính của thị trấn, tôi được cho biết rằng tất cả các phòng đã có khách, nguyên nhân là do một hội chợ nông nghiệp trong vùng. Tôi được gợi ý một vài cơ sở khác, nhưng sau khi ghé tới từng nơi một, lần nào tôi cũng bị khước từ với cùng cố đó. Cuối cùng thì, tại một nhà trọ ngay rìa thị trấn, bà chủ gợi ý tôi nên chạy thêm vài dặm nữa tới một nhà có phòng cho thuê ngay bên đường do người bà con của bà quản lý, và cam đoan với tôi thế nào cũng còn phòng trống, bởi nơi đó quá xa Tavistock không thể bị hội chợ làm ảnh hưởng.

Bà chủ đã chỉ dẫn cho tôi rất cẩn kẽ, và lúc đó có vẻ thực sáng rõ, thế nên giờ đây thực không thể đoán rằng lỗi tại ai mà rốt cuộc tôi lại chẳng hề tìm thấy cái cơ sở ven đường này. Thay vào đó, sau chừng mười lăm phút chạy xe, tôi thấy mình đang trên khúc đường cái dài uốn vòng qua vùng đất truông rộng vắng ngắt. Ở cả hai bên đường có vẻ là những đồng lầy lớn, và một đám mù đang cuộn cuộn băng qua trước mặt tôi. Phía bên trái tôi thấy hoàng hôn ửng lên cuối ngày. Đường chân trời đây đó đứt quãng vì những hình thù nhà kho, nhà dân cách xa một

quãng bên kia đồng, nhưng ngoài ra thì dường như mọi dấu vết dân cư đã ở lại đằng sau tôi.

Tôi nhớ đến quãng này mình đã quành xe và lộn lại một chập để tìm một ngã rẽ vừa đi qua trước đó. Nhưng khi tìm thấy, con đường mới này chỉ càng hoang vắng thê lương hơn con đường lớn vừa bỏ lại. Một hồi lâu, tôi lái xe trong cảnh gần như tối đặc giữa hai hàng giậu cao, rồi đường bất chợt dốc lên rất gập. Tới lúc này tôi đã bỏ cuộc tìm kiếm quán trọ ven đường kia và định tâm sẽ chạy xe cho tới khi đến được thị trấn hay làng khác, ở đó sẽ tìm nơi nghỉ. Sáng sớm mai trở lại tuyến đường đã định hẳn là chuyện dễ dàng, tôi lý lẽ với mình như thế. Chính đến lúc này, đang ở lưng chừng con đường đồi, thì động cơ kêu lạch bạch và lần đầu tiên tôi nhận ra xăng đã cạn.

Cỗ Ford còn tiếp tục leo lên vài mét nữa, rồi dừng khựng. Khi ra khỏi xe đánh giá tình hình, tôi nhận ra chỉ còn lại vài phút ánh ngày. Tôi đang đứng trên đoạn đường rất dốc, cây cối và giậu cao vây quanh; trên dốc một đoạn rất xa có một quãng hàng giậu đứt ra, một cổng rào thanh ngang rộng in trên nền trời. Tôi khởi sự đi lên đó, đoán rằng đứng nhìn từ cổng này tôi sẽ nắm được đại khái vùng đất chung quanh mình; có lẽ tôi còn hy vọng sẽ gặp được ngôi nhà dân nào gần đó và được giúp đỡ tức thì. Thế nên tôi có hơi chùng hững trước khung cảnh rất cuộc mình bắt gặp. Bên kia cổng là một đồng cỏ dốc xuống gập đến mức chỉ sau vài chục mét tôi đã không còn nhìn thấy gì phía trước. Nhìn qua đỉnh đồi, cách xa xa - ước chừng đến cả dặm theo đường chim bay - có một ngôi làng nhỏ. Qua đám mù tôi nhìn thấy tháp nhà thờ trong làng, và chung quanh tháp là những cụm mái ngói đen chụm bên nhau; đây đó trên các ống khói bốc những sợi khói trắng. Vào giây phút ấy, người ta không thể không thú nhận mình đã chìm trong một cảm giác nản lòng nhất định. Đương nhiên, tình hình không có gì đáng gọi là vô vọng; cỗ Ford không bị hỏng, chỉ đơn thuần là hết xăng. Chẳng đi bộ xuống làng có thể hoàn tất chỉ trong vòng chừng nửa tiếng, và tới làng chắc chắn tôi sẽ tìm được nơi lưu trú và mua được xăng. Thế nhưng, thực sự không thể vui vẻ gì khi đứng đó

trên ngọn đồi cô độc, nhìn qua cổng gỗ thấy nơi làng xóm xa xa đương lúc lên đèn, giữa ánh ngày gần như đã lịm, sương mù ngày một đặc hơn.

Tuy nhiên bị lụy cũng chẳng được lợi gì. Dù thế nào đi nữa, lãng phí nốt mấy phút ánh sáng cuối cùng là một hành động ngớ ngẩn. Tôi đi trở lại xe, xếp vào cặp táp mấy món đồ thiết yếu. Rồi trang bị cho mình chiếc đèn xe đạp, nó phát ra một luồng sáng mạnh đến ngạc nhiên, tôi đi tìm một lối mòn có thể đưa mình xuống làng kia. Nhưng không một lối đi nào như vậy hiện ra, dù tôi đã đi một quãng khá lên đồi, cách cánh cổng một chặng khá xa. Rồi khi cảm thấy con đường thôi không dâng lên nữa, mà dốc xuống chậm chậm theo một vòng cung *xa khỏi* ngôi làng - bởi tôi vẫn thường xuyên thấy ánh đèn qua tán lá - lần nữa tôi lại chìm trong cảm giác nản lòng. Thực tế, trong một lúc tôi đã nghĩ phải chăng phương án tốt nhất lại là ngược đường về cổ Ford và cứ ngồi yên trong đó tới khi một xe khác chạy qua. Tuy nhiên, tới lúc đó, trời đã gần như tối hẳn, và tôi nhận thấy nếu có tìm cách vẫy một cỗ xe chạy ngang trong trường hợp đó, người ta sẽ thực dễ bị lầm là phường thảo khấu. Thêm vào đó, kể từ khi tôi rời cổ Ford tới giờ vẫn chưa hề có lấy một chiếc xe chạy qua; thực tế là tôi còn không nhớ mình có thấy một chiếc xe nào kể từ lúc rời Tavistock. Vậy là tôi quyết định trở lại đằng cổng, và từ đó đi xuống đồng, gắng đi càng thẳng đường càng tốt về phía ánh đèn làng nọ, bất kể có đường hẳn hoi hay không.

Rốt cuộc, đây chẳng phải một chuyến leo xuống quá khó nhọc. Một loạt những cánh đồng chắn tả tiếp liền nhau dẫn xuống làng, và bằng cách đi thực sát mép mỗi khoảnh đồng trên đường leo xuống, người ta có thể đảm bảo cuộc đi bộ của mình không quá khó khăn. Chỉ duy nhất một lần, khi làng đã khá gần, là tôi không nhìn rõ có đường nào qua cánh đồng ngay dưới, phải chiếu cây đèn xe đạp tới lui theo bờ giậu chắn trước mặt. Cuối cùng, tôi cũng phát hiện ra một kẻ hở nhỏ, bèn lách mình qua đó, nhưng phải trả giá đôi chút bằng vai áo khoác và gấu lật mép quần. Thêm nữa, mấy cánh đồng dưới cùng càng lúc càng

bùn lầy và tôi phải chủ tâm tránh soi đèn xuống giày cùng gấu quần kéo căng thêm nản chí.

Dần dà tôi thấy mình đã đi theo một con đường lát đá dẫn xuống làng, và chính trên đường này mà tôi gặp ông Taylor, ông chủ nhà tốt bụng đã chứa chấp tôi tối nay. Ông vừa bước ra khỏi một ngách rẽ trước tôi dăm mét, và đã lịch thiệp đợi tôi bắt kịp ông, liền đó ông giơ tay chạm vành mũ và hỏi chẳng hay có giúp được gì cho tôi. Tôi đã trình bày tình cảnh mình ngắn gọn hết sức có thể, và nói thêm rằng tôi sẽ biết ơn tột bậc nếu được chỉ đường tới một quán trọ tốt. Nghe tới đây ông Taylor lắc đầu mà nói, “Tôi e rằng trong làng chúng tôi không có một quán chuyên cho trọ nào, thưa ngài. John Humphreys thường nhận khách vắng lai ở quán Hai Chìa Khóa, nhưng hiện thời ông ấy lại đang lợp mái.” Nhưng trước khi tôi kịp ngấm thông tin đáng buồn này, ông Taylor đã bảo, “Nếu ngài không ngại xuề xòa đôi chút, thưa ngài, chúng tôi có thể dành cho ngài một phòng và giường ngủ đêm nay. Không có gì đặc biệt cả, nhưng bà nó nhà tôi sẽ lo sao cho được sạch sẽ êm ấm vừa đủ.”

Chắc là tôi đã thốt ra vài lời, có lẽ cũng không thành thực lắm, đại ý là tôi không thể làm phiền họ tới mức ấy được. Đáp lại, ông Taylor trả lời, “Tôi cam đoan với ngài, thưa ngài, chúng tôi sẽ hân hạnh vô cùng được ngài nghỉ lại nhà. Chẳng mấy khi có những người như ngài đi qua Moscombe này. Và thành thực mà nói, thưa ngài, tôi không biết giấc này ngài còn cách nào khác nữa. Bà nó nhà tôi sẽ không tha thứ nếu tôi để cho ngài cứ thế mà đi giữa đêm hôm thế này.”

Và sự thể dẫn đến việc tôi chấp nhận lòng hiếu khách của ông bà Taylor là như thế. Nhưng khi ban nãy tôi nói rằng các sự kiện tối nay khá “cam go”, tôi không chỉ đơn thuần nói đến những phiền muộn khi xăng hết và phải làm một chuyến đi thô lậu như vậy xuống làng. Bởi những gì xảy ra sau đó - những diễn tiến một khi tôi ngồi vào bàn ăn tối với ông bà Taylor cùng láng giềng của họ - theo cách riêng còn thử thách người ta ghê gớm hơn cả những bất ưng chỉ thuần về thể xác tôi phải giáp mặt trước đó. Và xin cam đoan với quý vị, quả là nhẹ nhõm khi cuối

cùng cũng được đi lên phòng này, dành chút thời gian lật lại những ký ức về Dinh Darlington bằng ấy năm về trước.

Thực tế là, gần đây càng lúc tôi càng có thói quen tự cho phép mình chìm đắm vào những hồi tưởng kiểu ấy. Và kể từ khi, vài tuần trước, triển vọng gặp lại cô Kenton lại trỗi lên, tôi ngờ rằng mình đã thường dành khá nhiều thời gian ngẫm lại xem mối quan hệ giữa chúng tôi trải qua một thay đổi như thế ấy là vì sao. Bởi vì rõ ràng là đã có thay đổi, vào quãng năm 1935 hay 1936, sau rất nhiều năm chúng tôi dần dà đi tới một sự đồng cảm nghề nghiệp rất đáng vừa lòng. Thực tế là, vào hồi cuối, chúng tôi còn bỏ cả thói quen gặp nhau bên cốc ca cao vào lúc hết ngày. Nhưng điều gì thực sự đã gây nên những thay đổi ấy, chuỗi sự việc cụ thể nào là nguyên do, tôi vẫn chưa bao giờ xác định rõ ràng cho được.

Sau khi nghĩ về việc ấy dạo gần đây, rất có khả năng sự kiện kỳ dị vào buổi tối cô Kenton không mời mà tới phòng quản gia của tôi đã đánh dấu một bước ngoặt cốt tử. Vì sao mà cô tới phòng quản gia, giờ tôi không còn nhớ rõ ràng nữa. Tôi có cảm giác chắc cô đã mang một bình hoa đến “cho trông tươi sáng hơn”, nhưng cũng có thể tôi đang lầm với cái lần cô gắng thử làm điều đó từ trước đây vài năm, khi chúng tôi mới bắt đầu quen biết nhau. Tôi biết rõ là cô đã cố tìm cách đem hoa vào phòng quản gia trong ít nhất ba dịp khác nhau những năm đó, nhưng có thể tôi đã lầm mà cho rằng đây là nguyên do cô tới vào buổi tối đang nói đến ở đây. Tôi cần phải nhấn mạnh thêm rằng, dù thế nào đi chăng nữa, thì bất kể mối quan hệ công việc tốt đẹp nhiều năm giữa chúng tôi, tôi cũng không bao giờ cho phép tình thế đi đến nước người nội quản cứ suốt ngày lui lui tới tới phòng tôi. Phòng của người quản gia, cứ theo tôi thấy, là một văn phòng hết sức quan yếu, là trái tim mọi hoạt động trong nhà, không khác tổng hành dinh của vị tướng trong trận chiến, và điều nhất thiết là mọi thứ trong đó phải có trật tự - và ở yên trong trật tự đó - chính xác như ý tôi mong muốn. Tôi không bao giờ thuộc số quản gia cho phép đủ hạng người lui tới hỏi han phàn nàn này nọ. Nếu muốn các hoạt động trong nhà diễn ra trơn tru và phối

hợp tốt hết mức, thì điều đương nhiên là phòng của người quản gia phải là nơi duy nhất trong nhà được bảo đảm có sự riêng tư và cô độc.

Sự thể là, khi cô vào đến phòng quản gia tối hôm đó, thực tế lúc đó tôi cũng không bận rộn với các nhiệm vụ quản gia. Nói vậy có nghĩa là, lúc đó đã sắp hết ngày giữa một tuần thông thả, nên tôi đang hưởng chừng một tiếng đồng hồ ngoài giờ hiếm hoi. Như đã nói, tôi không nhớ rõ cô Kenton có mang bình hoa vào hay không, nhưng tôi nhớ rất rõ cô có nói, “Ông Stevens, phòng ông buổi tối trông còn kém dễ chịu hơn cả ban ngày nữa. Cái bóng điện kia rõ ràng là quá tối, làm sao ông đọc sách được.”

“Bóng đèn này đủ cho tôi lắm rồi, cảm ơn cô đã lo lắng, cô Kenton ạ.”

“Thật tình, ông Stevens ạ, cái phòng này giống như nhà tù. Chỉ cần thêm cái giường nhỏ trong góc thôi là có thể hình dung những tù nhân thụ án đợi lên đoạn đầu đài ở đây.”

Có thể tôi đã đáp lại gì đó, giờ tôi không biết nữa. Dù thế nào thì tôi cũng không rời mắt khỏi trang giấy đang đọc, và vài giây trôi qua tôi vẫn đợi cô Kenton cáo từ và lui đi. Nhưng rồi tôi nghe cô nói, “Tôi đang nghĩ không biết ông đọc gì đằng đó, ông Stevens ạ.”

“Đọc sách thôi, cô Kenton ạ.”

“Sách thì tôi thấy rồi, ông Stevens ạ. Nhưng sách gì ấy chứ - tôi băn khoăn cái đó.”

Tôi ngẩng lên, thấy cô Kenton đang tiến về phía mình. Tôi gấp quyển sách, ôm sát nó vào người, đứng lên.

“Cô Kenton ạ, thực tình.” Tôi nói, “Tôi phải yêu cầu cô hãy tôn trọng sự riêng tư của tôi.”

“Nhưng cuốn sách có gì mà ông phải ngượng ngùng vậy, ông Stevens? Tôi khá nghi đây là một cuốn sách mặn lắm đây.”

“Trên đời không thể có chuyện, cô Kenton ạ, trên tủ sách của đức ngài lại có thứ gì ‘mặn’, như cách nói của cô.”

“Tôi từng nghe nói rằng rất nhiều cuốn sách uyên bác lại chứa những đoạn viết mặn khỉnh khiếp, nhưng chưa bao giờ có gan

xem. Nào, ông Stevens, làm ơn cho tôi xem ông đang đọc thứ gì đi.”

“Cô Kenton ạ, tôi phải đề nghị cô để cho tôi yên. Thực không thể nào cô cứ một mực truy đuổi tôi như vậy trong những giờ phút hiếm hoi rảnh rỗi mà tôi có riêng cho mình.”

Nhưng cô Kenton vẫn tiến tới, và tôi phải nói rằng tôi gặp chút khó khăn khi suy tính xem phương án cư xử tốt nhất là gì. Tôi có ý xô cuốn sách vào ngăn bàn rồi khóa lại, nhưng làm thế thì có vẻ thái quá đến thành lỗ bịch. Tôi bước lùi vài bước, vẫn ôm sát cuốn sách trước ngực.

“Xin ông hãy cho tôi xem cuốn sách ông đang cầm, ông Stevens,” cô Kenton nói trong khi vẫn tiến tới, “và tôi sẽ để cho ông tiếp tục hưởng cái thú đọc sách. Sách đó có gì mà ông lại phải lo lắng giấu giếm như vậy chứ?”

“Cô Kenton, cô có được biết nhan đề của cuốn sách này hay không tự nó không là vấn đề gì với tôi. Nhưng về nguyên tắc, tôi phản đối cô xuất hiện và xâm phạm vào thời gian riêng tư của tôi như thế này.”

“Tôi nghĩ không biết đây có phải là một cuốn sách đáng đắn đo hay không, ông Stevens ạ, hay là thực ra ông đang tìm cách bảo vệ tôi khỏi những ảnh hưởng tai hại của nó?”

Cô đã tới đứng trước mặt tôi, và đột nhiên không khí thay đổi một cách quái lạ - gần như là hai người chúng tôi đã thành linh bị đẩy hẳn sang một chiều không gian khác. E rằng rất khó mô tả cho rõ ràng ý tôi muốn nói là gì. Tôi chỉ có thể nói rằng chung quanh chúng tôi chợt lặng hẳn đi; và tôi có cảm giác thái độ của cô Kenton cũng thành linh đổi khác; mặt cô mang một vẻ nghiêm nghị lạ kỳ, và tôi chợt nhận ra trông cô gần như khiếp hãi.

“Xin ông, ông Stevens, hãy cho tôi xem cuốn sách.”

Cô đưa tay tới và nhẹ nhàng lấy cuốn sách khỏi bàn tay tôi. Tôi nghĩ tốt hơn hết là ngoảnh đi trong lúc cô với tới, nhưng vì cô đặt mình ở vị trí quá gần tôi như vậy, tôi chỉ có thể đạt được mục đích bằng cách vịn đầu đi một góc khá gượng gạo. Cô Kenton tiếp tục rất nhẹ tay gỡ cuốn sách, gần như bẻ từng ngón

tay tôi ra. Quá trình này dường như mất rất lâu - từ đầu đến cuối tôi vẫn duy trì tư thế ấy - cho tới khi cuối cùng tôi nghe cô nói, “Ôi trời, ông Stevens, đó có phải thứ gì quá quái lắm đâu. Chỉ là một chuyện tình ướm át thôi mà.”

Tôi nhớ có lẽ tới khoảng này tôi quyết định không cần phải nhượng bộ thêm nữa. Tôi không nhớ đích xác mình đã nói gì, nhưng tôi nhớ đã tiễn cô Kenton khỏi phòng quản gia với thái độ khá quyết liệt và khép lại sự việc này ở đó.

Tới đây có lẽ tôi nên nói thêm vài câu về bản thân quyển sách đã là nguyên do cho sự việc này. Đúng là có thể miêu tả đó là một “chuyện tình ướm át” - có một số lượng nhất định loại sách ấy được lưu giữ trong thư viện, cả trong vài buồng ngủ cho khách nữa, để giải khuây cho những vị khách nữ ghé thăm. Tôi bắt tay vào tham khảo những tác phẩm như vậy vì một nguyên do rất đơn giản; đây là một phương cách vô cùng hiệu quả để gìn giữ và phát triển trình độ ngôn ngữ của mình. Quan điểm của tôi - tôi không biết quý vị có đồng ý hay không - là ở vào thế hệ chúng tôi, người ta đã nhấn mạnh quá nhiều về tầm quan trọng của ngữ điệu hay và lời ăn tiếng nói văn hoa trong công việc; nói vậy có nghĩa là, những yếu tố này đôi lúc đã bị nhấn mạnh đến mức lấn át cả những phẩm chất nghề nghiệp quan trọng hơn. Dù cho vậy, tôi chưa bao giờ giữ lập trường là ngữ điệu hay và lời ăn tiếng nói văn hoa không có gì đáng quý, và tôi vẫn luôn coi bốn phần của mình là phải phát triển đến mức càng tốt càng hay những khả năng này. Một phương cách rất giản dị để làm việc này là chỉ cần đọc vài trang trong một cuốn sách văn từ đẹp để trong những lúc rỗi rãi hiếm hoi người ta có. Đây đã trở thành chủ trương của cá nhân tôi vài năm nay, và thường tôi chọn loại sách mà cô Kenton đã bắt gặp tôi đọc tới hôm ấy đơn giản vì những tác phẩm kiểu đó thường biên bằng một thứ tiếng Anh hay, với rất nhiều đối thoại ưu nhã rất có ích đối với tôi trong thực tế. Một cuốn sách nặng cân hơn - một cuốn nghiên cứu học thuật chẳng hạn - dù có thể có ích hơn với tôi xét về toàn diện, lại thường lát đầy những thuật ngữ hằn là có

tính ứng dụng hạn chế trong giao thiệp ngày thường với các vị khách nam lẫn nữ.

Tôi hiếm khi có thời gian hay nguyện vọng đọc từ đầu đến hết một cuốn tình cảm nào như vậy, nhưng cứ như tôi thấy, cốt truyện trong đó trước sau như một đều ngổ ngẩn - đều ướm át, thực vậy - và tôi sẽ không phí một giây nào cho chúng nếu không vì những ích lợi đã nêu trên. Tuy nhiên, dù như vậy, ngày hôm nay tôi không ngại thú nhận rằng - và tôi thấy việc đó không có gì đáng xấu hổ - đôi lúc tôi cũng có được một niềm vui tình cờ từ những câu chuyện loại đó. Có thể vào lúc ấy tôi không thừa nhận với mình như vậy, nhưng như tôi vừa nói, cái đó thì có gì đáng xấu hổ? Vì sao người ta không nên có niềm vui đơn giản nhẹ nhàng từ những câu chuyện về các giai nhân mặc khách có tình cảm với nhau và diễn đạt tình cảm đó thường là bằng những ngôn từ hết sức ưu nhã?

Nhưng khi nói vậy, tôi không hàm ý rằng thái độ của tôi trong sự việc cuốn sách tối hôm ấy là không đúng lý theo một nề nào đó. Vì quý vị cần hiểu rằng việc ấy liên quan đến một nguyên tắc quan trọng. Sự thể là, tôi đang ở “ngoài giờ” vào thời điểm cô Kenton xộc vào phòng quản gia của tôi. Và đương nhiên, bất kể quản gia nào hãnh diện về công việc của mình, bất kể quản gia nào có chút tâm nguyện đạt được “phẩm cách xứng hợp với chức vị của mình”, như Hội Hayes đã nói, sẽ không bao giờ cho phép mình ở “ngoài giờ” khi có mặt người khác. Người đi vào phòng trong thời điểm ấy có là cô Kenton hay một kẻ hoàn toàn xa lạ thì cũng không quan trọng. Một quản gia có chút phẩm chất phải hoàn toàn *đồng nhất* với vai trò của mình trước mắt mọi người, tuyệt đối và trọn vẹn; không thể để người khác thấy mình cởi bỏ nó ra phút trước rồi lại khoác vào phút sau như thể đó chỉ là một bộ cánh kịch hát. Có một và chỉ một tình thế cho phép người quản gia coi trọng phẩm cách của mình có thể thoải mái đặt xuống vai trò của ông ta: đấy là khi ông ta hoàn toàn chỉ có một mình. Như vậy quý vị sẽ hiểu rằng trong tình huống cô Kenton lao vào phòng, vào một thời điểm tôi đã định ninh, không phải là vô cớ, mình sẽ được ở một mình, thì vấn đề có

tính nguyên tắc cốt tử, thực vậy, vấn đề về phẩm cách, là tôi không được xuất hiện trong dáng vẻ gì khác ngoài vai trò trọn vẹn, đích đáng của mình.

Tuy nhiên, ý định của tôi ở đây không phải là phân tích lại những khía cạnh khác nhau của sự việc nhỏ nhặt đã nhiều năm về trước. Điều chính yếu là nó báo động cho tôi rằng tình thế giữa cô Kenton và tôi đã lên đến - hẳn nhiên là sau một quá trình chậm chạp kéo dài nhiều tháng - một tình trạng thiếu đúng mực. Nội việc cô có thể cư xử như tối hôm đó đã khá đáng ngại, và sau khi tiễn cô khỏi phòng quản gia, có đủ thời gian sắp xếp suy nghĩ trong đầu một chút, tôi nhớ mình đã quyết tâm thiết lập lại mối quan hệ nghề nghiệp giữa chúng tôi trên cơ sở nghiêm chỉnh hơn. Nhưng còn sự kiện ấy góp phần đến đâu vào những thay đổi lớn trong mối quan hệ của hai chúng tôi về sau đó, thì giờ đây thực khó mà đoán định. Rất có thể muốn lý giải những sự việc đã có sẽ phải nhìn vào những biến chuyển căn bản hơn. Tỉ dụ như vấn đề ngày nghỉ của cô Kenton.

*

Kể từ hồi cô lần đầu đặt chân tới Dinh Darlington mãi cho tới chừng một tháng trước vụ việc trong phòng quản gia của tôi, những ngày nghỉ của cô Kenton luôn tuân theo một chu trình dễ đoán. Cứ sáu tuần một lần, cô lại nghỉ hai ngày đi thăm người dì ở Southampton; còn lại, theo gương chính tôi, cô không hẳn là có ngày phép trừ khi chúng tôi đang ở vào giai đoạn đặc biệt rảnh rang, trong trường hợp đó có thể cô sẽ dành một ngày dạo chơi trong khuôn viên dinh và đọc sách đôi chút trong buồng nội quản. Nhưng rồi, như tôi nói, chu trình ấy thay đổi. Bất chợt cô bắt đầu tận dụng hết thời gian nghỉ được quy định trong hợp đồng, thường xuyên vắng mặt khỏi nhà từ sáng sớm, không để lại thông tin nào khác ngoài thời điểm cô sẽ quay về vào buổi tối. Đương nhiên, cô không bao giờ nghỉ nhiều hơn quyền lợi chính đáng của cô, do đó tôi thấy sẽ là vô lễ nếu hỏi han sâu hơn về những chuyến chơi xa này. Nhưng tôi đoán là thay đổi ấy cũng đã làm tôi rối lòng sao đó, bởi tôi nhớ có nhắc chuyện này với ông Graham, tùy tùng kiêm quản gia của Sir James

Chambers - một đồng nghiệp đáng kính mà tiện đây xin nói, dường như giờ tôi đã mất hẳn liên lạc - trong lúc cùng ngồi trò chuyện bên lò sưởi vào một tối trong những chuyến thăm thường xuyên của ông tới Dinh Darlington.

Thực tế là tôi chỉ nói một câu đại ý rằng người nội quản “đạo gần đây có hơi ỉ ề”, và đã khá ngạc nhiên khi ông Graham gật gù, ghé về phía tôi nói giọng hiểu biết, “Lâu nay tôi vẫn nghĩ xem còn được bao lâu nữa.”

Khi tôi hỏi cho rõ ý ông là sao, ông Graham tiếp lời, “Cái nhà chị Kenton của ông ấy. Cứ tôi nhớ thì bây giờ chị ta đã, bao nhiêu nhỉ? Ba mươi ba à? Ba mươi tư? Thời gian làm mẹ thích hợp nhất đã qua rồi, nhưng vẫn chưa phải là quá muộn.”

“Cô Kenton,” tôi cam đoan với ông, “một lòng chuyên tâm với công việc. Tôi tình cờ được biết chắc là cô hoàn toàn không có ý muốn lập gia đình.”

Nhưng ông Graham lại cười và lắc đầu nói, “Đừng bao giờ tin mấy cô nội quản bảo là không muốn lập gia đình. Thực tình, ông Stevens này, tôi nghĩ ông với tôi ngồi tính thử ngay đây là kể ra được cả tá cô từng phát biểu như thế rồi lại theo chồng bỏ cuộc chơi ấy chứ.”

Theo tôi nhớ, tối hôm ấy tôi đã khá tự tin phản bác giả thiết của ông Graham, nhưng từ đó trở đi, phải thừa nhận tôi khó mà xua khỏi đầu óc mình cái khả năng rằng những chuyến chơi xa kỳ bí của cô Kenton là nhằm gặp gỡ một kẻ cầu thân nào đó. Đây quả là một ý nghĩ đáng phiền muộn, bởi chẳng khó thấy rằng cô Kenton ra đi sẽ là thiệt hại đáng kể về mặt công việc, một thiệt hại sẽ khiến Dinh Darlington phải rất khó khăn mới hồi lại được. Thêm nữa, tôi buộc phải nhận thấy một số dấu hiệu nhỏ nhỏ khác dường như càng củng cố giả thiết của ông Graham. Tỷ dụ như, bởi một trong những bốn phận của tôi là tiếp nhận bưu phẩm, tôi không thể không để ý thấy rằng thư gửi đến cô Kenton bắt đầu xuất hiện tương đối đều đặn - tuần một lần gì đó - từ cùng một người viết, và rằng những thư ấy mang dấu bưu điện vùng này. Có lẽ tới đây tôi nên giải thích thêm rằng muốn tránh nhận ra những điều ấy với tôi cũng gần như bất khả, xét

thấy suốt trong những năm ở nhà này trước đó, cô chỉ nhận được rất ít thư từ.

Rồi còn có những dấu hiệu khác, mơ hồ hơn, ủng hộ giả thiết của ông Graham. Tỷ dụ như, dù vẫn tiếp tục thi hành những bổn phận trong công việc với sự chuyên cần thường lệ, nhưng tâm trạng của cô giờ đây thường trải qua những thăng trầm theo một kiểu tôi chưa hề chứng kiến. Thực tế là, những dịp cô bỗng trở nên vui tươi thái quá suốt nhiều ngày dài - mà không vì một lý do gì rõ ràng - đối với tôi cũng đáng lo ngại ngang với những đợt ủ rũ thình lình và thường kéo dài. Như tôi đã nói, từ đầu đến cuối cô vẫn cực kỳ miễn cưỡng, nhưng mặt khác, bổn phận của tôi là phải nghĩ về lợi ích lâu dài của nhà này, và nếu đúng là những dấu hiệu ấy ủng hộ cho giả thiết của ông Graham rằng cô Kenton đang suy tính rời khỏi đây vì những nguyên do tình cảm, thì hiển nhiên tôi có trách nhiệm cần dò hỏi sâu hơn. Thế nên tôi đã đánh bạo hỏi cô vào một tối, trong bữa ca cao thường lệ, “Vậy còn thứ Năm này cô có đi nữa không, cô Kenton? Ý tôi là ngày nghỉ của cô ấy.”

Tôi đã lơ mơ trông đợi cô sẽ nổi nóng khi bị chất vấn như thế, nhưng ngược lại, có vẻ cô đã từ lâu gần như chờ dịp đề cập đến chính chủ đề này. Bởi cô nói bằng giọng vẻ như có phần nhẹ nhõm, “Ôi, ông Stevens ạ, chỉ là có một người quen hỏi tôi làm ở Quán Granchester. Thực tế là hỏi ấy anh ta làm quản gia ở đó, nhưng giờ anh ta đã rời nghề phục vụ hẵn rồi và đang làm cho một hãng gần đây. Thế nào đó mà anh ta biết được tôi ở đây nên bắt đầu viết thư cho tôi, đề nghị nối lại mối quen biết cũ. Thế đấy, ông Stevens ạ, đầu đuôi chỉ có thế thôi.”

“Tôi hiểu rồi, cô Kenton ạ. Hẳn nhiên, thỉnh thoảng được rời khỏi nhà thì cũng dễ chịu.”

“Đúng là như vậy, ông Stevens ạ.”

Im lặng một lúc. Rồi dường như vừa quyết định điều gì đó, cô Kenton tiếp, “Anh người quen này của tôi. Tôi còn nhớ hỏi anh làm quản gia ở Quán Granchester, anh ta ôm ấp những hoài bão cao xa lắm. Thực tế là tôi hình dung ước mơ lớn nhất của anh ta là được trở thành quản gia ở một nhà nào đó tương tự như nhà

này. Ôi, nhưng mà nghĩ lại thì các phương pháp của anh ta thật là! Ông Stevens ạ, thật tình tôi có thể hình dung được về mặt ông nếu phải chứng kiến cách làm của anh ta. Thật sự không có gì ngạc nhiên là anh ta lại không đạt được hoài bão của mình.”

Tôi cười khẽ. “Theo kinh nghiệm của tôi,” tôi nói, “quá nhiều người tự tin mình có khả năng làm việc ở đẳng cấp như thế này, mà không biết mảy may gì về những đòi hỏi khắc nghiệt khi lên tới đây. Rõ ràng là không phải ai cũng phù hợp với điều kiện đó.”

“Đúng quá rồi. Ông Stevens ạ, thật tình, nếu thấy anh ta vào cái thời đó chẳng biết ông sẽ nói sao nữa!”

“Ở đẳng cấp cao như ở đây, cô Kenton ạ, nghề này không phải dành cho bất cứ ai đâu. Có hoài bão lớn lao thì rất dễ, nhưng nếu không có một vài phẩm chất nào đó, thì đơn giản là người ấy sẽ không thể đi xa hơn một giới hạn nhất định trong nghề quản gia.”

Cô Kenton tuồng như ngẫm nghĩ câu này một lát, rồi nói, “Tôi chợt nhận ra hẳn ông là một người mẫn nguyện lắm, ông Stevens. Suy cho cùng, ông đã đạt đến đây rồi, đến vị trí cao nhất trong nghề nghiệp của mình, tất cả ngôi nhà dưới quyền ông đều được kiểm soát nghiêm ngặt. Thật sự tôi không tưởng tượng ra nổi ông có còn nguyện vọng gì trong đời nữa không.”

Tôi không thể nghĩ ngay ra câu trả lời. Trong khoảng im lặng có phần lúng túng tiếp sau đó, cô Kenton lại cúi mắt nhìn vào tận đáy cốc ca cao, như đương mải mê với thứ gì cô phát hiện ra ở đó. Rốt cuộc, sau hồi lâu suy nghĩ, tôi đáp, “Cứ theo tôi thấy, cô Kenton ạ, ước nguyện của tôi sẽ không thể coi là hoàn tất chừng nào tôi chưa làm hết sức mình để phò tá đức ngài vượt qua những nhiệm vụ lớn lao mà ngài tự đặt ra cho bản thân. Ngày nào phần việc của đức ngài trọn vẹn, ngày nào *đức ngài* có thể lui về nghỉ trên vinh quang của mình, yên tâm biết rằng mình đã làm tất cả những gì người khác có thể hợp tình hợp lý mà yêu cầu ở ngài, cô Kenton ạ, chỉ đến ngày đó tôi mới có thể tự nhận mình, như cô nói, là một người mẫn nguyện.”

Có thể cô đã hơi bối rối trước những lời tôi nói; hoặc cũng có thể vì nguyên do nào đó lời tôi khiến cô phật lòng. Dù sao đi

nữa, tới đó cô có vẻ đổi hẳn tâm trạng, và cuộc đối thoại nhanh chóng mất đi giọng điệu khá tâm tình chúng tôi vừa bắt đầu sa vào.

Không mấy lâu sau đó, những buổi gặp uống ca cao trong buồng nội quán của cô ngừng hẳn. Thực tế là, tôi còn nhớ khá rõ lần cuối cùng chúng tôi gặp nhau trong hoàn cảnh ấy: tôi đang có ý muốn bàn với cô Kenton về một sự kiện sắp tới, một buổi tụ họp cuối tuần sẽ có mặt những nhân vật hết sức danh giá từ Scotland. Quả đúng là còn phải chùng một tháng nữa, nhưng mặt khác thói quen của chúng tôi vẫn luôn là bàn bạc từ rất sớm những sự kiện như vậy. Trong buổi tối này, tôi đã điếm qua nhiều khía cạnh tổ chức khác nhau được một lúc thì phát hiện ra cô Kenton chỉ góp lời rất ít; quả thực, một lát sau, có thể thấy rành rành đầu óc cô đang để vào một nơi khác hẳn. Tôi đã thỉnh thoảng phải nói vài câu như, “Cô nghe tôi nói không, cô Kenton?”, đặc biệt sau những khi vừa trình bày rất dài về điếm gì đó, và dù mỗi lần cô sẽ chăm chú lên một chút, thì vài giây sau tôi thấy cô đã lại mông lung rồi. Sau vài phút tôi nói còn cô chỉ ậm ừ, “Phải rồi, ông Stevens ạ,” hay là, “Tôi hoàn toàn tán thành, ông Stevens ạ,” cuối cùng tôi cũng bảo cô, “Xin cô thứ lỗi, cô Kenton ạ, nhưng tôi thấy không có ích gì mấy khi tiếp tục như thế này. Đơn giản là cô dường như không hình dung hết mức độ quan trọng của sự kiện này.”

“Tôi xin lỗi, ông Stevens ạ,” cô nói và hơi ngồi thẳng người dậy. “Chỉ là tối nay tôi hơi mệt.”

“Hiện giờ cô càng ngày càng mệt, cô Kenton ạ. Xưa kia cô thường không thấy cần thiết phải viện tới cơ đó.”

Tôi sửng sốt thấy cô Kenton đáp lại bằng cách thỉnh lình bùng ra, “Ông Stevens ạ, tôi vừa trải qua một tuần bận tối mắt tối mũi. Tôi rất mệt. Thực ra là tôi đã mong được nằm xuống nghỉ suốt ba bốn tiếng đồng hồ nay rồi. Tôi rất mệt, mệt lắm, ông Stevens ạ, có thể mà ông cũng không hiểu được ư?”

Không hẳn là tôi mong đợi sẽ được nghe cô xin lỗi, nhưng phản ứng gay gắt của cô phải nói đã làm tôi có hơi chưng hửng. Tuy nhiên, tôi quyết tâm không bị kéo vào một cuộc cãi cọ khó

coi với cô, và chủ ý ngưng một hai giây nhiều hàm ý trước khi mở lời thực điềm đạm, “Nếu thực sự là cô cảm thấy như vậy, cô Kenton ạ, thì chúng ta hoàn toàn không cần tiếp tục những cuộc gặp này mà làm gì. Xin thứ lỗi cho tôi vì qua bằng ấy thời gian không nhận ra chúng bất tiện cho cô đến mức nào.” “Ông Stevens, tôi chỉ nói là tối nay tôi mệt...” “Không, không, cô Kenton, điều đó hoàn toàn có thể hiểu được. Cuộc sống của cô bận rộn, những cuộc gặp này thực là chất thêm một cách không đáng vào những gánh nặng sẵn có của cô. Có rất nhiều phương án khác để đạt được mức độ trao đổi thông tin nghề nghiệp cần thiết mà không cần chúng ta phải gặp gỡ nhau theo cách này.”

“Ông Stevens, như thế này thì thật hơi quá. Tôi chỉ nói là...”

“Tôi nói thực đấy, cô Kenton ạ. Thực tình là tôi đã suy tính một thời gian rằng có lẽ nên ngưng lại những cuộc gặp này, xét thấy ngày làm việc của chúng ta vốn đã rất bận rộn còn bị kéo dài thêm. Dù chúng ta đã gặp nhau như thế này suốt nhiều năm, nhưng đó không phải là lý do chúng ta không thể tìm xem có cách nào thuận tiện hơn từ đây về sau.”

“Ông Stevens, xin ông, tôi tin rằng những cuộc gặp này hết sức hữu ích...”

“Nhưng chúng lại thực bất tiện cho cô, cô Kenton. Chúng làm cô mệt mỏi. Tôi xin mạn phép đề xuất rằng từ nay trở đi, chúng ta chỉ đặc biệt cố truyền đạt những thông tin quan trọng trong phạm vi ngày làm việc bình thường. Trong trường hợp không dễ dàng gặp được nhau, tôi đề nghị chúng ta có thể để lại những mảnh giấy nhắn tin trên cửa phòng nhau. Đối với tôi đó có vẻ là một giải pháp hoàn toàn thích đáng. Giờ thì, cô Kenton ạ, tôi phải xin tạ lỗi đã làm mất thì giờ của cô đến thế. Hết lòng cảm ơn cô đã đãi tôi ca cao.”

*

Đương nhiên - và có gì mà không nên thừa nhận điều này nhỉ - tôi có đôi khi tự hỏi về lâu về dài sự thể có lẽ đã dẫn đến kết quả nào nếu tôi không quyết liệt như vậy về vấn đề những buổi gặp ban tối ấy; nói vậy có nghĩa là, nếu tôi đã nhượng bộ vào những tuần kế tiếp trong vài dịp cô Kenton đề nghị lập lại thói quen

này. Sở dĩ lúc này tôi đưa ra phỏng đoán là vì, xét trên những sự kiện tiếp sau đó, rất có thể cho rằng khi quyết định chấm dứt vĩnh viễn những cuộc gặp buổi tối như vậy, có lẽ tôi không thực sự ý thức được toàn bộ ý nghĩa của quyết định này. Thực vậy, còn có thể nói rằng quyết định nhỏ ấy đã đóng vai trò một bước ngoặt cốt yếu, đẩy sự việc lao theo một tiến trình khó cưỡng về kết cuộc như đã xảy ra.

Tuy nhiên, tôi đoán rằng khi quay cái nhìn hồi cố tìm kiếm trong quá khứ những “bước ngoặt” như vậy, người ta dễ nhìn thấy chúng ở khắp nơi. Không chỉ quyết định của tôi về những cuộc gặp buổi tối, mà cả sự việc trong phòng quản gia của tôi, nếu muốn, cũng có thể được nhìn nhận là một “bước ngoặt” như vậy. Người ta có thể đặt câu hỏi rằng liệu điều gì sẽ xảy ra, nếu mình đã phản ứng khác đi đôi chút trong buổi tối cô mang bình hoa vào? Và có lẽ - bởi việc này cũng xảy ra vào khoảng có những sự việc kia - cái buổi chiều tôi bắt gặp cô Kenton trong phòng ăn sau khi cô nhận tin dì mình vừa mất, cũng có thể được coi là một “bước ngoặt” theo kiểu nào đó.

Cô biết tin trước đó vài tiếng; thực vậy, chính tôi là người gõ cửa buồng nội quản sáng hôm đó để đưa cô lá thư. Tôi có bước vào buồng một lát để bàn một vấn đề công việc nào đó, và như tôi nhớ chúng tôi đang ngồi bên bàn cô chuyện trò dờ chừng thì cô bóc thư. Cô lặng hẳn đi, nhưng cần ghi nhận là cô vẫn trấn tĩnh, và đọc lá thư ít nhất hai lượt. Rồi cô cẩn thận bỏ lại lá thư vào phong bì và đưa mắt nhìn tôi ngồi bên kia bàn.

“Thư của bà Johnson, một người bạn của dì tôi. Bà nói dì tôi đã qua đời hôm kia.” Cô ngưng lại một lát, rồi nói, “Lễ tang cử hành ngày mai. Tôi không biết liệu mình có thể xin nghỉ một ngày không.”

“Tôi tin là có thể sắp xếp được việc này, cô Kenton ạ.”

“Cảm ơn ông, ông Stevens. Thứ lỗi cho tôi, có lẽ giờ tôi xin phép ở một mình một lát.”

“Đương nhiên rồi, cô Kenton ạ.”

Tôi lui ra, và mãi tới khi đã ra ngoài tôi mới nhận ra mình chưa thực sự nói lời phân ưu với cô. Tôi có thể hình dung rõ tin

ấy là một cú sốc với cô đến thế nào, bởi dì cô giống như một người mẹ thực sự trong đời cô, và tôi dừng chân ngoài hành lang, nghĩ không biết có nên quay lại, gõ cửa và khắc phục thiếu sót vừa rồi. Nhưng rồi tôi chợt nhận ra rằng nếu làm như vậy, rất có thể tôi sẽ xâm phạm đến thời khắc riêng tư cô cần trải qua nỗi đau buồn. Thực vậy, không phải không có khả năng cô Kenton, ngay vào phút ấy, cách tôi chỉ vài bước chân, có lẽ còn đang khóc. Ý nghĩ ấy khiến dâng lên trong tôi một cảm giác lạ lùng, khiến tôi cứ loay quanh đứng trong hành lang mất một thời. Nhưng rồi tôi kết luận tốt nhất là chờ tới dịp khác bày tỏ lòng thương cảm, và rời chân.

Sự thể hóa ra là, tôi không gặp lại cô mãi đến chiều hôm ấy, khi như đã nói, tôi bắt gặp cô trong phòng ăn, đương cất chén đĩa vào tủ chén. Tới lúc này tôi đã bản khoăn mất vài giờ nghĩ về nỗi buồn của cô Kenton, và đặc biệt suy nghĩ xem nên nói hoặc làm gì là tốt nhất để giúp cô với bớt phần nào gánh nặng trong lòng. Và khi nghe tiếng chân cô vào phòng ăn - khi đó tôi đang đỡ tay làm việc gì đó ngoài sảnh - tôi đã chờ chừng một phút, rồi hoãn việc đang làm và bước vào theo cô.

“À, cô Kenton,” tôi nói. “Thế chiều nay cô thế nào?”

“Cũng khá, cảm ơn ông, ông Stevens.”

“Mọi việc vẫn suôn sẻ cả chứ?”

“Mọi việc đều suôn sẻ, cảm ơn ông.”

“Tôi đang định hỏi cô có gặp vấn đề gì đặc biệt với người mới không.” Tôi cười khẽ. “Có rất nhiều rắc rối nhỏ có thể xảy ra khi có chừng ấy người mới cùng vào một lúc. Tôi dám nói rằng cả những người giỏi giang nhất trong chúng ta cũng sẽ được lợi từ một cuộc trao đổi nghề nghiệp vào những lúc như vậy.”

“Cám ơn ông, ông Stevens ạ, nhưng tôi thấy các cô gái mới đều rất thạo việc.”

“Cô không thấy cần thiết phải thay đổi cơ cấu nhân viên hiện tại cho phù hợp với điều kiện có người mới đến chứ?”

“Tôi không nghĩ có cần thiết thay đổi gì như vậy, ông Stevens ạ. Tuy nhiên, nếu sau này nhận định khác đi, tôi sẽ thông báo cho ông ngay lập tức.”

Cô quay lại với cái tủ chạn, và trong một khắc, tôi đã suy tính đến việc rời khỏi phòng. Thực tế là tôi nghĩ mình đã bước vài bước về phía cửa, nhưng rồi tôi lại quay về phía cô mà nói, “VẬY, cô Kenton ạ, cô muốn nói là mấy người mới đều đang thích nghi tốt.”

“Cả hai bọn họ đều đang làm việc rất tốt, tôi cam đoan với ông.”

“À, nghe vậy tôi thực mừng.” Tôi lại cười khục một tiếng. “Tôi chỉ băn khoăn đôi chút, vì chúng ta đã xác nhận rằng cả hai cô gái đều chưa bao giờ nhận việc ở một nhà có quy mô như ở đây.”

“Quả có thể, ông Stevens.”

Tôi nhìn cô xếp bát vào tủ và chờ xem cô có nói gì thêm nữa không. Sau vài phút thấy rõ rằng không, tôi nói tiếp, “Thực tình là, cô Kenton ạ, tôi phải nói điều này. Tôi có nhận ra một hai thiếu sót đạo gần đây. Tôi quả có cảm thấy rằng cô nên bớt chú quan một chút về phần các người mới ấy.”

“Ông nói vậy là có ý gì, ông Stevens?”

“Thí dụ như tôi, cô Kenton ạ, mỗi khi có người mới vào nhà, tôi muốn đảm bảo gấp đôi rằng mọi thứ đều ổn. Tôi rà soát hết mọi mặt công việc của họ và cố lường xem họ đang cư xử thế nào với các nhân viên khác trong nhà. Suy cho cùng, quan trọng là phải hình dung được rõ ràng về họ, cả về khía cạnh kỹ thuật lẫn tác động của họ lên tinh thần chung của đội ngũ. Tôi rất tiếc phải nói điều này, nhưng cô Kenton ạ, tôi cho rằng cô đã hơi lơ là về mặt này.”

Mất một giây, cô Kenton thoáng vẻ không hiểu. Rồi cô quay sang tôi và một nét căng thẳng thế nào đó hằn rõ trên mặt cô.

“Tôi không hiểu, ông Stevens?”

“Tỷ dụ, cô Kenton ạ, dù chén đĩa vẫn được rửa kỹ càng theo đúng tiêu chuẩn trước nay, tôi đã để ý thấy đồ được xếp lại lên tủ bếp theo một cách mà, dù nhìn qua không thấy rõ độ nguy hiểm, nhưng dần dà sẽ gây ra đổ vỡ nhiều hơn cần thiết.”

“VẬY CƠ À, ông Stevens?”

“Phải, cô Kenton ạ. Hơn nữa, hốc tường nhỏ bên ngoài phòng ăn sáng đã một thời gian không được lau sạch rồi. Cô bỏ quá cho

tôi, nhưng tôi còn có thể nêu thêm một hai chi tiết khác nữa.”

“Ông không cần đay lại vậy đâu, ông Stevens. Tôi sẽ soát lại kết quả làm việc của hai cô hầu mới, như ông khuyên.”

“Bỏ qua những việc hiển nhiên như vậy thực không giống cô ngày thường, cô Kenton ạ.”

Cô Kenton ngoảnh đi khỏi tôi, và lần nữa mặt cô lại thoáng vẻ như đang cố giải cho ra một điều gì khiến cô bối rối. Trông cô không hẳn phiền muộn mà là cực kỳ mệt mỏi. Rồi cô khép cửa tủ, nói, “Xin phép ông, ông Stevens,” và rời khỏi phòng.

Nhưng có nghĩa lý gì mà mãi hoài phỏng đoán xem điều gì có thể xảy ra giả như chuyện đã khác đi lúc này hay lúc khác? Cứ làm vậy rồi chỉ đẩy người ta đến chỗ rối ruột rối gan. Dù sao đi nữa, nói về những “bước ngoặt” kia thì dễ lắm, nhưng hẳn người ta chỉ có thể nhận ra những khoảnh khắc ấy khi đã đi qua ngoái lại. Dĩ nhiên, ngày nay nhìn lại, những sự việc kiểu ấy quả có thể khoác lấy dáng vẻ những phút giây căn cốt và quý báu trong đời; nhưng dĩ nhiên vào lúc ấy ấn tượng của người ta không phải là như thế. Đúng hơn, người ta tưởng mình có trong tay một lượng vô tận những ngày, những tháng, những năm để tháo gỡ cho ra những ngoắt ngoéo trong quan hệ của người ta với cô Kenton; một lượng vô biên những cơ hội sau này để hoán cải những tổn thất từ điều hiểu lầm này khác. Hẳn nhiên vào lúc ấy chẳng có gì cho biết những sự việc nhìn ngoài nhỏ nhoi như thế sẽ khiến những giấc mơ mãi mãi vô phương cứu chuộc.

Nhưng tôi nhận ra mình đang rơi vào tự vấn không phải lẽ, mà lại theo một cách khá u sầu. Đương nhiên đây là do có đêm hôm khuya khoắt, cùng những sự kiện cam go mà tôi phải chống đỡ buổi tối vừa qua. Và cũng đương nhiên, tâm trạng hiện thời của tôi không phải là không chịu ảnh hưởng từ ý nghĩ rằng ngày mai - đây là nếu tôi kiếm được xăng ở xưởng sửa xe trong vùng, như ông bà Taylor cam đoan với tôi - tôi sẽ tới được Compton Nhỏ vào tầm trưa, và hẳn là sẽ gặp lại cô Kenton sau chừng ấy năm. Đương nhiên, không có lý gì mà cho rằng cuộc gặp gỡ của chúng tôi sẽ có vẻ gì khác ngoài thân thiện. Thực tế, tôi trông đợi cuộc đàm đạo giữa chúng tôi - ngoại trừ một vài lời

trao đổi thân tình hết sức phải lễ phù hợp với hoàn cảnh đôi bên - sẽ chủ yếu mang tính công việc. Nói thế có nghĩa là, trách nhiệm của tôi là phải xác định xem khi giờ đây cuộc hôn nhân của cô Kenton, đáng buồn thay, dường như đã đổ vỡ và cô không có một mái nhà nương thân, liệu cô có nghĩ gì đến việc trở về Dinh Darlington như trước hay không. Tới đây, có lẽ tôi cần nói thêm rằng sau khi đọc lại thư cô tối nay, tôi thiên về ý nghĩ rất có thể tôi đã suy diễn từ câu chữ của cô nhiều hơn là thực tế. Nhưng tôi vẫn quả quyết rằng không chỉ có một sự bóng gió về hoài nhớ trong một vài đoạn lá thư cô, đặc biệt khi cô viết những câu như “Tôi đã yêu biết mấy cái khung cảnh từ các buồng ngủ lầu hai trông xuống thảm cỏ, xa xa là những nếp đồi”.

Tuy nhiên mặt khác, sao cứ phải không ngừng phỏng đoán về ước nguyện hiện thời của cô Kenton khi mà ngay ngày mai thôi tôi có thể được đích thân cô cho biết? Và dù sao đi nữa, tôi đã đi lạc khá nhiều khỏi câu chuyện đang thuật lại về những sự kiện diễn ra hồi tối rồi. Máy tiếng đồng hồ vừa trải qua, tôi xin nói, là khoảng thời gian gay go quá đổi. Người ta hẳn cho rằng phải bỏ lại cỗ Ford trên sườn đồi hoang vắng, phải lội bộ xuống làng này trong đêm tối gần đen như mực bằng tuyến đường khác người kia, đã là đủ bất tiện trút xuống đầu mình cho một buổi tối rồi. Và chủ nhà tốt bụng của tôi, tức ông bà Taylor, tôi đoán chắc sẽ không bao giờ chủ tâm bắt tôi trải qua những gì vừa chịu đựng. Nhưng thực tế vẫn là, một khi tôi đã ngồi vào bàn ăn tối với họ, một khi vài người láng giềng đã ghé chơi, thì tôi đã bị cuốn vào một chuỗi sự kiện phiền toái cực kỳ.

*

Căn phòng tầng trệt ngoài cùng căn nhà này xem ra vừa là phòng ăn, vừa làm phòng sinh hoạt chung cho ông bà Taylor. Căn phòng khá ấm cúng, choán gần hết phòng là một cái bàn lớn đồ gỗ vôi đúng như người ta thường hình dung về phòng bếp nhà làm nông, mặt bàn không đánh bóng mang nhiều dấu dao nhỏ, dao chặt và dao cắt bánh mì. Những vết dao cắt bánh mì tôi

thấy rất rõ, bất kể chúng tôi đang ngồi trong quầng sáng vàng yếu ớt từ cây đèn dầu đặt trong góc trên kệ.

“Không phải là ngoài đây chúng tôi không có điện đâu, thưa ngài,” có một lúc ông Taylor nhận xét và hất đầu về phía cây đèn. “Nhưng mạch điện bị chập sao đó, thế là chúng tôi không có điện đã hai tháng nay rồi. Nói thật với ngài chứ, điện với đóm mà làm gì. Trong làng có mấy nhà còn chưa bao giờ sờ đến điện. Đèn dầu ánh sáng ấm hơn nhiều.”

Bà Taylor vừa bung ra nồi nước dùng thơm ngon mà chúng tôi vừa ăn cùng những phần bánh mì vỏ cứng, và vào thời điểm đó chẳng có dấu hiệu gì cho thấy đêm nay sẽ có gì đáng thối chí chờ đợi tôi ngoài một tiếng đồng hồ để chịu trò chuyện trước khi lui về phòng. Tuy thế, chúng tôi vừa kết thúc bữa ăn và ông Taylor đang rót cho tôi cốc bia do người hàng xóm cất, thì bên ngoài có tiếng bước chân giẫm trên mặt sỏi tiến lại gần. Tôi nghe ra có chút hắc ám trong tiếng chân bước mỗi lúc một gần trong bóng tối tới căn nhà nhỏ giữa nơi hoang vắng, nhưng cả ông chủ lẫn bà chủ đều không tỏ ra cảnh giác trước mỗi nguy nào. Bởi nghe giọng ông Taylor cất lên chỉ thấy tò mò chứ không gì khác, “Ồ kìa, giờ thì là ai đây?”

Ông nói câu này ít nhiều tự nhủ, nhưng tới đó chúng tôi nghe thấy, dường như đáp lại, giọng người gọi lớn bên ngoài, “George Andrews đây. Tôi tiện đường đi ngang qua.”

Một giây sau bà Taylor đã mời vào nhà một người vạm vỡ, có lẽ chừng năm chục tuổi, mà xét theo trang phục có vẻ vừa dành một ngày bận rộn làm nông. Tổ vẻ thân quen cho thấy vẫn thường xuyên lui tới đây, ông ta ngồi xuống cái đôn nhỏ bên cửa và có phần vất vả tháo đôi ủng nhựa, vừa làm vừa nói mấy lời chuyện phiếm với bà Taylor. Rồi ông ta đi lại bàn và dừng lại, đứng nghiêm trước mặt tôi như tới trình diện sĩ quan trong quân đội.

“Tôi tên Andrews, thưa ngài,” ông ta nói. “Cực lực chúc ngài một tối tốt lành. Tôi xin bày tỏ thông cảm với vận rủi của ngài, nhưng cũng mong ngài không ngán phải nghỉ lại đêm nay Ở Moscombe đây.”

Tôi có hơi hoang mang nghĩ làm sao ông Andrews đây lại nghe được về “vận rủi” của tôi, như ông ta gọi. Dù sao đi nữa, tôi cũng mỉm cười đáp lại rằng tôi hoàn toàn không “ngán”, trái lại tôi cảm thấy cực kỳ biết ơn đã được đón tiếp nồng hậu đến thế này. Câu này đương nhiên tôi có ý nói đến cử chỉ tốt bụng của ông bà Taylor, nhưng ông Andrews tuồng như nghĩ mình cũng được kể vào trong lời cảm tạ đó, vì ông ta lập tức đáp lời và giờ đôi bàn tay to như chống ché, “Ồ có gì đâu, thưa ngài, rất hân hạnh. Được đón tiếp ngài chúng tôi vui mừng hết sức. Không mấy khi có những người như ngài đây ghé qua nơi này. Chúng tôi đều rất vui mừng ngài đã dừng chân lại đây.”

Cách nói của ông ta dường như ám chỉ cả làng đã biết về “vận rủi” của tôi cũng như việc tôi nghỉ lại nhà này. Thực tế, như tôi sẽ được biết chóng thôi, sự thực gần như đúng là như vậy; tôi chỉ có thể đoán rằng trong vài phút sau khi tôi được dẫn lên phòng này lúc trước - trong lúc tôi đang rửa tay và cố làm những gì có thể để cứu vãn cho áo khoác và gấu quần mình - thì ông bà Taylor đã truyền đạt cái tin về tôi cho xóm giềng đi ngang. Dù sao đi nữa thì sau vài phút lại có thêm một người khách nữa, bộ dạng nhìn chung giống ông Andrews - có nghĩa là hơi bè bè kiểu nhà nông, đi đôi ủng cao su dính bùn, rồi tháo ra với tư thế hết sức giống ông Andrews vừa làm lúc trước. Thực vậy, trông họ tương đồng tới mức tôi đồ rằng họ là hai anh em, mãi cho tới khi người mới tới tự giới thiệu với tôi, “Morgan, thưa ngài, Trevor Morgan.”

Ông Morgan tỏ ý lấy làm tiếc cho cú “lỡ bước” của tôi, và cam đoan với tôi rằng sáng ra mọi việc sẽ êm đẹp hết, tiếp đó nói cả làng rất hân hạnh được đón tiếp tôi. Dĩ nhiên, chỉ mới vài phút trước tôi vừa được nghe những tâm tình tương tự, nhưng ông Morgan còn thực sự nói rằng, “Có một người quý phái như ngài đây ở Moscombe này thật là vinh dự tuyệt trần cho chúng tôi, thưa ngài.”

Trước khi tôi kịp nghĩ ra câu gì đáp lại phát ngôn ấy, lại có thêm tiếng chân người vang lên trên đường sỏi bên ngoài. Chẳng mấy chốc một cặp vợ chồng luống tuổi được dẫn vào, rồi

được giới thiệu cho tôi là ông bà Harry Smith. Hai người này không hề có dáng dấp nhà nông chút nào; bà lớn con và bệ vệ, thực tế là khiến tôi nghĩ đến bà Mortimer, đầu bếp ở Dinh Darlington gần hết thập niên hai mươi và ba mươi. Trái ngược lại, ông Harry Smith lại nhỏ con với vẻ mặt khá đăm chiêu khiến trán ông nhăn lại. Sau khi hai người ngồi xuống bên bàn, ông hỏi tôi, “Xe của ngài chắc là chiếc Ford cổ trên Đồi Bụi Thornley đằng kia, thưa ngài?”

“Nếu đây là con đường đồi trông xuống làng này, thì đúng,” tôi đáp. “Nhưng tôi rất ngạc nhiên được biết ông đã nhìn thấy nó.”

“Tôi thì chưa nhìn thấy nó, thưa ngài. Nhưng Dave Thornton có lái máy kéo chạy qua nó vừa nãy trên đường về nhà. Anh ta ngạc nhiên khi thấy nó nằm đó tới nỗi còn dừng cả máy đi ra xem.” Đến khúc này, ông Harry Smith quay sang nói với mấy người còn lại quanh bàn, “Một cỗ xe đẹp mê hồn. Anh ta nói chưa từng thấy thứ gì như vậy. Cái xe nhà ông Lindsay hồi xưa có mà xách dép!”

Cả bàn cười rộ lên, còn ông Taylor ngồi cạnh tôi giải thích, “Một vị từng sống trong cái nhà to không xa đây lắm, thưa ngài. Vị đó có làm một hai việc kỳ quặc nên ở đây không ưa mấy.”

Tiếng rì rầm tán đồng lại nổi lên quanh bàn. Rồi ai đó nói, “Thưa ngài, mừng sức khỏe ngài”, và nhấc một vai bia trong số ông Taylor vừa phân phát quanh bàn, và phút chốc tôi đã được cả bàn uống mừng sức khỏe.

Tôi mỉm cười đáp, “Cam đoan với các ông, chính tôi mới là người cảm thấy thực hân hạnh.”

“Ngài tử tế quá, thưa ngài,” bà Smith nói. “Đây, một người quý phái đúng điệu là phải thế chứ. Quý phái gì nhà ông Lindsay đó. Ông ta có thể lắm tiền thật đấy, nhưng còn khước mới là quý phái.”

Cả lần này nữa mọi người quanh bàn cũng ồ à tán thành. Rồi bà Taylor thì thầm vào tai bà Smith, còn bà khách đáp, “Ông ấy bảo sẽ cố thu xếp đến càng nhanh càng hay.” Cả hai người ngượng ngập quay nhìn tôi, rồi bà Smith nói, “Chúng tôi có nói

bác sĩ Carlisle ngài đang ở đây, thưa ngài. Bác sĩ sẽ rất mừng được làm quen với ngài.”

“Tôi đoán là ông ấy còn phải đi thăm bệnh,” bà Taylor nói về tạ lỗi. “Tôi e rằng không thể nói chắc bác sĩ có đến kịp trước khi ngài muốn về phòng không, thưa ngài.”

Tới đó thì ông Harry Smith, người nhỏ con trán nhăn, lại chồm tới mà nói, “Cái nhà ông Lindsay đó, ông ta sai toét cả, hiểu không? Cư xử cái lối như thế. Ông ta tưởng mình trên chúng tôi mấy bậc, nghĩ dắt mũi được chúng tôi cả. Chà, thưa ngài, xin nói cho ngài biết, ông ta được biết mình lầm ngay rồi. Ở nơi này dân người ta nói và nghĩ ra trò lắm đấy. Có kha khá chính kiến kiên định và người ở đây không ngại gì mà không nói ra đâu. Cái ông Lindsay nhà các người đã sớm học được điều đó rồi.”

“Ông ta thì quý tộc gì,” ông Taylor lặng lẽ nói. “Quý tộc gì cái nhà ông Lindsay ấy.”

“Đúng thế, thưa ngài,” ông Harry Smith nói. “Nhìn cái là biết ông ta chẳng phải quý tộc gì sát rồi. Ừ thì đúng là ông ta có nhà to áo đẹp, nhưng không hiểu sao ta vẫn đoán ra ngay. Và chả mấy chốc té ra là như vậy thật.”

Chung quanh lại rì rầm hưởng ứng, và trong một lúc toàn cử tọa dường như đang cân nhắc xem tiết lộ với tôi sự tích về nhân vật địa phương này có phải là điều đúng đắn hay không. Rồi ông Taylor phá vỡ sự im lặng, “Harry nói vậy là đúng đấy. Ta rất dễ phân biệt một nhà quý tộc thực sự với một nhà quý tộc giả đờ chỉ giỏi chưng diện. Đơn cử như ngài đây, thưa ngài. Không chỉ do kiểu cắt may bộ đồ ngài mang, thậm chí còn không phải do cách nói chuyện rất lịch thiệp của ngài đâu. Có một điều gì khác khiến ngài nổi bật hẳn ra là một nhà quý tộc. Rất khó chỉ ra thứ đó là gì, nhưng nó sờ sờ ra ấy, có mắt là thấy được.”

Cả bàn lại xôn xao đồng ý thêm chập nữa.

“Bác sĩ Carlisle hẳn là không còn lâu nữa đâu, thưa ngài,” bà Taylor chen vào. “Trò chuyện với bác sĩ hẳn ngài sẽ thích lắm.”

“Cái đó bác sĩ Carlisle cũng có,” ông Taylor nói. “Ông ấy có. Một người quý phái thực sự, thế đấy.”

Ông Morgan, từ lúc bước vào chưa nói gì mấy, lúc này nhòai tới phía tôi, “Thưa ngài, theo ngài thì đó là gì? Có lẽ chính người có nó sẽ nói về nó rõ hơn chẳng. Chúng tôi đây cứ nói hoài nào là ai có ai không, mà chúng tôi vẫn chẳng biết thêm tí tình gì về điều mình đang nói cả. Có lẽ ngài có thể mở mang đầu óc cho chúng tôi chút ít, thưa ngài.”

Im lặng phủ xuống quanh bàn, tôi cảm thấy từng khuôn mặt đều quay lại phía mình. Tôi ho khẽ, nói, “Tôi khó có tư cách phát biểu về những phẩm chất mà tôi còn chưa biết mình có sở hữu hoặc không. Tuy nhiên, xét riêng về câu hỏi cụ thể này, người ta có thể ngờ rằng điều đang được bàn tới ở đây sẽ được gọi tên hợp lẽ nhất là ‘phẩm cách’.”

Tôi không thấy ích gì mà cố gắng giải thích kĩ hơn phát biểu này. Thực vậy, tôi chỉ đang thốt thành lời những ý nghĩ lướt qua đầu khi lắng nghe cuộc đối thoại mới đây, và nhiều khả năng tôi sẽ không nói một điều như vậy nếu không phải diễn biến câu chuyện bất thần bắt tôi làm việc đó. Tuy nhiên, lời đáp của tôi xem ra đã làm vui lòng cử tọa.

“Điều ngài nói thật là chí lý, thưa ngài,” ông Andrews gật gù nói, và vài người khác phụ họa theo.

“Cái nhà ông Lindsay đó có thêm một chút phẩm cách thì cũng không thừa đâu,” bà Taylor nói. “Vấn đề của cái hạng người ấy là họ cứ tưởng vác mặt lên trời nghĩa là phẩm cách.”

“Cần lưu ý thêm rằng,” ông Harry Smith chêm lời, “và tôi hoàn toàn đồng ý những gì ngài vừa nói, thưa ngài, ấy là tôi phải nói vậy. Phẩm cách không phải là thứ mà chỉ mấy nhà quý tộc có trong mình. Phẩm cách là một thứ mà mỗi người đàn ông hay đàn bà ở cái nước này có thể phấn đấu đạt được. Xin ngài bỏ quá cho, thưa ngài, nhưng tôi đã nói rồi đấy, ở đây khi muốn nêu ý kiến thì chúng tôi không cần rào đón gì cả. Và đúng hay sai thì ý kiến của tôi cũng là thế đấy. Phẩm cách không phải là thứ gì dành riêng cho quý tộc.”

Tôi nhận thức được, đương nhiên, rằng mình và ông Harry Smith tư duy khá ngược nhau về vấn đề này, và rằng giảng rõ ý mình cho những người này ở đây sẽ là một nhiệm vụ quá sức

phức tạp. Vì vậy tôi phán đoán cách tốt nhất là chỉ mỉm cười đáp, “Đương nhiên, ông nói rất đúng.”

Tức thì lời đáp của tôi đã xua tan sự căng thẳng phảng phất đã tích tụ trong phòng trong quá trình ông Harry Smith phát biểu. Còn chính bản thân ông Harry Smith thì có vẻ đã bỏ hết mọi sự dè dặt, vì tới lúc này ông ta chồm tới nói tiếp, “Suy cho cùng, chẳng phải chúng ta đánh Hitler vì thế sao. Thắng Hitler mà muốn làm gì thì làm, thì giờ chúng ta thành nô lệ ráo cả rồi. Cả thế giới sẽ thành dăm ông chủ đề đầu cười cổ triệu triệu nô lệ. Và tôi chắc không cần phải nhắc ai ở đây biết nữa, rằng làm nô lệ thì không có phẩm cách gì ráo cả. Chúng ta đã chiến đấu vì thế đấy, và chúng ta đã giành được chính điều đó đấy. Chúng ta đã giành được quyền làm công dân tự do. Và đấy chính là một trong những đặc ân khi sinh ra là người Anh, dù anh là ai, dù anh nghèo hay anh giàu, thì anh cũng sinh ra là người tự do và anh sinh ra để được nói lên ý kiến một cách tự do, và bỏ phiếu đặt ông dân biểu của anh ngồi vào ghế hoặc bỏ phiếu hất ông ta ra khỏi ghế. Phẩm cách suy cho cùng chính là thế đấy, nói ngài bỏ quá cho, thưa ngài.”

“Ôi chà, Harry,” ông Taylor nói. “Tôi thấy là anh lại đang khởi động cho một bài văn tế chính trị mới rồi.”

Cả bàn cười ầm. Ông Harry Smith cũng mỉm cười hơi bền lên, nhưng vẫn tiếp:

“Nào có chính trị gì ở đây. Tôi nghĩ gì thì nói nấy thôi. Anh làm nô lệ thì anh lấy đâu ra phẩm cách được. Nhưng đã là người Anh, chỉ cần muốn là có thể nắm lấy nó. Bởi chúng ta đã chiến đấu để có được cái quyền đó.”

“Chỗ chúng tôi đây có vẻ là một chốn khỉ ho cò gáy lắm, thưa ngài,” bà vợ nói. “Nhưng chúng tôi đã cống hiến vượt cả phần mình trong cuộc chiến. Vượt cả phần mình.”

Tới đây một vẻ trầm lắng bao phủ bầu không khí, cho tới khi rốt cuộc ông Taylor nói với tôi, “Anh Harry đây đã bỏ rất nhiều công tổ chức vận động cho dân biểu vùng này. Ngài chỉ cần tỏ ý muốn nghe thôi là anh ta sẽ thuyết giảng về ở trên kia điều hành đất nước này sai trái đến thế nào cho mà xem.”

“Này, lần này tôi chỉ toàn nói những điều *đúng* ở đất nước này thôi chứ.”

“VẬY ngài thì có tham gia nhiều vào chính trị không, thưa ngài?” ông Andrews hỏi.

“Không hẳn là trực tiếp,” tôi đáp. “Và dạo gần đây thì lại càng không. Có lẽ trước thời chiến thì có.”

“Chỉ là tôi mang máng nhớ có một ông Stevens làm dân biểu năm ngoái hay năm kia thì phải. Có nghe ông ấy nói trên đài một hai phen. Nói chuyện nhà ở nhiều điều khôn ngoan lắm. Nhưng đấy thì hẳn không phải là ngài, thưa ngài?”

“Ồ không đâu,” tôi bật cười nói. Tới đây, phải nói tôi hoàn toàn không hiểu điều gì đã khiến tôi thốt ra câu tiếp theo đây; tôi chỉ biết là lúc ấy câu đó dường như cần thiết trong hoàn cảnh đó. Bởi tiếp đó tôi đã nói, “Thực tế là tôi thường liên quan tới công chuyện quốc tế hơn là sự vụ trong nước. Nghĩa là chính sách đối ngoại.”

Tôi có hơi sững sốt bởi tác động của câu nói này tới cử tọa. Nói vậy có nghĩa là, dường như tất cả họ đều chìm vào cảm giác kính sợ. Tôi vội nói thêm, “Xin nói lại với các vị, tôi không bao giờ nắm giữ chức vụ cao cấp gì đâu. Bất cứ ảnh hưởng nào tôi có hoàn toàn là với tư cách không chính thức.” nhưng sự im lặng nín thở còn kéo dài thêm vài giây nữa.

“Xin phép ngài,” cuối cùng bà Taylor nói, “nhưng ngài có từng gặp ông Churchill bao giờ chưa ạ?”

“Ông Churchill à? Ông có tới nhà một vài dịp thực đấy. Nhưng nói đúng ra thì, bà Taylor ạ, trong khoảng thời gian tôi dính líu nhiều nhất với việc quốc gia đại sự thì ông Churchill còn chưa phải nhân vật cốt cán như sau này, và cũng không ai thực tình nghĩ ông ấy sẽ đóng vai trò gì lớn. Thời gian ấy những người như ông Eden hay Tử tước Halifax thường xuyên lui tới hơn nhiều.”

“Nhưng ngài đã thực tình gặp mặt ông Churchill rồi ư, thưa ngài? Có thể nói ra điều này thật là vinh hạnh biết mấy.”

“Tôi không đồng tình với nhiều điều ông Churchill nói,” ông Harry Smith lên tiếng, “nhưng không nghi ngờ gì nữa, ông ấy là

một người vĩ đại. Được bàn bạc mọi vấn đề với những người như ông ấy thật là một điều đáng kể, thưa ngài.”

“À, tôi phải nhắc lại lần nữa,” tôi nói, “tôi không có nhiều sự vụ phải liên quan tới ông Churchill. Nhưng như ông đã nói rất đúng, quả là một điều hay khi được giao thiệp với ông ấy. Thực tế là, xét trên tất cả, tôi đoán mình đã thực sự rất may mắn, tôi sẵn sàng thừa nhận điều này. Suy cho cùng thì tôi đã có cơ duyên không chỉ gặp gỡ ông Churchill, mà cả rất nhiều nhà lãnh đạo tài ba cùng những người có tầm ảnh hưởng to lớn - từ Hoa Kỳ cũng như Âu châu. Và khi nghĩ rằng vận may ấy đã cho phép tôi tỏ bày với họ về rất nhiều vấn đề lớn của thời đại, vâng, khi nghĩ lại về chuyện đó, tôi quả có cảm thấy biết ơn mức nào đó. Suy cho cùng, đúng thực là vinh hạnh lớn khi đã được trao cho một vai diễn, dù nhỏ đến đâu, trên sân khấu thế giới.”

“Thứ lỗi cho tôi hỏi một điều, thưa ngài,” ông Andrews nói, “*nhưng* ông Eden là loại người thế nào vậy? Tôi muốn nói là như một con người ấy. Tôi vẫn luôn có cảm tưởng ông đó là người đáng hoàng kinh khủng khiếp. Là kiểu người có thể nói chuyện với bất kỳ ai dù cao hay thấp, dù giàu hay nghèo ấy. Tôi nghĩ thế có đúng không, thưa ngài?”

“Tôi cho rằng về đại thể đó là một hình dung chính xác. Nhưng đương nhiên những năm này tôi không gặp ông Eden nữa, và có thể ông đã thay đổi nhiều dưới những áp lực gần đây. Một điều tôi đã được chứng kiến là, trở thành nổi tiếng có thể khiến người ta thay đổi không nhận ra được chỉ trong mấy năm ngắn ngủi.”

“Điều đó thì không phải nghi ngờ gì nữa, thưa ngài,” ông Andrews nói. “Đến ngay cả Harry đây. Anh ta dính vào chính trị mấy năm trước rồi từ đó không bao giờ như xưa nữa.”

Tất cả lại cười rộ, còn ông Harry Smith nhún vai và cũng tự cho phép mình thoáng một nụ cười. Rồi ông nói, “Quả đúng là công sức tôi bỏ vào vận động bầu cử cũng phải nói là ra trò đấy. Dù là vận động cấp cơ sở thôi, mà tôi cũng chẳng bao giờ được gặp ai cao sang bằng nửa những người giao du với ngài, thưa ngài, nhưng tôi tin mình cũng đang đóng góp phần nhỏ bé của

mình. Cứ tôi thấy thì, Anh quốc là một xứ theo chế độ dân chủ, và người làng này chúng tôi cũng đã chịu gian khổ như bất kỳ ai khác khi chiến đấu để nó tiếp tục được là một xứ dân chủ. Giờ thì thực hiện quyền của mình là trách nhiệm của chúng ta, từng người trong số chúng ta. Có những cậu rất khá trong làng này đã hiến cả mạng mình để chúng ta có được cái đặc quyền ấy, và cứ tôi thấy thì từng người trong số chúng tôi giờ đây đều mang nợ họ và có trách nhiệm phải thực hiện đặc quyền ấy. Ở đây ai cũng có chính kiến kiên định, và chúng tôi có trách nhiệm làm cho ý kiến ấy được nghe thấy, ừ thì chúng tôi ở nơi hẻo lánh thật đấy, một cái làng bé bằng lỗ mũi, đầu mỗi ngày một bạc thêm, làng mỗi ngày một neo người thêm. Nhưng cứ tôi thấy thì chúng tôi nợ họ điều đó, những cậu trai đã mất của làng. Chính vì thế, thưa ngài, giờ đây tôi bỏ chừng ấy thời gian để làm sao cho tiếng nói của chúng tôi vang lên tận những chỗ cao trên kia. Và nếu vì thế mà tôi đổi khác đi, hay xuống mồ sớm hơn dự định, thì tôi cũng không hiềm gì hết.”

“Tôi đã báo trước rồi mà, thưa ngài,” ông Taylor mỉm cười nói. “Không thể nào có chuyện Harry để cho một nhân vật ảnh hưởng như ngài đây đi qua làng này mà thoát được bài ca bất tận của anh ta đâu.”

Chung quanh lại cười lớn, nhưng tôi đáp gằn như tức thì, “Tôi nghĩ là tôi rất hiểu lập trường của ông, ông Smith ạ. Tôi hiểu rõ rằng ông muốn thế giới này tốt đẹp hơn, và muốn ông cùng những bạn dân làng ở đây có cơ hội đóng góp xây dựng thế giới tốt đẹp hơn. Tình cảm ấy rất đáng ca ngợi. Tôi dám nói rằng cũng chính một thôi thúc tương tự vậy đã khiến tôi góp phần mình vào những việc đại sự hồi trước chiến tranh. Thời đó, cũng như thời nay, hòa bình thế giới có vẻ là một thứ mong manh chực vượt khỏi tay ta, và tôi muốn thực hiện phần mình.”

“Xin bỏ quá cho, thưa ngài,” ông Harry Smith nói, “nhưng ý tôi có hơi khác ý ngài. Với những người như ngài đây thì trước nay gây ảnh hưởng là chuyện dễ như trở bàn tay. Mấy ông to bà lớn của đất nước chẳng qua là bạn bè ngài. Nhưng bây giờ chúng tôi ở đây, ngài ạ, chúng tôi có khi sống rong rã hàng năm giờ cũng

chả bao giờ thấy lọt vào mắt một ông quý tộc thực sự - có lẽ trừ ra có bác sĩ Carlisle. Ông là một bác sĩ thượng hạng thật đấy, nhưng nói không phải chê bai gì, ông không có *quan hệ* tốt. Ở đây chúng tôi dễ dàng quên đi trách nhiệm công dân của mình. Chính vì thế tôi mới phải bỏ công bỏ sức đi vận động như vậy. Người khác có đồng ý hay phản đối - và tôi biết chắc ở trong phòng này bây giờ không có lấy một ai đồng ý với *mọi điều* tôi nói cả - thì ít nhất tôi cũng sẽ bắt họ phải nghĩ. Ít nhất tôi sẽ bắt họ nhớ rằng họ có cái bốn phần ấy. Chúng ta đang sống trong một nước dân chủ cơ mà. Chúng ta đã chiến đấu để có nó. Chúng ta đều phải thực hiện phần của mình.”

“Không biết ông bác sĩ sao rồi,” bà Smith nói. “Tôi nghĩ là giờ ông khách đã tới lúc cần được nghe chút lời lẽ *học thức* rồi đấy.”

Chung quanh lại cười âm hơn nữa.

“Thực tế là,” tôi nói, “dù được gặp tất cả quý vị đây thực là vui mừng quá đổi, nhưng tôi phải thú nhận mình đã bắt đầu thấm mệt rồi...”

“Dĩ nhiên rồi, thưa ngài,” bà Taylor đáp, “ngài hẳn là rất mệt. Hay là để tôi đi kiếm cái chăn nữa cho ngài nhé. Giờ đêm buốt hơn trước nhiều rồi.”

“Thực sự không cần, bà Taylor ạ, tôi như vậy là thoải mái rồi.”

Nhưng tôi chưa kịp đứng dậy khỏi bàn thì ông Morgan đã nói, “Tôi vừa chợt nghĩ, thưa ngài, có một ông này chúng tôi thích nghe trên máy thu thanh, tên Leslie Mandrake. Tôi vừa chợt nghĩ không biết ngài có dịp nào gặp ông ấy chưa.”

Tôi đáp rằng chưa, và lại chuẩn bị tìm cách cáo lui lần nữa thì lại tiếp tục bị giữ chân bởi những lời gặng hỏi về nhân vật này nọ biết đâu tôi đã gặp. Vậy là tôi vẫn còn ngồi ở bàn khi bà Smith lên tiếng, “A, có người đến kìa. Tôi đoán rốt cuộc thì ông bác sĩ cũng tới rồi.”

“Tôi thực sự cần lui về phòng,” tôi nói. “Tôi đã mệt lả rồi.”

“Nhưng tôi đoán chắc lần này là ông bác sĩ mà, thưa ngài,” bà Smith nói. “làm ơn đợi thêm dăm phút nữa thôi.”

Bà vừa nói đến đó thì nghe tiếng gõ cửa và tiếng người nói, “Là tôi thôi, bà Taylor.”

Vị khách được dẫn vào vẫn còn khá trẻ - có lẽ trạc độ tứ tuần - cao, gầy; thực tế là cao đến mức ông buộc phải cúi khom người mới đi qua được cửa nhà. Ông vừa cất lời chào buổi tối xong một lượt thì bà Taylor đã nói, “Vị mà chúng tôi nói đến đây này, thưa bác sĩ. Xe của ông ấy bị kẹt ngoài kia, trên Bụi Thornley, và hậu quả là ông phải chịu trận bài diễn từ của Harry.”

Viên bác sĩ đi lại bàn, chìa tay cho tôi.

“Richard Carlisle,” ông nói với nụ cười tươi rói khi tôi đứng dậy bắt tay. “Vụ xe cộ của bác thật rủi quá nhỉ. Tuy vậy, tôi tin bác đang được chăm sóc tốt ở đây. Mà xem ra có vẻ quá tốt nữa là khác.”

“Cám ơn ông,” tôi đáp lại. “Mọi người đều rất tử tế.”

“À, rất vui được gặp bác ở đây.” Bác sĩ Carlisle ngồi xuống bàn gần như ngay đối diện tôi. “Bác từ đâu đến?”

“Oxfordshire,” tôi đáp, và quả thực không dễ mà trấn áp cái bản năng cứ muốn thêm vào “thưa ngài”.

“Một vùng rất đẹp. Tôi có ông cậu sống ngay ngoại ô Oxford. Một vùng rất đẹp.”

“Bác sĩ ạ, vị đây vừa kể với chúng tôi,” bà Smith nói, “ông ấy quen ông Churchill đấy.”

“Thế à? Tôi từng quen một người cháu của ngài, nhưng giờ nói chung là ít qua lại. Tuy nhiên con người vĩ đại ấy thì tôi chưa có hân hạnh gặp.”

“Không chỉ ông Churchill đâu,” bà Smith nói tiếp. “Ông ấy quen cả ông Eden. Cả Thủ tướng Halifax nữa.”

“Thật hả?”

Tôi cảm thấy ánh mắt người bác sĩ đang dò xét mình. Tôi toan cất lời đáp thích hợp, nhưng chưa kịp làm vậy thì ông Andrews đã nói với ông bác sĩ, “Vị đây vừa cho chúng tôi biết mình có liên quan rất nhiều với công tác đối ngoại thời kỳ trước.”

“Thật vậy cơ hả?”

Tôi cảm giác bác sĩ Carlisle tiếp tục nhìn mình một khoảng thời gian dài bất thường. Rồi ông lấy lại vẻ tươi tỉnh và hỏi, “Bác

đi chơi quanh đây hân?”

“Chủ yếu là vậy,” tôi đáp và cười khẽ.

“Quanh đây đồng đất xinh đẹp lắm. À mà này, ông Andrews ạ, tôi xin lỗi vẫn chưa trả lại cái cửa được.”

“Vội gì đâu, bác sĩ.”

Trong một lúc, chúng quanh thôi tập trung vào tôi và tôi có thể im lặng được chốc lát. Rồi nhân một thời điểm có vẻ thích hợp, tôi đứng lên và bảo, “Xin phép các vị. Thực là một buổi tối vui vẻ hết sức, nhưng giờ thì tôi thực sự phải về nghỉ rồi.”

“Ngài phải đi nghỉ sớm thế thật là tiếc quá, thưa ngài,” bà Smith nói. “Bác sĩ vừa mới tới thôi mà.”

Ông Harry Smith cúi người qua người vợ, nói với bác sĩ Carlisle, “Tôi đang mong vị đây sẽ muốn nói vài lời về các ý tưởng của ông về Đế chế Anh, thưa bác sĩ.” Rồi ông quay qua tôi nói tiếp, “Bác sĩ của chúng tôi đây ủng hộ mấy cái nước nhỏ tí ấy độc lập hết cả đi. Tôi không có đủ kiến thức để chứng tỏ ông sai, dù tôi thừa biết thế. Nhưng tôi từ lâu đã mong được biết những người như ngài đây sẽ nói gì với bác sĩ về chủ đề ấy, thưa ngài.”

Lần nữa, bác sĩ Carlisle dường như lại nhìn xoáy vào tôi. Rồi ông nói: “Tiếc thật, nhưng chúng ta phải trả khách về giường thôi. Nhìn bác như vừa trải qua một ngày rất mệt.”

“Thực vậy,” tôi nói và lại khẽ cười, bắt đầu đi vòng qua bàn. Nhưng thực xấu hổ làm sao, cả phòng đứng dậy, không trừ cả bác sĩ Carlisle.

“Cám ơn quý vị rất nhiều,” tôi mỉm cười đáp. “Bà Taylor, bữa tối hôm nay thực là tuyệt vời quá. Chúc tất cả các vị ngủ ngon.”

Đáp lời tôi là một tràng đồng thanh, “Chúc ngài ngủ ngon”. Tôi đã gần ra khỏi phòng thì giọng người bác sĩ khiến tôi dừng lại bên cửa.

“Này bác ơi,” ông nói, và khi quay lại, tôi thấy ông vẫn còn đứng. “Sáng sớm mai tôi có việc phải tới Stanbury. Tôi sẽ rất vui được chở bác tới chỗ xe đậu. Đỡ công bác cuộc bộ. Và trên đường ta có thể ghé mua can xăng ở chỗ Ted Hardacre.”

“Ông thực tử tế quá,” tôi đáp. “Nhưng tôi không muốn gây phiền cho ông.”

“Phiền hà gì đâu. Bảy giờ ba mươi được chứ?”

“Như thế thì thực cảm ơn ông quá.”

“Được rồi, vậy bảy giờ ba mươi. Bà Taylor nhớ lo cho vị khách quý trở dậy ăn sáng sẵn sàng lúc bảy giờ ba mươi nhé.” Rồi ông quay lại tôi, nói thêm, “Như vậy rồi cuộc chúng ta cũng được trò chuyện với nhau. Dù Harry đây sẽ không có được cái khoái cảm thấy tôi bị bề mặt.”

Tiếng cười lại rộ lên, cùng một tràng “chúc ngủ ngon” nữa trước khi rồi cuộc tôi cũng được rời về chốn ẩn náu trong căn phòng này.

*

Hẳn là tôi chẳng thể quá lời về cảm giác gương gạo trong tôi suốt tối nay bởi sự lầm lẫn đáng tiếc về nhân thân mình. Tôi chỉ có thể ghi lại ở đây rằng, hết sức thành thực mà nói, tôi không nhìn ra có phương cách hợp lẽ nào giúp tôi ngăn chặn sự tình diễn biến theo cách đó; bởi tới thời điểm tôi nhận thức được điều gì đang xảy ra, thì tình hình đã đi quá xa và tôi không thể cải chính những người ở đó mà không khiến tất cả đều sượng mặt. Dù thế nào thì, tuy sự tình tối nay thực đáng tiếc, nhưng tôi không cho rằng có điều gì thực sự phương hại đã xảy ra. Suy cho cùng, tới sáng mai, tôi sẽ cáo biệt những người này và hẳn sẽ không bao giờ tái ngộ họ. Ôm chuyện này trong bụng xem ra cũng không ích gì.

Tuy nhiên, trừ lầm lẫn đáng tiếc ấy ra, có lẽ những sự kiện tối nay còn có một hai khía cạnh đáng cho người ta suy nghĩ đôi chút - dù chỉ vì lẽ nếu không làm thế, chúng có thể quay lại quấy quả suốt những ngày sau. Tỷ dụ như là những gì ông Harry Smith đã phát biểu về bản chất của “phẩm cách”. Hẳn nhiên trong những ý kiến của ông ta, chẳng có mấy điều xứng được đánh giá nghiêm túc. Đương nhiên, người ta phải nhận rằng ông Harry Smith đã dùng chữ “phẩm cách” theo một nghĩa rất khác so với cách hiểu của chính tôi. Dù thế đi nữa, xét riêng trên bình diện của ông thôi, thì những nhận định đó chắc chắn cũng là quá lý tưởng chủ nghĩa, quá lý thuyết không thể nhìn nhận nghiêm túc được. Hẳn nhiên, những điều ông nói chứa một

phần sự thực đến độ nào đó: trong một đất nước như nước ta, có thể con người quả có bốn phận tới mức nào đó phải suy nghĩ về những việc đại sự, và hình thành chủ kiến của mình. Nhưng trong cuộc sống này, làm sao có thể thực sự trông đợi những người bình thường lại có “chính kiến kiên định” về đủ chuyện trên đời - như ông Harry Smith đã, khá viển vông, tuyên bố rằng mọi dân làng mình đều vậy? Mà không chỉ là thiếu thực tiễn, tôi còn không biết điều đó có đáng mong ước không. Xét cho cùng, có một giới hạn thực sự cho khả năng học hỏi của những người bình thường; đòi hỏi từng người trong số họ có “chính kiến kiên định” để tham gia luận bàn những câu hỏi lớn của dân tộc, hiển nhiên không thể là điều khôn ngoan được. Và dù sao đi nữa, thực ngớ ngẩn nếu có ai lại tự tiện đi định nghĩa “phẩm cách” của mỗi người theo thước đo ấy.

Tình cờ là, có một sự kiện mà tôi nhớ đến và tin là mình họa khá rõ ràng những điểm hạn chế thực sự của chút chân lý nào khả dĩ có trong lời ông Harry Smith. Việc đó tình cờ là một kinh nghiệm của chính tôi, một sự việc xảy ra từ thời tiền chiến, quãng năm 1935.

Như tôi nhớ, một đêm nọ tôi được triệu đến lúc khuya - khi ấy đã qua nửa đêm - tới phòng tiếp tân nơi huân tước tiếp ba vị khách từ sau bữa tối. Đương nhiên, tối hôm đó tôi đã được gọi lên vài lượt để tiếp thêm đồ giải khát, và trong những lượt ấy đã chứng kiến các vị mải mê bàn luận những vấn đề cao siêu. Tuy nhiên, lần cuối cùng này, khi tôi bước vào phòng, tất cả các vị đều dừng lời nhìn tôi. Rồi huân tước nói, “Anh lại đây một chút được không, Stevens? Ông Spencer đây muốn có lời với anh.”

Vị khách được nêu tên cứ dăm dăm nhìn tôi một hồi mà không đổi tư thế có phần lười lĩnh trong ghế bành. Rồi ông ta nói, “Anh bạn, tôi có câu hỏi này dành cho anh. Chúng tôi cần anh giúp đỡ một vấn đề mà chúng tôi bàn luận nãy giờ. Anh nói xem anh có nghĩ món nợ với nước Mỹ hiện thời là một nhân tố quan trọng gây nên tình hình thương mại ngán ngẩm hiện tại của chúng ta không? Hay anh thấy cái đó chỉ tổ đánh lạc hướng, và chính việc từ bỏ bản vị vàng mới là gốc rễ của vấn đề?”

Đương nhiên, tôi có chút ngạc nhiên trước câu hỏi đó, nhưng rồi nhanh chóng nhận rõ chân tướng tình hình: có nghĩa là, các vị đây rõ ràng trông đợi tôi sẽ ngỡ ngác không hiểu câu hỏi. Thực vậy, trong vòng chừng một khắc tôi vỡ lẽ ra điều đó cũng như sửa soạn lời đáp cho phù hợp, trông tôi có lẽ còn toát ra vẻ đang vất vả suy nghĩ, bởi tôi có thấy các vị trong phòng khoải trá mỉm cười với nhau.

“Tôi rất xin lỗi, thưa ngài,” tôi nói, “nhưng tôi không thể hỗ trợ ngài về vấn đề này.”

Cho tới lúc này thì tôi hoàn toàn kiểm soát tình hình, nhưng các vị kia vẫn cười thầm. Rồi ông Spencer nói, “Vậy có lẽ anh có thể giúp được chúng tôi về vấn đề khác. Anh nghĩ khủng hoảng tiền tệ ở Âu châu hiện thời sẽ khá hơn hay xấu đi nếu người Pháp và phe Bolshevik đạt được thỏa ước quân sự với nhau?”

“Tôi rất xin lỗi, thưa ngài, nhưng tôi không thể hỗ trợ ngài về vấn đề này.”

“Ồi chao ơi,” ông Spencer nói. “Vậy là cả việc này anh cũng chẳng giúp chúng tôi được hả.”

Quanh phòng lại bật lên những tiếng cười cố nén trước khi huân tước bảo, “Tốt lắm, Stevens ạ. Anh ra được rồi.”

“Nào nào, Darlington, tôi vẫn còn một câu muốn hỏi anh bạn đây,” ông Spencer nói. “Tôi hết sức mong được anh ta trợ giúp về câu hỏi hiện đang làm nát óc nhiều người trong số chúng ta, câu hỏi mà chúng ta đều nhận thấy là chủ chốt để quyết xem nên xây dựng chính sách ngoại giao theo hướng nào. Anh bạn, làm ơn hỗ trợ chúng tôi. Ông Laval thực sự nhằm tới điều gì trong bài diễn văn mới đây về tình hình ở Bắc Phi? Anh có đồng quan điểm rằng đây chỉ đơn thuần là mảnh khoe nhằm đánh đấm cánh dân tộc chủ nghĩa bên lề trong nội bộ đảng nhà của ông ta không?”

“Tôi xin lỗi, thưa ngài, nhưng tôi không thể hỗ trợ ngài về vấn đề này.”

“Các vị thấy chưa,” ông Spencer quay qua những người kia nói, “anh bạn chúng ta đây không thể hỗ trợ chúng ta về những vấn đề này.”

Chung quanh lại cười rộ lên, hầu như không buồn nén lại nữa.

“Thế mà,” ông Spencer nói tiếp, “chúng ta vẫn một mực ôm lấy cái quan điểm rằng những quyết định của dân tộc này phải được trao vào tay anh bạn chúng ta đây cùng vài triệu người khác giống như anh ta. Thử hỏi, bị trói buộc vào hệ thống nghị viện đương thời như vậy, phỏng có lạ gì là chúng ta không tìm được cách giải quyết nào cho trăm ngàn khó khăn ta đang đối mặt? Chẳng khác gì đòi một ủy ban từ liên đoàn các mẹ lên kế hoạch cho một chiến dịch thực địa, vậy đấy.”

Tới câu này thì chung quanh cười lớn sảng khoái và ồn ã, lúc đó huân tước lăm râm, “Cám ơn anh, Stevens,” khiến tôi có cơ hội cáo từ.

Dù đây đương nhiên là một tình huống có chút khó chịu, nhưng đấy chẳng phải là việc khó khăn nhất, thậm chí cũng chẳng phải một sự vụ bất thường nảy sinh trong quá trình người ta thực hiện bốn phận của mình, và hẳn quý vị sẽ đồng ý rằng một người làm nghề đảng hoàng cần phải tiếp nhận những sự việc loại ấy một cách điềm tĩnh. Do đó tôi đã hầu như quên mất sự việc này, thì đến sáng hôm sau, Huân tước Darlington tới phòng bi a trong lúc tôi đang đứng trên thang gấp lau số tranh chân dung, nói, “Stevens này, thực là tệ quá đi. Cái việc chúng tôi bắt anh chịu đựng tối qua ấy.”

Tôi dừng tay đang làm, đáp, “Đâu có gì, thưa ngài. Được giúp đỡ chút nào tôi rất lấy làm vui sướng.”

“Thực là tệ quá. Tôi đoán là bữa tối chúng tôi đã hơi vui quá đà. Xin anh hãy nhận lời tạ lỗi của tôi.”

“Tôi xin cảm ơn, thưa ngài. Nhưng xin được cam đoan tôi hoàn toàn không thấy phiền hà gì đáng kể.”

Huân tước vẻ khá mệt mỏi bước tới một chiếc ghế bành da, ngồi xuống thở dài. Từ vị trí trên đỉnh thang nhìn xuống, tôi gần như thấy trọn vẹn thân mình dài của ngài lọt trong vệt ánh nắng đông đổ vào khung cửa sổ đôi lớn mà vắt qua gần hết gian phòng. Cái thời điểm ấy, như tôi nhớ, thuộc vào số những khoảnh khắc đủ làm người ta sức nhận ra những áp lực cuộc đời đã đè nặng xuống huân tước đến mức nào, trong một khoảng

thời gian vài năm tương đối ngắn. Thân hình vốn mảnh dẻ của ngài giờ đã gầy vơ vằng và còn hơi xộc xệch, tóc bạc sớm, gương mặt hốc hác căng thẳng. Trong một lúc, ngài ngồi nhìn những nếp đôi ngoài cửa sổ, rồi nhắc lại, “Quả thực là tệ. Nhưng Stevens ạ, anh thấy đó, ông Spencer cần chứng tỏ một điều với Sir Leonard. Thực tế là, nếu nhờ thế mà người ngoài được phần nào, anh quả đã giúp chúng mình một điểm hết sức quan trọng. Sir Leonard vừa mới rao giảng quá nhiều mấy tư duy tầm bậy cũ kĩ ấy. Rằng ý nguyện của nhân dân là tài phán khôn ngoan nhất, vân vân. Anh có tin nổi không chứ, Stevens?”

“Thực vậy, thưa ngài.”

“Ở cái đất nước này chúng ta thực chậm chạp khi cần nhận ra thứ gì đã tới lúc lỗi thời. Những dân tộc lớn khác hiểu rõ rằng muốn đương đầu với những thử thách của mỗi thời kỳ mới, cần phải vứt bỏ những phương pháp cũ, dù là những phương pháp được yêu mến. Ở Anh quốc này thì không, vẫn còn hàng bao nhiêu người nói năng như Sir Leonard đêm qua đó. Chính vì thế mà ông Spencer thấy cần phải chứng minh luận điểm của mình. Và tôi xin nói với anh, Stevens ạ, nếu những người như Sir Leonard mà có thể thức tỉnh và suy xét lại đôi chút, thì anh cứ tin lời tôi rằng việc anh chịu đựng tối qua không phải là phí hoài đâu.”

“Thực vậy, thưa ngài.”

Huân tước Darlington lại thở dài. “Chúng ta lúc nào cũng là người cuối, Stevens ạ. Bao giờ cũng là người cuối cùng bám víu lấy những hệ thống đã lỗi thời. Nhưng sớm muộn gì ta cũng phải đối mặt với sự thực thôi. Chế độ dân chủ thuộc về một thời đại đã qua rồi. Giờ thế giới đã trở nên một nơi quá sức phức tạp, không có chỗ cho phổ thông đầu phiếu cùng những thứ loại đó. Cho những nghị viên tiếp nối nghị viên bàn ra tán vào đến mức giậm chân tại chỗ. Vài năm trước thì có thể hay đẹp đấy, nhưng trong cái thế giới hiện nay? Tối qua ông Spencer đã nói gì nhỉ? Ông ta có cách diễn đạt hay lắm.”

“Thưa ngài, tôi tin rằng ông ấy đã so sánh chế độ nghị viện đương thời với một ủy ban từ liên đoàn các mẹ tìm cách lên kế

hoạch cho một chiến dịch thực địa.”

“Chính xác, Stevens ạ. Nói thẳng ra là chúng ta đã đi sau thời đại ở đất nước này. Và điều cốt tử là mọi con người có tầm nhìn xa phải nạp được ý nghĩ này vào đầu những người như Sir Leonard.”

“Thực vậy, thưa ngài.”

“Stevens, tôi hỏi anh. Chúng ta đang ở giữa một cuộc khủng hoảng triền miên. Tôi đã tận mắt mình trông thấy khi đi lên Bắc cùng với ông Whittaker. Dân chúng đang chịu khổ. Những người lao động bình thường, đảng hoàng đang chịu khổ sở hết sức. Đức, Ý đã ra tay chấn chỉnh yên ổn, họ đã hành động. Cả cái cánh Bolshevik kia, theo cách riêng của họ, cũng có thể cho là đã hành động. Ngay đến cả Tổng thống Roosevelt, nhìn xem, ông ấy đâu có ngại đi vài bước táo bạo để lợi cho nhân dân mình. Rồi thì nhìn chúng ta đây, Stevens. Năm lại năm qua, chẳng có gì khá lên cả. Chúng ta chỉ làm mỗi việc là tranh luận bàn cãi rồi trì hoãn. Mỗi ý tưởng đảng hoàng bắt buộc phải đi qua ngàn vạn ủy ban đều bị sửa đổi tới thành vô hiệu khi mới được nửa đường. Vài ba người có trình độ phân biệt được thứ gì với thứ gì thì lại bị đủ những người dốt nát vây quanh bàn thảo đến mức giậm chân tại chỗ. Anh thấy thế nào, Stevens?”

“Quả thực đất nước dường như đang ở vào tình trạng đáng buồn, thưa ngài.”

“Tôi dám nói thế đấy. Anh nhìn Đức với Ý xem, Stevens. Xem lãnh đạo cương quyết nếu được phép hành động thì có thể làm được những gì. Ở đó làm gì có cái lối đầu phiếu phổ thông tầm bậy này. Khi nhà bị cháy thì không ai gọi cả nhà vào phòng tiếp tân mà bàn cãi các phương án thoát nạn mất một giờ liền, hả? Có thể trước kia thì rất hay đấy, nhưng giờ đây thế giới là một nơi chốn phức tạp. Làm sao trông đợi một người dân bất kỳ lại có đủ tri thức về chính trị, kinh tế, thương mại toàn cầu với vô số thứ khác được. Mà anh ta cần biết làm gì? Thực tế là đêm qua anh đã trả lời rất hay, Stevens ạ. Anh diễn đạt thế nào nhỉ? Đại loại là việc đó không nằm trong phạm vi của anh? Ừ, tại sao lại phải nằm trong phạm vi của anh chứ?”

Khi nhớ lại những lời đó tôi nhận ra rằng, đương nhiên, rất nhiều ý tưởng của Huân tước Darlington ngày nay sẽ có vẻ khá kỳ khôi - thậm chí nhiều khi còn xấu xí. Nhưng dĩ nhiên, không thể phủ nhận rằng có một phần sự thực quan trọng trong những điều ngài nói với tôi sáng ấy trong phòng bí a. Đương nhiên, phải ngó ngẩn lăm mới nghĩ rằng một quản gia bất kỳ lại ở vào vị thế giải đáp được một cách có thẩm quyền những câu hỏi như ông Spencer đã đặt cho tôi tối đó, và tuyên bố của những người như ông Harry Smith rằng “phẩm cách” tùy thuộc vào việc người ta trả lời được những câu hỏi ấy là một điều tầm bậy rành rành. Chúng ta hãy xác nhận cho thực rõ điều này: bổn phận của người quản gia là thực hiện tốt công việc phục vụ. Chứ không phải là nhúng tay vào những việc quốc gia đại sự. Thực tế là, những việc đại sự như thế sẽ luôn luôn ở ngoài tầm hiểu biết của những người như quý vị hay tôi, và trong chúng ta những ai mong muốn lập nên công trạng nào đó phải nhận ra rằng cách tốt nhất để được như vậy là tập trung vào những gì nằm trong phạm vi của chúng ta; nói cách khác, nghĩa là dồn hết tâm sức phục vụ cho tốt những vị đại nhân thực sự nắm trong tay số phận của nền văn minh. Điều này có vẻ quá hiển nhiên, nhưng mặt khác người ta có thể dẫn ngay ra quá nhiều trường hợp quản gia nghĩ khác hẳn, ít nhất trong một giai đoạn. Thực vậy, phát ngôn của ông Harry Smith tối nay rất giống với thái độ lý tưởng chủ nghĩa đã ăn sâu vào một bộ phận không nhỏ thế hệ chúng tôi suốt những năm hai mươi và ba mươi. Tôi đang muốn nói đến trường phái có ý kiến rằng mỗi quản gia thực sự có tâm nguyện cao vời phải coi mình có trách nhiệm vĩnh viễn đánh giá người chủ của mình - cân đo đong đếm những động cơ của họ, phân tích hệ quả những quan điểm của họ. Lập luận của các quản gia ấy là, chỉ có như vậy người ta mới có thể tin rằng những năng lực của mình đang được sử dụng vào một mục đích đáng quý. Dù người ta có đồng cảm tới một mức nhất định với tình cảm lý tưởng trong lập luận kiểu ấy, nhưng không thể nghi ngờ rằng điều đó, cũng như tình cảm mà ông Smith tỏ bày tối nay, xuất phát từ một kiểu tư duy lăm lặc. Chỉ cần nhìn những quản gia đã cố hiện thực hóa lối tiếp cận này, người ta sẽ thấy

hậu quả trực tiếp là sự nghiệp của họ - và là những sự nghiệp rất nhiều triển vọng trong nhiều trường hợp - đã đi tới chỗ tiêu vong. Tôi có quen trực tiếp ít nhất hai người đồng liêu, cả hai đều có trình độ, cứ đi từ người chủ này đến gia đình kia, luôn luôn bất thỏa, không bao giờ trụ lại, cho tới khi cuối cùng họ mất tâm luôn. Xảy ra việc như vậy cũng là một điều chẳng hề đáng ngạc nhiên. Bởi về thực tiễn, không thể có khả năng dùng con mắt phán xét như vậy nhìn nhận chủ mình mà vẫn phục vụ người đó tử tế được. Không chỉ vì người ta khó đáp ứng được những yêu cầu khắt khe của nghề phục vụ ở đẳng cấp cao nếu để mình phân tâm vì những sự việc loại đó, mà căn cốt hơn, một quản gia mãi mãi bỏ công lập nên những “chính kiến kiên định” về công việc của chủ mình chắc chắn sẽ đánh mất phẩm chất cốt yếu duy nhất của mỗi người quản gia đáng giá: đấy là lòng trung thành. Xin đừng hiểu lầm ý tôi; tôi không nói đến thứ “lòng trung thành” mù quáng mà những chủ nhân tâm thường hay viện dẫn và than thở khi thấy mình không thể giữ chân những người phục vụ trình độ cao. Thực vậy, tôi chắc chắn không thuộc loại người cổ động đem hiến lòng trung thành bữa bái cho quý ông quý bà nào tình cờ dùng đến mình trong một thời gian. Tuy nhiên, nếu người quản gia muốn có chút giá trị nào đối với việc gì hay ai trong cuộc đời mình, hẳn nhiên sẽ phải đến lúc anh ta dừng cuộc tìm kiếm; phải đến lúc anh ta tự nhủ, “Người chủ này là hiện thân của tất cả những gì mình cho là đáng ngưỡng mộ và cao quý. Vậy nên từ giờ trở đi mình sẽ tận tụy phục vụ ông ta.” Đây là lòng trung thành được trao đi một cách *thông minh*. Việc này thì có gì “thiếu phẩm cách”? Chỉ là người ta chấp nhận một sự thực không cách nào tránh khỏi: rằng những kẻ như quý vị hay tôi sẽ không bao giờ ở vào vị thế có thể hiểu được những đại sự của thế giới ngày nay, và phương hướng hành động tốt nhất cho chúng ta luôn là đặt niềm tin vào một người chủ mà ta thấy là thông thái và trọng danh dự, và dành trọn sức lực mình phục vụ ông bằng hết khả năng mình. Hãy nhìn những người như ông Marshall chẳng hạn, hay ông Lane - chắc chắn là hai nhân vật mẫu mực nhất trong nghề này. Ta có thể nào tưởng tượng ông Marshall tranh biện với Huân

tước Camberley về lá thư mới nhất của ngài gửi Bộ Ngoại giao không? Ta có kém phần khâm phục ông Lane nếu biết ông không có thói quen chất vấn Sir Leonard Grey trước mỗi lần ngài phát biểu ở Viện thứ dân? Dĩ nhiên là không. Như vậy có gì là “thiếu phẩm cách”, như vậy có gì là đáng quở? Làm sao người ta có thể bị kết tội theo bất cứ nghĩa nào chỉ vì, chẳng hạn, thời gian trôi qua đã chứng minh rằng những nỗ lực của Huân tước Darlington là lầm lạc, thậm chí xuẩn ngốc? Qua suốt những năm tôi phục vụ ngài, chỉ có ngài và một mình ngài cân nhắc các dữ kiện và kết luận tốt nhất là hành động như ngài đã chọn, còn tôi chỉ đơn giản hạn chế mình, một cách đúng mực, trong những việc thuộc phạm vi nghề nghiệp của mình. Và cứ như tôi thấy, tôi đã thực hiện bốn phận của mình bằng trọn vẹn khả năng mình có, thực vậy, lên tới tiêu chuẩn mà rất nhiều người có lẽ sẽ coi là “ngoại hạng”. Thực không phải là lỗi của tôi nếu ngày nay nhìn lại, cuộc đời và sự nghiệp của huân tước lại thành ra khá nhất cũng là một sự hoài phí đáng buồn - và cũng thực không hợp lẽ nếu mong chờ tôi về phần mình cảm thấy hối tiếc hay hổ thẹn.

Ngày thứ tư - Chiều
Compton Nhỏ, Cornwall

Cuối cùng tôi đã đến Compton Nhỏ, và vào chính lúc này đang ngồi trong nhà ăn khách sạn Vườn Hồng, vừa kết thúc bữa trưa. Ngoài kia, mưa rơi đều.

Khách sạn Vườn Hồng, dù khó có thể gọi là sang trọng, lại chắc chắn là một nơi ấm cúng thoải mái, và người ta khó mà tiếc khoản chi phí phụ trội khi trọ lại đây. Khách sạn nằm ở nơi rất tiện ngay góc quảng trường làng, là một tòa nhà biệt thự khá xinh xắn phủ kín dây thường xuân, ước đoán có thể chứa được chừng ba chục khách nghỉ. Tuy nhiên, cái “nhà ăn” hiện tôi đang ngồi đây lại là một phần phụ theo kiểu hiện đại xây liền vào nhà chính - một căn phòng dài trần thấp, hai bên là hai dãy cửa sổ lớn. Từ một bên có thể nhìn thấy quảng trường làng; còn bên kia nhìn ra vườn hậu, mà có lẽ nhờ đó có tên này. Khu vườn có vẻ được che chắn kín gió, quanh vườn sắp nhiều bàn, và tôi đoán khi nào trời đẹp hẳn là một nơi dễ chịu để tiến hành ăn uống hay dùng đồ giải khát. Thực tế là tôi biết mới vừa lúc trước, đã có vài người khách khởi sự dùng bữa trưa ngoài đó, để rồi bị gián đoạn bởi mây dông đe dọa kéo tới. Khi tôi được đưa vào phòng này chừng một giờ trước, nhân viên đang vội vã dọn dẹp hết các bàn ngoài vườn - trong khi thực khách mới đây ngồi quanh bàn, một vị vẫn còn giắt khăn ăn trên áo, đang đứng có phần bơ vơ gần đó. Rồi nháy mắt sau, cơn mưa đổ xuống, dữ dội đến mức trong một lúc dường như mọi khách đều dừng bữa chỉ để nhìn ra ngoài cửa sổ.

Bàn của tôi thì ở mé nhìn ra quảng trường, và vì thế gần hết tiếng đồng hồ vừa rồi tôi đã ngắm mưa rơi xuống quảng trường, xuống cỡ Ford cùng một hai cỡ xe khác đậu ngoài đó. Giờ mưa đã dịu đi, nhưng vẫn còn rất to đủ khiến người ta phải bỏ ý nghĩ đi ra ngoài dạo bộ quanh làng. Đương nhiên, tôi đã nghĩ tới khả năng có thể lên đường đi gặp cô Kenton luôn bây giờ; nhưng mặt khác trong lá thư biên cho cô, tôi đã thông báo sẽ ghé lúc ba giờ chiều, và có lẽ tới đường đột trước giờ hẹn thì không hay

lắm. Vì vậy nếu chốc nữa mưa không tạnh, khả năng rất cao là tôi sẽ tiếp tục ngồi uống trà ở đây cho tới thời điểm thích hợp để khởi hành. Tôi đã được thông tin từ cô gái phục vụ bữa trưa rằng địa chỉ cô Kenton hiện đang cư ngụ ở cách đây chừng mười lăm phút đi bộ, có nghĩa là tôi còn ít nhất bốn mươi phút chờ đợi nữa.

Tiện đây xin nói rằng, tôi không ngờ tới mức không sửa soạn tinh thần đón nhận thất vọng. Tôi ý thức quá rõ rằng mình không hề nhận được thư hồi âm của cô Kenton cho biết cô hoan nghênh cuộc gặp với tôi. Tuy nhiên, bởi biết rõ cô Kenton từ trước, tôi thiên về nghĩ rằng không có thư có thể hiểu là chấp thuận; giả sử cuộc gặp như vậy bất tiện cho cô vì nguyên do nào đó, tôi cảm chắc cô sẽ không ngần ngại mà báo với tôi ngay. Hơn nữa, tôi đã ghi rõ trong thư rằng mình đặt phòng lưu trú tại khách sạn này, và nếu có tin gì vào phút cuối có thể nhắn cho tôi ở đây; việc không có tin nhắn nào đang chờ tôi ở đây, tôi tin có thể coi là thêm một lý do giả định rằng tất cả đều êm đẹp.

Cơn mưa như trút hiện thời có khiến tôi ngạc nhiên, vì buổi sáng hôm nay bắt đầu bằng nắng mai rực rỡ như tôi đã được hưởng mỗi sáng kể từ ngày rời Dinh Darlington. Thực tế là ngày hôm nay bắt đầu nhìn chung tốt đẹp, với bữa sáng bằng trứng gà thả vườn và bánh mì nướng, do bà Taylor dọn cho tôi, và bởi bác sĩ Carlisle ghé đúng bảy rưỡi sáng như đã hẹn, tôi đã có thể cáo từ ông bà Taylor - vẫn một mực chối từ mọi cố gắng đền đáp - trước khi có dịp nảy sinh thêm cuộc đối thoại xấu hổ nào khác.

“Tôi kiếm được can xăng cho bác,” bác sĩ Carlisle tuyên bố khi hướng dẫn tôi vào ghế phụ cổ Rover của ông. Tôi cảm ơn ông đã chu đáo, nhưng khi tôi đặt câu hỏi về số tiền cần gửi lại, thì cả ông cũng nhất định không chịu.

“Vớ vẩn nào, bố già. Tôi moi ra được có tí trong xó nhà để xe ấy mà. Nhưng cũng đủ cho bác đến cổng Crosby rồi tha hồ mà đổ.”

Trung tâm làng Moscombe hiện ra trong nắng mai gồm vài cửa hiệu nhỏ vây quanh một nhà thờ, chính là nhà thờ có tháp tôi đã nhìn thấy từ trên đồi tối qua. Tuy nhiên, tôi không có thời

giờ quan sát ngôi làng, bởi bác sĩ Carlisle đã nhanh chóng rẽ ngoặt vào đường ô tô của trại nhà ai đó.

“Đi tắt cái,” ông nói trong lúc xe chạy qua những nhà kho và những máy cày bừa im lìm. Dường như không có một ai hiện diện quanh đây, và tới một lúc, khi chúng tôi dừng trước một cánh cổng đóng, ông bác sĩ nói, “Cụ ơi, phiền cụ tí, xin nhường cho cụ cái vinh dự này.”

Tôi ra khỏi xe, đi lại cổng, và vừa tới nơi thì một tràng tiếng sửa hừng hỏ rộ lên từ một nhà kho gần đó, vì vậy khi trở lại cỗ Rover bên bác sĩ Carlisle tôi có chút nhẹ người.

Chúng tôi trao đổi vài lời chuyện phiếm khi xe leo lên một con đường hẹp giữa hai hàng cây cao, ông hỏi han giấc tôi ngủ đêm qua ở nhà Taylor và những chuyện đại loại vậy. Rồi chợt thành linh ông nói, “Này, tôi hy vọng bác không nghĩ tôi thô lậu quá. Nhưng bác không phải là một kiểu gia nhân gì đấy chứ?”

Tôi phải thú nhận, tôi nhẹ nhõm hẳn đi khi nghe câu này.

“Quả thực là như thế, thưa ngài. Thực tế là, tôi là quản gia ở Dinh Darlington, gần Oxford.”

“Biết ngay. Mấy cái màn gập gờ Winston Churchill này nọ. Tôi đã tự nhủ, chà, bố già này nói điều không sợ trời đất hay gì - rồi mới sực nghĩ ra, có một cách giải thích rất đơn giản.”

Bác sĩ Carlisle quay sang tôi mỉm cười trong lúc vẫn điều khiển xe chạy trên con đường dốc quanh co. Tôi nói, “Tôi thực không có ý định đối gạt ai, thưa ngài. Thế nhưng...”

“Ôi không cần phải phân trần đâu, bố già. Tôi thừa sức hình dung chuyện xảy ra như thế nào. Ý tôi là, bác trông bảnh tởn khiếp. Mấy người ở đây, tất nhiên họ sẽ nghĩ bác ít nhất cũng là huân tước hay quận công.” Ông bác sĩ bật cười sảng khoái. “Chốc chốc lại được nhầm là huân tước hẳn cũng khoái lắm.”

Chúng tôi đi tiếp một lúc trong im lặng. Rồi bác sĩ Carlisle nói với tôi, “À, tôi hy vọng bác thấy thoải mái khi nghỉ lại chỗ chúng tôi.”

“Tôi rất thoải mái, thưa ngài, cảm ơn ngài.”

“Thế bác thấy các công dân làng Moscombe thế nào? Đội ấy cũng không quá dở, phải không?”

“Họ rất dễ chịu, thưa ngài. Ông bà Taylor tốt bụng với tôi hết sức.”

“Tôi mong bác đừng có thưa gửi này nọ mãi thế, bác Stevens ạ. Phải, đội này cũng không quá dở đâu. Cứ theo ý tôi thì tôi sẽ vui lòng mà sống ở đây đến mãn đời.”

Tôi nghĩ mình có để ý ra điều gì là lạ trong giọng bác sĩ Carlisle nói câu vừa rồi. Thêm nữa, còn có một lối cổ tình khiêu khích bất thường khi ông chất vấn tiếp, “Vậy là bác thấy đội này dễ chịu, hả?”

“Thực vậy, thưa bác sĩ. Hết sức thân thiện.”

“Vậy tối qua cả đám đó kể lể với bác cái gì? Hy vọng họ không ngồi lê đôi mách toàn chuyện trong làng khiến bác phát chán.”

“Không hề, thưa bác sĩ. Thực tế là, cuộc trò chuyện phần đa mang giọng điệu khá nghiêm túc và tôi được nghe một vài quan điểm khá lý thú.”

“À, ý bác nói Harry Smith hả,” ông bác sĩ bật cười. “Bác đừng chấp ông tướng đó. Nghe ông ta một chập thì cũng vui đấy, nhưng thật tình ông ta rồi tung rồi mù. Có khi bác vừa tưởng ông ta là cộng sản ở đâu về, thì bỗng ông ta phun một câu sặc mùi bảo thủ máu xanh. Sự thực là, ông ta rồi tung rồi mù cả lên.”

“À, thực là một thông tin lý thú.”

“Tối qua ông ấy giảng cho bác mục gì thế? Đế chế Anh à? Hay Y tế quốc gia?”

“Ông Smith chỉ tự hạn chế ở những đề tài chung chung.”

“Thế cơ hả? Ví dụ đề tài gì?”

Tôi ho khẽ. “Ông Smith có vài suy nghĩ về thế nào là phẩm cách.”

“Thế cơ. Nghe có vẻ hơi triết lý trên tầm Harry Smith đấy. Làm thế quái nào mà ông ta lại đi đến đề tài đấy?”

“Tôi tin rằng ông Smith đang nhấn mạnh tầm quan trọng của việc ông ấy vận động bầu cử trong làng.”

“Vậy đó hả?”

“Ông ấy khẳng định với tôi rằng người dân Moscombe đều mang những chính kiến kiên định về đủ mọi vấn đề đại sự.”

“À phải. Nghe đúng kiểu Harry Smith đấy. Mà chắc bác hẳn đoán ra rồi, toàn chuyện vớ vẩn ấy mà. Harry lúc nào cũng cố xách động mọi người về đủ thứ chuyện này nọ. Nhưng thực tế là, được để yên thì họ vui hơn nhiều.”

Chúng tôi lại lặng im thêm một hai phút nữa. Cuối cùng tôi nói, “Xin thứ lỗi tôi hỏi điều này, thưa ngài. Nhưng tôi có ấn tượng rằng ông Smith bị coi là một nhân vật hơi khô hời thì có đúng không?”

“Hừm. Nói vậy thì cũng hơi quá, tôi nghĩ thế. Mọi người ở đây quả là có một thứ tựa tựa như lương tâm chính trị thật. Họ cảm thấy mình *nên* có ý tưởng kiên định về chuyện này chuyện nọ, đúng y như Harry giục giã họ phải có. Nhưng thật tình thì, họ cũng chẳng khác gì người những nơi khác. Họ chỉ muốn sống lặng lẽ thôi. Harry có cả đồng ý tưởng đòi thay đổi cái này cái kia, nhưng thực tình thì dân làng chẳng ai thích đảo lộn lên hết, ngay cả khi có lợi cho họ cũng vậy. Người ở đây muốn được yên thân mà sống cuộc đời nhỏ xinh lặng lẽ của mình. Họ chẳng muốn nhức đầu vì vấn đề này chính sách nọ đâu.”

Tôi bất ngờ trước âm sắc khinh miệt vừa len vào lời ông bác sĩ. Nhưng ông đã nhanh chóng bình tâm lại, cười khục một tiếng và nhận định, “Ngồi phía bác nhìn thấy làng đẹp đấy.”

Thực vậy, ngôi làng đã hiện ra một quãng bên dưới chúng tôi. Dĩ nhiên, ánh sáng ban mai đã khiến nó mang dáng dấp khác hẳn, nhưng ngoài ra thì khung cảnh gần giống hệt như tôi thấy trong chiều tôi nhập nhoạng, nên tôi đoán thế nghĩa là đã tới gần vị trí cổ Ford.

“Ông Smith dường như mang quan điểm rằng,” tôi nói, “phẩm cách của mỗi người phụ thuộc vào những điều như vậy. Chính kiến kiên định vân vân.”

“À phải, phẩm cách. Tôi quên đi mất. Phải, thế là Harry đang tìm cách lao vào những định nghĩa triết học. Ôi trời. Tôi đoán là rất những thứ tán hươu tán vượn.”

“Những kết luận ông ấy đưa ra không hẳn là có tính thuyết phục cao độ, thưa ngài.”

Bác sĩ Carlisle gật đầu, nhưng dường như đã chìm đắm vào những ý nghĩ riêng. “Bác biết sao không, bác Stevens,” rốt cuộc ông cũng nói, “khi lần đầu ra tới đây, tôi là một người xã hội chủ nghĩa kiên định. Tin rằng cần dành những điều tốt nhất cho toàn dân và kiểu vậy. Lần đầu tới đây năm bốn chín. Chủ nghĩa xã hội sẽ cho phép con người ta sống trong phẩm cách. Tôi đã tin như vậy khi lần đầu ra đây. Xin lỗi, chắc bác không muốn nghe mấy thứ hươu vượn như vậy.” Ông tươi tỉnh quay qua tôi. “Còn bác thì sao, bố già?”

“Xin phép ngài?”

“Bác thì nghĩ phẩm cách là cái thứ gì?”

Câu hỏi trực diện này, phải thừa nhận, đã khiến tôi khá bất ngờ. “Đấy là một thứ giải thích chỉ trong vài lời thì rất khó, thưa ngài,” tôi nói. “Nhưng tôi nghĩ xét đến tận cùng nó nghĩa là không cởi bỏ lớp áo trên người giữa thiên hạ.”

“Xin lỗi. Cái gì nghĩa là vậy?”

“Phẩm cách, thưa ngài.”

“À.” Ông bác sĩ gật gù, nhưng trông có vẻ hơi băn khoăn. Rồi ông nói, “Rồi, tới khúc này hẳn bác nhận ra rồi. Chắc là sáng ra trông khác lắm. Này, có phải nó kia không? Chứa tôi, xe thế mới là xe chứ!”

Bác sĩ Carlisle đỗ lại ngay sát sau cổ Ford, ra khỏi xe và nhắc lại, “Chu choa, xe thế mới là xe chứ.” Một khắc sau ông đã rút phễu cùng can xăng và hết sức hào hiệp giúp tôi đổ xăng cho cổ Ford. Những lo lắng trong tôi rằng biết đâu có phiền toái nào nghiêm trọng hơn về cổ Ford đều được xua tan khi tôi vặn chìa khóa xe và nghe động cơ sống dậy trong tiếng ầm ì khỏe mạnh. Tới đây, tôi cảm ơn bác sĩ Carlisle và đôi bên từ biệt nhau, dù tôi còn phải bám theo cổ Rover của ông trên đường đồi quanh co thêm chừng một dặm trước khi chia hai ngã.

Quãng chín giờ sáng thì tôi vượt ranh giới vào Cornwall. Lúc đó là ít nhất ba tiếng trước khi mưa xuống, mây trời hửng còn trắng lóa. Thực tế là rất nhiều cảnh tượng đón chào tôi sớm

hôm nay là những cảnh diễm lệ nhất tôi từng bắt gặp tới giờ. Vì thế, thực không may là phần lớn thời gian tôi không thể dành sự chú ý đúng mức cho chúng; vì có lẽ người ta cũng nên nói ra luôn khi đầu óc người ta còn đang có phần vương bận vì ý nghĩ - trừ phi có biến cố nào đó chưa thấy trước - người ta sẽ gặp lại cô Kenton trước khi ngày hôm nay qua đi. Vì thế mà trong khi phóng đi vun vút giữa những cánh đồng trải rộng, hàng dặm trời không một bóng người bóng xe, hay cẩn thận bẻ lái qua những làng nhỏ xinh tuyệt diệu, có làng chỉ là vài nếp nhà tường đá tùm bện nhau, tôi thấy mình lần nữa giở lại trong đầu một vài đoạn hồi ức trong quá khứ. Và bây giờ, ngồi ở Compton Nhỏ, trong phòng ăn của khách sạn để chịu này với chút ít thời gian rảnh trước mắt, nhìn mưa tấp xuống vỉa hè quảng trường làng ngoài kia, tôi không sao ngăn nổi đầu óc mình lại tiếp tục vẩn vơ trên những đường nẻo cũ.

Có một ký ức đặc biệt dai dẳng trong đầu tôi suốt buổi sáng - nói chính xác hơn là một mảnh ký ức, một thời khắc mà vì lý do nào đó vẫn còn lại sống động trong tôi qua bằng ấy năm. Đây là hồi ức về lúc đứng một mình trong hành lang hậu, trước cánh cửa buồng cô Kenton đóng kín; tôi không hẳn là quay về phía cửa, mà đứng nửa xoay người về phía nó, tê liệt vì băn khoăn không quyết được nên gõ cửa hay không; bởi vào thời điểm đó, như tôi nhớ, tôi bỗng chợt tin chắc rằng ngay đằng sau cánh cửa ấy, cách tôi vài thước thôi, cô Kenton đang khóc. Như tôi đã nói, khoảnh khắc này đã ăn sâu vào trí tôi, cũng như ký ức về xúc cảm lạ thường tôi cảm thấy dâng lên trong mình khi tôi đứng yên ở đó. Tuy thế, đến giờ thì tôi không hoàn toàn chắc về hoàn cảnh thực sự đã dẫn tôi đứng đó nơi hành lang hậu. Tôi chợt nhận ra khi gắng thu nhặt những hồi ức như vậy lúc trước, rất có thể tôi đã khẳng định rằng hồi ức này thuộc về mấy phút liền sau khi cô Kenton nhận được tin người dì mới qua đời; có nghĩa là cái, khi để cô ở lại một mình với nỗi đau buồn, tôi ra đến hành lang thì nhận ra mình chưa nói lời phân ưu với cô. Nhưng giờ nghĩ kĩ hơn, tôi thấy có thể mình đã hơi lầm lẫn; và thực sự mảnh ký ức này xuất phát từ những sự kiện xảy ra vào một tối ít

nhất cũng vài tháng sau khi dì cô qua đời - thực tế là buổi tối mà anh Cardinal trẻ tuổi đột ngột xuất hiện ở Dinh Darlington.

*

Cha của anh Cardinal, Sir David Cardinal, trong nhiều năm đã là người bằng hữu và đồng liêu thân cận nhất của huân tước, nhưng ngài đã qua đời bi thảm trong một tai nạn cưỡi ngựa chừng ba bốn năm trước buổi tối tôi đang hồi tưởng lại đây. Trong khoảng thời gian đó, anh Cardinal trẻ đã gây dựng được cho mình một danh tiếng tương đối trong vai trò nhà báo chuyên luận, sở trường những bình luận hài hước về các vấn đề quốc tế. Hiển nhiên, những bài báo ấy hiếm khi hợp nhãn Huân tước Darlington, vì tôi còn nhớ vô số lần ngài ngẩng lên khỏi tờ báo nào đó mà nói đại loại như, “Cậu Reggie lại viết đủ thứ tầm bậy rồi. May thay cha cậu ta không còn sống mà đọc được.” Nhưng những bài báo ấy cũng không ngăn trở anh Cardinal vẫn thường xuyên lui tới nhà này; thực vậy, huân tước không bao giờ quên chàng trai trẻ ấy là con đỡ đầu của mình và luôn đối đãi với anh như người trong nhà. Dù vậy, anh cũng chưa bao giờ có thói quen tới ăn tối mà không thông báo trước, vì thế tôi có hơi ngạc nhiên khi ra mở cửa tối hôm ấy và thấy anh đứng đó, cặp tóc ôm trong cả hai tay.

“Ồ chào chú, Stevens, chú thế nào?” anh nói. “Tối nay tình cờ tôi bị kẹt, đang tính không biết Huân tước Darlington có thể chứa chấp tôi một đêm không nhỉ.”

“Được gặp lại ngài thực là vui mừng quá, thưa ngài. Tôi sẽ thông báo cho Huân tước biết ngài vừa đến.”

“Tôi tính nghỉ lại chỗ ông Roland kia, nhưng hình như có hiểu lầm gì đó và họ đi đâu mất rồi ấy. Hy vọng đến giờ này không làm phiền mọi người quá. Ý tôi là hôm nay không phải dịp gì đặc biệt chứ?”

“Thưa ngài, tôi nghĩ có lẽ huân tước đang chờ tiếp một vị nào đó sau bữa tối.”

“Ôi chà, thật là không may. Tôi đúng là chọn phải đêm xúi quẩy rồi. Tốt nhất là tôi nên đi nhẹ nói khẽ mà vào thôi. Đằng

nào tôi cũng có mấy bài tính viết đêm nay.” Anh Cardinal làm hiệu chỉ cái cặp.

“Tôi sẽ thông báo với huân tước ngài đã đến, thưa ngài. Dù sao thì, ngài đến rất đúng lúc để dự bữa tối với huân tước.”

“Tốt quá, tôi đã hy vọng là thế đấy. Nhưng bà Mortimer thì chắc không vui vẻ gì khi thấy tôi đâu.”

Tôi để anh Cardinal chờ trong phòng tiếp tân và đi tới thư phòng, ở đó tôi thấy huân tước đang giở qua vài trang giấy, bộ dạng tập trung nhất mực. Khi tôi thông báo có anh Cardinal đến, một vẻ ngạc nhiên pha chút kinh thoáng qua mặt ngài. Rồi ngài ngả người ra ghế như đang tìm cách lý giải câu đố nào đó.

“Bảo cậu Cardinal tôi xuống ngay,” cuối cùng ngài nói. “Cậu ta có thể tự giải khuây chốc lát.”

Khi trở lại xuống nhà, tôi thấy anh Cardinal đang đi đi lại lại có phần bồn chồn trong phòng tiếp tân, ngắm nghía những món đồ mà hẳn anh đã trở nên thân thuộc từ lâu. Tôi truyền đạt lại thông điệp của huân tước và hỏi anh muốn tôi đưa những thức giải khát gì tới.

“À, cứ cho tôi chút trà là được rồi, Stevens. Tối nay huân tước tiếp ai thế?”

“Tôi xin lỗi, thưa ngài, tôi e mình không thể giúp ngài việc này.”

“Chú không biết tí gì à?”

“Tôi xin lỗi, thưa ngài.”

“Chà lạ thay. Thôi được. Tốt nhất là tối nay tôi cứ đi nhẹ nói khẽ chút.”

Tôi nhớ không mấy lâu sau đó tôi xuống buồng nội quản. Cô Kenton đang ngồi bên bàn, dù trước mặt không để gì và hai bàn tay cũng không bận việc; thực vậy, đáng vẻ cô có gì đó mách bảo cô đã ngồi như vậy hồi lâu trước khi tôi gõ cửa.

“Anh Cardinal vừa đến, cô Kenton ạ,” tôi nói. “Đêm nay anh ấy sẽ cần dùng phòng mọi khi.”

“Tốt lắm, ông Stevens ạ. Tôi sẽ lo liệu việc đó trước khi đi.”

“À. Tối nay cô ra ngoài à, cô Kenton?”

“Quả có thể, ông Stevens ạ.”

Có lẽ trông tôi hơi ngạc nhiên, vì cô nói tiếp, “Chắc ông nhớ, ông Stevens ạ, chúng ta đã bàn chuyện này hai tuần trước.”

“Phải, đương nhiên, cô Kenton ạ. Xin thứ lỗi, trong phút chốc tôi quên khuấy mất việc đó.”

“Có vấn đề gì ư, ông Stevens?”

“Không có gì hết, cô Kenton ạ. Tối nay có một vài vị khách sẽ ghé đến, nhưng không có lý do nào cần sự có mặt của cô.”

“Chúng ta đã đồng ý cho tôi nghỉ tối nay từ hai tuần trước rồi, ông Stevens ạ.”

“Đương nhiên rồi, cô Kenton ạ. Cô thứ lỗi cho tôi.”

Tôi quay người định đi, nhưng lại phải dừng ở cửa khi cô Kenton nói, “Ông Stevens ạ, tôi có điều này cần nói với ông.”

“Vâng, cô Kenton?”

“Liên quan đến người quen của tôi. Người tôi sẽ gặp tối nay.”

“Vâng, cô Kenton.”

“Anh ấy đã hỏi lấy tôi. Tôi nghĩ ông có quyền biết điều này.”

“Thực vậy, cô Kenton ạ. Thực là một thông tin lý thú.”

“Tôi vẫn còn đang suy nghĩ việc đó.”

“Thực vậy.”

Cô liếc nhìn nhanh xuống hai bàn tay, nhưng rồi gần như tức khắc đã lại đưa mắt lên nhìn tôi. “Người quen của tôi sắp nhận một công việc mới ở miền Tây bắt đầu từ tháng sau.”

“Thực vậy.”

“Như tôi vừa nói đó, ông Stevens ạ, tôi vẫn còn đang suy nghĩ việc đó. Tuy nhiên tôi cho là ông cần nắm được tình hình.”

“Tôi rất lấy làm cảm kích, cô Kenton ạ. Tôi thực sự mong cô có một buổi tối dễ chịu. Giờ xin phép cô.”

Chắc vào khoảng hai mươi phút sau thì tôi lại bắt gặp cô Kenton, lần này đang lúc tôi bận rộn chuẩn bị bữa tối. Thực tế là tôi đang đi lên lưng chừng cầu thang hậu, bung khay chất đầy đồ ăn, thì nghe tiếng chân giận dữ khua động ván sàn đầu đó phía dưới. Ngoảnh lại, tôi thấy cô Kenton đang trừng mắt nhìn tôi từ dưới chân cầu thang.

“Ông Stevens, tôi có nên hiểu là ông mong muốn tôi ở lại trực tối nay không?”

“Không hề, cô Kenton ạ. Như chính cô đã nói, cô có thông báo với tôi từ trước rồi.”

“Nhưng tôi thấy là ông rất không vui về việc tôi ra ngoài tối nay.”

“Hoàn toàn ngược lại, cô Kenton ạ.”

“Ông nghĩ rằng làm ồn trong bếp như vậy và giậm chân sầm sầm qua cửa buồng tôi thế này là ông sẽ khiến tôi đổi ý ư?”

“Cô Kenton ạ, cảnh náo nhiệt nho nhỏ trong bếp chỉ đơn thuần là do anh Cardinal tới dùng bữa tối vào phút cuối. Thực sự không có lý do gì ngăn cô không ra ngoài tối hôm nay.”

“Tôi sẽ đi dù ông có tán thành hay không, ông Stevens ạ, tôi muốn nói rõ như thế. Tôi đã lên kế hoạch từ nhiều tuần trước rồi.”

“Thực vậy, cô Kenton ạ. Và lần nữa, tôi chúc cô có một buổi tối thực dễ chịu.”

Trong bữa tối, một bầu không khí rất kỳ quái dường như lơ lửng chung quanh hai thực khách. Một hồi lâu họ ăn trong im lặng, đặc biệt là huân tước trông có vẻ thực xa vắng. Có một lúc, anh Cardinal hỏi, “Tối nay có gì đặc biệt ư, thưa huân tước?”

“Hử?”

“Khách của bác tối nay. Đặc biệt lắm ạ?”

“E rằng không nói với con được, con trai ạ. Tuyệt đối cơ mật.”

“Ôi chao ơi. Như vậy hẳn có nghĩa là con không nên dự vào đấy rồi.”

“Dự vào gì cơ, hả con?”

“Thì cái vụ gì sắp diễn ra tối nay ấy.”

“Ồ, con sẽ thấy chẳng có gì hấp dẫn đâu. Dù sao thì, dịp này là ở mức độ cơ mật cực điểm. Không thể để một người như con có mặt được.Ồ không, không có chuyện đó đâu.”

“Ôi chao ơi. Nghe có vẻ đặc biệt thật đấy.”

Anh Cardinal đương nhìn huân tước chăm chú, nhưng huân tước chỉ tiếp tục ăn mà không bình phẩm gì thêm.

Hai vị trở lại phòng hút thuốc dùng rượu port và xì gà. Trong quá trình dọn dẹp phòng ăn, và cả trong lúc sửa soạn phòng tiếp tân đợi đón mấy vị khách buổi tối, tôi bắt buộc phải nhiều lần qua lại cửa phòng hút thuốc. Vì thế, thực không thể tránh được việc tôi để ý thấy hai vị, trái với vẻ lặng lẽ trong bữa tối, đã bắt đầu lời qua tiếng lại với vẻ nóng nảy nhất định. Mười lăm phút sau, đã nghe những giọng nói cáu giận. Đương nhiên tôi không đứng lại nghe, nhưng không thể tránh lọt vào tai tiếng huân tước quát, “Nhưng đây không phải việc của con, con ạ! Không phải việc của con!”

Tôi đang ở phòng ăn khi rốt cuộc hai vị cũng đi ra. Họ có vẻ đã bình tĩnh lại, và những lời duy nhất trao đổi giữa hai người khi đi qua sảnh là huân tước nói, “Giờ thì, nhớ đây, con ạ. Bác tin ở con.” Và đáp lại, anh Cardinal lầm bầm bực bội, “Vâng, vâng, con hứa mà.” Rồi tiếng chân rẽ về hai hướng, huân tước đi về thư phòng, anh Cardinal về thư viện.

Vào gần như chính xác tám giờ rưỡi, có tiếng động cơ ô tô tấp vào trong sân. Tôi mở cửa thấy một người tài xế, sau lưng anh ta là một vài viên cảnh sát đương tảo về các vị trí khác nhau trong khuôn viên. Nháy mắt sau, tôi đã đưa vào nhà hai vị hết sức danh giá, họ được huân tước đón ngoài sảnh và nhanh chóng đưa vào phòng tiếp tân. Khoảng mười phút sau lại có tiếng ô tô và tôi mở cửa thấy Herr Ribbentrop, vị Đại sứ Đức, tới lúc này đã quen mặt tại Dinh Darlington. Huân tước ra khỏi phòng đón ông ta, và hai người dường như trao đổi những cái nhìn đồng lõa trước khi cùng khuất vào phòng tiếp tân. Khi vài phút sau tôi được gọi vào mang đồ giải khát, bốn vị đó đương bình phẩm cao thấp về đức tính của các loại xúc xích khác nhau, và không khí ít nhất trên bề mặt cũng có vẻ khá hòa hảo.

Tối đó tôi vào vị trí của mình ngoài sảnh - là vị trí gần vòm cửa mà tôi thường giữ trong những cuộc họp quan trọng - và không có việc gì phải dịch chuyển khỏi đó mãi cho đến chừng hai tiếng sau, khi nghe tiếng chuông cửa hậu. Khi đi xuống, tôi thấy có một viên cảnh sát đứng đó bên cô Kenton, yêu cầu tôi xác nhận nhân thân của cô.

“Nguyên tắc an ninh thôi, thưa cô, tôi không có ý mạo phạm,” ông cảnh sát lẩm nhẩm khi lại biến đi vào màn đêm.

Đang cài chốt cửa, tôi nhận ra cô Kenton đang chờ tôi, bèn nói, “Tôi đoán là cô đã có một buổi tối dễ chịu, cô Kenton ạ.”

Cô không trả lời, vậy nên tôi nhắc lại trong khi hai bên đi qua sàn bếp thênh thang đã chìm vào bóng tối, “Tôi đoán là cô đã có một buổi tối dễ chịu, cô Kenton ạ.”

“Quả có thể, cảm ơn ông, ông Stevens.”

“Tôi rất mừng.”

Sau lưng tôi, tiếng chân cô Kenton bỗng dừng phắt lại, và tôi nghe cô nói, “Ông không có lấy một chút quan tâm nào về những gì đã xảy ra giữa người quen của tôi với tôi tối nay hay sao, ông Stevens?”

“Tôi không có ý khiếm nhã, cô Kenton ạ, nhưng tôi thực sự cần trở lên trên kia không chậm trễ. Thực tế là, những sự việc có tầm quan trọng toàn cầu đang diễn ra trong nhà này ngay phút này đây.”

“Có lúc nào mà không như vậy, hử ông Stevens? Được lắm, nếu ông cứ nhất định chạy đi luôn, tôi sẽ chỉ nói là tôi đã nhận lời người quen của tôi rồi.”

“Xin lỗi, thưa cô Kenton?”

“Nhận lời cầu hôn của anh ta.”

“À, vậy sao, cô Kenton? Vậy cho phép tôi nói lời chúc mừng.”

“Cảm ơn ông, ông Stevens. Đương nhiên, tôi sẽ vui lòng ở lại đây hết thời hạn trước khi nghỉ. Tuy nhiên, nếu sự tình thành ra là ông có thể giải phóng cho tôi trước đó, thì chúng tôi rất hàm ơn. Người quen của tôi sẽ bắt đầu công việc mới ở miền Tây sau hai tuần nữa.”

“Tôi sẽ làm hết sức để tìm được người thay thế ngay khi có dịp, cô Kenton ạ. Giờ thì xin bỏ lỗi cho tôi, tôi phải trở lại trên kia.”

Tôi lại bắt đầu bước đi, nhưng khi đã đi gần sát tới cửa ra hành lang, tôi nghe cô Kenton nói, “Ông Stevens,” và vì thế lại quay lại lần nữa. Cô vẫn đứng nguyên đó, và do đó buộc phải hơi cao

giọng để nói với tôi, nên giọng cô âm vang nghe kỳ cục trong căn bếp tối và rộng không như lòng hang tối.

“Có phải tôi nên hiểu là,” cô nói, “sau bao nhiêu năm tôi phục vụ trong cái nhà này, ông không còn lời nào đáp lại tin tôi có thể sắp ra đi ngoài những lời vừa rồi ư?”

“Cô Kenton, tôi xin gửi những lời chúc mừng chân thành nhất đến cô. Nhưng tôi xin nhắc lại, đang có những vấn đề có tầm ảnh hưởng toàn cầu diễn ra trên kia và tôi phải trở về vị trí.”

“Ông có biết không, ông Stevens, rằng ông đã trở thành một nhân vật cực kỳ quan trọng với tôi và người quen của tôi?”

“Thực ư, cô Kenton?”

“Thật vậy, ông Stevens. Chúng tôi thường giết thời gian bằng cách kể chuyện về ông để mua vui. Chẳng hạn như, người quen cứ đòi tôi làm cho anh ấy xem cách ông bóp chặt hai cánh mũi khi rắc tiêu lên thức ăn. Lần nào anh ấy cũng cười phá lên.”

“Thực vậy.”

“Anh ấy cũng khá ưa những bài ‘hịch’ với nhân viên của ông. Phải nói là tôi đã trở thành chuyên gia tái hiện những bài cổ động đó. Tôi chỉ cần trích vài câu là cả hai chúng tôi đã bò ra cười.”

“Thực vậy, cô Kenton. Giờ tôi xin cáo lỗi.”

Tôi đi lên sảnh trở về vị trí. Tuy nhiên, chưa đầy năm phút sau, anh Cardinal đã xuất hiện ở cửa thư phòng, vẫy tôi lại.

“Quấy quả chú thật ngại quá, Stevens ạ,” anh nói. “Nhưng tôi có thể phiền chú mang cho tôi thêm chút rượu mạnh nữa được không vậy? Chai chú mang lên hồi nãy xem ra đã cạn rồi.”

“Chúng tôi hân hạnh được phục vụ bất cứ thức giải khát nào ngài mong muốn, thưa ngài. Tuy nhiên, xét thấy ngài còn bài báo cần hoàn thiện, tôi không hiểu dùng thêm nữa có phải là ý thực hay hay không.”

“Bài báo của tôi vẫn ngon trớn thôi, Stevens. Chú đi lấy cho tôi thêm ít rượu đi, thế mới đáng yêu chứ.”

“Được thôi, thưa ngài.”

Khi chốc lát sau tôi quay lại thư viện, anh Cardinal đang vờ vẫn giữa các tủ sách, sầm soi từng gáy sách. Tôi thấy có giấy tờ rải rác bừa bộn trên một bàn viết gần đó. Thấy tôi lại gần, anh Cardinal thốt lên tán thưởng và ngồi sụp vào một ghế bành da. Tôi lại gần anh, rót chút rượu vào ly đưa cho anh.

“Chú biết đấy, Stevens ạ,” anh nói, “chúng ta đã là bạn bè với nhau được ít lâu rồi, phải chứ?”

“Thực vậy, thưa ngài.”

“Tôi lúc nào cũng muốn được trò chuyện đôi chút với chú mỗi lần đến đây.”

“Vâng đó, thưa ngài.”

“Chú không chê làm một cốc nhỏ với tôi chứ?”

“Ngài thực tử tế, thưa ngài. Nhưng tôi phải xin phép từ chối.”

“Mà này, Stevens, chú có sao không đấy?”

“Tôi hoàn toàn ổn, cảm ơn ngài đã quan tâm,” tôi nói và khẽ cười.

“Chú không khó ở đấy chứ?”

“Có thể là hơi mệt, nhưng tôi hoàn toàn bình thường, cảm ơn ngài.”

“Ồ, thế thì chú nên ngồi xuống đi. Mà, tôi đang nói đấy. Chúng ta là bạn bè được ít lâu rồi. Vậy nên tôi nên thành thật với chú thì hơn. Như chú hẳn là đã đoán được rồi đấy, tối nay tôi không phải tình cờ mà đến đây. Có người phím cho tôi biết chú hiểu không, về việc đang diễn ra ấy. Ở bên kia hành lang, vào chính phút này.”

“Vâng, thưa ngài.”

“Tôi thật tình mong chú ngồi xuống cho, Stevens ạ. Tôi muốn chúng ta trò chuyện như bạn bè, còn chú thì lại đứng đấy bưng cái khay khỉ gió cứ như thể chực bỏ đi bất kỳ lúc nào.”

“Tôi xin lỗi, thưa ngài.”

Tôi đặt khay xuống và đặt mình - chọn tư thế thích hợp - vào cái ghế bành anh Cardinal đang chỉ.

“Đấy thế có tốt hơn không,” anh Cardinal nói. “Giờ thì, Stevens này, tôi không nghĩ là Thủ tướng hiện đang có mặt trong phòng

tiếp tân kia, phải chứ?”

“Thủ tướng ư, thưa ngài?”

“Ồ, được rồi, chú không phải nói cho tôi đâu. Tôi biết là tình thế này hẳn các cố cho chú lắm.” Anh Cardinal thở dài một cái, rồi mệt mỏi nhìn mở giấy tờ vương vãi trên bàn. Rồi anh nói, “Chắc tôi chẳng cần phải nói cho chú biết, phải không Stevens, rằng tôi có tình cảm thế nào đối với huân tước. Ý tôi là, bác ấy giống như người cha thứ hai của tôi. Chắc tôi chẳng cần phải nói cho chú biết, hả Stevens?”

“Đúng vậy, thưa ngài.”

“Tôi lo cho bác ấy lắm.”

“Phải, thưa ngài.”

“Và tôi biết chú cũng thế. Lo cho bác ấy hết lòng. Phải không, Stevens?”

“Quả là có vậy, thưa ngài.”

“Tốt. Vậy chúng ta đều biết mình đang ở đâu. Nhưng giờ hãy nhìn thẳng vào sự thực. Huân tước đang sa lầy nghiêm trọng. Tôi đã quan sát bác ấy càng ngày càng lún sâu, và xin nói với chú, tôi đang cực kỳ lo lắng. Bác ấy dự vào những điều quá tầm mình, chú hiểu không, Stevens?”

“Vậy ư, thưa ngài?”

“Stevens, chú có biết điều gì đang xảy ra ngay chính phút này, giữa lúc chúng ta ngồi đây nói chuyện không? Điều gì đang xảy ra cách chúng ta chỉ vài thước? Đằng kia trong cái phòng đó - và tôi không cần chú xác nhận cho tôi - hiện giờ đang tập hợp ngài Thủ tướng nước Anh, ngài Ngoại trưởng Anh, cùng ngài Đại sứ Đức. Huân tước đã xoay trời chuyển đất mà thiết kế nên được cuộc gặp này, và bác ấy tin - thành thực tin - rằng mình đang làm một điều đáng quý, đáng trọng. Chú có biết vì cớ gì mà huân tước đưa những vị ấy tới đây đêm nay không? Chú có biết điều gì đang diễn ra ở đây không, Stevens?”

“Tôi e là không, thưa ngài.”

“Chú e là không. Stevens, chú nói xem, chú không quan tâm chút nào ư? Không tò mò ư? Chúa ơi, ông chú ơi, có một điều vô

cùng trọng đại đang diễn ra dưới mái nhà này. Mà chú không tò mò chút nào cả ư?”

“Nhiệm vụ của tôi không phải là tò mò về những vấn đề loại ấy, thưa ngài.”

“Nhưng chú có lo cho huân tước. Chú lo cho bác ấy hết lòng, chú vừa mới bảo tôi xong. Nếu chú lo cho huân tước, chẳng lẽ chú không bận tâm sao? Hay ít cũng tò mò một chút? Thủ tướng Anh và Đại sứ Đức được ông chủ chú đưa đến gặp nhau để bí mật hội đàm giữa đêm, mà thậm chí chú còn không tò mò?”

“Tôi không nói là mình không tò mò, thưa ngài. Tuy nhiên, tôi không ở vị thế được thể hiện thái độ tò mò về những vấn đề loại ấy.”

“Chú không ở vị thế ấy à? A, tôi tin chú coi như thế là trung thành đấy. Phải không? Chú nghĩ làm như thế là có trung thành không? Với huân tước? Hay thậm chí là với đức vua?”

“Tôi xin lỗi, thưa ngài, tôi không hiểu được ngài đang muốn gợi ý điều gì.”

Anh Cardinal lại thở dài lắc đầu. “Tôi có gợi ý gì đâu, Stevens. Nói thật với chú, tôi không biết còn có thể làm gì nữa. Nhưng ít nhất chú cũng phải tò mò chú.”

Anh lặng thinh một lúc, trong lúc đó dường như anh chỉ đưa đôi mắt trống rỗng nhìn khoảng thăm dưới chân tôi.

“Vậy là chú không muốn làm một cốc với tôi à, Stevens?” cuối cùng anh nói.

“Không, thưa ngài, cảm ơn ngài.”

“Tôi nói với chú điều này, Stevens. Người ta đang dắt mũi huân tước đấy. Tôi đã điều tra rất nhiều, hiện giờ tôi nắm rõ tình hình ở Đức hơn bất kỳ ai trong cái đất nước này, và tôi nói với chú điều này, chúng nó đang dắt mũi huân tước đấy.”

Tôi không đáp, còn anh Cardinal tiếp tục đưa mắt trống rỗng nhìn sàn nhà. Một lát sau, anh tiếp, “Huân tước là một người cực kỳ đáng mến. Nhưng thực tế vẫn là, bác ấy đang dựa vào những điều quá tầm bác ấy. Bác ấy đang bị chúng nó điều khiển. Đám Quốc xã đang điều khiển bác ấy như một quân cờ. Chú có nhận

thấy điều ấy chưa, Stevens? Chú có nhận thấy đấy là điều đang xảy ra, ít nhất đã ba bốn năm nay rồi?”

“Tôi xin lỗi, thưa ngài, tôi hoàn toàn không nhận thấy diễn biến nào như vậy.”

“Chú không cả nghi ngờ chút nào ư? Nghi ngờ dù chỉ là nhỏ nhất thôi, rằng Herr Hitler, thông qua Herr Ribbentrop, ông bạn thân của chúng ta, bấy lâu nay điều khiển huân tước như một quân cờ, cũng dễ dàng như điều khiển bất cứ quân cờ nào khác trong tay ông ta ở Berlin?”

“Tôi xin lỗi, thưa ngài, tôi e rằng mình hoàn toàn không nhận thấy diễn biến nào như vậy.”

“Nhưng hẳn đúng là chú không nhận ra, Stevens ạ, chú không tò mò mà. Chú cứ mặc cho từng ấy việc diễn ra trước mắt chú mà chú không bao giờ nghĩ rằng nên mở mắt nhìn xem nó thực chất là cái gì.”

Anh Cardinal sửa thế ngồi trong ghế cho thẳng lưng hơn, và trong một lát dường như đương suy tính về bài viết đang dở trên bàn gần đó. Rồi anh nói, “Huân tước là một bậc quân tử. Cốt lõi vấn đề là thế. Bác là một bậc quân tử, và bác đã đi qua chiến tranh với đám người Đức, và bản năng xui khiến bác hào hiệp và hữu ái với địch thủ đã bị đánh bại. Đây là bản năng của bác. Bởi bác là một bậc quân tử, một nhà quý tộc Anh kiểu cổ đích thực. Và chú phải nhìn thấy chứ, Stevens. Làm sao mà chú không nhìn thấy được? Thấy chúng đã lợi dụng nó, lèo lái nó, biến một điều đẹp đẽ và cao quý thành một thứ khác hẳn - một thứ chúng có thể dùng vào những mục đích tồi tàn của chúng? Chú phải nhìn thấy chứ, Stevens.”

Anh Cardinal đã lại dán mắt xuống sàn. Anh cứ thế lặng thinh vài phút, rồi nói, “Tôi nhớ cái lần mình đến đây nhiều năm trước, và ở đây có cha người Mỹ kia. Chúng ta đang làm một cái hội đàm lớn, cả cha tôi cũng tham gia tổ chức. Tôi nhớ cha người Mỹ kia, còn say mèm hơn cả tôi bây giờ, hẳn ta đứng dậy giữa bàn tiệc trước mặt toàn thể quan khách. Và hẳn chỉ vào huân tước mà gọi bác ấy là tay nghiệp dư. Gọi bác ấy là một tay nghiệp dư non dại và bảo bác ấy đang dự vào những việc quá tầm mình.

Thế đấy, Stevens ạ, tôi phải nói là cha người Mỹ ấy đã nói đúng. Đấy cũng là sự thực ở đời. Thế giới ngày nay quá tồi tệ không thể dung chứa những bản năng đẹp đẽ và cao quý được. Chính chú đã tận mắt thấy rồi, phải không, Stevens? Thấy chúng lèo lái một thứ đẹp đẽ và cao quý. Chú đã tận mắt thấy rồi, phải không?”

“Tôi xin lỗi, thưa ngài, nhưng tôi không thể nói mình đã thấy được.”

“Chú không thể nói mình đã thấy. Chà, tôi không biết chú thì thế nào, nhưng tôi sẽ phải làm gì đó về việc này. Nếu cha tôi còn sống, cha sẽ làm gì đó để ngăn cản việc này.”

Anh Cardinal lại yên lặng và trong một lúc - có lẽ nguyên do là bởi vừa gợi lại những kỷ niệm về người cha đã khuất - trông anh âu sầu hết sức. “Stevens, chẳng lẽ chú hài lòng,” cuối cùng anh nói, “nhìn huân tước lao đầu xuống vực như vậy?”

“Tôi xin lỗi, thưa ngài, tôi không hoàn toàn hiểu ý ngài muốn nói gì.”

“Chú không hiểu à, Stevens. Được rồi, chúng ta là bạn nên tôi sẽ nói thẳng ra với chú. Trong vài năm vừa qua, một mình huân tước có lẽ đã làm con cờ hữu dụng nhất của Herr Hitler trong đất nước này nhằm phục vụ những mảnh lời tuyên truyền của ông ta. Càng tiện hơn cho ông ta khi bác ấy chân thành, trọng danh dự và không nhận ra bản chất thật của những gì bác làm. Chỉ riêng trong ba năm vừa qua thôi, huân tước đã đóng vai trò cốt tử trong việc thiết lập liên hệ giữa Berlin và hơn sáu chục công dân nắm giữ tầm ảnh hưởng cao nhất trong nước này. Thật không khác gì dâng bánh lên tận miệng. Herr Ribbentrop đã có thể gần như qua mặt luôn Bộ Ngoại giao của ta. Và nếu cái vụ mít tinh khốn khiếp và Thế vận hội khốn nạn của chúng còn chưa đủ, chú có biết hiện giờ chúng đang khiến huân tước vận động cái gì không? Chú có hình dung được tí nào những điều đang được bàn thảo lúc này không?”

“Tôi e rằng không, thưa ngài.”

“Huân tước đã một thời gian tìm cách thuyết phục chính ngài Thủ tướng nhận lời mời qua thăm Herr Hitler. Bác ấy thực tình

tin rằng ngài Thủ tướng có một hiểu lầm chí tử về chế độ hiện hành ở Đức.”

“Tôi không thấy có gì đáng phản đối ở đó, thưa ngài. Huân tước vẫn luôn gắng sức thúc đẩy hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc.”

“Mà đây còn chưa hết, Stevens ạ. Ngay vào lúc này đây, trừ khi tôi quá đỗi sai lầm, ngay vào lúc này đây, huân tước đang thảo luận về khả năng đích thân đức vua tới thăm Herr Hitler. Ai mà chẳng biết chuyện ông vua mới của chúng ta trước giờ vẫn háo hức với đám Quốc xã. Đây, xem ra là giờ ông ta rất hào hứng muốn nhận lời mời của Herr Hitler. Ngay vào lúc này đây, Stevens ạ, huân tước đang làm hết sức để cắt bỏ những phản bác của Bộ Ngoại giao trước ý tưởng gớm ghiếc này.”

“Tôi xin lỗi, thưa ngài, nhưng tôi không hề thấy những điều huân tước đã làm có thể là gì khác ngoại trừ những điều cao cả nhất, tôn quý nhất. Suy cho cùng, huân tước đang làm hết sức mình để đảm bảo hòa bình vẫn được trường tồn ở Âu châu.”

“Stevens, nói tôi nghe, chú không hề cảm thấy có khả năng dù rất nhỏ rằng tôi nói đúng sao? Chẳng lẽ chú ít nhất không tò mò về điều tôi đang nói sao?”

“Tôi xin lỗi, thưa ngài, nhưng phải nói rằng tôi đặt trọn vẹn niềm tin vào óc phán xét của huân tước.”

“Không một ai có óc phán xét mà lại có thể còn tin bất cứ lời lẽ nào của Hitler sau vụ tái chiếm vùng sông Rhine, Stevens ạ. Huân tước đã dự vào một việc quá tầm mình. Ôi chao ơi, giờ thì tôi thực sự làm chú phật ý rồi.”

“Không hề, thưa ngài,” tôi nói, bởi tôi vừa đứng dậy khi nghe tiếng chuông từ phòng tiếp tân. “Xem ra các vị có việc cho đòi tôi. Xin cáo lỗi.”

Trong phòng tiếp tân, không khí dày đặc khói thuốc lá. Thực vậy, các vị khách danh giá vẫn tiếp tục rít xì gà, gương mặt nghiêm trọng, không thốt lên lời nào, trong khi huân tước yêu cầu tôi mang chai port vào loại thượng hạng từ dưới hầm rượu lên.

Vào lúc đêm hôm như thế, người ta không thể tránh cho tiếng chân xuống cầu thang hậu không vang dội và hẳn nhiên chính đây là nguyên do đánh thức cô Kenton. Bởi trong lúc tôi đang lần đi trong bóng tối hành lang, cửa buồng nội quản mở ra và cô xuất hiện bên ngưỡng cửa, một cái bóng đen in trên ánh sáng trong phòng.

“Tôi ngạc nhiên thấy cô vẫn còn ở đây, cô Kenton ạ,” tôi nói khi lại gần cô.

“Ông Stevens ạ, hồi này tôi thật ngốc nghếch quá.”

“Xin bỏ lỗi, cô Kenton ạ, nhưng hiện thời tôi đang không có thời gian nói chuyện.”

“Ông Stevens ạ, ông không được để bụng điều tôi vừa nói lúc này đâu. Chỉ là tôi cư xử ngốc nghếch mà thôi.”

“Cô Kenton ạ, tôi không để bụng điều gì cô nói đâu. Thực tế là, tôi còn không nhớ ra cô đang nhắc tới việc gì. Đang có những sự kiện có tầm quan trọng lớn lao diễn ra trên nhà và tôi không có thời gian dừng chân chuyện vãn với cô. Tôi đề nghị cô nên lui về nghỉ thì hơn.”

Tới đó tôi vội vã đi tiếp, và phải tới khi tôi đã gần đến cửa bếp thì bóng tối trở lại trong hành lang mới cho tôi biết cô Kenton đã đóng cửa buồng nội quản.

Tôi không mất nhiều thời gian tìm ra vị trí của chai rượu được yêu cầu dưới hầm và thực hiện các sửa soạn cần thiết để phục vụ các vị khách. Và chính lúc đó, chỉ vài phút sau cuộc gặp gỡ ngắn ngủi với cô Kenton, tôi lại bước đi trên hành lang theo đường cũ, lần này bung theo khay. Khi đến gần cửa buồng cô Kenton, tôi nhận thấy ánh sáng rỉ ra quanh cửa cho biết cô vẫn còn trong buồng. Và đây, giờ thì tôi đoán chắc, chính là giây phút đã dai dẳng găm lại trong ký ức tôi - giây phút tôi dừng chân trong bóng mờ tối hành lang, tay bung khay, một niềm tin ngày càng chắc chắn trong lòng rằng chỉ cách vài thước, bên kia cánh cửa, cô Kenton đang khóc. Như tôi nhớ, không có bằng chứng gì cụ thể để giải thích niềm tin đó - chắc chắn là tôi không hề nghe tiếng khóc - nhưng tôi vẫn nhớ đã tin chắc rằng nếu gõ cửa bước vào, sẽ thấy cô giàn giụa nước mắt. Tôi không

biết mình đã đứng đó bao lâu; lúc ấy tôi tưởng như đây là một quãng thời gian đáng kể, nhưng trong thực tế, tôi ngờ chỉ độ vài giây. Bởi, đương nhiên, tôi còn phải nhanh chóng lên nhà để mời rượu những vị thuộc hàng danh giá nhất trong xứ sở, và hẳn là tôi không thể rề rà quá được.

Khi trở lại phòng tiếp tân, tôi thấy các vị khách vẫn còn trong tâm trạng khá nghiêm nghị. Nhưng ngoại trừ điều đó, tôi hầu như không có mấy thời giờ cảm nhận được chút nào bầu không khí, bởi tôi vừa bước vào thì huân tước đã đỡ lấy khay từ tay tôi và nói, “Cảm ơn anh, Stevens, tôi sẽ lo nốt phần còn lại. Anh lui được rồi.”

Lại đi qua sảnh lần nữa, tôi vào vị trí quen thuộc dưới vòm cửa, và trong khoảng một tiếng đồng hồ tiếp theo, nghĩa là tới khi các vị khách cuối cùng cũng cáo từ, không xảy ra sự việc gì buộc tôi phải di chuyển khỏi vị trí nữa. Tuy vậy, một giờ đồng hồ đứng đó đã lưu lại vô cùng sống động trong trí óc tôi suốt những năm qua. Ban đầu, tâm trạng của tôi - tôi không ngại thừa nhận việc này - có chút nặng nề. Nhưng rồi trong lúc tôi đứng đó, dần dà có một điều kỳ lạ xảy ra; nói thế có nghĩa là, một cảm giác đặc thảng sâu xa bắt đầu dâng lên trong tôi. Tôi không nhớ nổi vào thời điểm đó mình có phân tích kỹ cảm giác này không, nhưng ngày nay nhìn lại, có vẻ giải thích cũng không quá khó. Suy cho cùng, tôi vừa mới đi qua một buổi tối đặc biệt cam go, nhưng trong suốt thời gian đó đã duy trì được một “phẩm cách xứng hợp với chức vị tôi” - và hơn nữa, đã làm vậy theo một phương cách mà ngay cả cha tôi biết đâu cũng có thể tự hào. Và ở đó bên kia sảnh, chính ngay sau cánh cửa mà mắt tôi đang đặt vào đây, chính ngay trong căn phòng tôi vừa thực thi bốn phận của mình, những vị quyền lực nhất Âu châu đang bàn thảo về số phận của cả lục địa. Vào thời điểm ấy ai còn có thể nghi ngờ rằng tôi quả thực đã tới sát cái trục lớn của vạn sự như bất kỳ quản gia nào có thể mơ ước? Vì có đó, tôi đồ rằng trong lúc tôi đứng đó suy tư về những sự việc trong buổi tối vừa qua - những sự việc đã diễn ra và những sự việc hẵng còn đang tiếp diễn - buổi tối hiện ra trước mắt tôi như một bản tổng lược

tất cả những thành tựu tôi đạt được đến thời điểm này trong cuộc đời. Tôi không thấy nhiều cách giải thích nào khác cho cảm giác đắc thắng đã nâng đỡ lòng tôi đêm đó.

Ngày thứ sáu - Tối
Weymouth

Thị trấn ven biển này là nơi tôi đã định viếng thăm nhiều năm rồi. Tôi đã nghe rất nhiều người kể đã từng dành một kỳ nghỉ rất dễ chịu nơi đây, và cả bà Symons, trong bộ *Kỳ quan Anh quốc*, cũng gọi đó là một “thị trấn hứa hẹn với khách phương xa những thú vui tràn trề suốt nhiều ngày không dứt”. Thực tế là bà còn nhắc cụ thể đến cầu tàu này, nơi tôi đã đi bách bộ trong nửa tiếng vừa qua, và đặc biệt khuyên nên ghé đến đây lúc chiều hôm khi cầu tàu sáng bừng rất nhiều bóng đèn đủ các màu sắc. Vừa một lát trước, tôi được một vị quan chức cho biết đèn sắp bật lên “ngay thôi”, vì thế tôi đã quyết định ngồi xuống đây trên băng ghế này chờ sự kiện ấy. Từ đây tôi ngắm nhìn được toàn cảnh mặt trời lặn xuống trên mặt biển, và dù ánh ngày vẫn còn lại khá nhiều - hôm nay là một ngày rạng rỡ - tôi cũng thấy đó đây nhà cửa lên đèn dọc theo bờ biển. Trong lúc đó thì cầu tàu vẫn đầy chật những người; đằng sau lưng tôi, tiếng vô số bàn chân gõ nhịp lên mặt ván vẫn liên hồi không nghỉ.

Tôi đến thị trấn này chiều hôm qua, và đã quyết định ở lại thêm một đêm để có trọn ngày hôm nay mà nhẩn nha thăm thú. Và tôi phải nói rằng, không phải chạy xe nữa quả cũng có chút nhẹ nhõm; vì dù hoạt động ấy có lý thú đến mấy, thì sau ít lâu, người ta cũng có phần chán ngán. Dù sao đi nữa, tôi có thể lưu lại thêm ở đây một ngày ấy mà không sợ quá thời gian; chỉ cần ngày mai khởi hành sớm là đảm bảo tôi sẽ trở lại Dinh Darlington vào giờ trà.

Đến giờ đã là trọn hai ngày kể từ khi tôi gặp cô Kenton trong phòng trà khách sạn Vườn Hồng ở Compton Nhỏ. Bởi thực vậy, chúng tôi đã gặp nhau ở đó, cô Kenton đã khiến tôi bất ngờ khi đến khách sạn gặp tôi. Tôi đang tiêu khiển cho qua thời giờ sau khi dùng xong bữa trưa - tôi tin mình chỉ đang nhìn màn mưa qua cửa sổ bên bàn - thì một người nhân viên khách sạn tiến lại thông báo rằng có một bà đang chờ ở lễ tân mong được gặp tôi. Tôi đứng dậy đi ra sảnh đón, ở đó tôi không nhận ra ai quen.

Nhưng rồi cô lễ tân đứng sau quầy nói vọng ra, “Bà khách đã vào phòng trà rồi, thưa ngài.”

Đi vào phòng qua cánh cửa được chỉ, tôi thấy một căn phòng đặt đầy những ghế bành không cùng bộ, cùng vài chiếc bàn. Trong phòng không có ai khác ngoài cô Kenton, cô nhòm dậy khi tôi vào, mỉm cười chìa tay cho tôi.

“A, ông Stevens. Được gặp lại ông thật vui quá.”

“Bà Benn, tôi thực mừng.”

Ánh sáng trong phòng rất tối u ám vì cơn mưa vừa đổ xuống, nên chúng tôi dịch hai chiếc ghế bành lại gần cửa sổ lồi. Và cứ như thế cô Kenton và tôi đã nói chuyện với nhau trong chừng hai tiếng đồng hồ tiếp đó, trong vũng ánh sáng xám trong khi mưa vẫn đều đều rơi lên quảng trường ngoài kia.

Cô dĩ nhiên đã ít nhiều già đi, nhưng ít nhất theo con mắt tôi nhìn, có vẻ cô đã già đi một cách thanh tao hết mực. Vóc người cô vẫn thanh mảnh, tư thế vẫn thẳng tắp như ngày nào. Cô cũng vẫn giữ dáng đầu khi xưa, thêm một li nữa là thành thách thức. Đương nhiên, trong luồng ánh sáng ảm đạm đổ lên mặt cô, tôi không thể không nhận thấy những nếp nhăn đã hiện lên đây đó. Nhưng về cơ bản, cô Kenton trước mặt tôi đây trông giống đến lạ lùng con người đã sống trong trí tưởng tôi qua bao năm. Nói thế có nghĩa là, về đại thể, được gặp lại cô khiến tôi thực hết sức vui lòng.

Trong chừng hai mươi phút đầu, tôi cho rằng chúng tôi đã trao đổi những lời lẽ như người lạ gặp nhau vẫn nói; cô lễ độ hỏi về đầu đuôi chuyến đi của tôi, tôi thấy kỳ nghỉ của mình ra sao, đã ghé thăm những thị trấn và thắng cảnh nào, đại loại vậy. Trong lúc chúng tôi tiếp tục nói chuyện, phải nói tôi tưởng đã bắt đầu nhận ra thêm những thay đổi nữa tinh vi hơn mà năm tháng đã để lại trên cô. Tỷ dụ như, cô Kenton dường như có vẻ *chậm* hơn trước thế nào đó. Rất có thể đây chỉ là sự điềm tĩnh mà tuổi tác đem lại, và trong một lúc tôi có gắng sức nhìn vấn đề như vậy. Nhưng tôi không thể gạt đi cảm giác rằng điều tôi đang thực tình chứng kiến đây là một sự mệt mỏi trước cuộc đời; tia lửa ngày xưa từng khiến cô là một người hoạt bát, đôi

khi còn bông bột đến như vậy dường như giờ đã tắt. Thực tế là, đôi lúc, khi cô dừng nói, khi mặt cô tĩnh tại, tôi còn nghĩ mình thấy vẻ mặt cô thấp thoáng nét buồn. Nhưng mặt khác, rất có thể tôi đã lầm về việc đó.

Sau một hồi, chút lẩn cẩn trong vài phút đầu gặp mặt đã hoàn toàn tan biến, và câu chuyện giữa đôi bên chuyển sang chiều hướng thân tình hơn. Chúng tôi dành thời gian hồi nhớ lại nhiều người quen biết trong quá khứ, hoặc trao đổi tin tức nào mình có về những người này, và việc ấy tôi phải nói đem lại niềm vui vô kể. Nhưng không phải vui vì nội dung cuộc nói chuyện của chúng tôi mà là vì những nụ cười nho nhỏ điểm kết mỗi câu cô nói, những nốt chế nhạo khó thấy len lỏi đây đó, một vài cử chỉ nơi bàn tay hay vai, đã bắt đầu gợi lại không lầm lẫn nhịp điệu và thói quen trong những cuộc trò chuyện giữa chúng tôi bao năm về trước.

Cũng vào khoảng này mà tôi bắt đầu xác định được một vài thông tin xoay quanh hoàn cảnh hiện tại của cô. Tỷ dụ như, tôi được biết cuộc hôn nhân của cô không hẳn lâm vào tình trạng hiểm nghèo như có thể đoán thấy từ thư cô; và rằng dù quả thực cô đã rời nhà trong một quãng thời gian chừng bốn năm ngày - chính đó là thời gian cô soạn lá thư đến tay tôi - cô đã về nhà và ông Benn đã vui mừng được đón cô trở lại. “Cũng may vì giữa hai chúng tôi còn có một người đầu óc bình thường,” cô nói và mỉm cười.

Tôi ý thức được, đương nhiên, rằng những vấn đề loại này hoàn toàn chẳng phải việc của tôi, và tôi cần nói rõ rằng mình sẽ không đời nào dám dò hỏi vào những lĩnh vực đó nếu không phải vì quả thực, như quý vị có lẽ còn nhớ, tôi có những lý do nghề nghiệp quan trọng; có nghĩa là, các lý do liên quan đến khó khăn nhân sự hiện tại ở Dinh Darlington. Dù sao thì, cô Kenton có vẻ cũng không ngại tâm tình với tôi về những vấn đề đó, và tôi coi đây là một bằng chứng đáng mừng về mối quan hệ nghề nghiệp thân cận khăng khít giữa chúng tôi ngày xưa.

Trong một lúc ngắn sau đó, như tôi nhớ, cô Kenton tiếp tục nói chung chung về người chồng của cô, nay sắp nghỉ hưu, hơi

sớm do vấn đề sức khỏe, cùng con gái cô, giờ đã kết hôn và chuẩn bị làm mẹ vào mùa thu này. Thực tế là, cô Kenton đã cho tôi địa chỉ nhà con gái cô ở Dorset, và tôi phải nói mình khá hãnh diện khi thấy cô tha thiết muốn tôi hãy ghé qua đó trên đường trở về. Dù tôi có giải thích rằng rất ít khả năng tôi sẽ đi qua vùng đó ở Dorset, cô Kenton vẫn một mực yêu cầu tôi, rằng, “Catherine đã nghe kể về ông rất nhiều, ông Stevens ạ. Gặp ông nó sẽ mừng rỡ lắm cho mà xem.”

Về phần mình, tôi cố hết sức mô tả cho cô Dinh Darlington ngày hôm nay. Tôi cố diễn tả cho cô hiểu ông Farraday là một người chủ thân thiện đến thế nào; và tôi miêu tả những thay đổi của bản thân căn nhà, những sửa sang và những tấm bạt, cũng như cách sắp xếp nhân sự hiện tại. Cô Kenton, tôi nghĩ, đã vui lên thấy rõ khi tôi nói về ngôi nhà, và chẳng mấy sau chúng tôi đã cùng ôn lại những kỷ niệm xưa, thường xuyên phải bật cười.

Chỉ có một lần theo tôi nhớ là chúng tôi nhắc về Huân tước Darlington. Chúng tôi đang thích thú hồi tưởng lại hồi ức nào đó về anh Cardinal, vì thế tôi không tránh khỏi phải thông báo với cô về việc chàng trai trẻ đã vong mạng ở Bỉ trong cuộc chiến. Rồi sau đó tôi nói tiếp: “Đương nhiên, đức ngài rất yêu quý anh Cardinal, nên đã rất buồn về việc ấy.”

Tôi không muốn làm hồng bầu không khí dễ chịu bằng những chuyện u buồn, nên gần như lập tức tìm cách lái ra khỏi đề tài đó. Nhưng đúng như tôi đã sợ, cô Kenton có đọc thấy vụ kiện tội phỉ báng bất thành, và đương nhiên không bỏ qua cơ hội gạn hỏi tôi đôi chút. Như tôi nhớ, tôi đã cố không bị kéo vào câu chuyện, dù rốt cuộc tôi cũng nói với cô, “Thực tế là, bà Benn ạ, suốt cuộc chiến họ đã nói nhiều điều thực sự kinh khủng về đức ngài - và đặc biệt trên cái tờ báo đó. Ngài đã chịu đựng tất cả trong lúc đất nước còn nguy khốn, nhưng một khi chiến tranh đã qua, và những ám chỉ nọ kia vẫn cứ tiếp diễn, thì đức ngài không thấy có gì phải tiếp tục nhịn nhục trong im lặng nữa. Rất có thể giờ đây thì dễ thấy hết những nguy cơ khi ra tòa vào đúng thời điểm ấy, trong bầu không khí chính trị lúc ấy. Nhưng sự đã vậy rồi. Đức ngài thành thực tin rằng công lý sẽ đứng về phía

mình. Ngược lại, đương nhiên, tờ báo đó chỉ càng phát hành rộng rãi. Còn thanh danh của đức ngài đã bị hủy hoại vĩnh viễn. Thực tình, bà Benn ạ, sau đó thì, nói thế nào nhỉ, đức ngài gần như là một người tàn phế rồi. Và căn nhà trở nên lặng lẽ biết bao. Tôi thường đưa trà đến cho đức ngài trong phòng tiếp tân và, biết nói thế nào... Đây thực sự là một cảnh tượng bi thảm.”

“Tôi vô cùng xin lỗi, ông Stevens ạ. Tôi không hề biết sự tình lại xấu đến vậy.”

“Thế đấy, bà Benn ạ. Nhưng nói vậy đủ rồi. Tôi biết bà nhớ Dinh Darlington từ cái thời còn những buổi tụ họp long trọng, khi trong nhà rộn rịp những vị khách danh giá. Thì đức ngài xứng đáng được ghi nhớ theo cách ấy.”

Như tôi đã nói, đây là lần duy nhất chúng tôi nhắc đến Huân tước Darlington. Chủ yếu, chúng tôi chỉ ôn lại với nhau những hồi ức vô cùng hạnh phúc, và hai giờ đồng hồ ở bên nhau trong phòng trà ấy, tôi có thể nói là khoảng thời gian hết sức dễ chịu. Hình như tôi cũng nhớ có nhiều khách khác đi vào trong lúc chúng tôi nói chuyện, ngồi xuống chốc lát rồi lại bỏ đi, nhưng họ hoàn toàn không hề làm chúng tôi sao nhãng. Thực vậy, khó mà tin nổi trọn hai giờ đồng hồ đã trôi qua khi cô Kenton nhìn lên đồng hồ trên bệ lò sưởi và nói đã đến lúc phải về. Khi biết được cô sẽ phải đi bộ trong mưa ra một bến xe buýt ở cách làng hơi xa một chút, tôi nhất định muốn được đưa cô đến đó bằng cỗ Ford, và thế là sau khi mượn được cây ô từ bàn lễ tân, chúng tôi cùng nhau bước ra ngoài.

Đã có nhiều vũng nước lớn hình thành trên mặt đất quanh cỗ Ford, khiến tôi buộc phải hỗ trợ cô Kenton chút ít tới cửa bên ghế phụ. Tuy nhiên, chẳng mấy sau chúng tôi đã chạy xe trên phố chính của làng, và rồi những cửa hàng biến mất, chúng tôi đã thấy mình ở giữa đồng quê mênh mông. Cô Kenton, này giờ vẫn lặng lẽ ngắm cảnh vật trôi qua bên cửa, đến lúc này quay lại phía tôi nói, “Ông cứ mỉm cười một mình như vậy là sao thế, ông Stevens?”

“Ồ... Bà phải thứ lỗi cho tôi, bà Benn ạ, nhưng tôi chỉ đang nhớ lại một vài điều bà viết trong thư. Lúc đọc thư tôi đã hơi lo âu,

nhưng giờ tôi thấy không có mấy lý do phải lo lắng.”

“Vậy à? Cụ thể thì ông đang nói đến những chuyện nào thế, ông Stevens?”

“Ồ, không có gì cụ thể đâu, bà Benn ạ.”

“Nào, ông Stevens, ông phải nói với tôi mới được.”

“À, chẳng hạn, bà Benn ạ,” tôi nói và bật cười, “có một đoạn trong thư bà viết - như thế nào nhỉ - ‘phần đời kể từ đây về sau trải ra trước mắt tôi như một khoảng không hiu quạnh’. Cái gì đó đại ý như thế.”

“Thật tình, ông Stevens ạ,” cô nói và cũng bật cười khẽ, “tôi mà lại đi viết như vậy à.”

“Ồ, xin cam đoan là bà đã viết vậy đấy, bà Benn ạ. Tôi nhớ rất rõ mà.”

“Chao ơi. Chà, có thể có những ngày tôi cảm thấy như vậy thật. Nhưng cũng trôi qua nhanh thôi. Xin cam đoan với ông, ông Stevens ạ, phần đời trải ra trước mắt tôi *không* hiu quạnh đâu. Thứ nhất là, chúng tôi đang chờ cháu ngoại ra đời. Có khi sẽ còn thêm vài đứa nữa.”

“Thực vậy, phải. Như thế thì bà sẽ thực hạnh phúc.” Chúng tôi im lặng đi thêm một lúc nữa. Rồi cô Kenton nói, “Thế còn ông thì sao, ông Stevens? Trở về Dinh Darlington, điều gì đang chờ đợi ông trong tương lai?”

“Chà, dù chờ đợi tôi là cái gì, bà Benn ạ, thì tôi cũng biết đấy không phải là khoảng không trống rỗng. Giá mà được như vậy. Nhưng mà không, chỉ có công việc, công việc và rồi vẫn là công việc.”

Đến đây chúng tôi cùng cười. Rồi cô Kenton chỉ một nhà chờ xe buýt hiện ra đằng trước. Khi chúng tôi đến gần, cô nói, “Ông chờ với tôi được không, ông Stevens? Xe chỉ mấy phút nữa là đến thôi.”

Mưa vẫn rơi đều khi chúng tôi ra khỏi xe và vội vàng chạy vào nhà. Ngôi nhà chờ - một công trình bằng đá có lợp mái ngói hần hoi - trông rất vững chãi, mà quả là nó cần như vậy, khi đứng ở một vị trí phơi ra giữa đồng không mông quạnh thế này. Bên trong, sơn đã tróc lở khắp nơi, nhưng cũng tương đối sạch sẽ. Cô

Kenton ngồi xuống ghế băng để sẵn, còn tôi vẫn đứng để nhìn bao quát được khi xe buýt đến. Bên kia đường, tôi chỉ thấy trải ra đồng rồi lại đồng; một dãy cột điện tín cuốn tầm mắt tôi theo xa đến chân trời.

Sau khi im lặng ngồi đợi bên nhau vài phút, tôi cuối cùng cũng gắng nói ra được, “Xin bà thứ lỗi, bà Benn ạ. Nhưng sự thực là có thể chúng ta sẽ không gặp nhau một thời gian dài nữa. Tôi không biết liệu bà có thể nào cho phép tôi hỏi một chuyện có đôi chút cá nhân. Đây là một điều đã bận lòng tôi ít lâu rồi.”

“Hẳn rồi, ông Stevens ạ. Suy cho cùng, chúng ta là bạn cũ mà.”

“Thực vậy, đúng như bà nói, chúng ta là bạn cũ. Tôi chỉ muốn hỏi một điều, bà Benn ạ. Xin bà đừng trả lời nếu cảm thấy không nên. Nhưng sự thực là, những lá thư tôi được nhận của bà qua nhiều năm, đặc biệt là lá thư mới đây, thường ám chỉ là bà - người ta nói thế nào nhỉ? - có phần bất hạnh. Tôi chỉ băn khoăn là liệu bà có bị xử tệ cách nào đó hay không. Xin lỗi bà, nhưng tôi đã nói đấy, đây là một điều đã khiến tôi lo lắng ít lâu rồi. Tôi sẽ thấy mình ngốc nghếch lắm nếu đi cả quãng đường đến đây gặp được bà mà lại không ít nhất hỏi bà điều đó.”

“Ông Stevens ạ, không việc gì phải xấu hổ đâu. Suy cho cùng, chúng ta là bạn cũ mà, không phải sao? Thực tế là, tôi rất cảm động thấy ông lo lắng vì tôi như vậy. Và tôi có thể trấn an ông về việc này một cách dứt khoát. Chồng tôi không hề bạc đãi tôi dù theo bất cứ cách nào. Anh ấy không hề tàn nhẫn hay cục cằn đâu.”

“Tôi phải nói, bà Benn ạ, quả là nghe vậy tôi bớt lo âu rất nhiều.”

Tôi rướn người vào màn mưa, tìm xem có dấu hiệu nào của chiếc xe sắp tới.

“Tôi nhận thấy rằng ông vẫn chưa hài lòng lắm, ông Stevens ạ,” cô Kenton nói. “Ông không tin tôi ư?”

“À, không phải như vậy, bà Benn ạ, hoàn toàn không phải. Chỉ có điều sự thực vẫn là, bà không có vẻ đã được hạnh phúc những năm vừa qua. Nói vậy có nghĩa là - xin bỏ quá tôi nói điều này - bà đã quyết ý rời khỏi chồng trong một vài dịp. Nếu ông ấy

không bạc đãi bà thì, nói thế nào nhỉ... người ta có hơi khó hiểu về nguyên do bà cảm thấy không hạnh phúc.”

Tôi lại nhìn ra màn mưa. Cuối cùng, tôi nghe cô Kenton nói sau lưng mình, “Ông Stevens ạ, tôi biết giải thích thế nào bây giờ? Chính tôi cũng khó mà hiểu được vì sao mình làm những điều như thế. Nhưng đúng là như vậy, cho tới giờ tôi đã rời nhà ba lần.” Cô ngưng một lúc, trong lúc ấy tôi vẫn nhìn ra những cánh đồng bên kia đường. Rồi cô nói, “Tôi nghĩ, ông Stevens ạ, điều ông đang hỏi là tôi có yêu chồng hay không.”

“Thực tình, bà Benn, tôi không dám thất lễ...”

“Tôi cảm thấy mình nên trả lời ông, ông Stevens ạ. Như ông có nói đó, chúng ta có lẽ sẽ không gặp lại nhau trong nhiều năm tới. Có, tôi có yêu chồng. Ban đầu thì không. Ban đầu thì không, suốt nhiều năm. Khi tôi rời Dinh Darlington bằng ấy năm về trước, tôi không hề nhận ra mình đã rời khỏi đó thực sự và vĩnh viễn. Tôi tin rằng lúc ấy tôi chỉ coi đó là một kẻ khác, ông Stevens ạ, để chọc tức ông mà thôi. Tôi đã rất sốc khi ra tới đây và nhận ra mình đã có chồng. Trong một thời gian dài, tôi đã rất không hạnh phúc, quả là rất không hạnh phúc. Nhưng rồi năm lại năm qua, chiến tranh xảy ra, Catherine khôn lớn, và một ngày kia tôi nhận ra mình có yêu chồng. Khi ở rất lâu với một ai đó rồi, ta sẽ thấy mình quen với người đó. Anh ấy là một người rất tốt, rất đáng tin cậy, và có, ông Stevens ạ, tôi đã học được cách yêu anh ấy.”

Cô Kenton lại lặng thinh thêm lát nữa. Rồi cô tiếp, “Nhưng đương nhiên không có nghĩa là không có những dịp này dịp khác - trong những dịp buồn nản tột cùng - khi ta tự nhủ: ‘Mình đã làm gì đời mình?’ Những lúc ấy ta sẽ đâm ra nghĩ về một cuộc đời khác, một cuộc đời *tốt đẹp hơn* mà có thể mình đã có. Chẳng hạn, tôi sẽ đâm ra nghĩ về một cuộc đời có thể tôi đã có bên ông, ông Stevens ạ. Và tôi đoán đấy là những lúc tôi nhân một chuyện vặt vãnh nào đó mà nổi cáu bỏ đi. Nhưng mỗi lần như vậy, thì chẳng mấy sau tôi đã nhận ra - chỗ dành cho mình thực sự là ở bên chồng. Suy cho cùng, đâu có thể quay ngược thời gian được nữa. Người ta không thể ngậm ngội mãi những gì có

thể đã xảy ra. Người ta cần phải nhận ra mình đang có một thứ cũng tốt gần bằng thế, thậm chí còn hơn thế, và biết cảm kích vì điều đó.”

Tôi không nghĩ mình đã đáp lại ngay lập tức, vì phải mất giây lát tôi mới lĩnh hội được hết những lời này của cô Kenton. Hơn nữa, chắc quý vị cũng hiểu được, ẩn ý trong những câu nói đó đủ gợi nên một nỗi buồn lên tới mức nào trong tôi. Thực vậy - có gì mà không thừa nhận điều này chứ? - vào giây phút ấy, tim tôi như tan vỡ. Tuy nhiên, chỉ lát sau, tôi đã quay lại nhìn cô mỉm cười nói, “Bà nói rất đúng, bà Benn ạ. Như bà đã nói đấy, không thể quay ngược thời gian được nữa rồi. Thực vậy, tôi sẽ không thể ăn ngon ngủ yên được nếu biết những ý tưởng như vậy là nguồn cơn mối bất hòa giữa vợ chồng bà. Chúng ta, mỗi người trong chúng ta, như bà đã nói, cần phải biết cảm kích vì những gì mình *đang* có. Và cứ theo những gì bà nói với tôi, bà Benn ạ, bà hoàn toàn có lý do để bằng lòng. Thực tế là tôi còn dám đoán rằng, xét thấy ông Benn sắp về hưu, còn các cháu cũng sắp ra đời, hẳn là những năm tháng cực kỳ hạnh phúc đang chờ đón ông bà. Bà thực sự không được để ý nghĩ ngốc nghếch nào ngáng trở đến với hạnh phúc xứng đáng của bà đấy.”

“Đương nhiên rồi, ông nói đúng, ông Stevens ạ. Ông thật tử tế quá.”

“A, bà Benn kìa, có vẻ là xe buýt đã đến rồi.”

Tôi bước ra ngoài vẫy tay, còn cô Kenton đứng dậy ra tới sát cửa nhà chờ. Mãi tới khi xe dừng lại tôi mới liếc nhìn sang cô Kenton và nhận ra đôi mắt cô đã dâng đầy nước mắt. Tôi mỉm cười nói, “Bà Benn này, bà phải chăm lo đến mình đấy. Rất nhiều người nói rằng nghỉ hưu là quãng thời gian đẹp nhất trong đời với các đôi vợ chồng. Bà phải làm hết sức để mang lại hạnh phúc trong những năm tháng đó cho mình và cho chồng mình đấy. Có thể chúng ta sẽ không bao giờ gặp nhau lần nữa, bà Benn ạ, nên tôi phải yêu cầu bà hãy ghi nhớ kỹ điều tôi đang nói đây.”

“Tôi sẽ nhớ, ông Stevens ạ, cảm ơn ông. Và cảm ơn ông cho đi nhờ xe đến đây. Ông làm thế thật là tử tế quá. Được gặp lại ông lần nữa thật vui.”

“Tôi cũng thực mừng được gặp lại bà lần nữa, bà Benn ạ.”

*

Đèn trên cầu tàu đã bật, sau lưng tôi một đám đông vừa cất tiếng reo rất lớn đón mừng sự kiện này. Ánh ngày vẫn còn lại khá nhiều - bầu trời trên mặt biển đã chuyển màu đỏ nhạt - nhưng dường như chừng ấy người dân dà tụ tập trên cầu tàu nửa tiếng đồng hồ vừa qua giờ đây đang mong cho đêm đổ xuống. Điều này, tôi nghĩ, đã xác nhận rất đúng đắn luận điểm của người đàn ông mà mới đây thôi còn ngồi cạnh tôi trên băng ghế này, và đã trao đổi cùng tôi cuộc chuyện trò kỳ lạ đó. Quan điểm của ông ta là đối với rất nhiều người, buổi tối là phần đẹp nhất của ngày, phần họ trông đợi nhất. Và như tôi nói đó, dường như có vẻ có một phần sự thực trong nhận định này, vì nếu không vì sao bằng ấy người ở đây lại tự phát cất tiếng reo chỉ vì đèn trên cầu tàu đã bật?

Đương nhiên, người ấy chỉ nói theo nghĩa bóng, nhưng cũng khá thú vị thấy lời ông ta lập tức được chứng nhận theo nghĩa đen. Tôi đoán rằng ông ta đã ngồi đây cạnh tôi vài phút rồi mà tôi không nhận thấy, bởi đang mải mê vào hồi ức về cuộc gặp với cô Kenton hai ngày trước. Thực tế là, tôi nghĩ mình còn hoàn toàn không ghi nhận sự có mặt của ông ta trên băng ghế cho tới khi ông ta lớn tiếng tuyên bố, “Khí biển tốt cho cơ thể lắm nhá.”

Tôi nhìn lên, thấy một người lực lưỡng, hằn là đã sắp hết lục tuần, mặc áo khoác vải tuyết sồn sù, áo sơ mi mở cúc cổ. Ông ta đương nhìn ra biển, có lẽ nhìn mấy con mòng biển ở xa xa, vì thế hoàn toàn không thể nhận ngay ra là ông ta đương nói với tôi. Nhưng bởi không ai khác đáp lời, và bởi tôi không nhìn thấy ngay có ai ở quanh đây có thể đáp lời, cuối cùng tôi cũng nói, “Vâng, chắc là vậy.”

“Ông bác sĩ bảo là tốt cho cơ thể. Nên cứ thời tiết cho phép là tôi lại đi lên đây.”

Rồi ông ta kể ra với tôi về đủ loại bệnh tật khác nhau trong người, chỉ rất thi thoảng mới rời mắt khỏi cảnh mặt trời lặn để quay sang tôi gật đầu hay cười toét. Tôi chỉ thực sự bắt đầu có chút chú ý vào câu chuyện khi ông ta chợt nhắc rằng mình nghĩ

hưu ba năm trước khi đương làm quản gia cho một nhà gần đó. Hỏi han sâu hơn, tôi được biết rằng nhà ấy rất nhỏ, chỉ có duy nhất ông ta là gia nhân toàn thời gian. Khi tôi hỏi ông đã bao giờ có cả một đội ngũ nhân viên đầy đủ dưới quyền mình làm việc hay chưa, trước chiến tranh chẳng hạn, thì ông nói, “À, vào thời ấy tôi mới chỉ là người hầu thôi. Tôi thì chẳng có được cái thuật để làm được quản gia vào cái thời ấy đâu. Ông mà biết khối lượng công việc phải làm ở những cái nhà bự hồi ấy thì sẽ phải ngạc nhiên cho mà xem.”

Tới đây, tôi nghĩ đã tới lúc thích hợp để tiết lộ nhân thân mình, và dù tôi không biết cái tên “Dinh Darlington” có gợi lên gì trong người đối thoại của mình không, nhưng ông ta vẫn tỏ ra khâm phục thích đáng.

“Thế mà tôi thì cứ ba hoa này nọ với ông,” ông ta cười lớn nói. “May mà ông đã nói cho tôi biết trước khi tôi tự biến mình thành trò hề. Đấy, cứ bắt chuyện với người lạ thì không thể biết mình đang có lời với ai nữa. Vậy tôi hiểu là ông từng có một đội ngũ nhân viên lớn hử. Ý tôi là trước chiến tranh.”

Ông ta tính tình vui vẻ và có vẻ quan tâm thực tình, thế nên phải thú nhận là tôi đã kể với ông ít chuyện về Dinh Darlington những ngày xưa cũ. Chủ yếu là tôi cố diễn đạt cho ông hiểu một phần cái “thuật”, như ông gọi, để giám sát những sự kiện lớn loại như chúng tôi vẫn thường tổ chức. Thực vậy, tôi nghĩ mình còn tiết lộ cho ông một vài “bí quyết” nghề nghiệp riêng ngõ hầu thúc đẩy đội ngũ nhân viên cố vượt hơn sức mình, cũng như nhiều trò “ảo thuật” - giống như những nhà phù thủy - có thể giúp người quản gia hóa phép ra thứ cần thiết vào đúng lúc đúng nơi mà không để các vị khách dù chỉ thấy qua những dàn dựng thường rất công phu phức tạp ở hậu trường. Như tôi nói đó, người đối thoại với tôi có vẻ thực lòng quan tâm, nhưng sau một lúc tôi cảm thấy mình tiết lộ thế là đủ rồi, nên nói để kết chuyện, “Đương nhiên, ngày nay tình hình đã khác nhiều với ông chủ hiện thời của tôi. Một vị người Mỹ.”

“Mỹ hử? Ờ, giờ thì mỗi họ là có hầu bao đủ rộng cho mấy thứ đó thôi. Vậy là ông ở lại cùng với căn nhà. Trọn gói.” Ông ta quay

lại và nhếch miệng cười với tôi.

“Vâng,” tôi nói và cười khẽ. “Đúng là trọn gói, như ông nói đấy.”

Người kia lại quay nhìn ra biển, hít một hơi thực sâu và thở dài mãn nguyện. Thế rồi chúng tôi ngồi bên nhau một chốc, lặng thinh.

“Sự thực, đương nhiên là,” một lát sau tôi nói, “tôi đã dành những gì tốt đẹp nhất cho Huân tước Darlington. Tôi đã dành những gì tốt đẹp nhất mình có thể trao đi, và giờ thì - nói sao nhỉ - tôi thấy mình không còn lại bao nhiêu để mà cho đi nữa.”

Người kia không đáp lại, nhưng cũng gật đầu, nên tôi nói tiếp, “Từ khi ông chủ mới của tôi, ông Farraday đến, tôi đã cố gắng rất nhiều, quả thực là rất nhiều, để phục vụ ông chu đáo được như ý nguyện của tôi. Tôi đã thử hết cách này đến cách khác, nhưng có làm gì tôi cũng thấy mình cách rất xa tiêu chuẩn mà xưa kia tôi đề ra cho mình. Các lỗi lầm xuất hiện trong công việc càng lúc càng nhiều hơn. Lặt vặt thôi - ít nhất cho đến lúc này. Nhưng những lỗi lầm loại đó xưa kia tôi không bao giờ phạm phải, và tôi biết chúng nói lên điều gì. Có trời chứng giám, tôi đã thử hết cách này đến cách khác, nhưng chẳng được gì cả. Tôi đã trao đi tất cả những gì mình có. Tôi đã trao hết cho Huân tước Darlington rồi.”

“Ôi trời, ông bạn. Nay, ông cần khăn không? Tôi có một cái không biết để đâu rồi. Đây rồi. Khá sạch đấy. Mới chỉ hỉ mũi một cái sáng nay thôi, cầm đi, ông bạn.”

“Ôi chao, không đâu, cảm ơn ông, tôi không có vấn đề gì cả. Xin lỗi ông rất nhiều, tôi sợ rằng đi lại nhiều đã làm tôi mệt rồi. Tôi thực sự xin lỗi.”

“Chắc là ông bạn phải rất gần bó với cái ông huân tước Đa Đa gì đấy. Mà ông bảo ông ấy đã qua đời ba năm rồi hả? Tôi thấy rõ là ông rất gần bó với ông này, ông bạn ạ.”

“Huân tước Darlington không phải là người xấu. Không hề xấu chút nào. Và ít nhất ngài cũng có quyền được nói vào cuối đời mình rằng chính mình đã phạm những sai lầm của mình. Đức ngài là một con người can đảm. Ngài đã chọn một con

đường trong đời, con đường ấy hóa ra là lầm lạc, nhưng mà thế đấy, ngài đã chọn lấy nó, ít ra ngài cũng có quyền nói như thế. Còn tôi đây, thậm chí tôi còn không có được điều đó. Ông hiểu không, tôi đã *tin*. Tôi đã tin vào trí thông tuệ của đức ngài. Bao nhiêu năm tôi phục vụ đức ngài, tôi đã tin mình đang làm một việc có ý nghĩa. Tôi còn không thể nói rằng tự mình đã phạm những sai lầm của mình nữa. Thực thế - người ta buộc phải tự hỏi mình như vậy - như thế thì còn gọi gì là phẩm cách?”

“Thế này, ông bạn ạ, tôi không chắc là tôi nghe thủng mọi điều ông nói đâu. Nhưng nếu ông hỏi tôi thì, thái độ của ông thế là sai rồi, nhá! Đừng có suốt ngày rầu rĩ chuyện cũ nữa, ông thế nào cũng suy sụp đấy. Với lại, thì đúng là ông không thể làm việc tốt như ngày xưa ông làm nữa. Nhưng chúng ta ai mà chả vậy, hử? Ai cũng đến lúc nào đó phải rửa tay gác kiếm thôi. Nhìn tôi này. Từ hồi nghỉ hưu tôi tươi như bông hoa. Ừ thì cả hai chúng ta đều chả phải thanh xuân trai tráng gì nữa, nhưng phải tiếp tục nhìn tới tương lai chứ.” Và tôi tin chính lúc ấy ông đã nói, “Ông phải biết cách sống vui. Buổi tối mới là phần hay nhất trong ngày. Ông đã làm xong công việc trong ngày rồi. Giờ ông có thể rửa tay gác kiếm mà tận hưởng đi. Tôi là tôi nhìn thế đấy. Cứ hỏi ai cũng sẽ bảo ông như thế thôi. Buổi tối là phần hay nhất trong ngày.”

“Tôi tin là ông nói rất đúng,” tôi đáp. “Tôi xin lỗi quá, thế này thực là khó coi. Tôi nghĩ là tôi mệt quá rồi. Tôi đã đi đường rất nhiều mấy ngày qua, ông hiểu không?”

Tối giờ người kia đã đi chừng hai mươi phút, nhưng tôi ngồi lại đây trên băng ghế để chờ sự kiện diễn ra vừa mới đây - tức là đèn sáng trên cầu tàu. Như tôi vừa nói, niềm hân hoan của những người tiêu khiển tập hợp lại trên cầu tàu này khi đón chào sự kiện nhỏ ấy thiên về xác nhận tính đúng đắn trong lời của người đối thoại với tôi; đối với phần đa mọi người, buổi tối là phần thích thú nhất trong ngày. Như vậy, có lẽ lời khuyên của ông ta cũng có chút nào hợp lý, rằng tôi nên thôi nhìn lại quá nhiều, rằng tôi nên chọn lấy một cái nhìn tích cực hơn và cố gắng tận hưởng càng nhiều càng tốt quãng tàn ngày để lại cho

tôi. Suy cho cùng, chúng ta có bao giờ được gì khi cứ mãi mãi ngoài lại trách móc bản thân nếu đời mình thành ra lại không hẳn như mình mong muốn? Hiển nhiên, thực tế khắc nghiệt là những người như quý vị và tôi chẳng có mấy lựa chọn ngoài trừ đặt số phận mình, xét đến cùng, trong tay những nhân vật vĩ đại đứng ở trục thế giới mà ta phục vụ. Có ích gì khi người ta trần trở quá nhiều rằng mình đã có thể hay chẳng thể làm gì để nắm giữ tiến trình của cuộc đời mình? Hẳn nhiên nếu những người như quý vị và tôi ít nhất cũng *gắng* khiến phần công sức nhỏ bé của mình góp vào những gì thực sự chân chính và đáng giá, thì cũng đủ rồi. Và nếu có ai trong chúng ta sẵn sàng hy sinh nhiều điều trong đời để theo đuổi những tâm nguyện ấy, thì hẳn nhiên chính bản thân việc ấy, bất chấp kết quả có ra sao, cũng đáng tự hào mãi mãi nguyện rồi.

Tiện nói thêm, vài phút trước, ngay sau khi đèn bật, tôi có ngoài lại trên ghế một lát để nhìn kỹ hơn những đám người chen chúc đang cười cười nói nói sau lưng tôi. Người đi dạo trên cầu tàu này thuộc đủ lứa tuổi: các gia đình mang theo con nhỏ, các cặp vợ chồng trai gái, cả trẻ lẫn già, tay khoác tay. Có một nhóm chừng sáu bảy người tụ tập đằng sau tôi vài bước khiến tôi khá tò mò. Cũng tự nhiên, ban đầu tôi đã mặc định họ là một nhóm bạn bè rủ nhau đi chơi tối. Nhưng lắng nghe câu chuyện giữa họ, tôi nhận ra họ là những người lạ chỉ vừa gặp phải nhau ở chính nơi đằng sau lưng tôi đây. Xem ra là, tất cả bọn họ đều dừng chân chốc lát chờ đèn bật, và rồi sau đó cứ vậy bắt vào trò chuyện với nhau. Hiện thời trước mắt tôi, họ đang cùng cười hơn hở. Thực lạ lùng là con người có thể rất nhanh chóng nồng ấm với nhau như thế. Cũng có thể đơn giản là những con người này cảm thấy đồng điệu với nhau vì niềm trông đợi buổi tối đang tới. Nhưng mặt khác, tôi khá tin rằng chuyện đó có liên quan tới cái kỹ năng bông lơn này thì đúng hơn. Giờ đây nghe họ nói chuyện, tôi thấy được họ trao đổi với nhau hết câu bông lơn này đến câu bông lơn khác. Tôi đoán đây mới chính là cách người ta ưa bông lơn với nhau. Thực tế, rất có thể người đối thoại với tôi trên băng ghế lúc trước đã có ý muốn tôi đối đáp

bông lơn với ông ta - như vậy thì hẳn là tôi đã phụ lòng ông ta một cách kém cỏi. Rất có thể quả là đã đến lúc tôi nghiên cứu nhiệt tình hơn cái vấn đề bông lơn này. Suy cho cùng, người ta cũng đâu có gì là xuẩn ngốc nếu buông mình vào việc đó - đặc biệt nếu như bông lơn đúng là chìa khóa mở ra tình nồng ấm giữa người với người.

Thêm nữa, tôi nhận ra rằng bốn phận bông lơn cũng hoàn toàn không phải một yêu cầu vô lý mà người chủ có thể trông đợi ở một quản gia. Đương nhiên, tới nay tôi đã dành khá nhiều thời gian lo rèn giữa trình độ bông lơn của mình, nhưng cũng có thể tôi vẫn chưa giải quyết nhiệm vụ này với độ tận tâm cần thiết. Như vậy, có lẽ khi trở về Dinh Darlington ngày mai - bản thân ông Farraday sẽ còn vắng nhà thêm một tuần nữa - tôi sẽ bắt đầu luyện tập với một nỗ lực mới. Như thế, tôi có thể hy vọng tới thời điểm ông chủ trở về, tôi đã ở vào vị thế có thể khiến ông bất ngờ một cách vui lòng.

- (1) Ông, ngài (tiếng Đức)
- (2) Xin thứ lỗi. (tiếng Pháp)